

làng văn

45
5.1988



Chuẩn-bị kỷ-niệm
đệ tứ chu-niên
Làng Văn
tặng quà văn-nghệ
cho độc-giả mới
hoặc tái hạn sớm
(xem chi-tiết trang 94)

Xoài Tượng Lái-Thiên
ảnh Lê Quang Xuân



LÀNG VĂN PHÁT-HÀNH



- BÁN THEO GIÁ ĐỀ TRÊN SÁCH
- KHÔNG TÍNH THÊM CƯỚC-PHÍ ĐƯỜNG BỘ, THỦY
- ĐỘC-GIẢ DÀI HẠN ĐƯỢC BỐT 10 %

* TRUYỆN NGẮN :

MỘT LẦN RỜI THỜI

Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn
Giá: 8.50mỹ kim—12gia kim

TRUYỆN NGẮN NGUYỄN NGỌC NGẠN

Tác-phẩm đầu tay
7MK—10GK
11 úc kim—55 quan Pháp

BIỂN VÂN ĐỢI CHỜ

Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn
9MK—13GK—14UK—75Q

LƯC GẦN SÁNG

Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn
7MK—10GK—

SÂN-KHẤU CUỘC ĐỜI

Ng. Ngọc Ngạn.....8MK—11.5GK

CUỘC CHIẾN TÀN CHUA

Nguyễn Đức Lập.....8MK—11GK

VĂN BÚT

Tuyển tập thơ văn, Nguyễn Ngọc Ngạn, Võ Kỳ Điền, Đỗ Phan Xuân Trang Châu, Hồ Đình Nghiêm, Bắc Phong, Đỗ Quý Toàn, Hoàng Xuân Sơn, Lâm Hảo Dũng, Lưu Nguyễn Luân Hoàn, Nguyễn Đức Bạt Ngân, Nguyễn Nghĩa, Phan Ni Tấn, Vũ Kiện.....

8MK—10GK—11UK—65Q

KỶ-THÁC

Bình Nguyên Lộc7MK—10GK

CUỐNG RỪN CHUA LÌA

Linh Nguyên Lộc8MK—11GK

TÂM TRẠNG HỒNG

Bình Nguyên Lộc6MK—9GK

CƠN LỐC ĐỜI

Phan Anh.....8MK—11GK

VÒNG ĐAI XANH

Ngô Thế Vinh.....8MK—11GK

MỘT DẬM TƯƠNG THÂN

Đặng Phùng Quân—Hàn Song
Tướng8MK—11GK—12UK

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI

Nguyễn Hiến Lê10MK—14GK

MƯỜI CÂU CHUYỆN

VĂN-CHƯƠNG
Nguyễn Hiến Lê7MK—10GK

CƠN ĐƯỜNG THIÊN-LÝ

Nguyễn Hiến Lê9MK—12GK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI

Lê Tất Điều.....7MK—10GK

BỤI HỒNG

Lê Thị Huệ.....7MK—10GK

KẼ ĐUA ĐƯỜNG

Võ Kỳ Điền, *Việt Pub.*
7MK—10GK—11UK—55Q

NGỰA HỒNG TRÊN ĐỜI CỎ

Tập truyện đầu tay của Vi Khuê
7MK—10GK—11UK—55Q

VŨ ĐIỀU CỦA LOÀI CÔNG

Trần Diệu Hằng, *Làng Văn.*
8MK—11.50GK—13UK—65quan

MUA ĐẤT LẠ

Trần Diệu Hằng, *Viet Pub.*
7MK—10GK—11UK—55Q

NGỌN CỎ KHÔ TRÊN THUNG LỪNG MÙA XUÂN

(Tuyển-Tập Làng Văn I)
12 đoàn-văn của Mai Thảo,
Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến,
Nguyễn Văn Sâm, Trương Năng
Tiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn
Tất Nhiên, Hà Thúc Sinh, Nguyễn
Hữu Nghĩa, Kiệt Tấn, Hồ Trương
An, Võ Đình.

Thơ Luân Hoàn, Nguyễn Đức
Bạt Ngân, Cung Vũ, Phan Ni
Tấn, Huỳnh Liễu Ngạn, Ngu Yên
Hoàng Xuân Sơn, Lâm Hảo Dũng.
7MK—10GK—11UK—55Q.

TRĂNG ĐẤT KHÁCH

(Tuyển-Tập Làng Văn 2—18 cây
bút nữ hải-ngoại ;

Vân : Thiếu Mai, Nguyễn Thị
Vinh, Huyền Châu, Thanh Phương
Vi-Khuê, Túy Hồng, Nguyễn thị
Hoàng-Bắc, Phan thị Trọng Tuyển
Trần Diệu Hằng, Cao Bình Minh
Lê Thị Huệ, Nguyễn thị Ngọc-
Nhưng, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn
thị Ngọc-Lan.

Thơ : Tuệ Nga, Trần Mộng Tú
Trần thị Núi Sông, Đặng thị Quế
Phượng, Vũ Quỳnh Hương.

Phụ-bản : 3 nhạc-phổ Phan Ni
Tấn, từ thơ Trần Mộng Tú, Đặng
thị Quế-Phượng và Vũ Quỳnh
Hương.
15 MK—20GK—22UK—120Q

NGỌN HẢI-ĐĂNG MŨ

Mai-Thảo, *Làng Văn*
10MK—14GK—16UK—80Q.

TRẦM MẶC CÂY RỪNG

Võ Hồng, *Văn-Nghệ.* 7MK—10GK

SÔNG MỸ SÔNG VIỆT

Huỳnh Hữu Cửu, *Văn*
6.5MK—9GK—10UK—55Q

XỬ SẮM SÉT

Võ Đình8MK—11.5GK

THẮNG NGƯỜI CÓ ĐUÔI

Thế Giang.....10MK—14GK

XUÔI DÒNG

Ng. Mộng Giác. 7MK—10GK

ĐÊM RỜI CÙNG ĐI QUA

Ng. thị Ngọc Nhung., MK—11GK

DÂU BẾ

Phạm Qu. Bảo ..8MK—11GK

MÙA HÈ MỘT NƠI KHÁC

P.T.Tr. Tuyển. 10MK—14GK

NGÀY THÁNG

BỆNH-BÔNG
Nguyễn Văn Sâm8MK—11GK

CÂU HỒ VĂN TIỀN

Nguyễn Văn Sâm8MK—11GK

ĐỜI TỪNG MẠNH

Phạm Quốc Bảo8MK—11GK

ANH PHẢI SỐNG

Khái Hưng4.5MK—6.5GK

ĐỘI MŨ LỆCH

Khái Hưng4.5MK—6.5GK

KHỨC TIÊU AI-OÁN

Khái Hưng4.5MK—6.5GK

GIÓ ĐẦU MÙA

Thạch Lam9MK—12.5GK

CHIỀU HỒM LỖ CHUYẾN

6MK—8.5GK

HỒN Bướm MƠ TIỀN

4.5MK—6.5GK

NẮNG TRONG VƯỜN

Thạch Lam5MK—7GK

CHIẾC LƯ ĐỒNG

MẮT CUA
Nguyễn Tuấn5MK—7GK

CHỚP BỂ MƯA NGUỒN

Tô Hoài.....5MK—7GK

CHUỘT THÀNH-PHỐ

Tô Hoài.....4MK—6GK

HOA VÒNG VANG

Đỗ Tấn.....5MK—7GK

QUÊ HƯƠNG

Nguyễn Tuấn.....6MK—8.5GK

* THƠ

BÌNH-MINH CẨM

Ng.Đ. Bạt Ngân7MK—10GK

HỒNG-TRẦN

Cung Vũ, *Làng Văn*
7MK—10GK—11UK—40Q.

CỎ BIẾC

Cung Vũ, *Làng Văn*
7MK—10GK—11UK—55Q.

THƠ TỬ

Duyên Anh.....5MK—7GK—8UK

THƠ NGUYỄN TẤT-NHIÊN

5MK—7GK—8UK—40Q

CHUÔNG MƠ

Nguyễn Tất Nhiên.....6MK—8GK

ĐỜI BỎNG DUNG THỪA

Hà Huyền Chi, *Nam Á*
5.5MK—7.5GK—8.50UK

CÔI BUỒN TRÊN TA

Hà Huyền Chi.....5MK—7GK

THƠ CAO TẦN

Văn-Nghệ6MK—8GK

HÓA RA NÉT CHỮ LÊN ĐĂNG QUẤN QUANH

Ngu Yên, *Văn Nghệ* 6MK—8GK

TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG

Ngu Yên, *Văn-Nghệ* 8MK—11GK

VIÊN SỎI QUÊ HƯƠNG

Hàn Song Tướng6MK—8GK

CƠN SÁNG TẠO

Nguyễn Hải Hà6MK—8GK

CHIM QUYỀN LẠC NGÀN

Thái Tú Hạp5MK—7GK

QUÊ NGƯỜI

Hoài Việt, *Việt Bình*
7MK—8GK—10UK—60Q

CÂY LÁ PHẬN NGƯỜI

Trần Thiện Hiệp, *Viet Pub.*
6MK—8GK—9UK—50Q

QUÊ-HƯƠNG NƯỚC MẮT

Quốc-Nam, *Đông-Phương*
7MK—10GK—11UK—55Q

TÂM SỰ KẼ SANG TẦN

Vũ Hoàng Chương... 4MK—6GK

CHÂN TRỜI CŨ

Hồ Dzếnh5.5MK—7.5GK

YÊU DẤU PHƯƠNG XUA

Nguyễn Văn Hưng
8MK—11GK—12UK—65Q

YÊU EM, MÙA XUÂN

Trịnh Gia Mỹ
8MK—11GK—12UK—65Q

* TRUYỆN

THIẾU-NHI :

TẮM CẨM

Nguyễn Thị Nhuận, Ng.T.Hợp
5MK—7GK—8UK—40Q

MỤC KIẾN LIÊN

Việt, Anh, Pháp—Cung Vũ, Vi-Vi,
Bạch Thái Hà, Thụy Hương.
4MK—5.5GK—6UK—35Q

TIỀN ĐƯỢC

Nguyễn Hữu Bào và Vi -Vi
2MK—3GK—3.50UK—20Q.

ĂN KHẼ TRẢ VẰNG

Truyện Cung Vũ, Vi-Vi minh-hoà
4MK—5GK—6UK—30Q.

* TRUYỆN DÀI :

SAU LẦN CỦA KHÉP

Nguyễn Ngọc Ngạn, *Văn Lang*
10MK—12GK—14UK—85Q

NƯỚC ĐỤC

Nguyễn Ngọc Ngạn, *Việt Pub.*
17MK—22GK—25UK—135Q

MÀU CỎ ỬA

Nguyễn Ngọc Ngạn, *Chiêu Dương*
9MK—12GK

TÌNH YÊU LINH-MỤC

T.N. Quỳnh Giao, *Đông Phương*
12.5MK—17GK

HỢP-LUU

Hồ Trương An, *Văn-Nghệ.*
7MK—10GK—11UK—55Q.

PHẤN BƯỚM

Hồ Trương An, *Viet Pub.*
12MK—16GK—18UK—90Q.

MỘT LẦN LẦM-LỖ

(bộ 2 tập), Sĩ Trung
16MK—22GK—24UK

MỘT NGƯỜI NGA TẠI SÀI-GÒN

Duyên Anh.....8.50MK—12GK

SỎI ĐÁ NGẬM-NGỦI

Duyên Anh.....8.5MK—12GK

XUÂN BUỒN THẨM

(Những Ngày Cuối-Cùng của Việt-
Nam Cộng-Hòa).
Nguyễn Vũ8.50MK—12GK

GIẶC CỜ ĐỎ I

Nguyễn Vũ8.5MK—12GK

GIẶC CỜ ĐỎ II

Nguyễn Vũ8.5MK—12GK

TRẬN CHIẾN CHUA TÀN

Nguyễn Vũ12MK—15GK

KIỂM ĐẠO

Nguyễn Đức Lập, *Hoa Gấm*
8MK—11.5GK—13UK—65Q

KIỂM ĐẠO II

Nguyễn Đức Lập, *Hoa Gấm*
8MK—11GK—13UK—65Q

QUÁN TRỢ TRƯỚC CỔNG THIÊN-ĐƯỜNG

Duyên Anh.....8.5MK—12GK

NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY

Nguyễn Xuân Hoàng, *Người Việt*
10MK—14GK—16UK—80Q

NHỮNG NGÀY VUI

Khái Hưng4.5MK—6.6GK

ĐẸP

Khái Hưng5.5MK—8GK

HAI BUỔI CHIỀU VÀNG

Nhất Linh.....4.5MK—6.5GK

NHÀ NGHÈO

Tô Hoài.....6MK—8.5GK

NỬA CHỪNG XUÂN

Khái Hưng và Nhất Linh
5.5MK—7.5GK

THOÁT-LY

Khái Hưng5.5MK—7.5GK

làng văn



The Vietnamese Monthly Magazine
Published 12 times a year

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6N 5B9, Canada

Tel. (416) 534-4857

ISSN 0832-1922 — Legal Deposit No 310578

Volume 4 — No. 45 — May 1988

TRONG SỐ NÀY :

"Cải-Cách Nguyễn Văn Linh", Thay Bình Hay Đổi Rượu ? N.H.Nghĩa	2
Tin Văn	4
Tin Việt-Nam	5
Trong Làng	6
Ngoài Ngõ	6
Vụ Án Chính-Trị, Cựu Trung-tả Không-quân Phạm Đăng Cường	7
Sống Sốt, Bắc Phong	10
Chức Thư Trần Trọng Kim, Thế Uyên	12
Thơ Cao Tiêu	15
Thơ Bắc Phong	16
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh	19
Hồ Xuân Hương, Dương Thượng Ngã	20
Người Cúi Mặt, truyện ngắn Hồ Trường An	23
Thơ Nguyễn Phước Nguyên	25
Bóng Hồng Trên Bãi Rác, truyện ngắn Thanh Phương	28
Thơ Hoàng Xuân Sơn	31
Nói Chuyện Với Trịnh Gia Mỹ, Nguyễn Lê	32
Cơn Mưa Không Dứt, truyện ngắn Trịnh Gia Mỹ	34
Thơ Trịnh Gia Mỹ	35
Vượt Biên-Giới, truyện ngắn Ngọc Khôi	37
Thơ Nguyễn Văn Ngọc	39
Thơ Tuệ Nga	40
Thơ Luân Hoán	45
Thơ Hoàng Bảo Việt	49
Búp Bê Ngày Xưa, truyện ngắn Ngô Nguyên Dũng	50
Thơ Ngô Nguyên Dũng	53
Thứ Bảy, Xóm Tàu, Xóm Việt-Nam, Phan thị Trọng Tuyển	55
Thơ Phạm Quang Ngọc	57
Xóm Cũ : Âm Vang Trên Dòng Cửu-Long, Phạm Thăng	60
Thạch Kiềm, Tự Tình	65
Một Giờ với Nguyễn Ngọc Ngạn, Đào Huy Đán	69
Trên Lối Mòn Hậu-Chiến, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn	71
Thơ Nguyễn thị Thanh-Bình	73
Thơ Nguyễn Đức Tùng, Hoàng Chính, Áo Áo	74
Thơ Lý Bạch, Đan Quốc dịch	77
Ngát Hương Mật Ong, Hồ Trường An	80
Thơ Hà Huyền Chi	82
NHỮNG CÂY BÚT MỚI :	
Phiến Gương Thứ Sáu, Trần Vũ	84
Thơ Ngữ An, Mai Viết Thu	86
Vấn-Đề Quốc-Ca	87
Đầu Làng Cuối Xóm, Mỗ Làng Văn	91
Độc Giả Thắc Mắc, Bút Chì	93
Thư Đi Tin Lại, Nguyễn Hương	96

Ảnh bìa của Lê Quang Xuân

Chủ-nhiệm : Nguyễn Hương
Chủ-bút : Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký : Hồ Trường An

Biên-tập chủ-lực :

Bạch Thái Hà—Bắc Phong—Bùi Vĩnh Phúc—Cao Tiêu
Chữ Bá Anh—Cung Vũ—Dương Thượng Ngã—Đan Quốc
Đã Cầu—Đỗ Quý Toàn—Đào Trường Phúc—Gia Du
Giáo Chì—Hà Huyền Chi—Hạ Hồng Kỳ—Hạc Lý
Hoàng Xuân Sơn—Hồ Công Tâm—Hồ Đình Nghiêm
Hoài Châu—Huyền Châu—Huỳnh Liễu Ngạn—Lăng Nhân
Lâm Hảo Dũng—Lê Thị Huệ—Lê Tâm—Luân Hoán
Mai Thảo—Mỗ Làng Văn—Ngọc Hân—Ngọc Khôi
Ngô Nguyên Dũng—Nguyễn Nghĩa—Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Đức Bạt Ngàn
Nguyễn Hữu Bào—Nguyễn Ý Thuận
Nguyễn Mạnh Trinh—Nguyễn Việt An—Nguyễn Ngọc Ngạn
Nguyễn Phước Nguyên—Nguyễn Tấn Nhiên
Nguyễn Thanh Hùng—Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Nguyễn Hoàn Nguyên—Nguyễn Văn Sâm
Nguyễn Xuân Hoàng—Nguyễn Việt Quang—Phan Ní Tấn
Phan Thị Trọng Tuyển—Phạm Thăng—Tạ Ty—Ty Tấn
Tự Tình—Tướng Năng Tiến—Túy Hồng—Thái Tú Hạp
Thái Văn Kiềm—Thanh Phương—Trang Châu—Trần Cao Linh
Trần Diệu Hằng—Trần Quang Hải—Trịnh Y Thư—Trọng Kim
Vi Khuê—Việt Dũng—Võ Đình—Võ Kỳ Điền—Vũ Kiện

Với sự cộng-tác của :

Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Chi Điền—Cổ Thắng Giảng
Diệu Tân—Đào Hữu Dương—Đặng Thị Quế Phương
Đỗ Khánh Hoan—Hàn Song Tường—Lê Văn Phúc
Lưu Nguyễn—Lê Đình Diểu—Lê Đại Lăng
Ngu Yên—Nhật Tiến—Nhất Hạnh—Nhất Giang—Như Chi
Nguyễn Mộng Giác—Nguyễn Đình Hoà—Nguyễn Hy Vọng
Nguyễn Hùng Cường—Nguyễn Thị Vinh—Phạm Quốc Bảo
Phạm Quang Ngọc—Phạm Việt Tuyển—Quỳ Hương
Tù Nguyễn—Thường Quán—Trần Mộng Tú
Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Sanh—Tuệ Nga
Võ Phiến—Vũ Quỳnh Hương

Minh-họa :

Nguyễn Nhật Tân

Trình-bày :

Dương Thượng Ngã

Góp tranh :

Lê Tài Điền—Ngọc Dũng—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Phạm Đình Tín
Phạm Thế Trung—Thái Tuấn—Thái Tăng An
Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh :

Nguyễn Đạo Huân—Trần Cao Linh
Lê Quang Xuân—Trương Trọng Trác

Văn-Phòng Đại-Diện tại Âu-Châu
Association Culturelle Loi 1901—Làng Văn
(Village Littéraire)
M. Bạch Thái Hà
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil, France
ĐT: 34-10-26-46

Văn-Phòng Đại-Diện tại Úc-Châu
Ngọc Hân
P.O. Box 231
Villawood, NSW 2163, Australia
ĐT: (02) 726-8269

Văn-Phòng Đại-diện tại Á-châu:
Đỗ Thông-Minh
T 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115, Japan

Giá bán : Canada \$3.00—Các nước khác US\$3.00
Anh : 2 bảng—Pháp : 28 quan—Úc : 5 úc-kim

“Cải-Cách Nguyễn Văn Linh”

Thay Bình hay Đổi Rượu?

Nguyễn Hữu Nghĩa*

Trong vòng sáu tháng nay, Cộng-sản Hà-nội vận-dụng toàn-lực cả nước vào chiến-dịch tuyên-truyền về sự đổi mới của đất nước dưới chế-độ Nguyễn Văn Linh. Chiến-dịch này bao gồm cả việc tổ-chức và thổi phồng kết-quả của đại-hội văn-nghệ-sĩ tại Hà-nội, tung văn-hóa phẩm ca-tụng tình-yêu quê-hương và đôi lứa ra hải-ngoại và lợi-dụng báo-chí Việt-ngữ tại hải-ngoại để gián-tiếp đánh bóng chế-độ.

Song song với chiến-dịch bôi bẩn, phỉ-báng các văn-nghệ-sĩ chống Cộng tại hải-ngoại bằng báo VC lẫn báo ngụy-danh “quốc-gia”, Hà-nội còn tung ra loại nhạc xanh, thơ tím than mây khóc gió hoặc nói tới tình-yêu quê-hương, nam-nữ, phớt nhẹ qua những đề-tài đấu-tranh cách-mạng, nhằm tạo ảo-tượng thanh-bình về đất nước. Thơ văn Cộng-sản loại này đã xuất-hiện khá nhiều trên một vài tờ báo ngụy-danh quốc-gia, nhằm đưa các tên tuổi văn-nô làm quen với người Việt tị-nạn. Ôn-ào hơn cả, Nguyễn Văn Linh cho họp đại-hội văn-nghệ-sĩ trong nước, dựng hẳn một tấn-tuồng văn-nô công-kích chế-độ, rồi cho các báo “Việt-kiều” và báo ngụy-danh quốc-gia chạy những cột lớn, hàm ý ca-ngợi tình-trạng dân-chủ tự-do trong nước. Lần đầu-tiên từ hơn bốn mươi năm xã-hội chủ-nghĩa, người ta chứng-kiến cảnh lãnh-tự đảng bị văn-nghệ-sĩ “đấu-tố” quyết-liệt. Lạ hơn nữa, là sau hai ngày bị quần-thảo, Nguyễn Văn Linh đã “nhận lỗi”, cho rằng đảng đã đánh giá nhẹ văn-nghệ-sĩ, lãnh-đạo văn-nghệ thiếu dân-chủ, độc-đoán, áp-đặt, cơ-chế tổ-chức, chế-độ quản-lý có nhiều điểm không đúng, nhiều điều bất-công. Linh khuyên văn-nghệ sĩ không nên uốn cong ngòi bút (!) Phải công-nhận Nguyễn Văn Linh có khả-năng lãnh-hội và tuân-thủ lệnh thượng-cấp đúng mức. Từ chuyến châu hầu tại Mạc-tư-khoa cho tới ngày đại-hội không bao xa, mọi việc xảy ra đúng phong-phốc với những biến chuyển bên Nga. Nhưng nhanh quá, khéo quá hóa

vụng. Những ý-kiến chống chế-độ được phát-biểu một cách rập-ràng, thống-nhất, nghiêm-chỉnh kể trên, về hình-thức giống hệt như những lời ca-tụng chế-độ vẫn được phát-biểu đồng nhịp, y khuôn và thành-khẩn mà người ta vẫn nghe trong bất cứ một kỳ đại-hội ở bất cứ một nước cộng-sản nào. Sự chỉ-trích ôn-ào theo nhịp một cách an-toàn đó cho phép người ta kết-luận mà không sợ sai-lầm rằng, tự bản-chất sự việc, nó cũng là một sự tuyên-truyền của đảng và nhà nước không hơn không kém, một vụ quảng-cáo ồ-ạt và trơ-trẽn về món hàng cũ : dân-chủ tự-do. Quảng-cáo để quảng-cáo thôi, nhất-định chỉ là “hàng mẫu, không bán.”

Sau mấy mươi năm sống ngộp-ngựa dưới chế-độ sắt-máu, qua hàng trăm lần bị nhà nước lừa gạt, phản-xạ tự-vệ của người dân trong nước giúp họ một số công-thức để thẩm-định giá-trị mọi lời đảng cay dọa-nạt hay đường mật vuốt-ve của chế-độ. Tuy-nhiên, trong nỗi cùng-cực, dù tuyệt-vọng, họ cũng cố đưa tay gõ thối vào những cánh cửa đóng để chờ-đợi một phép lạ xảy đến. Trò lừa dối dân-chủ tự-do cứ thế lập đi đã được lập đi lập lại từ Đông Âu, Nga-sô, Trung Cộng cho tới các nước cộng-sản nhược-tiểu, và cũng không thiếu gì những nhà bác-học, văn-hóa siêu-việt phải học lấy

những kinh-nghiệm đớn-đau, có người không còn cơ-hội để sử-dụng nó nữa. Nikolai Gumilev, Osip Mandelstan, Mikhail Zoshchenko người bị hành-quyết, kẻ chết mất xác tại công-trường ở Tây-bá-lợi-á; Trương Hữu Văn, Mã Bảo bị lột trần-truong, trói bỏ chết lạnh ở công-trường Hắc long giang, Hoa-lục.

Ngay trong cộng-đồng người Việt tị-nạn tại hải-ngoại, không phải là không có những người hoặc vì không có kinh-nghiệm với cộng-sản, hoặc vì áp-dụng những luận-lý thông-thường để nhận-diện và đánh giá kẻ thù, lấy lòng quân-tử đo bụng dạ kẻ tiểu-nhân, hay còn mơ-màng về cộng-sản, nên đã lên tiếng nói tốt cho chế-độ, tiếp sức Nguyễn Văn Linh ru ngủ đồng bào về một ảo-tượng cải-cách trong nước. Vụ Linh-mục Vũ Đình Trác là một thí-dụ mới và điển hình nhất, may nhờ ơn trên soi sáng và nhờ sự sáng-suốt của Liên-đoàn Công-giáo VN tại Hoa-kỳ, mọi sự đã kịp văn-hồi ngay bên bờ vực thẳm.

Muốn biết tại sao Nguyễn Văn Linh phải diễn kịch “cải-cách”, hãy nhìn sang Mạc-tư-khoa, theo dõi những diễn-tiến chính-trị tại điện Cẩm-linh. Hai người tù bị xích chung, tất nhiên phải hội ý nhau để di-động. Sự ràng-buộc mất xích trong thế-giới đại đồng giống như qui-luật của trò chơi rồng rắn, Gorbachev là đầu, Nguyễn Văn Linh là đuôi, đầu rẽ đuôi theo, đầu ngồi, cả bộ-phận phải ngồi theo.

Tại sao Gorbachev phải bước lùi ?



Có hai lý-do chính, một là suy-sụp niềm tin về huyền-thoại cộng-sản, thứ hai, sự kiệt-quệ kinh-tế của Nga-sô.

140 năm trước đây, bản tuyên-ngôn Cộng-sản của Marx và Engels ra đời; 70 năm sau đó cuộc cách-mạng vô-sản bùng nổ tại Nga; 70 năm sau nữa, cái thiên-đường xã-hội bình-đẳng mà Marx hứa-hẹn vẫn chưa hề thấp-thoáng xuất-hiện, thế-giới đỏ vẫn đầm-đuối trong bể máu của giai-đoạn "quá độ" độc-tài chuyên-chính. Đời người quá ngắn, người ta không còn kiên-nhẫn để mài dũa tuổi xuân ra mà đánh bạc với nhà nước nữa.

Về mặt kinh-tế, chuỗi chiến-tranh bành-trướng do điện Cẩm-linh hoặc công-khai hoặc bí-mật phát-động và nuôi-dưỡng đã làm cho tiềm-năng kinh-tế của Nga bị thương-tổn trầm-trọng. Cuộc chiến-tranh xâm-lăng Nam Việt-nam, cuộc chiến Cao-miên, cuộc chiến tại A-phủ-hãn cùng việc chạy đua nguyên-tử với Hoa-kỳ đã khiến nền kinh-tế của Nga bị suy-kiệt. Con số 3 tỉ mỹ-kim chiến-phí cung-cấp cho chiến-trường A-phủ-hãn năm 1987, đã khiến Gorbachev phải quyết-định lui binh vào năm 1988, chứng-tỏ sự suy-diễn trên đây không phải là vô căn-cứ.

Tiến quân dễ, lui quân rất khó. Lui thế nào cho quân không vỡ, các siêu-

cường không thừa cơ đánh úp, và dân-chúng trong các nước bị sáp-nhập liên-bang xô-viết không thừa thế vùng dậy đòi độc-lập, tự-chủ?

Ông trùm ở điện Cẩm Linh tung ra một loạt từ-ngữ, với những ý-nghĩa mới-mẻ đối với giáo-điều Karl Marx: cởi mở, tái-thiết, nói lỏng, dân-chủ-hóa v.v. Cái bánh khổng-lồ mới lại được vẽ vờ. Thiên-đường đỏ đã được tô lên một lượt phấn hồng, những lời hứa hẹn đã được sửa lại câu văn, giọng đọc, có khi có chút nhạc đệm nữa!

Màn trình-diễn dân-chủ tự-do không dừng lại ở đó, Gorbachev đã cho lung-kiểm, in lại hàng loạt những tác-phẩm bị ngăn-cấm trước đó, những tác-phẩm đã đưa tác-giả của nó vào cùm. Anna Akhmatova, Andrei Platonov, Yevgeny Zamyatin, Vasily Grossman, Boris Pasternak, v.v. được nhà nước ca-ngợi và mang sách của họ ra in.

Khốn thay, Gorbachev không thuyết-phục nổi dân Nga, nhưng lại khiến cho nhiều chính-khách của các nước tự-do vỗ tay reo hò, làm như sa-tăng đã rụng đuôi, gãy sừng, mọc cánh bay lên như thiên-thần, sau khi đọc được đôi bài diễn-văn mới-mẻ, hay tạm ngưng tay chém giết.

Tình-trạng ở Việt-nam cũng xảy ra tương tự như vậy. Sự bất hợp-tác của công-nhân, nông-dân trong nước, cộng với chính-sách kinh-tế lạc hậu của nhà nước, nạn tham-nhũng lan tràn đã khiến công-khố, kho-tàng trống rỗng, sự bùng-vỡ của những cuộc cách-mạng lật-đổ bạo-quyền chuyên-chế không còn là một viễn-ảnh nữa, không cần bị Nga-sô cưỡng-bách, Hà-nội cũng bắt buộc phải tạo cho xã-hội một không-khí để thở giả-tạo để trấn-an dư-luận, giải-tỏa phần nào những ấn-ức dồn-nén trong dân-chúng, đồng-thời đánh lừa công-luận thế-giới, tạo điều-kiện thuận-lợi cho cuộc vận-động viện-trợ và bang-giao với các nước giàu mạnh Tây-phương.

Qua đại-hội văn-nghệ và báo-chí, truyền thanh, truyền hình trong nước, Nguyễn Văn Linh đã bí-mật dàn cảnh cho văn-nô cùng cơ-quan truyền-thông nhà nước lên tiếng công-kích chế-độ. Các lời công-kích ấy đã được nhà nước nghiên-cứu, soạn-thảo cẩn-thận, trước khi trao cho văn-nghệ-sĩ phát-biểu, và sau đó được in lại nguyên-văn trên các báo VC tại hải-ngoại. Mặt khác, trong khi Gorbachev cho in *Bác-sĩ Zivago*, *Trái Tim của Loài Chó*, *Nền Móng*,

Nguyễn Văn Linh cho in sách của Tự Lực Văn Đoàn, thơ Bút Tre và cả một số bài trước đây phổ-biến trong các tạp-chí *Nhân Văn* và *Giai-Phẩm*.

Nhưng cũng như Gorbachev, tấn kịch khéo-léo của Nguyễn Văn Linh không lừa được tất cả mọi người. Ngoại-trừ một số máy khen, máy chửi được bấm nút điều khiển như Lưu Quang Vũ, Nguyễn Quang Mạnh, v.v., những người bị tước bút, hay những người được đảng cho phép cầm bút trong nước đều e-dè,

Vụ *Trăm Hoa Đua Nở* ở Hoa-lục đã làm cho nửa triệu người mất mạng. Khi Khrushchev hô-hào cải-cách, chung sống hoà-bình, dân-tộc Hung-gia-lợi hưởng-ứng, đòi độc-lập cho xứ-sở, liền bị Hồng-quân đàn-áp. Tại Việt-nam, sau vụ cải-cách ruộng đất làm chết 50.000 người, Hồ Chí Minh cho "nới tay" một chút, văn-nghệ-sĩ vừa kêu ca được một vài lời ôn-hòa, kỷ-luật, đã bị tổng ngay vào trại khổ-sai, nhiều người mất mạng.

Hồ dữ không thể biến thành con trâu hiền-lành, hữu-ích được. Những lời ôn-ào công-kích của đám cò mồi dân-chủ tự-do giả hình trong nước không phải là dấu-hiệu chính-xác báo hiệu sự đổi mới, từ cộng-sản thành tự-do. Ngày nào còn hàng trăm trại khổ-sai, nhà tù, còn mấy mươi sư-đoàn bộ-đội chiếm-đóng các nước láng-diềng, còn kinh-tế mới, còn chính-sách hộ-khẩu, còn đồng-bào vượt biển, ngày ấy còn chế-độ bạo-ngược, hà-khắc. Cho đến khi nào các đảng-phái quốc-gia đối-lập thực-sự được hoạt-động công-khai, dân-chúng được hưởng những quyền làm người căn-bản như di-chuyển, cư-trú, ngôn-luận, kinh-doanh, bầu-cử ứng-cử, v.v., ngày ấy chúng ta mới có thể bảo rằng Việt Cộng có thiện-chí tạo một đời sống ổn-định cho nhân-dân trong nước.

Hiện-tại, "Cải-cách Nguyễn Văn Linh", cũng như vụ *Trăm Hoa Đua Nở* dưới triều-đại Mao Trạch Đông tại Hoa-lục trước kia, và vở hài-kịch đổi mới của Gorbachev ngày nay, thực-chất hoàn-toàn không có gì mới lạ: binh cũ, rượu cũ, chỉ có lời rao hàng là mới.

* Trích một phần bài nói chuyện của NHN tại Institut Franco-Vietnamien, Paris, ngày 22.4.1988, với Trung-Tâm Văn Bút VN tại Âu-châu, Tổng Hội Sinh-viên VN và ban biên-tập, thân-hữu *Làng Văn* tại Paris.





Tin Văn

KHÁNG-CHIẾN A-PHÚ-HÃN KHÔNG TIN GORBACHEV

Trong bài "Gấu Sẽ Buông Tha Ta?" (Will the Bear Leave Us Alone?), tờ *Giải-Phóng A-phú-hân* xuất-bản tại Toronto trong số mới nhất đã tỏ ra không tin vào lời hứa rút hết Hồng-quân Nga ra khỏi A-phú-hân, như Gorbachev đã tuyên-bố trước đây không lâu.

Bài báo viết, kháng-quân A-phú-hân đã cho "Con Gấu" một bài học để đời, với thương-tích trăm-trọng. Năm 1987, Nga thiệt mất 270 chiếc máy bay, kể cả MIG's, Su's, trực thăng võ trang và hoả-tiến Mujahideen, trị giá tổng-cộng 2,7 tỉ mỹ-kim. Món tiền ketch-sù này, cộng với 700 triệu quân-phi cung-cấp cho 115.000 lính, tổng-cộng, Nga đã tiêu-phi 3 tỉ mỹ-kim, chỉ riêng cho chiến-trường A-phú-hân trong năm 1987.

Cuộc chiến này đã khiến Nga cơ-hồ chết ngạt về kinh-tế, và còn làm cho tinh-thần Hồng-quân sa-sút.

Chính vì những điểm bất-lợi đó, để tự cứu-vãn, Nga bắt-buộc phải rút quân ra khỏi quốc-gia này. Tuy-nhiên, với bản chất thâm-độc cố-hữu của Cộng-sản, điện Cẩm-linh sẽ lưu lại toàn bộ kế-hoạch chính-trị nhằm lũng-đoan an-ninh, khủng-bố, chia-rẽ dân-tộc A-phú-hân. Gorbachev đã phát-động kế-hoạch phân-ly tôn-giáo và sắc-tộc tại A-phú-hân, ngấm-ngấm cấy lại những mầm-mống phản-loạn để làm đầu cầu tình-báo, gián-điệp và phá-hoại, để có cơ-hội tái-chiếm nước này khi Nga-sô lấy lại được thế thăng-bằng về kinh-tế.

HOA-KỲ ĐỔ BỘ HONDURAS

Quân-lực Hoa-kỳ đã đổ bộ lên lãnh-thổ Honduras hôm 17.3.1988 vừa qua. Tổng-thống Daniel Ortega, tổng-thống Nicaragua—tức chủ-tịch bạo-quyền Sandinista cộng-sản—đã khước-bác lời yêu-cầu rút quân khỏi biên-giới

Nicaragua-Honduras, ngược lại, Ortega lớn tiếng đe-dọa sẽ "loại trừ quân Mỹ." Hai phần-lực chiến-đấu cơ của Honduras đã dội bom dữ-dội xuống vùng biên-giới nói trên để yểm-trợ cho cuộc đổ bộ.

Vụ Mỹ đổ bộ lên Honduras khiến hàng trăm dân nhà giàu ở Beverly Hills (Los Angeles) tổ-chức biểu-tình chống chính-phủ, với khẩu hiệu "No more Vietnam War!" Jim Wright, phát-ngôn viên Hạ nghị viện Mỹ lên tiếng chỉ-trích TT Reagan về việc đưa 3.200 quân Mỹ tới Honduras, gọi là "hành-động nguy-hiểm và không đúng luật."

Tin từ Trung Mỹ cho biết, quân bạo-quyền Sandinista đã bắt đầu tấn-công kháng-chiến Contras đóng quân dựa lưng vào biên-giới Honduras. Cũng nên nhắc lại, trong năm, hai lần Quốc-hội Mỹ bác bỏ đề-nghị quân-viện cho kháng-chiến quân tự-do Contras, đồng-thời cấm CIA không được yểm-trợ họ. Thái-độ của Quốc-hội Mỹ khuyến-kích bạo quyền CS làm mạnh, dốc toàn lực tấn-công tiêu-diệt lực-lượng Contras khiến TT Reagan phải phái quân đi cứu-viện. Hàng loạt phi-cơ vận-tải C-41 đã đổ lính Mỹ xuống căn-cứ Không-quân Palmerola cách vùng giao-tranh 125 dặm. Phía Nicaragua CS có 6.000 quân.

Thái-độ cứng rắn của TT Reagan khiến CS Nicaragua bắt đầu chùn bước. Sau hai ngày gia-tăng nhịp độ tấn-công không đạt được kết-quả, Ortega, bộ-trưởng Quốc-phòng CS đã chịu hòa-đàm với kháng-chiến quân hôm 21.3 vừa qua. Cuộc hòa đàm diễn ra tại một quán ăn cạnh xa-lộ xuyên Mỹ (Pan American Highway) sát lãnh-thổ Costa Rica. Trong phái-đoàn Sandinista CS có Bộ-trưởng Quốc-phòng Humberto Ortega, em ruột Chủ-tịch Daniel Ortega; và lãnh-tụ dân-chính của kháng-quân tự-do, là Adolfo Calero, Alfredo Cesar và Aristides Sanchez.

Trong khi đó, lực-lượng hỗn-hợp Hoa-kỳ và Honduras đã mở các cuộc "thao-diễn quân-sự" tiến sát tới biên-giới Nicaragua.

Tại thủ-đô Managua, 14 tổ-chức chống-đối chính-quyền CS tiếp-tục đòi sửa 17 điều-khoản trong hiến-pháp để bảo-đảm việc dân-chủ-hóa.

Tại Hoa-kỳ, một số đại-biểu Quốc-hội đang soạn một bản dự-thảo mới, chấp-thuận viện-trợ 48 triệu mỹ-kim cho kháng-chiến Contras cùng các trang-bị quân-sự cần-thiết.

THÁI: QUÂN CUBA THAM-CHIẾN TẠI LÀO

Tư-lệnh Lục-quân Thái-lan lên tiếng tố-cáo trước công-luận thế-giới về sự có mặt của bộ-đội Cuba tại chiến-trường Thái-Lào. Thái tuyên-bố sẽ càn-quét toàn-diện vùng giao-tranh.

TÀU MARY VỐT ĐƯỢC 40 NGƯỜI

Tin từ Hội Y-sĩ Thế-giới tại Pháp cho biết, tàu Mary đã về tới Tân-gia-ba vào lúc 10 giờ tối 4.4.1988, mang theo 40 thuyền-nhân vừa được vớt trên biển đông.

Tin chi-tiết cho hay, sau hơn một tuần-lễ hiện-diện ở vùng hoạt-động tại hải-phận quốc-tế, dọc theo Vũng tàu và Côn-sơn, chiếc tàu không hề trông thấy bất cứ một thuyền bè tị-nạn nào, ngược lại, trên biển dày đặc chiến-đỉnh Nga và CSVN. Hô-tống hạm La Jeanne của Pháp và các trực thăng quan-sát cố-gắng tìm kiếm nhưng không có kết-quả. Tàu quay mũi về hải-phận Thái-lan, cũng chỉ thấy tàu đánh cá của Thái chi-chít trên biển. Đoàn quay phim của hệ-thống American Broadcast Corporation đang thất-vọng, hệ-thống điện báo của tàu lại hỏng, bộ tham-mưu chiến-dịch đành quyết-định cho tàu về bến thì phát-giác một chiếc thuyền tị-nạn trôi dạt-dờ trong hải-phận Mã-lai, với 40 người trên thuyền đang hôn-mê.

Tất cả thuyền-nhân được cứu-vớt lên tàu trước ống kính của truyền hình ABC. Họ cho biết bị Mã-lai xua-đuổi trở ra khơi, thuyền hỏng, nước uống và lương-thực đã cạn từ 10 ngày nay, trẻ con đang hấp-hối thì may gặp được tàu Mary. Các thuyền-nhân tốt phước này sẽ được tái định-cư tại Pháp, trong số 300 chiếu-khán nhân-đạo của chính-phủ nước này.

Tin Việt Nam



THI-SĨ NGUYỄN CHÍ THIỆN CHẾT TRONG TÙ

Thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện, tác-giả tập *Bản Chúc Thư của Một Người Việt-Nam* hay *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực* đã chết trong lao-tù Cộng-sản tại miền Bắc Việt-nam.

Nhà thơ sinh năm 1933 tại phố Hàng Bột, Hà-nội, lớn lên tại Hải-phòng.

Năm 1958, ông xuất-bản tập-san *Vi Dân* không xin giấy phép của CS nên bị bắt đày lên Yên-bái "cải-tạo" 2 năm.

Năm 1960, ông được phóng-thích, sang năm 1961, tham-gia nhóm Đoàn-kết, một tổ-chức chống Cộng. Bị bắt lần nữa, ông bị đày lên Yên-bái và Yên-hòa thuộc tỉnh Phú-thọ.

Năm 1964, ông được thả ra, vẫn kiên-nhẫn đi tìm những người đồng tâm đồng chí tiếp-tục theo-đuổi lý-tưởng tự-do. Lần này, ông bị bắt đưa đi "cải-tạo" vô thời-hạn, từ Yên-hòa, Yên-phú, Tân-lập, Phú-thọ, Hồng Cá, trại Mo, Phong-quang, Lào-kay.

Năm 1978, sau khi chiếm gọn miền Nam, VC cho thả bớt tù, nhà thơ được cho về "quản-chế" tại Hà-nội.

Ngày 2.4.1979, ông chạy tới sát hàng rào tòa đại-sứ Anh-quốc tại Hà-nội, trao vội bản-thảo một tập thơ chép tay cho nhân-viên ngoại-giao. Tập thơ lọt qua được bức màn sắt, và thi-sĩ trở lại nhà lao. Bộ Ngoại-giao Anh-quốc chuyển tập thơ tới ban Việt-ngữ đài phát-thanh BBC Luân-đôn. Ban này chuyển lại cho tạp-chí *Văn-Nghệ Tiền Phong*. Tập thơ chẳng may bị một cộng sự viên của tờ báo đánh cắp ra khỏi toà soạn, nhưng rồi cũng tới được tay đồng bào. Nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ một lúc 20 bài trong tập thơ, gọi là *Ngục Ca* và ông gọi Nguyễn Chí Thiện là *Ngục sĩ*.

Trung tâm Văn bút Thế giới đã mời Nguyễn Chí Thiện làm hội viên danh dự.

Văn Bút và Ân-xá Quốc-tế ráo-riết vận-động cho Nguyễn Chí Thiện được xuất-ngoại, như trường-hợp một số nhà văn, nhà thơ chống Cộng tại Nga-sô trước đây. Cuộc vận-động đang tiếp-diễn thì tin Nguyễn Chí Thiện chết lọt ra ngoài, không hiểu Nguyễn Văn Linh đã ra lệnh thủ-tiêu nhà thơ, hay Hà-nội bịa ra tin Nguyễn Chí Thiện chết để khỏi phải nghe lời khiếu-tố của quốc-tế về vụ này !

VIỆT-CỘNG GIẾT LẦN-MÔN TU SĨ TRONG LAO-TÙ

Linh-mục Trần Đình Thủ, 81 tuổi, bị Việt Cộng kêu án tù chung-thân, giam chung với tu-sĩ Nguyễn Châu Đạt tại khám Chí-hòa. Cả hai đều bị cùm cả hai chân.

Thượng-tọa Thích Trí Quang bị giam không có bản án. "Phòng giam" là một góc hầm chật-hẹp, hôi-hám, ẩm-thấp, phải co người lại mới có chỗ ngồi. Cả hai chân ông đều bại-liệt.

Mục-sư Hồ Hiếu Hà, 47 tuổi, bị kêu án 8 năm tù vì tội không chịu từ-bỏ tín-đồ.

VC CHỐNG LẠI VIỆC PHONG THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT-NAM

Trong một bài diễn-văn gay-gắt, Nguyễn Quang Huy, Chủ-tịch Ủy ban Tôn-giáo Nhà Nước đã lên án đức Giáo-hoàng John Paul đệ nhị và tòa thánh La-mã về quyết-định phong thánh cho 117 vị Chân-phúc Tử đạo Việt-nam vào ngày 19.6.1988 tới đây.

Hà-nội cho rằng, quyết-định phong thánh đã "gây nhục-nhã cho hàng giáo-phẩm và giáo-dân Việt-nam."

BÀ NĂM SA-ĐÉC QUA ĐỜI

Bà Năm Sa-đéc, đã qua đời tại thành Hồ, thọ 83 tuổi.

Cũng tin về những nghệ-sĩ kẹt lại,

nữ ca-sĩ Họa Mi, trong đôi chim *họa mi, sơn-ca* lò Hoàng Thi Thơ đã đào thoát tại Paris, nhân dịp theo đoàn văn-công thành Hồ trình-diễn tại đây. Họa Mi tên thật Trương Thị Mỹ, sinh năm 1955.

Mặt khác, nhạc-sĩ Duy Khánh cũng đã thoát được tới đảo Bataan, Phi-luật-tân, sẽ đoàn-tụ với em gái tại Hoa-kỳ.

MỘT HÌNH-THỨC BÁN DÂN

Nhằm kiếm thêm ngoại-tệ, nhà nước CSVN vừa nghĩ ra việc cho phép dân-chúng xuất-ngoại đi thăm thân-nhân, chữa bệnh hay du-học tự-túc. Dĩ-nhiên là trước khi đi, thân-nhân ở ngoại-quốc phải nộp tiền "thế thân" bằng ngoại-tệ, nếu người đi không trở lại, nhà nước sẽ được tiền.

Hơn ai hết, VC biết rõ, bất cứ ai có cơ-hội ra khỏi nước đều không bao giờ trở lại, và với dân-số 62.000.000 người, với ít nhất 10 triệu người có thân-nhân ở ngoại-quốc, chỉ cần bán đi 2 triệu người, với giá 10.000 mỹ-kim một đầu, nhà nước sẽ thu được 20 tỉ mỹ-kim. Ngành ngoại-thương này không cần tới một đồng vốn !

VC HUY-ĐỘNG 17.800

TÙ CẢI-TẠO

ĐÁP ĐƯỜNG CHIẾN-LƯỢC

Hà-nội đã cho tập trung 17.800 người trong số tù cải-tạo tại miền Bắc, chuyển sang Hạ Lào để xây-đắp hai con đường chiến-lược.

Theo tin ký-giả *Michael Thome* trên tờ *Le Monde*, hai con đường trên dẫn từ Savanaket tới Tchépone, nối với Khe Sanh; và từ Paksé tới Saravane dài 140 cây số, dẫn tới vùng tam-giác vàng ở Bắc Thái, tổng hành dinh của Thái-cộng. Theo mô hình, các con đường xuyên rừng núi đủ rộng cho hai xe molotova vận-tải hỏa-tiễn, trọng-pháo và quân-dụng có thể tránh nhau dễ-dàng.

Vẫn theo tin từ *Le Monde*, 1/3 số tù cải-tạo làm đường đều bệnh tật vì thiếu ăn và nhiễm sơn lam chướng-khí của núi-rừng. Nhiều cải-tạo-viên đã tìm cách bỏ trốn, nhưng vì không biết đường, thiếu lương-thực, sức khỏe kém, một số gục chết dọc đường, một số bị bắt và bị hành hình ngay tại chỗ.

Sau đợt 17.800 người này, VC sẽ huy-động thêm để xúc-tiến kế-hoạch này, vốn bị bỏ dở trước đây vì dân-công làm không nổi.

Trong Làng



ĐÊM "CHINH-PHỤ NGÂM" TẠI SAN JOSE, CALI, HOA-KỲ

Nhạc-sĩ Cung Tiến vừa ra mắt đồng-bào tại San Jose trong một chương-trình ca-nhạc trang-trọng, đêm *Chinh Phụ Ngâm*, hôm 27.3 vừa qua tại phòng khiêu-vũ lữ-quán Red Lion tại San Jose, trước 500 khán-giả.

Chương-trình gồm liên-khúc *Vang Vang Trời Vào Xuân*, thơ Trần Kha, Cung Tiến soạn nhạc, Mai Hương, Quỳnh Giao trình-bày với tiếng dương-cầm của Nghiêm Phú Phi.

Phần chính của chương-trình là hợp-tấu-khúc *Chinh Phụ Ngâm* cũng của Cung Tiến, do ban nhạc thính-phòng của nhạc-trưởng Leo Eylar III từ Cựu-kim-sơn đến, với 21 nhạc-công người Hoa-kỳ.

Mặc dù là ban nhạc tây-phương, song với những nốt nhạc của Cung Tiến, tài điều-khiển của Leo Eylar III, đặc-biệt là tiếng vĩ-cầm của Randy Weiss, hơi *ai* và hơi *oán* của nhạc Việt đã được diễn-tả thần-tinh, với sự phụ-họa của thụ-cầm, kèn oboa, trung hồ cầm, sáo tây.

Phần thứ ba của chương-trình gồm các ca-khúc của Cung Tiến qua tiếng

hát Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao với sự phụ-họa của ban nhạc đại-hòa-tấu San Jose.

Đêm *Chinh-Phụ Ngâm* kéo dài hai giờ, diễn-tiến liên-tục và lôi-cuốn, là một chương-trình có giá-trị nghệ-thuật.

SINH-HOẠT HUNG-CA

Nữ nhạc-sĩ Nguyệt Ánh, tổng thư-ký Phong-trào Hưng-ca Việt-nam đã sinh-hoạt với đoàn Hưng-ca tại Knoxville thuộc tiểu-bang Tennesy, Hoa-kỳ ngày 1.4 vừa qua. Ngoài các thành-viên Hưng-ca, còn có anh chị em hội Sinh-viên VN tại Atlanta và hội Thanh-niên, Sinh-viên, Học-sinh Tennesy.

Nhân dịp này, chị Nguyệt Ánh đã nói về chương-trình ngắn hạn của Phong-trào trong năm 1988 và 1989, mô-thức và kỹ-thuật sinh-hoạt nhóm, đoàn cùng một số vấn-đề chuyên-môn khác. Buổi sinh-hoạt kéo dài năm giờ liên-tiếp. Sau đó, nữ nhạc-sĩ đã bay thẳng xuống New Orleans để sinh-hoạt với đoàn Louisiana.

Tại đây, chị đã cùng nhạc-sĩ Trương Sĩ Lương, cô Hoàng Nga và các anh em Hưng-ca Louisiana xuất-hiện trong hai buổi trình-diễn trước công-chúng tại hội-quán Kim Long, vào tối 1.4 và 2.4.1988 vừa qua. Chương-trình rất thành-công, với số đồng-bào tham-gia đông đảo mặc dù cả thành phố đang bị nạn lụt đe dọa, nhiều đường phố bị tắc nghẽn vì mưa lũ.

Vào dịp Quốc-kháng 30 tháng 4 này, Phong-trào Hưng-ca Việt-nam phân-công thành ba nhóm công-tác, cùng một mục-tiêu là phổ-biến ca-nhạc đấu-tranh, khơi dậy và nuôi dưỡng tinh-thần dân-tộc trong cuộc chiến-tranh đối-kháng Cộng-sản, giành lại non sông.

Nhóm thứ nhất do anh Nguyễn Xuân Nghĩa, đoàn-trưởng đoàn Hưng-ca Nam Cali hướng-dẫn, sinh-hoạt tại Fresno, thuộc tiểu-bang California, Hoa-kỳ. Thành-phần nòng-cốt trong toán công-tác này có nhạc-sĩ Việt Dzũng, nữ nhạc-sĩ Khúc Lan, nhạc-sĩ Trọng Nghĩa (từ Gia-nã-đại), Triệu Phổ (từ San Jose) và đoàn Hưng-ca Nam Cali.

Nhóm thứ hai công-tác tại Houston, và Dallas, thuộc tiểu-bang Texas, Hoa-kỳ, do nhạc-sĩ Huỳnh Công Ánh hướng-dẫn, với nhạc-sĩ Trương Sĩ Lương, Hoàng Nga (từ New Orleans)

và Diễm Chi (từ Nam Cali).

Toán công-tác thứ ba sẽ có mặt sinh-hoạt tại Âu-châu trong hai tháng 4 và 5.1988, gồm nhạc-sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa (từ Gia-nã-đại), nhà văn Đào Trường Phúc (từ San Jose), nữ nhạc-sĩ Nguyệt Ánh (từ Virginia), Nhật Tùng, Tuấn Minh, và Tuyết Mai (từ Nam Cali).

Chương-trình công-tác tại Âu-châu còn có sự tham-gia của anh Từ Nguyên và nhạc-sĩ Trần Quang Hải tại Paris. Tại Hòa-lan có sự tham-gia của nhạc-sĩ Nguyễn Quyết Thắng. Hai anh Từ Nguyên và Trần Quang Hải là cố-vấn về thanh-niên và cổ nhạc của Phong-trào. Anh Nguyễn Quyết Thắng là Đại-diện PT tại Âu-châu.

Theo chương-trình đã vạch, đoàn công-tác sẽ tổ-chức nhạc-thoại vào chiều thứ sáu 22.4.1988 tại Institut Franco-Vietnamien, số 269 rue St. Jacques, quận 5, Paris. Chương-trình này do Văn-phòng *Làng Văn* Âu-châu, phối-hợp cùng Tổng Hội Sinh-Viên Việt-Nam tại Paris và Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam tại Âu-Châu. Anh Nguyễn Hữu Nghĩa, Phong-trào trưởng Hưng-ca, sẽ trình-bày đề-tài *Ý-Thức Về Sự Xâm-Nhập của CSVN Trong Lĩnh Vực Văn Hoá*. Anh Đào Trường Phúc, PT Phó Nội-vụ nói về *Hưng Ca, Lịch Sử, Ý Nghĩa và Bước Đường Công Tác*. Sau phần nhạc thoại là sinh hoạt văn nghệ do toán công tác Hưng Ca tại Âu châu, cùng các thân hữu của Phong trào tại Paris đảm trách.

Sau đêm Paris, toán công-tác sẽ lên đường đi Bruxelles (Bỉ), Dusseldorf, Dormund, Hamburg (Tây Đức), Copenhagen (Đan-mạch), Stockholm (Thụy-điển), Oslo (Na-uy) và Amsterdam (Hoà Lan).

Ngoài các toán công-tác kể trên, các đoàn Hưng-ca khác tại Úc và Mỹ-châu sẽ đóng-góp công-tác chung với các đoàn-thể địa-phương trong ngày 30 tháng 4 này.

NGUYỄN NGỌC NGẠN VÀ "SAU LẦN CỦA KHÉP" TẠI CALI

Nhân chuyến đi nói chuyện tại Nam Cali, nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đã ghé ngang thành-phố San Jose, Bắc Cali để trình làng cuốn *Sau Lần Cửa Khép*, ấn-phần mới nhất của anh vừa do Văn Lang xuất-bản, *Làng Văn* phát-hành.

Buổi sinh-hoạt được tuần-báo *Thăng Mỗ* tổ-chức vào lúc 3 giờ trưa

ngày 9.4.1988 tại quán Thăng Bờm, đường First, San Jose.

Hơn 100 thân-hữu và độc-giả cùng 40 văn-nghệ-sĩ, báo-chí tới dự, gồm nhiếp-ảnh-gia Trần Cao Linh, các nhà văn Giao Chỉ, Đào Trường Phúc, Đào Khanh, Hải Bằng, Phạm Lễ, Quốc Nam. Khách xa tới có GS Nguyễn Văn Khanh (từ thủ-đô Hoa-thịnh-đốn), ký-giả Nhất Giang (Úc), nhà văn Hà Thúc Sinh (San Diego), Hồ Văn Xuân Nhi (Nam Cali), cùng nhiều người tiếng tăm khác.

Chương-trình do Trần Chí Phúc điều-khiển. Đóng-góp tiếng hát trên sân-khấu có Mai Hân, Diễm Châu, Thanh Mai, Lê Huy, Huỳnh Lương Thiện, Bùi Duy Long v.v.

Vì đường xa, tác-giả chỉ mang theo được 100 cuốn sách mới in, còn thơm mùi giấy mực, đã bán hết veo trong 15 phút đầu chương-trình, trước sự ngăn-ngor của ban tổ-chức và thân-hữu.

Sau Làn Cửa Khép là một truyện dài loại tiểu-thuyết phóng-sự xã-hội, dày 240 trang in đẹp, bìa offset bốn màu tranh Vi-Vi, minh-họa của Nguyễn Nhật Tân—là ấn-phẩm thứ mười của Nguyễn Ngọc Ngạn, nhưng là xuất-phẩm đầu-tiên của cơ-sở Văn Lang do chính anh cùng Nguyễn Hương, Khâu Tú Lan thành-lập và điều-hành.

Theo chương-trình, truyện dài xã-hội chủ-nghĩa *Trong Quan-Tài Buồn* sẽ in xong vào tháng 6.88 và ra mắt tại thủ-đô Hoa-kỳ vào tháng 7 này.

Các bạn thích đọc Nguyễn Ngọc Ngạn có thể hỏi mua tại các nhà sách gần nhất, hay gửi chi-phiếu về *Làng Văn*.

"VĂN THƠ CHO ANH" CỦA CHIM HẢI, ÚC-CHÂU

Tập thơ trình-bày nhã và đẹp, gồm 61 bài thơ, 112 trang, cơ-sở *Việt Luận* phát-hành, tranh bìa, phụ-bản, trang-

trí (rất nhà nghề) của chính tác-giả.

Buổi sinh-hoạt ra mắt tập thơ của Chim Hải đã được tổ-chức tại đàm-trường Tự-Do, Cabramatta hôm 2.3, với sự góp giọng của Bích Thủy, Ngọc Hân, Thảo Hằng, Phạm Quang Ngọc, Đăng Lan, Gia Du, và nhiều bạn văn khác.

Tập thơ sẽ được phát-hành tại Bắc Mỹ và Âu-châu vào mùa hè này, xin đón xem thư-mục *Làng Văn*.

THƠ TRƯỜNG TU

Tiếp-tục nói về thơ, thi-sĩ lão-thành Trường Tu, 76 tuổi, cũng đã cho ấn-hành tập *Thơ Trường Tu* tại Úc-châu, đã bày bán tại các hiệu sách.

Trường Tu tên thật là Mai Văn Đức, quê tại Nam-nghĩa, Nam-định, dòng-dõi cách-mạng, học Hán-văn từ nhỏ, tham-gia Việt-nam Quốc dân đảng từ khi đảng trưởng Nguyễn Thái Học còn sống.

Thơ Trường Tu cổ-kinh, nghiêm-chỉnh, nặng lòng yêu nước.

"NGÀY ANH YÊU EM" TẠI SYDNEY, ÚC-CHÂU

Trong chương-trình đóng-góp sáng-tác vào sinh-hoạt văn-học nghệ-thuật tại hải-ngoại, nhạc-sĩ Phạm Quang Ngọc, trưởng đoàn Hưng-ca tại Sydney vừa cho ra mắt tuyển tập thơ nhạc *Ngày Anh Yêu Em*, gồm 30 bài thơ, 24 ca-khúc và một bài thơ Phạm Quang Ngọc do Nguyệt Ánh soạn thành ca-khúc.

Phạm Quang Ngọc sinh năm 1942 tại làng Phú-nhi, Sơn-tây (thỉnh-thoảng vẫn ký bút-hiệu Phú Nhi), bắt đầu viết văn, làm thơ, soạn nhạc từ sau 30.4.1975, ngày mất nước.

Anh vượt biên tới Úc năm 1983, cộng tác với các báo *Chiêu Dương*, *Chuông Sài-gòn*, *Việt Luận* và *Làng Văn*; và tác-giả của các tập *Tuyển Tập*



Nhạc-sĩ Phạm Quang Ngọc,
đoàn trưởng Hưng-ca Sydney.

Thơ Văn Nhạc (1984), *Ta Phải Thấy Mặt Trời* (1986). *Ngày Anh Yêu Em* là ấn-phẩm thứ ba của anh, do Hưng Ca Sydney ấn-hành.

Sinh-hoạt ra mắt tập *Ngày Anh Yêu Em* đã được tổ-chức tại đàm-trường Tự-Do, Cabramatta, ngoại-ô Sydney, Úc-châu hôm 26.3.1988, với sự hiện-diện của báo-chí, đoàn-thể, anh em văn-nghệ và nhiều viên-chức chính-quyền, với sự trình-diễn của đoàn Hưng-Ca Sydney và thân-hữu.

"MÙA XUÂN YÊU EM" ĐÃ PHÁT-HÀNH

Thi-tập *Mùa Xuân Yêu Em* của Trịnh Gia Mỹ đã được bày bán tại các hiệu sách, là một trong những tập thơ đẹp của năm 1988 với trình bày bìa của Vinh Quý, tranh bìa Nguyễn Khai, phụ-bản tranh Nguyễn Khai, Võ Đình, Vũ Thái Hòa, ảnh Trịnh Gia Mỹ do Thái Đắc Nhã, Việt Publications xuất-bản, *Làng Văn* tổng phát-hành.



Từ phải sang trái : Phạm Quang Ngọc, Thảo Hằng, Ngọc Hân, (.), Chim Hải, Bích Thủy và thân-hữu.



Chim Hải

Yêu Em Mùa Xuân dày 120 trang in trên giấy *parchtone* màu xanh trổng sáo, gồm 45 bài thơ.

Viết về thơ Trịnh Gia Mỹ, GS Lưu Trung Khảo ghi: "Thơ Trịnh Gia Mỹ đã đi thẳng vào tâm-hồn người yêu thơ và để lại một dư-vị ngọt-ngào thấm-đượm như dư-vị một chén trà sen buổi sớm thu."

Nữ-sĩ Vi Khuê cho rằng "đôi khi Trịnh Gia Mỹ làm liên-tưởng tới Nhã Ca ở những bài dễ thương nhất, thành-công nhất."

Cung Vũ nhận-xét: "Thơ Trịnh Gia Mỹ tựa cánh hạc bay lướt trên gió cát phương Nam, nhắc nhớ tới hình-ảnh *độc hạc xuất phong-trần* của Nguyễn Du khi bàn về thơ Vi, Lư đời Đường."

Ngòai Ngõ



NGÀY VIỆT-NAM ĐAU-THƯƠNG TẠI STRASBOURG, PHÁP

Cộng-đồng Người Việt Tị-nạn tại Âu-châu do ông Lai Thế Hùng làm chủ-tịch sẽ tổ-chức *Ngày Việt-Nam Đau-Thương 30.4* tại Strasbourg, thủ-đô Âu-châu vào hai ngày 30.4 và 17.5.1988.

Ngày thứ bảy, 30.4.1988, biểu-tình lúc 14 giờ 30 tại trụ-sở Quốc-hội Âu-châu. Đêm hội-thảo và văn-nghệ đấu-tranh lúc 20 giờ cùng ngày tại thính-phòng Marseillaise, số 34 đại-lộ Clémenceau, Strasbourg, kéo dài tới 6 giờ sáng hôm sau, 1.5.

Ngày 17.5, Cộng-đồng tổ-chức họp báo quốc-tế về vấn-đề thuyền-nhân tại trụ-sở Quốc-hội Âu-châu lúc 15 giờ.

BIỂU TÌNH TRƯỚC TÒA BẠCH ỐC

Khoảng 600 đồng-bào đã biểu-tình trước tòa Bạch-ốc hôm 26.3.1988 vừa qua để thỉnh-cầu tổng-thống Reagan

can-thiệp cứu-vớt người Việt tị-nạn ra khỏi vùng tử-địa Thái-lan.

Đại-sứ hồi-hưu Lowman, nữ nhạc-sĩ hưng-ca Nguyệt Ánh đã xuất-hiện khoảng năm phút trên diễn-đàn với một bài diễn-văn ngắn và một ca-khúc viết về thuyền-nhân, đã khiến hầu hết mọi người rơi lệ.

Đại-diện tòa Bạch-ốc ghi-nhận lời thỉnh-nguyện của đoàn biểu-tình, hứa sẽ trình lên Tổng-thống Reagan để cứu-xét.

TT VĂN BÚT VN HẢI-NGOẠI HỌP TẠI VIRGINIA, HOA-KỲ

Trung-tâm Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại đã họp ba ngày liên tiếp tại Virginia, cạnh thủ-đô Hoa-thịnh-đốn hôm 1, 2 và 3.4.1988 vừa qua.

Đại-hội qui-tụ 3 thành-viên từ Âu-châu sang và khoảng 50 người khác tại Hoa-kỳ và Gia-nã-đại, đã quyết-định lưu-nhiệm luật-sư Trần Thanh Hiệp vào chức chủ-tịch, cùng chức thủ-quỹ, kỳ dư các nhiệm-vụ khác đều bãi miễn, thay bằng 5 ủy-ban để điều-hành Trung-tâm, trong khi chờ họp đại-hội bầu ban chấp-hành chính-thức vào năm tới 1989 tại Gia-nã-đại.

Trung-tâm Văn Bút VN Hải-ngoại đã hoạt động liên tiếp 13 năm nay, ngay sau ngày mất nước.

"DU-LỊCH VN", 37 NGƯỜI BỊ BẮT TẠI TÂN SƠN NHẤT

Trong khi Nguyễn Tú A viết phóng-sự, quảng-cáo "du-lịch VN hoàn-toàn vô sự" trên tờ *Việt Press* của ông ta, hãng thông tấn Kyodo của Nhật bản từ Sài gòn loan tin 37 người Việt Nam từ Tây Âu về thăm nhà trong dịp Tết vừa qua đã bị công-an VC còng tay, tổng lên xe cây ngay từ phi-trường Tân Sơn Nhất. Trong số người bị bắt, có 5 người là cựu công-chức và sĩ-quan VNCH, 7 người tình-nghi liên-hệ các tổ-chức chính-trị tại hải-ngoại, số còn lại vì dấu ngoại-tệ trong người trên mức ấn-định là 30 mỹ-kim mỗi "du-khách."

Công-ty du-lịch thành-phố đã xin yết-kiến tướng Nguyễn Hữu Trí, Giám-đốc Sở Công-an Thành-phố để can-thiệp, nhưng không có kết-quả. Vụ bắt-bớ này khiến một công-ty du-lịch ngoại-quốc ký khế-ước với VC phải đình-chỉ chuyến đi kế-tiếp gồm 107 người ngay sau đó. Tờ *France Soir* viết

thêm về vụ này: *Những thủ-tục qui-định đã ghi rõ việc bảo-vệ an-ninh và tự-do cho du-khách, khi nhà cầm quyền CS cho phép nhập-cảnh. Những vụ trở mặt, phản lại lời ước định này sẽ có hậu-quả khó-khăn hơn cho dịch-vụ du-lịch VN trong tương-lai (tin Ngày Nay).*

Trong khi đó, tin từ Toronto cho biết, hai chủ tiệm kim-hoàn người Việt trở về du-lịch VN đã bị CS bắt đòi tiền chuộc mạng. Một người đã được CS thu-xếp, điện-thoại qua Gia-nã-đại cho thân-nhân nộp 50.000 gia-kim và đã được thả. Gia-đình kia về bốn người, bị đòi 180.000 gia-kim, không còn thân-nhân nào ở lại Toronto, không có ai để nhờ nộp tiền nên vẫn còn kẹt trong tù. Cả hai tiệm vàng này đều nằm trên đường Dundas W., Toronto.

TORONTO: LỄ THƯỢNG-KỲ QUỐC-KHÁNG 30.4.1988

Lễ thượng-kỳ nhân dịp kỷ-niệm Quốc-kháng 30.4 năm nay sẽ được tổ-chức vào lúc 2 giờ trưa ngày thứ bảy 30.4.1988 tại tòa thị-sảnh Mississauga, City Centre Dr., khu Square One, Mississauga. Buổi lễ có sự hiện-diện của thị-trưởng Mississauga, các đại-diện hành-pháp và lập-pháp tiểu-bang.

Đồng-bào cư-ngụ trong vùng Toronto và phụ-cận hãy tích-cực tham-ngày lễ này. Điện-thoại liên-lạc: 275-9143 hoặc 270-1568.

GIỖ TỔ TẠI TORONTO

Đồng-bào tị-nạn VN vùng Toronto và phụ-cận sẽ tổ-chức giỗ Tổ ngày 17.4.1988 tại Erindale Community Centre, 1620 Dundas St. W., Mississauga. Chương-trình gồm tế-lễ theo nghi-thức cổ-truyền, văn-nghệ và hưởng lộc, vào cửa tự-do.

ỦY-BAN CHỐNG KINH-TÀI VÙNG TORONTO

Một ủy-ban chống kinh-tài CS đã được chính-thức thành-lập và hoạt-động tại Toronto hồi cuối tháng 3.88 vừa qua, do ông Lê Văn Dương, cựu chủ-tịch CĐNVTD vùng Mississauga làm chủ-tịch, với sự tham-gia của Liên-minh Dân-chủ VN, MTQGTNGP VN, các hội-đoàn và báo-chí VN trong vùng Toronto. Ủy-ban đã tích-cực phân-phối truyền-đơn, tài-liệu chống kinh-tài CS và du-lịch VN, đẩy mạnh công-tác giải-thích, kêu-gọi quần-chúng hưởng-ứng chiến-dịch này.

UẤT-ỨC VÌ BỊ CHỤP MŨ CỘNG-SẢN,
HAY DƯỚI ÁP-LỰC THẨM-KHỐC NÀO ?

Một Vị Cựu Trung-Tá Nguyên Chủ-Tịch Hội Ái-Hữu Không-Quân QLVNCH tại Houston Tự-Tử Chết

- . *Tướng Kỳ và tướng Minh sẽ bay sang Texas dự "Đêm Không-Gian" tưởng-niệm đồng-đội.*
- . *Sự thật sẽ được phơi-bày trước dư-luận, luật-pháp và công-lý.*

* Kim Hà, đpv Làng Văn tại Hoa-kỳ

Cựu Trung-tá Phạm Đăng Cường, 47 tuổi, nguyên phi-công phản-lực-cơ F5, cựu hội-trưởng Hội Ái-hữu Không-quân VN tại Houston đã nhảy cầu xa-lộ tự-tử chết lúc 10 giờ sáng ngày 11.3 vừa qua.

Nhân-chứng vụ tự-tử là vợ chồng ông L.H., bạn ông Cường, cũng là một phi-công F5 trước đây.

Theo lời khai của ông H. trước cảnh-sát cuộc, vào sáng hôm ấy, ông H. lái xe, cùng vợ đi vợ qua xa-lộ 59, khúc Southwest Freeway, chợt trông thấy chiếc Oldsmobile đời 1979 của ông Cường tông vào những thùng làm vật cản trên xa-lộ. Ông H. dừng xe lại, hỏi ông Cường có cần giúp gọi xe kéo không. Ông Cường rất bình-tĩnh, băng qua xa-lộ tới gần vợ chồng ông H. Ông nói với đôi vợ chồng bạn: "Họ chụp mũ tôi là Cộng-sản, trong khi suốt đời tôi chống Cộng, xin anh minh-oan cho tôi." Nói xong, ông Cường leo qua thành cầu và lao người xuống mặt

đường tự-tử chết tốt trước sự sững-sờ của ông bà L.H.

"Họ" là ai, ông Cường không nói rõ, và cảnh-sát cũng không tìm thấy thư tuyệt-mạnh hay giấy-tờ liên-hệ lưu lại.

Ông Phạm Đăng Cường, bút-hiệu Người Nhận Trắng, là một trong những cây bút trụ-cột của đặc-san *Lý-Tướng* của Hội Ái-Hữu Không-Quân VN tại Houston.

Trước đó, đặc-san này trong số Xuân Mậu Thìn đã đăng bài *Vàng Rơi Không Tiếc* của nhà văn Đào Vũ Anh-Hùng, bàn về vụ Phó Đề-đốc Hoàng Cơ Minh "chết". Bài báo này khiến thành-bộ Houston của Mặt Trận QGTNGPVN bất-bình, gửi văn-thư tới Hội Ái-Hữu Không-Quân để phản-đối, cho rằng việc cho đăng bài báo nói trên chỉ có lợi cho bọn văn-hóa vụ và tay sai bạo-quyền VC tại hải-ngoại.

Theo các người còn sống, ông Cường là một trong những người chủ-trương cho đăng bài *Vàng Rơi Không Tiếc* của nhà văn, cũng là cựu phi-công

Đào Vũ Anh-Hùng.

Sau khi bài báo ra mắt độc-giả, tư-gia của ông Cường (cựu hội-trưởng) và ông Trần Văn Nghiêm, đương-kim Hội trưởng đều bị đột nhập, lục soát, nhưng chỉ mất vài món lặt-vật không đáng giá.

Trong thời-gian trước khi tự-tử, ông Cường thường than-trách với bạn-bè rằng "người ta" chụp mũ ông là CS, trong khi ông là thành-viên hoạt-động trong Liên-minh Dân-chủ Việt-nam, và trước kia ông từng vào sinh ra tử bảo-vệ lý-tưởng và danh-dự quân-chủng.

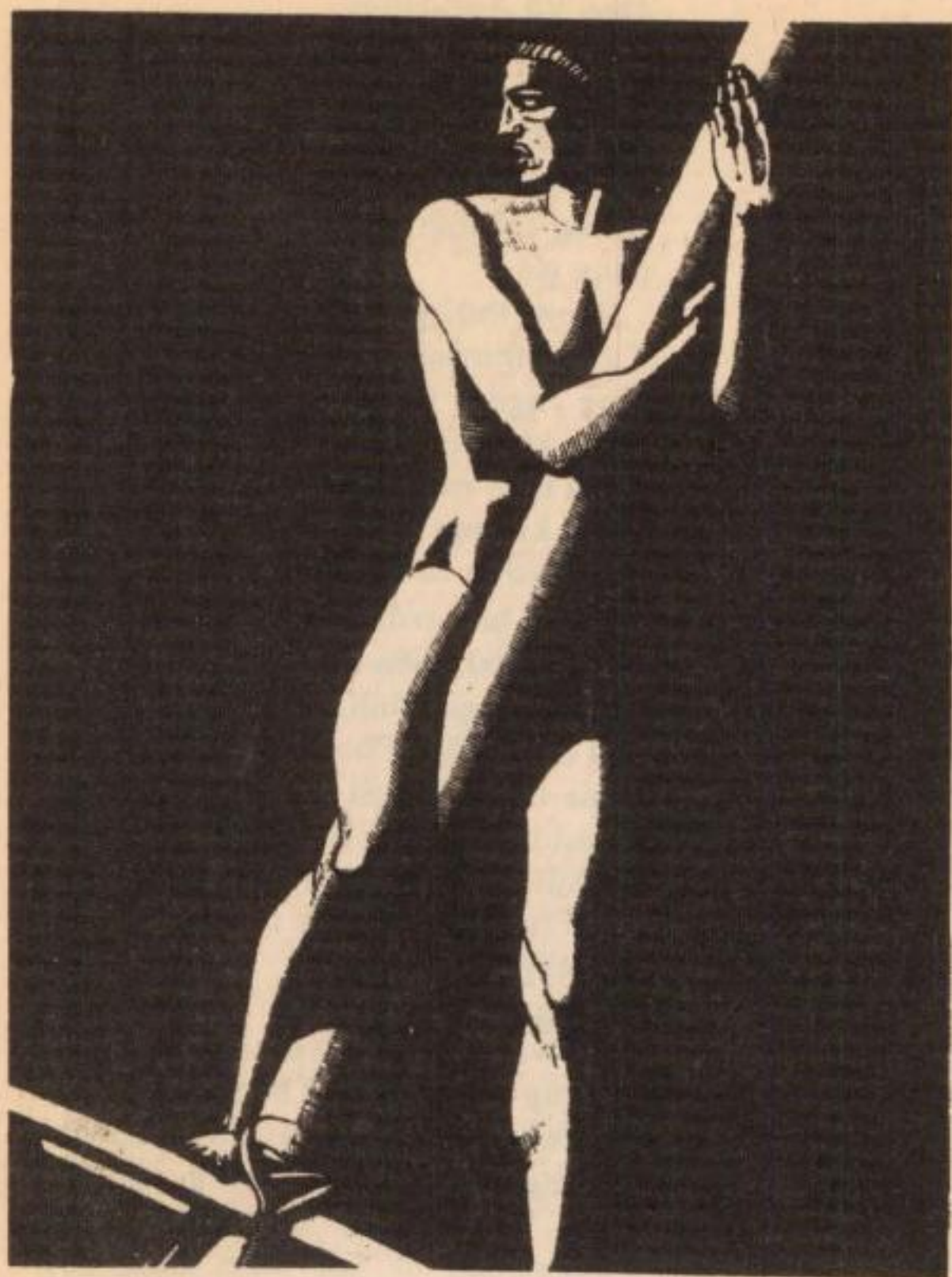
Dưới bầu trời âm-đạm hôm 16.2 khoảng 200 chiến-sĩ Không-quân Việt-nam cùng gia-đình, thân-hữu đã tiễn-đưa di-cửu ông Phạm Đăng Cường về nghĩa-trang Forest Park ở phía Tây Houston. Sau đó, lễ cầu-siêu đã được tổ-chức tại chùa Linh-sơn trong vùng.

Để tưởng-niệm một chiến-hữu, vừa là sáng-lập-viên, vừa là cựu hội-trưởng, Hội Ái-Hữu Không-Quân Việt-Nam tại Houston tổ-chức chương-trình "Đêm Không-Gian" vào đầu tháng 4.1988 để gây quỹ giúp gia-đình người quá-cổ. Cựu Trung-tướng Trần Văn Minh, nguyên Tư-lệnh Không-quân từ San Jose, Cali, bay sang khai-mạc chương-trình "Đêm Không-Gian" này.

Báo *Ngày Nay* tại Houston loan báo, Thiếu-tướng Nguyễn Cao Kỳ, tư-lệnh Không-quân tiền-nhiệm, trước TT Minh cũng sẽ có mặt trong "Đêm Không-Gian". Tờ báo còn loan tiếp, "một cựu tư-lệnh Không-quân sẽ công-khai hóa vụ án giết hại Trung tá Phạm Đăng Cường.

Ông tướng cựu Tư-lệnh Không-quân tuyên-bố, sẽ "nói hết sự thực" về vụ ông Phạm Đăng Cường, một thuộc-cấp cũ của ông đã bị áp-lực đến nỗi phải tự-tử chết thảm-khốc. Đồng-thời, ông nói, sẽ tổ-chức lại tờ *Lý-Tướng* làm cơ-quan ngôn-luận chính-thức cho Không-lực Việt-nam Cộng-hòa, chứ không còn là báo riêng của Hội Ái-Hữu Không-quân VN tại Houston nữa.

Bàn về bài báo của Đào Vũ Anh Hùng, ông tướng cựu Tư-lệnh Không-quân nói "đâu có gì đáng để họ phải áp-lực ông Cường tự-vẫn. Đây chỉ là trường-hợp hai người bạn phi-công chơi thân với nhau, sau một người đi lầm đường thì người kia cố-gắng cảnh-tỉnh bạn, đồng-thời cảnh-giác các thanh-niên khác để khỏi lầm đường lạc lối mà thôi."



Sống-Sót...

Bắc Phong

Theo G. Will, P. Gray và R. Radosh
(điểm sách *Against All Hope* của Armando Valladares)

Thế kỷ 20 có lẽ là khoảng thời gian mà bóng những nhà tù đồ dài trên khắp mặt địa cầu. Mà thực, nó là thời kỳ của đủ loại sáng kiến quỷ quái trong chuyện cầm tù, tra tấn, biến nạn nhân thành súc vật vì những điều họ tin hay chối bỏ. George Orwell là một trong những người đã nhìn thấy trước cơ nguy và loan báo nó trong cuốn *Nineteen Eighty-Four*. Trớ trêu, thế giới lại không thiếu những bọn độc tài đã đọc cuốn sách, thay vì như những lời cảnh cáo, lại xem nó như một cẩm nang đàn áp. Rồi khi sự thật được những kẻ sống sót khai ra thì những *gulag*, những trại tập trung cộng sản có khi còn kinh hoàng hơn cả những gì Orwell đã viết.

Cuốn hồi ký tù ngục *Against All Hope* của Armando Valladares, thi sĩ người Cuba, là một chứng liệu. Cuốn sách kể lại những thảm trạng kinh khiếp mà ông đã phải gánh chịu đằng đẵng trong 22 năm qua các nhà tù của Fidel Castro. Nó được xem như một văn kiện đầy đủ nhất mà không ai có thể phủ nhận về những điều dã man đã và đang xảy ra dưới chế độ ngục tù Cuba. Trong gần 30 năm, những lời cáo giác Fidel Castro như một bạo chúa đã bị

khinh rẻ bởi hầu hết đám trí thức tả phái. Có thể là họ, những kẻ đã lãng mạn hoá vai trò cách mạng của Fidel Castro, thực đã không hay biết gì về những thảm cảnh mà ông ta đã gây ra cho chính những đồng chí và đồng bào của mình. Nhưng lời chứng của Valladares rồi sẽ đặt ra ngoài những viện cớ "tôi chẳng hay biết gì cả". Điều éo le nhưng lại như một định đề là đôi khi chỉ có đám trí thức mới chịu đi tin những lý lẽ cộng sản. Jean Paul Sartre, sau chuyến đi thăm Cuba năm 1959, đã tuyên bố với thế giới là Fidel Castro vì bị thúc đẩy bởi sự oán ghét những bất công xã hội mà chọn con đường giải phóng Cuba khỏi chế độ độc tài Batista. Tiếc là hôm nay Sartre đã chẳng còn để đón nhận những sự thật kinh hoàng từ Valladares. Castro đã xây dựng được một chế độ độc tài chuyên chính mới, một chế độ đã quyết định hợp hiến những nhà tù như một cơ cấu kèm chế xã hội.

Cuốn sách *Against All Hope* mở đầu với giai đoạn hồ hởi sau cuộc cách mạng lật đổ chế độ Batista năm 1959. Valladares lúc đó 23 tuổi, thi sĩ mới lên, làm việc cho bộ thông tin của chính phủ

cách mạng. Cái tội của gã công chức trẻ tuổi này là đã dám công khai bày tỏ những ý kiến đả phá chủ nghĩa cộng sản và đường lối lãnh đạo Cuba của Fidel Castro. Rồi chuyện gì phải đến đã đến. Nửa đêm công an gõ cửa, lục tung đồ đạc trong nhà Valladares, kết tội anh ta có những hành động phản cách mạng. Tiếp theo là một phiên xử mà trong đó viên chủ tịch toà án nhân dân ngồi đọc truyện khôi hài. Điều không may cho Valladares là anh ta đã bị từ chối án tử hình, một ân huệ dành cho không biết bao nhiêu đồng chí lầm đường của Castro. Thay vào đó, Valladares bị tuyên án 30 năm khổ sai.

Trong phần giới thiệu cuốn sách, Valladares đã ước đoán là khi những sự thật về chế độ tù ngục của Castro bị phơi bày, nhân loại cũng sẽ bị chấn động như khi tội ác của Stalin bị đưa ra ánh sáng. Nhưng làm thế nào mà một chính phủ đã hứa hẹn đem lại cho người dân một xã hội dân chủ và nhân bản lại rơi xuống chỗ tồi tệ đến như vậy? Carlos Franqui, từng là chủ bút tờ báo chính thức của cách mạng Cuba, đã nhắc lại trong cuốn hồi ký *Family Portrait with Fidel* là ông ta đã bị chấn

động khi đọc những bản báo cáo về chuyện tra tấn dã man những người tình nghi phản cách mạng. Dem chuyện này tâu với Castro, ông ta lãnh hội ngay là chính Castro đã ban phép cho bọn cai ngục. Khi Franqui trình bày những hậu quả xấu có thể xảy ra cho cách mạng, Castro đã ngắn gọn trả lời chuyện tra tấn là để hủy diệt sức đối kháng của kẻ thù và như thế là cần thiết.

Hai mươi hai năm sống trong nhà tù Cuba là khoảng thời gian sống trong địa ngục. Hồi ký của Valladares là câu chuyện của một người mà niềm tin vào ân sủng của thượng đế đã cứu rỗi và tạo nên một sức mạnh vô biên để có thể sống qua những đày đoạ quỷ quyết nhất của chế độ. Ông đã không bao giờ đánh mất hy vọng dù biết hão huyền. Valladares, giống như một số tù nhân chính trị khác, đã từ chối chuyện cải tạo tư tưởng và hậu quả là đã bị ép sống có lúc không quần áo trong một bầu khí hoặc nóng khủng khiếp hoặc lạnh buốt xương, bị tra tấn và lãng nhục thường xuyên, thỉnh thoảng có người bị đem ra bắn hay nhốt vào những "hộc tử" mang kiến trúc "đặc biệt" đến nỗi nếu đem so sánh với chúng, những chuồng cọp của miền Nam Việt Nam sẽ giống như những phòng ngủ ấm áp của một khách sạn.

Có một lần trên đảo, Valladares cùng một số đồng cảnh đã âm mưu vượt ngục. Nhưng chiếc ghe đón họ đã không bao giờ đến. Bị bắt trở lại, tất cả bị ném vào những hầm giam tối. Valladares thì bị phó mặc với cái chân gãy. Rồi chuyện trả thù cũng đến rất lạ. Ông viết: "Đám cai ngục áp giải chúng tôi về lại hầm giam, lột truồng cả bọn. Lúc bỏ đi lại để cửa mở. Nằm trên sàn đất, tôi hơi ngạc nhiên, rồi thì tiếng giày đinh nện rõ dần và đám lính cảnh vệ hiện ra với dùi cui và dây điện trên tay. Chỉ trong khoảnh khắc, đầu óc tôi quay cuồng vì đòn thù quất tới tấp vào người. Một gã lật xấp người tôi lại cho dễ đánh. Những ngọn roi điện quất xuống lưng tôi bỏng như sắt nung. Thốt nhiên tôi nghe đau xé óc, một gã cảnh vệ đã nhảy lên chiếc chân gãy của tôi bằng cả thân hình đồ sộ của gã."

Trong hầm giam, tù nhân hoàn toàn bị bóng tối vây bọc. Cai ngục thường xuyên đổ xuống cả chậu nước tiểu lẫn phân người. Tù nhân lúc nào cũng phải lấy tay gạt bỏ và chuột. Ghê lở hoành hành khắp người Valladares vì ông không được phép tắm rửa. Giấc ngủ

hầu như không bao giờ đến vì bọn cai ngục thỉnh thoảng lại chọc xuống "những cây sào Hồ Chí Minh". Valladares đau yếu luôn. Ngay cả lúc cán bộ đảng đang cứu xét chuyện thả, ông vẫn bị biệt giam với những ngọn đèn pha chiếu vào người 24 tiếng đồng hồ một ngày. Lúc đó Valladares đã phần nào bị liệt vì thiếu thuốc men và dinh dưỡng. Hai mươi hai năm, không ngày nào nhẹ nhàng hơn ngày nào. Những sáng kiến tra tấn độc ác thì mỗi ngày một gia tăng. Phần ăn có khi là bát canh lẫn miếng sắn, có khi lẫn xác chuột chết hay cả khúc ruột bò còn nguyên chất thối. Tù nhân thỉnh thoảng bị bắt ngâm mình trong hồ phân cả ngày. Nhưng làm sao Valladares và đồng cảnh có thể sống sót? Chỉ vì họ hy vọng là một ngày nào đó, câu chuyện về quãng đời tù ngục kinh khiếp của họ sẽ được kể.

Tù nhân chính trị, Valladares nhắc nhở, không phải bao giờ cũng bị đối xử một cách tàn tệ ở Cuba. Khi Fidel Castro bị bắt giam sau cuộc tấn công của ông ta vào trại lính Moncada năm 1953, ông ta được chính phủ Batista cho ăn uống tử tế, ở trong phòng giam rộng rãi, được phép nhận thư, và thỉnh thoảng còn được vợ con thăm nuôi đầy đủ. Chính Castro sau này đã viết về chuyện ngày tám hai lần, những giây phút thoải mái ngoài sân chơi, những bữa ăn có kẹo tráng miệng. "Họ làm tôi có cảm tưởng đang đi nghỉ hè", ông ta kể, "trong tù không hề thiếu điện nước, ăn uống thì đầy đủ, quần áo lúc nào cũng thơm mát, và tôi lại chẳng phải trả một đồng xu nào". Castro hiển nhiên đã học từ những kinh nghiệm thoải mái đó là không bao giờ đối xử tử tế với đám tù chính trị nếu muốn đàn áp tinh thần họ.

Đồng cảnh của Valladares gồm đủ loại — thành phần chính phủ Batista không thể cải tạo nổi, những người rao giảng ý Chúa, những ngoại nhân can tội phá hoại chính trị, và ngay cả những đồng chí cũ của Castro, những người đã từng sát cánh chung lưng với Castro trong cuộc cách mạng nhưng về sau lại bắt đồng tư tưởng và hành động. Castro đối xử với họ khác nghiệt hơn cả. Có một dịp, Valladares được tiếp xúc với một ủy viên chính trị từ thủ đô Havana xuống tham quan. Nhân vật này đã không giấu được kinh ngạc khi khám phá ra rằng những tù nhân ở đảo không phải là những kẻ giết người, hiếp

dâm hay cướp của như đã được báo cáo mà họ chính là những người thuộc thành phần cách mạng đã ít nhiều đóng góp cho chuyện lật đổ chính phủ Batista. Ngay khi bày tỏ ý kiến bênh vực tù nhân trước sự đàn áp, ông ta đã bị bắt luôn vì tội khủng hoảng ý thức chính trị.

Thực ra Valladares có thể rút ngắn giai đoạn bị cầm tù, hoặc ít ra cũng sống đỡ khổ hơn nếu ông chấp nhận đi học khoá cải tạo tư tưởng. Valladares đã từ chối vì nếu đi tức là đương nhiên phủ nhận những ý nghĩ của mình về Castro và chủ nghĩa cộng sản. Ông cũng không chịu mặc lên người bộ quần áo màu xanh dành cho bọn tù thường phạm, vì nếu mặc chúng tức là thừa nhận lời tuyên bố của Castro là không có tù chính trị ở Cuba. Một số đồng cảnh của Valladares vì sợ hãi hậu quả của sự từ chối đã đành chịu nhục. Valladares cũng chẳng buồn kết án họ. Ông viết: "Không phải ai cũng thấy con đường chiến đấu của mình là vô tận."

Cũng giống như những người Mác-xít, Valladares đã có lúc tuyên bố "thor là vũ khí tranh đấu". Trong tù ông âm thầm viết và tìm cách chuyển những sáng tác của mình ra ngoài. Tất cả, Valladares trông cậy vào vợ, người mà ông lúc mới gặp còn là một thiếu nữ và là con một người bạn cùng phòng. Bằng một cơ may nào đó, vợ của Valladares đã thoát ra khỏi xứ và kêu cứu với thế giới Tây phương về trường hợp của chồng mình. Thor của Valladares lúc xuất bản ở Tây phương đã gây khá nhiều chấn động và tạo cho ông một vị thế văn chương đối kháng nào đó. Ông được hội ân xá quốc tế lập hồ sơ, và hội văn bút quốc tế đòi thả. Áp lực bên ngoài trên Fidel Castro càng ngày càng tăng cho đến khi Tổng thống Pháp Mitterand trực tiếp can thiệp thì Castro đành phải nhượng bộ. Cuối cùng Valladares đã được thả. Nhưng ông biết và vẫn nhắc nhở thường xuyên với thế giới là ở Cuba, giờ phút nào cũng có thể có những đồng bào của ông bị bắt bớ, đánh đập hay biệt giam vì những tư tưởng chính trị khác biệt với chủ nghĩa cộng sản.

Nếu Valladares không phải là một người đối kháng Fidel Castro, có lẽ đám chính khách tả phái quốc tế đã hồ hởi bênh vực. Pierre Schori, một người trong ban lãnh đạo đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển đã từ chối xuất hiện trước công chúng với vợ Valladares vì

ông ta không muốn cung cấp cho nước Mỹ “một dụng cụ tuyên truyền”. Ông ta cùng với Regis Debray, cố vấn đặc biệt cho Tổng thống Pháp đã đề nghị bà Valladares nên áp dụng một đường lối vận động ngoại giao thâm lặng. Tại sao Castro lại được cảm tình đến như vậy? Paul Hollander, tác giả cuốn *Political Pilgrims*, nhận định là cảm tình của đám trí thức tả phái đối với Castro bắt nguồn từ một sự buồn chán. Năm 1956, sau khi Khrushchev tố cáo chính sách bạo ngược của Stalin rồi lại đưa chiến xa đàn áp dân Tiệp, Sô viết hết còn là điểm tựa chính trị của họ. Họ nhìn quanh tìm kiếm một tụ điểm khác cho ý thức chính trị của mình và bắt gặp Fidel Castro. Con người cách mạng trong bộ đồ du kích trông chắc chắn phải hấp dẫn hơn những lãnh tụ mặc com-lê xám lạnh lùng.

Chế độ nào cũng có nhà tù. Nhưng chỉ có sự tấn công của cộng sản trên nhân quyền mới tạo nên những con người như Valladares. Cuốn hồi ký của ông có thể sẽ không cảnh tỉnh được những kẻ đã quen bệnh vực Castro, nhưng ít nhất đã làm khác đi bầu khí tranh luận. Cuốn sách làm đau lòng nhưng cũng có thể làm phấn chấn tinh thần người đọc. Nó còn gồm cả những chương về sự đối kháng lưng lẩy, về sự phân chất, và về tình yêu của con người. Bằng sống sót và tiếp tục viết, Valladares đã đương nhiên đứng vào hàng ngũ những người yêu chuộng tự do trong cuộc chiến đấu chống cộng. Cuốn hồi ký của ông là một tác phẩm viết bằng tất cả nỗi thống khổ của một con người. Chúng ta phải đọc vì bốn phận duy nhất — bốn phận phải đối diện sự thật dù là những sự thật tàn nhẫn và cay nghiệt.

Against All Hope, hồi ký tù ngục của Valladares, dịch sang Anh ngữ bởi Andrew Hurley, sách dày 381 trang, nhà Alfred A. Knopf xuất bản.

**Đồng-bào Việt tị-nạn
tại vùng Toronto và phụ-cận
HÃY THAM-GIA ĐỒNG ĐÁO
LỄ THUƠng-KỶ 30 THÁNG 4
NHÂN DỊP QUỐC-KHÁNG
lúc 2 giờ trưa thứ bảy
30.4.1988
tại kỳ-đài tòa thị-chính
MISSISSAUGA
City Centre Dr., khu Square One
Mississauga, Ontario**

Chúc Thư của Trần Trọng Kim

Thế Uyên

Bất cứ người dân Việt nào đã ở lại quê hương một vài năm sau 30.4.75 đều biết đến bản chúc thư của Hồ Chí Minh. Đảng Cộng sản đã phổ biến rầm rộ và rộng rãi bản chúc thư này bằng mọi phương tiện, coi như tài liệu học tập quan trọng vào hàng đầu. Nhưng với thời gian, bản chúc thư này càng ngày càng ít được nhắc tới vì hai lý do chính. Lý do thứ nhất là dân miền Nam thắc mắc về câu Hồ Chí Minh viết về cái chết sắp tới như sau: “*Đi gặp các vị Các-mác và Lê-nin*” Dân miền Nam bảo rằng khi viết như vậy, Hồ Chí Minh tin rằng có linh hồn, có kiếp sống khác sau khi con người chết đi.... Họ còn viện dẫn là đến ngày Tết nguyên đán, trong khi nhân dân khởi hương thờ cúng ông bà, thì tại các trụ sở công an cấp phường, xã nhiều nơi đã thiết lập bàn thờ HCM với đủ loại hương hoa như bàn thờ gia tiên tại các nhà dân. Dân hỏi cán bộ: đã là duy vật, sao còn thờ cúng như thế?

Lý do thứ hai là trong bản chúc thư ngắn ngủi này, HCM đã bày tỏ nỗi buồn trước cảnh hai đảng anh em mà thù nghịch nhau là đảng Cộng sản Nga và Cộng sản Tàu. Đương sự dấn dõ đảng Cộng sản Việt là phải đứng ra hoà giải để tạo sự thống nhất trong khối Cộng sản. Nhưng sau đó không lâu, Tổng bí thư Lê Duẩn và Thủ tướng Phạm văn Đồng đã qua Nga ký kết một thoả nước an ninh hỗ tương, minh định rằng ai là kẻ thù của nước này sẽ đương nhiên là kẻ thù của nước kia. Trung cộng đang thù nghịch và còn tiếp tục thù nghịch lâu dài với Nga sô, không những vì chủ nghĩa mà còn vì mâu thuẫn quyền lợi giữa dân tộc Tàu và dân tộc Nga, nên cho hiệp ước an ninh hỗ tương này là một thách thức thù nghịch, một đe dọa an ninh từ phía biên thùỵ phía nam của Trung hoa. Cộng

thêm với chính sách trục xuất người Việt gốc Hoa ra khỏi Việt Nam của đảng CSVN nữa, là đầy đủ lý do chính đáng cho Trung cộng xuất quân sang biên giới “cho Việt Nam một bài học”. Quân đội chính quy miền Bắc Việt Nam đã chặn được cuộc tấn công này, nhưng kế hoạch năm năm lần thứ nhất sau 1975 của đảng CSVN đã bể tan tành, với hậu quả còn tồn tại trong thời gian dài về sau.

Đó là nói về bản chúc thư của Hồ Chí Minh. Còn chúc thư của Trần Trọng Kim?

Cụ Trần Trọng Kim trước hết là một nhà giáo, nổi tiếng từ thời trước 1945 là một học giả với các tác phẩm biên khảo đủ loại, quan trọng nhất là bộ *Nho Giáo và Việt Nam Sử Lược*. Năm 1945, quân đội Nhật hoàng sợ chính quyền và quân đội thuộc địa Pháp ở Đông Dương sẽ trở cờ theo phe đồng minh Anh Mỹ nên đã làm một cuộc đảo chánh tại phần đất này. Quân đội Pháp thua, chính quyền thuộc địa Pháp bị hủy bỏ. Tư lệnh kiêm toàn quyền Nhật trao trả độc lập trên nguyên tắc cho đại diện Việt Nam thời đó là Hoàng đế Bảo Đại. Vị vua cuối cùng của triều Nguyễn này đã mời Trần Trọng Kim làm thủ tướng đầu tiên của nước Việt Nam hậu pháp thuộc. Chính phủ đầu tiên này không tồn tại được bao lâu: sau 19 tháng 8. 1945, Hoàng đế Bảo Đại thoái vị, trao quyền lại cho lãnh tụ phong trào Việt Minh là Hồ Chí Minh. Cụ Trần Trọng Kim đã bàn giao quyền bính lại cho chế độ mang danh Cộng Hoà đầu tiên của Việt Nam.

Dĩ nhiên là một học giả am hiểu tình hình chính trị quốc nội cũng như quốc ngoại, cụ Trần có biết thế nào là đảng CSVN cùng chủ nghĩa cũng như cách thế đấu tranh của họ, ít ra là trên lý thuyết. Nhưng từ 1945 trở về sau, cụ có hoàn cảnh để nghiên cứu kỹ hơn đảng



Cộng sản này trên thực tế. Cụ mất năm 1953 tại Đà Lạt, nhưng cũng đã đủ thì giờ viết xong một hồi ký đặt tên là *Một Con Gió Bụi* (Kiến Văn Lục), trong đó đã có đoạn ghi lại những hiểu biết, những nhận định của mình về đảng Cộng sản cũng như chủ nghĩa Mác Lê-nin. Đoạn văn này ngắn gọn nhưng thật đầy đủ, có tính cách dự tri chính trị khá chính xác, như một chúc thư. Đáng tiếc là cuốn hồi ký này mãi tới năm 1969 mới được xuất bản bởi một nhà xuất bản tài tử ít ai biết tới là nhà xuất bản Vinh Sơn, Sài Gòn. Đã thế, cái tên hồi ký lại cổ điển và cũ kỹ: *Một Con Gió Bụi*, lại còn chú giải tên Hán Việt là *Kiến Văn Lục*, làm cho mọi người đương thời dễ lầm tưởng cụ Trần đã dịch một áng văn cổ Trung hoa nào đó. Hậu quả không ai chú ý tới tác phẩm chót của Trần Trọng Kim. Ngay người viết bài này cũng vậy, mặc dù đã dạy Việt văn tới hai mươi năm và đã soạn bộ giáo khoa quốc văn cho cấp trung học, cũng không biết tới cuốn này.

Phải đợi đến đầu năm 1988, người viết tình cờ lục tủ sách của giáo sư lão thành Nguyễn Huy Dương ở Olympia, tiểu bang Washington, mới thấy bản sao cuốn *Một Con Gió Bụi*. Đọc xong mới hiểu tại sao đảng CSVN thù ghét Trần Trọng Kim, một niềm thù hận khó cắt nghĩa vì về phương diện chính trị thì chính Trần Trọng Kim không những

không chịu dùng sức mạnh của quân đội Nhật để dẹp Việt Minh, mà còn bàn giao chính quyền một cách ôn hoà cho HCM; về phương diện văn hoá lại càng khó hiểu hơn nữa vì cụ Trần có viết gì hơn ngoài các biên khảo như *Nho Giáo*, *Phật Giáo*, *Văn Phạm* và *Việt Nam Sử Lược*... Nhưng đọc *Một Con Gió Bụi* xong thì hiểu tại sao liền: cụ Trần đã để lại cho chúng ta một thông điệp, một thứ như chúc thư trong hồi ký này. Đáng tiếc là ít ai được biết, được đọc. Phải chi cuốn hồi ký này được phổ biến rộng rãi, thì tình hình có thể đã khác đi cho đất nước Việt Nam... Nhưng trễ còn hơn không: trong phần dưới đây, người viết bài này sẽ ghi lại chúc thư đó của Trần Trọng Kim, kèm theo lời chú giải để minh chứng cụ Trần đã sáng suốt, đã hiểu và đánh giá đúng đảng CSVN đến mức độ nào.

*
* *

Cộng sản đảng, theo cách tổ chức và hành động của họ, là một thứ tôn giáo mới, giống như các tôn giáo cũ cốt lấy sự mê tín mà tin, chứ không hoài nghi hay đi lệch ra ngoài. Song các tôn giáo cũ nói có cõi trời, có thiên đường là nơi cực lạc, Cộng sản ngày nay thì hoàn toàn duy vật, nghĩa là ngoài vật chất ra, không có sự tin tưởng nào khác nữa, cho thiên đường không phải ở cõi trời mà ở chính cõi trần gian này. Ai tin theo đạo ấy là phải tin lý thuyết của Các-mác và Lê-nin là tuyệt đối chân chính đem áp dụng là được sung sướng đủ mọi đường, tức thực hiện được cảnh thiên đường ở cõi đời. Còn về đường tin ngưỡng, thì đạo Cộng sản đã là đạo hoàn toàn duy vật, nhất thiết phải sùng bái những người như Các-mác, Lê-nin, Stê-ta-lin để thay những bậc thần thánh cũ đã bị truất bỏ.

Nhận định đầu tiên của Trần Trọng Kim là Cộng sản *không phải* là một chủ nghĩa khoa học, có tính cách khách quan như các bộ môn toán hay lý hoá. Điều đó hoàn toàn đúng. Mác bất quá chỉ là một triết gia của Âu châu, căn cứ vào tình hình các xã hội Âu châu đương thời, tham chiếu thêm nền văn minh cổ Hy Lạp và La Mã, mà đưa ra chủ nghĩa của mình, nhằm mục đích mang lại một xã hội lý tưởng cho loài người. Người Nga tên là Lê-nin đã mang chủ nghĩa Mác ra vận dụng vào hoàn cảnh của nước Nga cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20; sau khi thành công trong việc lấy chính quyền, đã đúc kết những suy tư vận

dụng của mình thành chủ nghĩa Lê-nin. Nhưng gì thì gì, chủ nghĩa Mác Lê-nin vẫn chỉ là một chủ nghĩa, không phải là một bộ môn khoa học. Sự đúng hay sai, hợp hay không hợp, hoàn toàn tùy thuộc ở mỗi dân tộc, mỗi thời, và rất là tương đối. Bởi thế những lãnh tụ Cộng sản đã phải nỗ lực biến chủ nghĩa của mình thành các giáo điều, biến bộ *Tư Bản Luận* của Mác, các sách của Lê-nin thành kinh Cựu ước và Tân ước, thành kinh Coran. Trong tất cả các lớp học tập, các trường học thường cũng như các trường Đảng của tất cả những nước Cộng sản, tất cả các học viên phải học Mác và Lê-nin theo kiểu các chủng sinh trong các chủng viện Thiên Chúa giáo. Nghĩa là chỉ được rón tìm hiểu các lời trong kinh sách mà thôi. Bất cứ ai tỏ ý muốn biện luận hay cân nhắc đúng sai, dù chỉ một câu ngắn, sẽ coi như đương nhiên phạm tội phản động — một tội tương đương với tội phản đạo.

Dù là Mác, Lê-nin hay Stalin, đều là những người khi còn nhỏ đã sống và học tập trong khuôn khổ của giáo hội Thiên Chúa. Bởi thế những người này đã sao chép nguyên văn tổ chức của giáo hội Thiên Chúa để tổ chức cũng như điều hành các đảng Cộng sản. Họ thay thế giáo hoàng bằng tổng bí thư đảng, thay thế hội đồng các hồng y bằng bộ chính trị trung ương đảng, thay thế các giám mục bằng các ủy viên ban chấp hành trung ương đảng, thay các cha xứ nắm cả thế quyền lẫn thần quyền kiểu trước 1789 bằng bí thư tỉnh ủy.

Cụ Trần Trọng Kim đã sáng suốt khi nhận định rằng các đảng Cộng sản phải sùng bái những người như Các-mác Lê-nin Staline để thay thế cho những bậc thần thánh cũ đã bị truất bỏ. Đảng Cộng sản Nga đã ướp xác Lê-nin để trong lăng và dùng đủ mọi phương tiện tuyên truyền cũng như văn chương văn hoá để nói rằng bất cứ ai được đến công trường Đỏ ở Moscow thăm lăng Lê-nin thì cũng hạnh phúc suốt đời như tín đồ Hồi giáo được về thánh địa Le Mecque, hay người Do Thái được về thăm miền đất Palestine cổ cội. Cụ Kim đã mất sớm, năm 1953, để không có dịp thấy nhận định của mình đã đúng thêm một lần nữa với Hồ Chí Minh. Theo một tài liệu khá chính xác được phổ biến ở miền Nam sau 30 tháng 4 năm 1975 thì một thời gian trước khi chết, Hồ Chí Minh có dặn miệng lại là sau khi chết, hãy mang thi hài lên chôn ở núi Tam Đảo và đặt ra lệ ai đến viếng phải mang

theo một cái cây nhỏ để trông cho đồi núi, vốn trơ trụi của miền này, trở thành xanh um. Nhưng các ủy viên Trung ương Đảng đâu có thể tuân theo lời giới giảng đó, cho dù lời đó là có thực, bởi vì đảng CSVN cũng rất cần một thần thánh để thờ. Chuyện xây lăng HCM với xác ướp bên trong là chuyện hoàn toàn phải xảy ra. Và dĩ nhiên sau đó thì Đảng thần thánh hoá việc thăm viếng 'lăng Bác' giống hệt như Nga xô đã làm với lăng Lê-nin. Thần thánh hoá đến mức độ một nhà văn tiền chiến như Tô Hoài đã phải viết cả một cuốn sách để ca tụng việc xây lăng Bác với những lời lẽ như: một hòn đá xanh khi được biết mình phải rời núi để về làm nền cho lăng Bác, một hòn sỏi nhỏ trong suối được lựa ra mang về trải trên lối đi dẫn vào lăng Bác, thì cả hai, nghĩa là viên đá lẫn hòn sỏi, đều đã lớn tiếng ca ngợi điểm phúc của mình... Trong các trường học ở Sài gòn, hiệu trưởng (bao giờ cũng do cán bộ ngoài Bắc vào nắm giữ) lâu lâu lại tổ chức những chiến dịch thi đua điểm cao thăm lăng Bác, theo cách thế sau: Họ tính khoảng cách giữa Hà nội và Sài gòn cho chẵn là 1800 km. Trong mỗi lớp, học sinh nào được điểm 9 hay 10 thì được trừ đi 9 hay 10 kim. Đến ngày có học sinh nào đạt tới mức trừ đi 10 km cuối cùng thì nhà trường tổ chức một buổi lễ long trọng tại sân trường để biểu dương em đó *đã được về thăm lăng Bác Hồ kính yêu*. Và dĩ nhiên ngoài xã hội thì những dân gốc *ngụy* cũ đều bị coi là thành phần lý lịch *thiếu trong sáng*, nói cách khác là kẻ dơ bẩn kẻ tà đạo, không hy vọng xin được phép vào cái lăng thần thánh đó.

Đã tin mê cái đạo ấy và đã coi lý thuyết ấy là chân lý tuyệt đối, thì ngoài cái lý thuyết ấy ra, là tà giáo, là tà đạo. Ai không tin theo và phản đối những người đứng đầu đảng, tức là những bậc giáo chủ, thì là người phản đạo, tất là phải trừng trị rất nghiêm. Vì vậy mới có sự tàn sát những người trong đảng cộng sản theo Trotsky, chủ Cộng sản Đệ tứ Quốc tế, là một chi Cộng sản phản đối Sô-vi-ét, chủ Cộng sản Đệ tam Quốc tế.

Vậy những tín đồ Cộng sản phải là những người cuồng tín và chỉ biết đời sống vật chất mà thôi, ngoài ra không còn có gì nữa. Sống có một đời rồi hết, nên ai nấy chỉ lo cho mình mọi điều thắng lợi, sá chi những điều phúc họa thiệt ác.

Về đường thực tế, cái đặc sắc của Cộng sản là không nhận có luân thường đạo lý, không biết có nhân nghĩa đạo đức như người ta vẫn tin tưởng. Người Cộng sản cho cái điều đó là hủ tục của xã hội phong kiến thời xưa, đặt ra để lừa dối dân chúng, nên họ tìm cách xoá bỏ hết. Ai tin chỗ ấy là người sáng suốt, là người giác ngộ, ai không tin là người mờ tối, là người mê muội. Vì có tư tưởng như thế, cho nên cha con, anh em, bè bạn không có tín nghĩa gì cả, chỉ biết tôn trọng chủ nghĩa của đảng Cộng sản và phục tùng những người cầm quyền của đảng, ngoại giả, giết hại lẫn nhau, lừa đảo nhau: hễ ai làm những việc mà lợi cho đảng là người giỏi, người tốt.

Trong đoạn trên cụ Kim nhấn mạnh là người Cộng sản không có luân thường đạo lý, nhân nghĩa đạo đức. Cụ nói đúng nếu hiểu đó là luân lý đạo đức của xã hội VNCH trước 30 tháng 4, 1975. Còn bao người Cộng sản hoàn toàn không có qui luật cương chế nào, thì không đúng. Người Cộng sản có những bộ kinh sách dày cộp của Mác, Lê-nin... đủ cho họ tạo ra một triết lý nhân sinh khác và một nền luân lý đạo đức khác hẳn. Một trong những điểm chính của nền luân lý này là đề cao lao động: mỗi một con người đều được đánh giá qua khả năng lao động và thành quả lao động của hần. Một người tốt là một người lao động giỏi — bởi thế trước 1976, HCM đã đặt tên cho đảng là đảng Lao Động (kể từ 1976 trở về sau mới chính thức lấy tên là đảng Cộng sản Việt nam). Những việc đề cao lao động để xác định phẩm giá con người này chỉ được dùng để giảng dạy trong học đường, để tuyên truyền tại quốc nội và quốc ngoại mà thôi. Còn trên thực tế hầu như toàn bộ đảng viên đều được đào tạo cho có ba khả năng chính: tuyên truyền vận động, chiến binh và công an tình báo. Còn khả năng lao động, xây dựng của họ rất là yếu kém. Sau 30 tháng 4, 1975, các sĩ quan VNCH phải đi cải tạo là những người đầu tiên khám phá ra các đảng viên cán bộ, kể cả bộ đội và công an, lao động rất dở. Họ trồng rau xanh thôi cũng rất xoàng, thua tài các sĩ quan *ngụy* đa số từ bé đến lớn chưa trồng rau bao giờ. Các nhà ở của bộ đội lụp xụp sơ sài như thời kỳ các vua Hùng dựng nước, và chính chỉ vì không muốn sống chui rúc như thế, các sĩ quan *ngụy* đã điều đình với ban chỉ huy các trại cải tạo là hãy để

cho các cải tạo viên làm nhà mới, cho cán bộ ở và cho chính mình. Từ trại Trảng Lớn tới liên trại vùng Katum, các sĩ quan cải tạo đã lập sơ đồ thiết kế, đã đi rừng lấy cây lấy cột lấy mây về làm lại từ đầu doanh trại. Chính các sĩ quan này đã làm được những hội trường cao rộng, mỹ thuật, trang trí bằng các hình vẽ làm bằng mây hồ nóng uốn theo nét vẽ... Tất cả bằng tay và không có một cái gì bằng kim khí — đinh và chốt cũng làm bằng tre.

Rồi sau đó trong những năm kế tiếp, đến lượt dân miền Nam khám phá ra "dân Bắc kỳ" (chỉ chung tất cả đảng viên, cán bộ, bộ đội cũng như công an vào Nam kể từ 75) không biết lao động là gì. Kỹ sư thì chỉ có danh hiệu, làm còn thua một thợ máy thông thường miền Nam. Bác sĩ thì dốt đến mức độ khủng khiếp, tên thuốc thông dụng đọc còn lộn, đừng nói gì đến chữa bệnh: trong thời kỳ đầu, các bác sĩ y tá miền Nam đâu có ngờ họ dốt đến thế nên còn để họ điều trị bệnh nhân. Sau một thời gian, thấy bệnh nhân chết oan nhiều quá, các bác sĩ miền Nam đành khéo léo mời họ ngồi yên ở các chức vụ Giám đốc Trưởng khu mà ngồi mát ăn bát vàng, còn việc chữa bệnh thì dân y khoa cũ đành gồng lên mà cứu chữa cho nhau. Về sau, khi các đảng viên cán bộ mang vợ con ngoài Bắc vào đông đảo thì khi vợ con đau ốm, cũng lên tìm bác sĩ 'ngụy' mà chữa cho chắc ăn...

Trước tình trạng này, dân miền Nam đã phải ngậm ngùi chế giễu *nền chuyên chính vô sản* của Đảng CSVN là *nền chuyên chính vô học*. Sự suy sụp kinh tế của Việt Nam hiện nay bắt nguồn từ điểm này, các nguyên nhân khác chỉ là thứ yếu. Và sở dĩ mọi sự như thế vì lý do đúng như cụ Kim đã nhận xét là: *hễ ai làm việc mà lợi cho đảng, là người giỏi người tốt*. Các đảng viên và cán bộ nói chung chỉ biết đánh giá mọi sự và con người trên một tiêu chuẩn đạo lý duy nhất: cái gì lợi cho đảng là cái đó tốt, cái gì hại cho đảng là cái đó xấu. Nguyên tắc đạo lý này được đề cao tới mức độ tại các lớp tiểu học và trong tờ báo thiếu nhi duy nhất được phát hành là tờ *Khăn Quàng Đỏ*, trẻ em đã được hướng dẫn là *nói dối mà có lợi cho Đảng, cho Cách Mạng* là một hành vi đáng khen. Năm 1985, phe Nguyễn văn Linh đã khá mạnh ở miền Nam, nhất là thành phố Sài gòn nên một số vấn đề quan trọng đã bắt đầu được thảo luận công khai trên báo chí (trước kia, dân

không được phép biết những chuyện đó). Và một trong những vấn đề được bàn cãi năm đó là thế nào là một đảng viên tiên tiến, ưu tú. Định nghĩa sau cùng được đưa ra là: Một Đảng viên ưu tú là một người biết chấp hành đúng tất cả những chính sách của Đảng đã ban hành từ trước đến nay. Nghĩa là làm một kẻ thừa hành ngoan ngoãn, thi hành răm rắp lệnh của thượng cấp, dù các lệnh đó có mâu thuẫn có hại cho dân đến đâu cũng không quan trọng. Các đảng viên đều nắm quyền chỉ huy trong chính quyền cũng như mọi công ty tổ hợp kinh tế đủ loại, vậy mà không hề đặt ra những tiêu chuẩn như thanh liêm, thương yêu công nhân, tăng mức sản xuất, giúp đỡ dân có cơm ăn áo mặc... Có thể nói sự tham ô móc ngoặc bóc lột nhân dân không thương tiếc của đa số đảng viên và cán bộ CSVN bắt nguồn từ bản chất sâu xa là nền đạo lý kiểu như đã mô tả trên của chủ nghĩa Mác Lê-nin, chứ không phải là một hiện tượng nhất thời của một thiểu số trong thời kỳ quá độ, như các lãnh tụ cũng như báo chí Cộng sản trong cũng như ngoài nước thường bào chữa.

Gia đình, xã hội, phong tục, chế độ cũ đều bỏ hết, bỏ đến tận cội rễ, để thành lập xã hội mới theo chủ nghĩa cộng sản. Cái xã hội mới không tranh đấu cho quốc gia, cho dân tộc. Dù có nói tranh đấu cho quốc gia hay cho dân tộc đi nữa, cũng chỉ là cái phương pháp dùng tạm thời trong một cơ hội mào để cho được việc mà thôi, chứ mục đích cốt yếu là tranh đấu cho giai cấp vô sản. Khi sự đấu tranh cho giai cấp ấy đã được thắng lợi, thì cứ tranh đấu mãi để bảo vệ quyền lợi của giai cấp ấy...

Về chuyện quyền lợi của giai cấp vô sản thì cụ Kim đã mất hơi sớm nên còn quá khen, ngộ nhận về chế độ CSVN. Giai cấp vô sản thì ở xã hội nào cũng là đa số, vậy có chiến đấu và bảo vệ quyền lợi cho giai cấp này thì... cũng là đẹp rồi. Trên thực tế, ở Nam Tư, Nga xô cũng như ở Việt Nam, nhất là Việt Nam thì các thành phần vô sản lại là khổ nhất trong chế độ Xã hội Chủ nghĩa. Từ 1975, từng ngày từng giờ cho tới nay đã chứng tỏ những người dân lao động thực sự, từ lao động chân tay như công nhân các xí nghiệp chế tạo hay lao động trí óc như ngành giáo viên, y khoa... là thành phần khổ nhất, bị bóc lột nhất. Nếu chế độ tư bản như Mỹ Anh Pháp thường bị chê là bóc lột công nhân một trăm lần thì chế độ CSVN bóc lột tới

một ngàn lần. Từ công nhân Sài Gòn đến nông dân Hậu Giang, làm việc từ sáng sớm đến khuya mà không đủ gạo nấu cơm ăn cho no... bởi vì giai cấp bóc lột bây giờ chính là các đảng viên đảng CSVN cùng gia đình họ. Thành phần này, như đã trình bày trên, không biết lao động hay lười lao động thì cũng thế, đã bóc lột nhân dân dưới mọi hình thức cực kỳ tinh vi, trực tiếp có — như thuế

má — gián tiếp có, như tham nhũng... Các đảng viên CSVN đã trở thành giai cấp bóc lột mới, hưởng thụ trong giàu sang thừa mứa, trên nỗi đau khổ của đa số vô sản, những người nghèo của Việt Nam từ Nam chí Bắc.

Giai cấp đảng viên này đã biến thành giai cấp quý tộc như thời quân chủ phong kiến xưa kia, cũng có tính cách thế tập, nghĩa là cha truyền con nối...

Thanh Tư

Ao xưa gió bạc
Nước, cũ phường nao!
Thanh Tư đất khách
Mây tang trắng mầu
Quê từ phương ba
Bạo Tần lửa dĩa
Biển quỳ sông ma,
Đã tràn lệ khổ
Này tóc này da,
Này dòng máu đỏ
Sông núi chẳng nhòa,
Quê thương ta đỏ
Ta trả bằng ta
Ân tình này cũ
Đi tóc sông pha!
Nỗi niềm ly xú
Ta gửi trong ta
Cội thềm nguồn cũ
Thơ văn thơ hoa
Lòng trời nét chữ
Ta xứng làm người
Quê Hương mong đợi
Ta thết lên đời!
Trả ta sông núi!

Cao
Tiêu

Trước hết, họ giành hết những chỗ du học ở Nga hay Đông Âu cho con cái họ — thường là lười và dốt. Sau khi tốt nghiệp — thường là với sự nâng đỡ tối đa của thầy cô nước ngoài — lớp trẻ này trở về với cấp bằng kỹ sư, phó tiến sĩ... để kế tục chức vị của bố mẹ. Con cái của giai cấp vô sản chân chính, không có bố mẹ là đảng viên cấp khá thì hồ sơ du học bị loại ngay từ phút đầu, dù học có giỏi mấy cũng vậy. Còn ở trong nước, giai cấp đảng viên này tìm đủ biện pháp để giành chỗ cho con ở các đại học. Cùng một kỳ thi tuyển mà có tới ba mức điểm để đỗ. Nếu là con cái ngụy thì thường phải từ 20 điểm trở lên mới được đậu — nếu là con đại tá ngụy thì điểm phải là 24 hay 25. Con cái dân thường thì 17 điểm mới có hy vọng. Còn con cái của đảng viên thì chỉ cần 12 điểm thôi đã được chấm trúng tuyển. Nhưng dù là 12 điểm, nhiều con đảng viên cũng không đạt nổi. Giai cấp đảng viên bèn cho mở thêm những trường *Dự bị Đại học* để con cái quá dốt của họ vào học. Thời gian học chỉ có đúng một năm thôi, năm sau đương nhiên được cấp sách đi học các đại học, kể cả Đại học Y khoa. Dân Sài Gòn gọi chế giễu trường Dự bị Đại học này là trường *Quốc Tử Giám*... Gọi thế là quá đề cao trường Dự bị Đại học bởi vì các trường

Quốc Tử Giám thời quân chủ chỉ giành ưu tiên cho con quý tộc và quan lại vào học mà thôi, còn khi thi, phải thi chung với cùng hạng số điểm với thí sinh bách tính toàn quốc. Có giỏi thực, mới được đỗ và ra làm quan. Còn với Dự bị Đại học, mọi sự đâu có như thế.

Khi ở đâu sự tranh đấu cho giai cấp vô sản đã được thắng lợi, thì cứ tranh đấu mãi để bảo vệ quyền lợi của giai cấp ấy và xóa bỏ hết những cương giới nước nọ với nước kia để thực hiện nổi thế giới đại đồng, đặt dưới quyền chỉ huy của giáo chủ Cộng sản ở bên Nga. Vì vậy cho nên bất kỳ nước nào đã theo cộng sản là phải phục tùng mệnh lệnh bên Nga, còn nước nào tuy theo chế độ cộng sản nhưng còn muốn giữ tư tưởng quốc gia như nước Nam tư lập phụ (Yougoslavie) bên Đông Âu là bị trục xuất ra ngoài hội nghị của các nước Cộng sản.

Tại miền Nam sau 30 tháng 4.1975, tại các trường trung học trong các giờ Sử Địa, nhất là giờ Địa, các giáo sư theo đúng sách giáo khoa của miền Bắc, khi giảng tới các nước Đông Âu, đều không được kể Nam Tư như một nước Cộng sản. Trong các giảng khoá về kinh tế học, các giảng viên bắt buộc phải chê Nam Tư theo một đường lối sai lầm, xa rời chủ nghĩa Mác Lê-nin... Cụ Trần

Trọng Kim mất sớm nên không dự kiến được sau này khối Cộng sản phân cực thành hai đầu: Trung cộng tách riêng ra như Nam tư. Sau cuộc tấn công vượt biên giới để “cho Việt Nam một bài học”, bộ Giáo dục Hà nội ra chỉ thị cho toàn thể giáo sư Việt Văn toàn quốc, kể cả miền nam, phải tẩy xoá mọi bài có liên quan tới Trung cộng. Chỉ thị này nhấn mạnh không những hủy bỏ các bài nói về đời Đường, thơ văn đời Đường; thậm chí các việc giảng dạy thế nào là thể thơ thất ngôn bát cú, cũng không được nhắc tới tên thông dụng là “thơ Đường luật” nữa.

Cái phương thuật của đảng Cộng sản Nga khôn khéo ở chỗ ấy, tuy nói là bài trừ đế quốc chủ nghĩa và tiêu diệt những chế độ độc tài áp chế thời xưa, nhưng lại áp dụng chế độ độc tài áp chế hà khắc và tàn ác hơn thời xưa, và gây ra một thứ đế quốc chủ nghĩa theo một danh hiệu khác, để tự mình thống trị hết thiên hạ. Thành ra các nước đã theo cộng sản đều phải là những nước phụ thuộc nước Nga, cũng như bên Tàu ngày xưa các nước chư hầu phải phục

về những thoả hiệp

*Căn phòng nhỏ sống quen chật hẹp
Chân loanh quanh chỉ lấy bus đi
Một sáng bỗng thấy mình thô kệch
Chàng băn khoăn thoả hiệp tiện nghi*

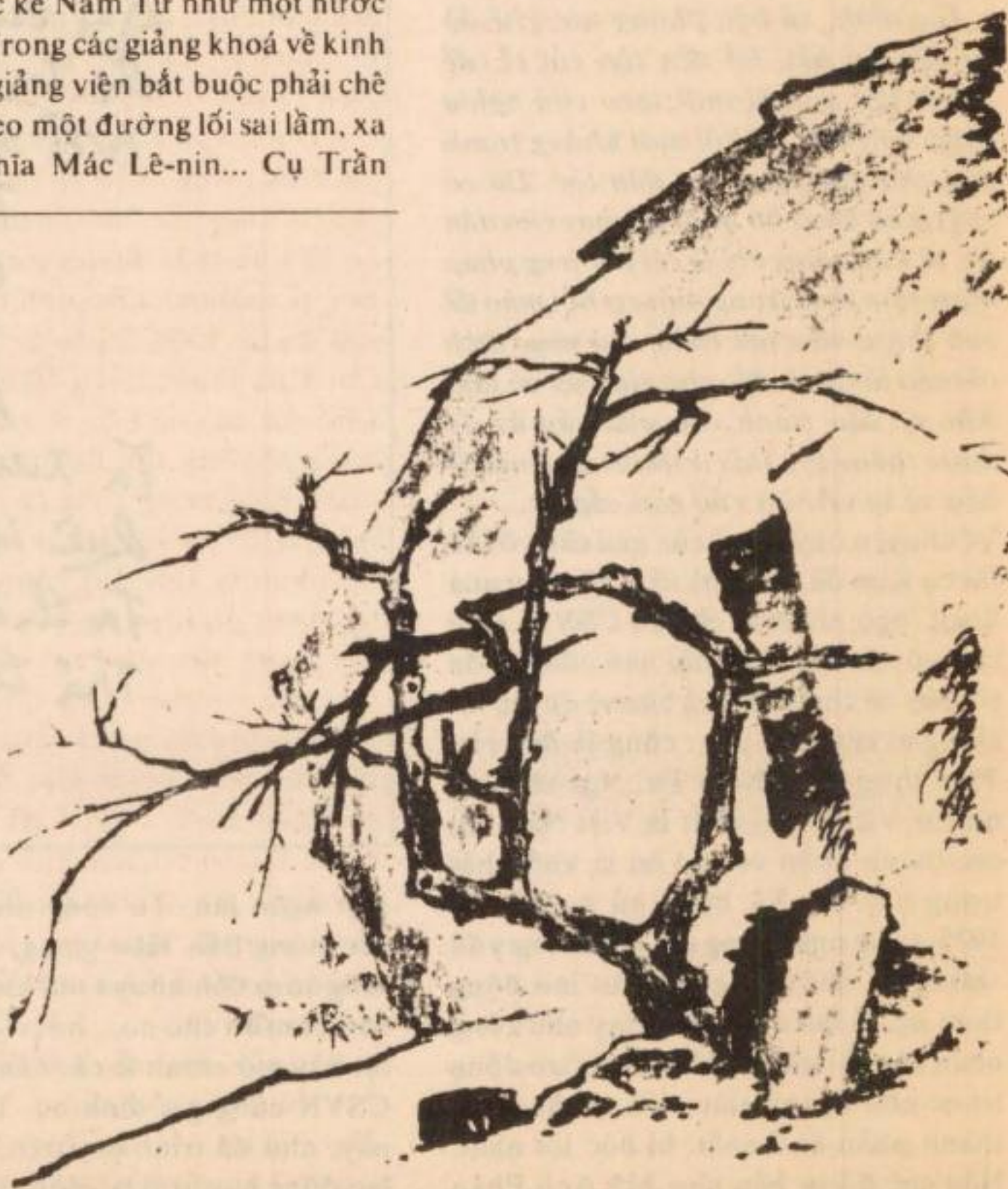
*Thân vô định bay như chiếc lá
Với tâm tư dằn vặt cổ hương
Một đêm thấy cô đơn chân gối
Chàng ân cần thoả hiệp yêu thương*

*Vài năm sống tính tình thâm lặng
Như hạt bụi lẩn giữa thị thành
Bỗng nàng nhắc hai bàn tay trắng
Chàng xôn xao thoả hiệp công danh*

*Ngòi bút vẫn từ lâu phóng túng
Mặc ai dăm trí mạng đảng đoàn
Giữa nhốn nháo tôn vinh nghệ thuật
Chàng dạt dào thoả hiệp thơ văn*

*Cứ thế mặc quê hương tù ngục
Chàng thênh thang định mệnh vô tư
Dù đôi lúc đớn đau nhận thức
Vô tình đang thoả hiệp kẻ thù*

bắc phong



tùng mệnh lệnh thiên tử. Thì ra trong thế gian này chẳng có gì là mới lạ. So chế độ Cộng sản ở nước Nga ngày nay có khác gì chế độ nhà Tần thời Chiến quốc bên Tàu? Có khác là khác ở những phương tiện theo khoa học và những mảnh khoé hiện thời mà thôi, còn thì cũng tàn bạo gian trá như thế và cũng cùng những quyền mưu quỷ quyết để thống trị hết các nước.

Đảng Cộng sản do có cái tổ chức rất đúng khoa học, đảng viên lại giữ kỷ luật rất nghiêm rất chịu khó làm việc và có tín lực rất mạnh. Ai theo đảng là đắm đuối vào chủ nghĩa của đảng, có lâm nguy nan gì thì cho là một vinh hạnh được tuân tử vì đảng. Về sự hành động thì đảng Cộng sản chuyên dùng những thủ đoạn quỷ quyết, nên tuy có thắng lợi mà những người trí thức ít người theo. Cũng vì vậy mà họ bài trừ trí thức và chỉ ưa dùng đàn bà, trẻ con và những người lao động là hạng người dễ khuyến dụ, dễ lừa dối.

Về những thủ đoạn của đảng Cộng sản, cụ Kim chỉ dùng từ *quỷ quyết*. Cụ dùng từ như thế chưa diễn tả được hết tính cách của người Cộng sản Việt nam. Bây giờ thì người Việt trong nước cũng như hải ngoại đều biết thủ đoạn lừa si quan và công chức VNCH đi cải tạo trên rừng núi ra sao rồi. Dĩ nhiên sau tháng 4.75 một thời gian cũng có một số cải tạo viên nêu thắc mắc là tại sao thời gian cải tạo cứ kéo dài mãi, thì bị cán bộ mắng cho là dốt chữ, đọc không hiểu thông cáo của Ủy ban Quân quản... Họ bảo thông cáo nói một tháng với sĩ quan tướng tá và mười ngày với sĩ quan cấp úy chỉ có nghĩa là cấp tướng tá phải mang lương thực và tiền theo tự nuôi mình một tháng, cấp úy thì mười ngày. Sau hạn kỳ này thì chính quyền Cộng sản mới nuôi ăn...

Đối với dân chúng, đảng Cộng sản cũng dùng những thủ đoạn tương tự. Thí dụ như đối với chính sách *kinh tế mới*: chính quyền CS cam kết với dân tình nguyện đi vùng kinh tế mới là sẽ cấp phát cho mỗi đầu người lao động chính (trên 18 và dưới 55) trong năm đầu khai hoang, từ 19 đến 21 ký gạo một tháng. Khi lên tới nơi, chính quyền nhiều vùng kinh tế mới đã chỉ cấp phát cho mỗi đầu người có 7 ký. Dân đói quá, chất vấn cán bộ địa phương thì những kẻ này giằng giọng: "Chúng tôi ở đây có hứa phân phối cho đồng bào 19 ký bao giờ! Đứa nào hứa với đồng bào 19 ký thì đi kiếm đứa đó mà đòi chứ..."

Sau này, các cán bộ của Đảng ở Âu châu, Canada có cố gắng mời một số chuyên viên gốc Việt loại giỏi về "giúp nước" hoặc dạy học tại Sài gòn. Các cán bộ này hứa hẹn, cam kết rất nhiều điều tốt đẹp với các chuyên viên. Nhưng khi đã về nước rồi, các chuyên viên thấy mười cam kết trước kia không thực hiện được một, bèn chất vấn nhà cầm quyền địa phương thì bị giới chức này trả lời: "Chúng tôi đâu có hứa như thế hồi nào? Mấy cán bộ ở nước ngoài không nắm vững chính sách của Đảng và nhà nước nên mới hứa như vậy thôi..."

Đối với lớp trẻ mới lớn lên sau 75, đảng Cộng sản còn dùng thủ đoạn ghê rợn hơn. Thí dụ tại thành phố Đà lạt, khi thấy hầu hết thanh niên không chịu đi thi hành 'nghĩa vụ quân sự', cứ gọi đến là trốn, chính quyền Đà lạt bèn dùng mưu kế sau: Một buổi sáng chủ nhật, họ gọi tất cả thanh niên nam nữ đi quét dọn cho sạch đường xá, sửa vườn hoa công viên. Việc công ích này dĩ nhiên không ai từ chối. Nhưng sau khi các thanh niên đã tụ họp đầy đủ ở địa điểm ấn định, cán bộ mới cho công an và phường đội vây kín lại, lấy danh sách ra đọc tên những ai phải đi lính. Gọi đến tên ai là giữ lại liền, cho báo về gia đình mang quần áo hành trang đến sau. Nhưng trên báo chí thì công bố ồn ào là tinh thần thanh niên Đà lạt rất cao, tỉ số thanh niên tình nguyện nhập ngũ lên tới 130%. Ngay tại cư xá sĩ quan Chí Hoà thuộc quận 10 Sài gòn năm 1985 mà còn có kiểu ban đêm công an cùng phường đội đột nhập vào nhà, mang còng mang súng áp tải các thanh niên có tên phải đi lính ra trụ sở quân sự địa phương. Rồi sáng hôm sau hệ thống loa toàn phường loan báo danh sách các thanh niên đã được công an 'động viên tích cực' đem qua nên đã giác ngộ tình nguyện nhập ngũ. Sau đó vài thanh niên lên đọc 'quyết tâm thư'. Các em này đọc thoải mái vì đã không trốn được thì thà đi quân dịch còn hơn. Đã bị bắt rồi mà còn từ chối không đi lính, sẽ bị phạt đi 'nghĩa vụ lao động quốc phòng' ba năm với mười lần đổi và cực hơn là đi lính.

Người Cộng sản, khi đã hành động, hay dùng đến chữ giải phóng. Theo việc làm của họ, tôi vẫn chưa hiểu rõ nghĩa hai chữ ấy. Có phải trước kia có cái cũi giam người, bây giờ họ đem cái cũi kiểu mới đến bên cạnh rồi bảo người ta chạy sang cái cũi mới ấy, thế gọi là giải

phóng không? Nếu cái nghĩa giải phóng là thế, thì cũi cũ hay cũi mới cũng vẫn là cái cũi, chứ có hơn gì?

Cứ như ý tôi, thì giải phóng phải theo đúng cái lẽ công bằng, làm cho người ta được ung dung thư thái, được hành động trong một cái khuôn khổ rộng rãi, ai nấy biết trọng quyền lợi của mỗi người theo pháp luật đã định, không bị đàn áp và lừa dối, không bị bắt bớ và giết hại một cách âm mưu, oan ức.

Đảng này tôi thấy chế độ các nước Cộng sản giống nhau như in cái chế độ chuyên chế thuở xưa. Người nào nói xấu hay công kích những người cầm quyền của đảng là phải tội bị đầy, bị giết. Ai không sống sảng theo mình thì bị tình nghi, phải chịu mọi điều phiền khổ. Nhân dân trong nước vẫn bị đàn áp lầm than khổ sở, riêng có một số ít người có địa vị to lớn là được sung sướng. Như thế thì giải phóng ở đâu? Giải phóng gì mà cả chính thể một nước phải nương cậy ở những đội trình thám để đi rình mò và tố cáo hết thấy mọi người. Hễ ai vô ý nói lỡ một câu là bị tình nghi có khi bị bắt, bị đầy.v.v.. thành ra nhân dân trong xã hội ấy lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, không biết ai là bạn là thù, mất hẳn sinh thú ở đời, thật trái với lời nói thiên đường ở cõi trần.

Báo chí sách vở của Tây phương khi nhắc tới chế độ Cộng sản thường hay gọi đó là các nước cảnh sát trị. Gọi như thế là đúng nhưng chưa diễn tả được những gì người dân phải chịu trên thực tế. Lấy thí dụ điển hình là quận 10 Sài gòn: Trước 75, quận này chỉ có cơ quan cảnh sát Quận. Thế là hết. Sau 75, chế độ Cộng sản chia quận này làm 25 phường, mỗi phường có một cơ quan công an riêng, chiếm cứ một toà nhà lớn, gọi là công an phường, với một nhân số chính thức khoảng từ 30 tới 50 người. Đây là công an chính thức, mặc đồng phục riêng. Mỗi phường lại chia làm nhiều khu vực an ninh, mỗi khu vực này gồm khoảng từ 4 tới 6 tổ dân phố, do một công an riêng quản lý gọi là *công an khu vực*. Bên cạnh hệ thống công an sắc phục (tương đương với ngành cảnh sát thông thường của các nước Tây phương) còn một hệ thống thứ hai mặc thường phục gọi là *công an chính trị*, nhân số đông hơn nhiều. Công an chính trị của Việt nam tương đương với mật vụ, với NKVD và KGB của Nga sô, ai cũng có còng và súng, và cũng đều được trao quyền 'tiền trạm hậu tẩu', nghĩa là muốn bắt ai cứ việc

bắt tại chỗ, với 'lý do sẽ cho biết sau'. Chính loại công an này đã tạo nên không khí khủng bố trên toàn thể đời sống nhân dân. Thí dụ như ba sĩ quan đi cải tạo về ngồi uống cà phê với nhau trong quán, lỡ có ai cao hứng chê chính sách của Đảng, hoặc phê phán đảng viên là tham nhũng hoặc bắt tài, thì công an chính trị đang ngồi bên cạnh có quyền rút súng ra công tất cả mang về nhà tù nổi danh Phan Đăng Lưu hoặc Đại Lợi để điều tra. Nếu các người bị bắt van lạy, hứa ăn năn hối cải này nọ thì sẽ được tha 8 tháng sau; nếu dám biện minh cãi cọ thì sẽ bị đưa đi cải tạo trên rừng từ 3 tới 7 năm. Còn nếu bị bắt oan thì thời gian bị giam giữ là 3 tháng. Số người bị bắt oan thật nhiều vì cung cách làm việc của ngành công an rất đặc biệt. Thí dụ như tại quận 10, có một bà già bị cướp vào nhà giết lấy hết tiền và vàng, công an bèn phối hợp với công an khu vực và các tổ trưởng dân phố lập một danh sách tất cả những ai hay lui tới nhà bà già đó. Khi đã có danh sách này, công an sẽ bắt giam tất cả, lên tới vài chục người. Cứ bắt hết đã rồi tra xét lọc dần dần sau: rút cục ai cũng bị giam ít nhất ba tháng, và khi được tha chỉ được cấp giấy tạm tha thôi — nghĩa là vẫn bị coi là tình nghi, công an muốn bắt lại lúc nào cũng được.

Dân chúng phải co người lại mà thủ, giữ gìn lời ăn tiếng nói, canh chừng tất cả những người chung quanh mỗi khi đi ra ngoài, đến quán xá, nhưng dù cẩn thận tới đâu cũng chưa yên thân vì còn công an khu vực. Anh công an này chỉ có việc ăn xong rồi đi lang thang trong khu vực mình, công khai kiểm soát từng nhà, từng người. Công an khu vực được trao toàn quyền muốn chặn hỏi ai thì chặn, muốn vào nhà dân lúc nào thì vào ngày cũng như đêm, muốn khám tủ khám nhà tùy ý. Sài Gòn sau 75 vẫn được cả nước coi như 'ốc đảo sau cùng của tự do', vậy mà người dân vẫn phải chấp nhận bất cứ lúc nào anh công an khu vực cũng có thể tà tà đi vào nhà, miệng thì nói chào anh chào chị, chân thì cứ bước hết phòng này qua phòng khác, mở cả cầu tiêu buồng tắm ra coi — dĩ nhiên cái tủ sách ngăn sách thì được kiểm soát rất kỹ xem có tàng trữ văn hoá phẩm phản động đòi truy hay không... Về sinh hoạt hàng ngày thì việc gì cũng phải trình với anh công an khu vực này: vợ đi bệnh viện, con đi làm xa, trai có người yêu, gái có bạn trai sắp đính hôn, nhà có giỗ tết muốn nấu nồi

bánh chưng trong sân nhà... đều phải trình báo với tổ trưởng dân phố và nhất là công an khu vực. Nếu có đám cưới thì khách danh dự phải mời là công an khu vực. Nếu có điều gì 'thất thổ' với công an khu vực thì anh ta sẽ báo cáo với công an chính trị là gia đình đó thuộc diện 'lý lịch không trong sạch', lại đang tụ họp bất hợp pháp. Thế là công an chính trị phối hợp với phường đội, kéo đại quân đến giữa tiệc cưới, bắt giữ gia chủ tại chỗ. Đám cưới bị bể đã đành mà hai bên suôi gia và cô dâu chú rể còn phải năn nỉ biếu xén quà cáp nhiều mới được yên thân mà cưới tiếp. Chuyện này không phải chỉ xảy ra trong quận 10 mà còn ở nhiều nơi khác với mức độ ghê hơn. Thí dụ như tại Đà Lạt, một gia đình có cô con gái thất tình tự tử, đang cử hành đám ma thì công an khu vực cùng công an chính trị kéo đến làm biên bản, phạt gia chủ một khoản tiền lớn chỉ vì không biết giáo dục con, để con chết ngu như thế — với chính quyền tỉnh này, đa số là dân Thanh Nghệ quê HCM, cực đoan cuồng tín cao độ nên cho rằng chết vì tình là chết ngu xuẩn nhất, đáng bị phạt để làm gương...

Trong những lời tuyên truyền của Việt Minh, thấy luôn luôn nói nào là hạnh phúc, nào là tự do, bình đẳng, mà sự thực thì trái ngược tất cả. Những lời họ dùng là nói dối, đánh lừa cướp bóc, giết hại tàn phá, không kiêng dè gì cả, miễn là làm cho người ta mắc lừa hay sợ mà theo mình là được. Xem như lúc đầu Việt Minh tuyên truyền rầm rĩ lên rằng: "Nước Việt Nam đã được các nước Đồng Minh cho hoàn toàn độc lập, và dân được tha hết thứ thuế". Thôi thì chỗ nhân gian nghe nói thế chạy ủa ủa theo. Sau chẳng thấy độc lập đâu cả và dân lại phải đóng góp nặng hơn trước. Khi Việt Minh đã nắm quyền bính rồi, lại định các ngạch thuế, có người hỏi họ: "Sao trước các ông bảo tha hết các thứ thuế kia mà?" Họ trả lời: "Ấy trước nói tha thuế, nhưng bây giờ chính phủ cần có thuế để làm việc". Nói như thế thì uy tín chính phủ để đâu?

Cụ Trần Trọng Kim thực ra chưa sống thực sự dưới chế độ cộng sản bao giờ nên về thuế má, cụ chỉ nhận định có vậy, khá nhẹ nhàng. Sự thực thuế má trong chế độ cộng sản tình vi, nặng nề và phức tạp hơn nhiều. Trước hết là họ phục hồi tất cả các thứ thuế của thời Pháp thuộc, chỉ đổi tên và gia tăng thứ hạng phải nộp thuế. Sau đó họ đặt ra

khoảng gấp mười tới hai mươi lần các thuế hoàn toàn mới với cách thức đánh thuế độc đáo, không tìm đâu thấy trong bất cứ chế độ quân chủ hay độc tài nào từ thời có nhân loại tới nay. Thí dụ như thuế thương vụ, đánh vào những người buôn bán nhỏ như các tiệm ăn, cà phê được hoạch định như sau: Họ ấn định rằng quán cà phê này chỉ cần hai lao động (dù trên thực tế phải cần tới năm hay bảy người cũng mặc), với mỗi lao động đó, họ ấn định số tiền cần thiết tối thiểu để sống mỗi tháng là 500 đồng. Hai người là 1000 đồng. Bây giờ nếu quán cà phê có lời chừng 3000 đồng một tháng thì họ đánh thuế 2000, nếu quán đông khách lời tới 10.000 đồng một tháng thì họ đánh thuế 8000 đồng. Với các ngành buôn bán khác cũng đánh thuế tương tự. Khi định lấy các tiệm phở nổi tiếng như Tương Lai, phở Tàu Bay, họ đã bắt hai tiệm này đóng thuế tới 75.000 đồng một tháng. Chủ tiệm chỉ còn cách chọn một trong hai con đường: thứ nhất là năn nỉ xin biểu không tiệm mình cho chính quyền địa phương để cơ quan này đưa cán bộ ngoài Bắc vào đứng ra kinh doanh, thứ hai là điều đình với công an thuế vụ (có ngành công an riêng chỉ lo việc thuế: họ đông đến nỗi dư người ngồi lì từ sáng tới tối tại mỗi quán để ghi xem nhà hàng bán được bao nhiêu tô phở, bao nhiêu ly cà phê) là xin chia phần lời với cán bộ thuế cũng như Ủy ban Nhân dân Phường để xin giảm thuế. Thí dụ như quán lời 10.000 đồng thì cán bộ thuế ghi gian dối vào biên bản là chỉ lời 3000 thôi, chủ quán phải đóng thuế trên giấy tờ cho chính quyền trung ương là 2000. Số 7000 thặng dư ấy chủ quán được giữ lại thêm 3000, còn lại bao nhiêu vào túi riêng của cán bộ thuế vụ và các viên chức tham nhũng khác... Với lối đánh thuế kiểu này thì chính quyền muốn đánh sập bất cứ cơ sở kinh doanh lớn nhỏ nào cũng được mà không phải mang tiếng là cấm đoán dân buôn bán.

Đó là loại thuế cũ nhưng đánh theo lối mới, lối xã hội chủ nghĩa. Dĩ nhiên chính quyền CSVN còn đặt ra những thứ thuế hoàn toàn mới mẻ, không có trong bất cứ chế độ nào hiện nay. Thí dụ như *thuế lao động*. Khoảng năm 1980, quốc hội Hà nội thông qua một đạo luật qui định số ngày lao động cưỡng bách hàng năm cho mỗi người công dân từ 18 đến 55 không phân biệt nam nữ, ngành nghề. Tại nông thôn, mỗi người dân phải đi làm không

lương cho chính quyền 30 ngày, lương thực tự túc. Tại thành phố là 15 ngày. Dân Sài Gòn rất ớn loại sưu dịch cưỡng bách này vì thường là nặng nhọc: đi vét kinh, đào kinh mới, đào giao thông hào, ụ tên lửa (hoả tiễn)... nhất là phụ nữ thì chỉ nghĩ đến đám đĩa thôi là đủ dựng tóc gáy. Bởi thế họ đành tung những khoảng tiền cao mướn thanh niên thất nghiệp đi thay. Chính quyền các địa phương thấy mối lợi này liền đứng ra đấu thầu thay. Họ cấm các thanh niên không được tự ý đi làm thay nữa, mặt khác cho phép những ai không muốn đi lao động cưỡng bách 15 ngày được đóng tiền cho chính quyền địa phương để cơ quan này mướn người thay thế. Và vì bản chất chế độ CSVN vốn là phong kiến, làm cái gì cũng chia giai cấp hết nên họ lập ra một bản công xá năm giá tiền. Hạng thấp nhất là dân thường, thí dụ là 10 đồng một ngày, số tiền phải đóng là 150 đồng. Hạng thứ ba là các gia đình buôn bán, mỗi đầu người trong gia đình này là 30 đồng một ngày. Hạng tư là những gia đình có tiền và quà thân nhân nước ngoài gửi về, bất kể nhiều hay ít: 40 đồng một ngày. Hạng phải đóng nặng nhất là các gia đình đã được cấp giấy xuất cảnh đi đoàn tụ gia đình... Tất cả những qui định này đều là luật, do đó có tính cách cưỡng chế tối đa: ai không tuân theo, công an có quyền tổng giam và truy tố ra trước toà án địa phương.

Rút cục mọi người dân đều phải đóng thuế thân, một thứ thuế đánh vào người dân chỉ vì họ là dân dưới thời Pháp thuộc, một thứ thuế làm nông dân nghèo khổ sở nhất. Các nhà văn như Nhất Linh, Hoàng Đạo, Ngô Tất Tố... đều đã từng tranh đấu qua văn chương chống thứ thuế thân này, để rồi rút cục nó lại tái xuất hiện dưới chế độ vẫn tự hào là bênh tối đa quyền lợi của nhân dân lao động chân chính... Cũng cần nói thêm là càng về sau những năm 80, chính quyền trung ương giảm bớt những công trình xây dựng kiểu đào kinh vét mương, nhưng chính quyền các địa phương vẫn thu đủ loại thuế lao động này và tỉ lệ họ nộp lại cho chính quyền trung ương thật thấp. Số thặng dư được giữ lại, trên lý thuyết giành cho quỹ địa phương, trên thực tế được chia giữa các đảng viên cao cấp nơi này. Một hậu quả cụ thể của chính sách tham nhũng công khai này là các du khách từ nước ngoài tới Sài Gòn, nếu có thấy nhà cửa nào mới xây hoặc mới tu

sửa, thì đều là nhà của cán bộ đảng viên. Và cứ mười người lái xe gắn máy chạy ngoài phố thì chín người là cán bộ đảng viên các ngành của chính quyền Cộng sản.

Trong phần kết nhận định về CSVN, cụ Trần Trọng Kim đưa ra những nhận xét sau:

— *Cái chủ nghĩa Cộng sản về đường luận thuyết cũng có điều bảo thủ, như là muốn chữa những điều bất công trong xã hội, nhưng về đường kinh tế, thì lại áp chế quá, làm lắm điều hà khắc và dùng những thủ đoạn quỷ quyết giả dối, khiến người ta mất lòng tin cậy. Dem cái bất công bình nọ mà phá cái bất công bình kia thì dù có được thắng lợi đi nữa, cũng không chắc đã bền vững.*

— *Đã hay rằng đảng Cộng sản có cái tính cách tôn giáo, phải mê và tin, tin là chỉ có mình là phải, còn người ta là sai lầm hết cả, song những người làm chính trị quan hệ đến vận mệnh một nước, phải hiểu thời thế mà tùy cơ ứng biến.*

— *Trong việc làm của Việt Minh Cộng sản có hai điều ngại trở. Một là đem cái phương sách hành động ở các nước bạn Tây phương sang thi hành ở Việt Nam, có nhiều điều không thích hợp với hoàn cảnh và tính tình của phần nhiều người trong nước cho nên thành ra có chỗ trái ngược. Đó là một điều ngại trở khá lớn. Hai là vì cái vị trí nước Việt Nam ở trong cái phạm vi Anh Mỹ theo cái hiện tình bây giờ, thế nào người ta cũng không để đất này thành cộng hoả. Chỉ trừ khi nào trống mái rõ rệt, thì thiên hạ hoặc là đều bị cộng hoả cả, hoặc là đều sống ở trong cái chế độ tư bản cả. Lúc ấy dù muốn hay không cũng chẳng làm gì được. Trong khi hai cái lý tưởng còn đối lập, thì mình chưa sao thoát khỏi cái thế lực của Anh Mỹ. Như vậy mình cố chấp muốn cộng hoả, thì tất là chỉ có phần thiệt hại mà thôi, chứ khó lòng thành công được.*

— *Nếu cố chấp muốn làm cho được ý muốn thì chỉ làm khổ dân hại nước mà không chắc đạt được cái của họ. Và cái mục đích ấy định đi đến đâu? Tại sao người mình đã phơi xương đổ máu trong sáu bảy mươi năm trời từ khi có cuộc bảo hộ nước Pháp đến giờ? Có phải là tại người mình muốn sống cái đời sống tự chủ của mình, chứ không làm nô lệ cho ai không? Lẽ nào ta lại theo một cái lý tưởng chưa thực hiện*

được mà đem mình làm nô lệ một dân tộc khác...

Đến đây là hết phần chính của cái chúng tôi gọi là *Chúc thư của Trần Trọng Kim*. Đọc lại, không khỏi cảm thấy ngậm ngùi và hối tiếc. Cụ Kim đã trình bày và phê phán hết sức đầy đủ và chính xác chủ nghĩa Mác Lê-nin và đảng CSVN. Phải chi các Bộ Thông Tin, các cơ quan Tâm Lý Chiến và Chiến tranh Chính trị của VNCH trước 1975 biết khai thác bản chúc thư này đến nơi đến chốn, chắc chắn chúng ta đã có một thứ chủ nghĩa chống cộng vững vàng, chứ không lơ mơ quanh quẩn với các khẩu hiệu "Cộng sản là lũ quỷ đỏ", "Cộng sản là tam vô, vô gia đình, vô tôn giáo, vô tổ quốc"... Nhưng trễ còn hơn không. Hơn nữa dân tộc Việt nam vẫn còn đó, và cuộc chiến đấu cho một chế độ tốt đẹp hơn vẫn có quyền tiếp tục. ■



nghe bài nhạc tiếc chỗ trở về

tặng anh Trần Đình Quân

Nơi nào. Một chỗ để về
Ơi trong nốt nhạc thấy quê hương buồn
Ru mình tượng đá đầu non
Nổi gai tấc thịt dăm mòn biệt khơi

Nơi nào. Một chốn cuối đời
Ơi chiều lưu lạc rụng rời ca dao
Dân ca biển sóng ngọn trào
Rêu rong tâm sự thuở nào về đây

Nơi nào. Chỗ tạm tháng ngày
Ơi tôi giấc muộn vắng mây lạnh lùng
Ngân tim âm vọng còn rung
Xôn xao trôi dạt muôn trùng Việt Nam

Nơi nào. Nhật nguyệt thăm thăm
Đầy tôi lời nhạc trăm năm chuyển đồ
Thuyền tôi. Đợi bến hoang sơ
Mong. Chờ. Bèo nước giạt bờ vong thân

Nơi nào. Riêng một chỗ nằm...

nguyễn mạnh trình

Hồ Xuân Hương

(Kỳ III)

NHỮNG BÀI THƠ GÁN CHO HỒ XUÂN HƯƠNG

Thơ Hồ Xuân Hương mới được trích-lục, sưu-tập để in từ năm 1913, sau hàng trăm năm được truyền khẩu trong dân-gian nên không thể tìm thấy nguyên-bản, ngay cả việc gán với nguyên-bản cũng đã khó. Trong khi lưu-truyền, chắc-chắn không tránh khỏi trường-hợp có người quên mất đôi chữ, một câu, bèn tìm chữ khác, câu khác lấp vào cho đủ. Có người cho rằng “phải như thế này mới hay”, tự tiện thêm thắt, xáo-trộn, sửa-đổi cho hợp ý mình. Cũng có trường-hợp có người quên mất tên tác-giả một bài thơ truyền-khẩu nào đó, liền suy-đoán và gán đại cho một thi-sĩ mà họ cho là hợp lý nhất.

Ông Trần Văn Giáp, Cao Huy Du trên tờ *Văn-Nghệ* số 242, ra tháng 3.1964, đã đưa ra 8 bài hán thi “nghĩ là của Hồ Xuân Hương”. Sang tháng sau, trên số 248, hai ông liên-tiếp giới-thiệu mấy bài thơ nôm nữa, bảo là của Hồ Xuân Hương. Cũng tháng 3.1963, ông Trần Thanh Mại quả-quyết “Hồ Xuân Hương có làm thơ chữ Hán”, dẫn chứng bằng hai bài ký tên “Nữ học-sĩ Vinh-thuận, Nghi-tâm Hồ Xuân Hương” trích trong *Tục Hoàng Việt Thi-Tuyển*. Rồi cũng chính ông Trần Thanh Mại sang tháng 5.1964 đính-chính rằng một trong hai bài thơ trên của thi-nhân Trung-hoa chứ không phải của Hồ Xuân Hương.

Hiện-tượng gán-ghép thơ vô-danh cho Hồ Xuân Hương rất phổ-biến trong sinh-hoạt văn-học Hà-nội vào giữa thập-niên 60. Nhiều người tìm thấy đâu đó một vài bài thơ ghi là của Hồ Xuân Hương, chưa kịp phân-tích, xác-định đã vội-vã công-bố trên sách báo một cách trịnh-trọng để tranh công, coi như là một sự phát-giác kỳ-diệu và hữu-ích. Chính tập *Lưu Hương Ký* cũng xuất-hiện trong trường-hợp này, không phải chỉ có một đôi bài, mà

Dương Thượng Ngã

là cả một tập, vừa thơ nôm, vừa thơ hán.

Tình-trạng tam sao thất bản, gán ghen lộn-xộn này dẫn tới một hậu-quả tức cười. Nếu đem tất cả những bài thơ ghi tên tác-giả là Hồ Xuân Hương ấy xếp lại cạnh nhau rồi qua tác-phẩm để tìm nhân dáng của tác-giả, chúng ta có ngay một bà Hồ Xuân Hương hai phần thánh thiện, tám phần sa-đọa; một bà tiên với đôi cánh mỏng, cặp răng nanh dài ngoẵng, xanh biếc, mắt ốc nhồi, khắc ra lửa; một con quỷ ba đầu sáu tay mười hai con mắt nhưng giọng hát lại truyền-cảm dịu-dàng. Đó là một Bà Huyện Thanh Quan chất-chứa tình-cảm đời xưa pha trộn với các ông Tú Kếu, Cao Tần bộc-lộ tình-cảm ngày nay, một Ưc Trai trang-trọng trong một khúc ca bình-dân thô-tục, sống-sượng, một cô gái đài-các mỹ-miệu với đôi chân thôn-nữ khỏe mạnh, vạm-vỡ.



Trong số 70 bài ký tên Hồ Xuân Hương mà chúng ta có được ngày nay—chưa kể tập *Lưu Hương Ký*—có bao nhiêu bài thực-sự của Hồ Xuân Hương?

Một phụ-nữ trong xã-hội nho phong, dù là một phụ-nữ bạo-dạn làm thơ và làm thơ bạo dạn, lẽ nào lại có những cách nhìn đối-chọi, mâu-thuần hỗn-loạn như vậy? Tâm-hồn, tình-cảm của nhà thơ tất nhiên phải phong-phú, đa diện hơn người, nhưng phong-phú đa diện không đồng-nghĩa với xô-bô, bát tạp. Tình-cảm con người xuất-hiện như sỏi gỗ, nhựa cây, bao quanh một cái lõi, như lớp da thịt bọc quanh bộ xương, như những âm-điện-tử xoay quanh nguyên-tử. Lớp vỏ cây ấy có thể trơn láng, xù-xì, lạnh lặn hay bị thương-tích; da thịt ấy có thể đầy-đà, khô-khan hay gầy-guộc, âm-điện-tử có thể tăng giảm số lượng, nhưng tất cả

phải có sự hòa-hài, thống-nhất. Sự thay-đổi đột biến nếu xảy ra, cũng không thể xóa sạch hoàn-toàn mọi dấu-vết của chính tác-giả đó. Một người có thể vừa làm thơ, vừa viết văn, soạn kịch—có thể vừa làm thơ tả tình, vừa làm thơ trào-phúng; vừa viết biếm-luận, vừa sáng-tác lãng-mạn; vừa dựng bi-kịch, vừa viết hài-kịch—nhưng vẫn bị chi-phối bởi tính-cách thống-nhất của luật kế-thừa.

Làm sao mà tác giả *Dệt Cửi, Đánh Du* tinh-nghịch, hồn-nhiên, khỏe-mạnh lại là tác-giả của *Đánh Cờ* lầy-lụa, thô-tục được? Tác-giả *Cảnh Thu, Đền Trấn-Quốc, Chùa Xưa* lãng-lẽ, vô-hồn lẽ nào lại là đồng tác-giả với *Đá Ống Chồng Bà Chồng, Kẽm Trống* sống động, linh-hoạt? *Thân-Phận Người Đàn Bà, Tức Cảnh Tề Sở* mộc-mạc thật thà, thô-vụng, không phải là lời lẽ sắc-sảo, đanh-đá, thách-thức của tác-giả *Làm Lẽ*.

Nét đẹp của *Thiếu-Nữ Hồ Xuân Hương* là nét đẹp lành mạnh, tượng-trưng cho sự tráng-kien của tinh-thần và thể chất, là cái đẹp nối liền cá-thể con người với đại-thể vũ-trụ. Nó linh-động và đầy sáng-tạo như nét đẹp tượng vệ-nữ của Milo. Đó là cái đẹp thực-sự của thiên-nhiên. Nghệ-sĩ là người làm đẹp cuộc đời, người làm cho cái đẹp trở thành bất tử. Hồ Xuân Hương đã đi sớm hơn thời-đại của bà. Quan-niệm về cái đẹp của Hồ Xuân Hương vượt lên trên quan-niệm nho phong đạo-mạo, ra khỏi mối tru-tư về quá-khứ, thân-phận, tuổi già. Trong khi Nguyễn Du còn e-dè

Thang-lan rủ bức trướng hồng tẩm hoa,

Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà,

Đầy dẫy đức sẵn một tòa thiên-nhiên..

khi tả Thủy Kiều tẩm, thì Hồ Xuân Hương bút-phá

Đôi gò Bồng-đảo sương còn ngậm,

Một lạch Đào-nguyên suối chứa thông.

Lối chiêm-ngưỡng cái đẹp của tuổi xuân và cơ-thể con người của Hồ Xuân Hương—sau Milo 16 thế-kỷ—ở xã-hội Việt-nam thời đó, lại là một sự thách-đố nghiêm-trọng đối với quan-niệm của Tống nho. Cái đẹp trong-sáng ở Antonio Canova của Psyche và Cupid ở Tây-phương vào thời-đại Hồ Xuân Hương, lại là cái xấu phạm-tục, mằm-mống của tội-lỗi ở xã-hội Đông-phương. Đã thế, người ta dễ-dàng

đồng-hóa *Thiếu Nữ* thanh-khiết với *Đánh Cờ* tục-tiêu, dâm-đăng.

Trong khi đó, ngược lại, người ta cũng sẵn-sàng gán cho Hồ Xuân Hương những cái đẹp phẳng-lặng, đông cứng của cảnh-vật qua lăng-kính tâm-hồn Bà Huyện Thanh Quan như

Xanh om cổ-thụ tròn xoe tán,

Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ hay

Êm ái chiều xuân tới khán-đài,

Lâng lâng chẳng bận chút trần-ai.

Thiên-nhiên trong thơ Hồ Xuân Hương không *phẳng-lặng* như vậy. Nó sống thực và hoạt-động hơn nhiều. Màu sắc, âm-thanh, khối thể, chuyển-động thông-dong, nhịp-nhàng và để lại ấn-tượng mạnh-mẽ hơn nhiều:

Một đèo, một đèo lại một đèo.

Mục-trường mở rộng, lưng ngựa nhấp-nhổm, đất trời lao-xao chuyển cảnh:

Tùng trên tuyết điểm phơ đầu bạc,

Thót dưới sương pha đượm má hồng

màu sắc, hình khối nổi bật, hòa-hợp tuyệt diệu.

Khối tình cọ mãi với non sông
cựa-quảy, sống-động.

Gió giật sườn non khua lác cắc,

Sóng dồn mặt nước vỗ long-bong là một bản hòa-âm xuất-sắc, tạo được ấn-tượng về hình-ảnh, người đọc chẳng những như đang đứng trong một khung trời mở rộng mà còn được đắm mình trong hơi lạnh ẩm của bọt nước, mù và sương.

Sự vượt trội ấy, Bà Huyện Thanh Quan theo sao kịp. Gán *Đền Trấn Quốc, Đài Khán Xuân, Cảnh Thu* cho Bà Huyện Thanh Quan; gán *Con Cua* cho Nguyễn Khuyến hợp-lý hơn nhiều.

Một người làm thơ, cho dù có buông thả ngọn bút của mình tới đâu đi nữa, vẫn không thể nào tự xóa bỏ bản-sắc. Bản-sắc ấy do ảnh-hưởng của hoàn-cảnh và truyền-thống gia-đình, cuộc sống xã-hội, sự kế-thừa của một nền giáo-dục, cộng với tính-tình, mỗi cảm-xúc cùng một vài yếu-tố nội, ngoại-tại khác mà có. Tất cả những cái đó tạo thành phong-thái chung của mỗi tác-giả, thống-nhất với chính nó, tạo thành sức sống, hơi thở, và không-khí—nói khác đi, là linh-hồn—của mỗi tác-phẩm. Căn-cứ vào đó, chúng ta có thể tinh-lọc và nhận-diện được khoảng 35 bài thống-nhất với bản-sắc và phong-thái Hồ Xuân Hương. Tất-nhiên là vẫn có thể có trường-hợp bỏ sót, hay nhận

lầm, nhưng hi-vọng chỉ ở mức tối-thiểu và sẽ không gây ảnh-hưởng tới việc thẩm-định giá-trị văn-chương của tác-giả.

(còn tiếp)

PHỤ-LỤC II

CÁC BÀI THƠ GÁN CHO HỒ XUÂN HƯƠNG

- 1.—Cảnh thu
- 2.—Chơi Chợ Trời Chùa Thầy
- 3.—Chơi Đền Khán Xuân (Đài Khán Xuân)
- 4.—Chùa Xưa
- 5.—Con Cua
- 6.—Con Ốc Nhồi
- 7.—Duyên Kỳ-Ngộ
- 8.—Đồng Tiền Hoئن
- 9.—Đền Trấn-Quốc
- 10.—Giả Kén Kén Hom
- 11.—Giễu Quan Hậu
- 12.—Hỏi Cô Hàng Sách
- 13.—Một Cảnh Chùa
- 14.—Sư Bị Làng Đuối
- 15.—Tát Nước
- 16.—Thân-Phận Người Đàn Bà
- 17.—Thương
- 18.—Tức Cảnh Tề Sở

CẢNH THU

Thánh-thót tàu tiêu (1) mấy giọt mưa
Bút thần khôn vẽ cảnh tiêu-sơ
Xanh om cổ-thụ tròn xoe tán
Trắng xóa trường giang phẳng lặng tờ.
Bầu dốc giang-sơn say chấp rượu,
Túi lưng phong-nguyệt (2) nặng vì thơ.
Cho hay cảnh cũng ưa người nhĩ. (3)
Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn ngơ. (4)

- 1.—Tàu tiêu: tàu lá chuối.
- 2.—Do thành-ngữ bán nang phong nguyệt (nửa túi gió trăng)
- 3.—Db: *Ơ hay.*
- 4.—Db: *Ai thấy, ai mà chẳng ngẩn-ngơ.*

CHƠI CHỢ TRỜI CHÙA THẦY (1)

Hóa-công xây-đắp đã bao đời (2)
Nọ cảnh Sài-sơn có chợ trời (3)
Buổi sớm gió đưa, trưa nắng đứng,
Ban chiều mây hợp, tối trăng chơi.
Bày hàng hoa quả tư mùa sẵn,
Mở phố giang-sơn bốn mặt ngồi.
Bán lợi mua danh nào những kẻ, (4)
Chẳng lên mặc cả một đôi lời.

- 1.—Tựa khác: *Chợ Trời*
- 2.—Db: *Khen thay con tạo khéo trên người*

- 3.—Db: Bày đặt ra nên cảnh chợ trời.
3.—Db: buôn danh.

CHƠI ĐỀN KHÁN XUÂN(1)

Êm-ái chiều xuân tới khán-đài,
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai (2)
Ba hồi triều mộ (3) chuông gầm sóng,
Một vũng tang thương (4) nước lộn trời
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn
Nguồn ân muôn trượng dễ chơi-vơi.
Nào nào cực-lạc (5) là đâu tá,
Cực-lạc là đây chín rõ mười. (6)

- 1.—Tựa khác : Đài Khán-Xuân.
Đài Khán-xuân được dựng lên từ thời vua Lê chúa Trịnh, hiện nay chỉ còn lại cái nền.
2.—Trần ai : bụi trần.
3.—Triều mộ : triều (thường bị đọc là chiều : chiều-dương) 朝 là buổi sáng sớm, mộ 暮 chiều tối. Triều-mộ là sớm hôm.
4.—Tang thương, hay bể dâu, do câu "thương hải biến vi tang điền", cảnh đời thay-đổi, biển xanh lâu ngày bồi thành ruộng dâu.
5.—Cực: 極 là rất; lạc 樂 là vui. Chỗ vui-sướng, không khổ, thế-giới của đức Phật A-di-đà. Về sau, nơi Phật ở gọi là Cực-lạc thế-giới, hay Cực-lạc quốc.
6.—Dị-bản :
Ngắm sự trần duyên khéo nức cười,
Tuy vui đạo Phật chưa khuây người.
Hai câu dị-bản này trùng ý với hai câu cuối bài Thích Câu của Lê Thánh Tôn trong Hồng-Đức Quốc-Ám Thi-Tập :
Đến đây mến cảnh mến thầy,
Tuy vui đạo Phật chưa khuây lòng người.
hay
Đến đây thấy cảnh thấy người,
Tuy vui đạo Phật chưa nguôi lòng trần.

CHÙA XUA

Thầy tớ thung-dung đạo cảnh chùa,
Thơ thì thơ túi, rượu lưng hồ.
Cá khe lắng kệ, (1) mang nghi-ngóp,
Chim núi nghe kinh, cổ gặt-gù.
Then cửa từ-bi chen chặt cánh,
Nén hương tế độ (2) cảm đầy lô (3)
Nam-mô khế hồi nhà sư tí,
Phúc-đức như ông được mấy bồ ?

- 1.—Kệ 偈 một thể văn trong kinh Phật, còn đọc là kệ.
2.—Tế-độ 濟度: cứu giúp và đưa qua bến mê, đến bờ giác.
3.—lô : lu 爐 là vật đựng lửa hay đựng cơm hay cắm hương (lu hương, bát hương).

CON CUA (1)

Em có mai xanh, có yếm vàng,

Ba quân khiêng kiệu, kiệu nghênh ngang.
Xin theo ông Khổng về Đông Lỗ (2)
Học thói Bàn Canh nấu chín Thang. (3)

- 1.—Khẩu-khí bài thơ này đúng giọng Nguyễn Khuyến hơn là Hồ Xuân Hương.
2.—Khổng-tử người nhà Châu nước Lỗ, thân-phụ là Khổng Thúc Lương Ngột.
3.—Bàn Canh và Thang : hai ông vua đời nhà Thương của Trung-hoa. Ý tác-giả trong bài này xô-xiên các anh học-trò dốt, lại ngang ngạnh như cua, chữ viết như cua, chỉ đáng dùng để nấu canh, làm thang.

CON ỐC NHỒI

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi,
Đêm ngày lăn-lóc đám cỏ hôi.
Quân-tử có thương thì bóc yếm,
Xin đừng ngó-ngoáy lỗ tròn tôi.

ĐÁNH CỜ

Chàng với thiếp đêm khuya trần-trọc,
Đét đồn (1) lên đánh cuộc cờ người.
Hẹn rằng đấu trí mà chơi,
Cấm ngoại thủy (2) không ai được biết.
Nào tướng-sĩ dàn ra cho hết,
Để đôi ta quyết-liệt một phen,
Quân thiếp trắng, quân chàng đen (3)
Hai quân ấy chơi nhau đã lửa.
Thoạt mới vào chàng liền nháy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phừa tịnh (4) lên.
Hai xe hà chàng gác hai bên,
Thiếp sợ bí thiếp liền ghềnh si.
Chàng lừa thiếp đương khi bắt ý
Đem tốt đầu dù-dí vô cung.
Thiếp đương mắc nước xe lồng,
Nước pháo đã nổ bùng ra chiếu.
Chàng bảo chịu, thiếp rằng chưa chịu,
Thua thì thua quyết níu lấy con.
Khi vui nước nước non non,
Khi buồn lại giở bàn sơn quân ngà.

- 1.—Tức "đốt đèn", nói lái.
2.—Ngoại thủy : nước thứ ba, còn có nghĩa là người ngoài, người ngồi xem đánh cờ.
3.—Ngày xưa cờ tướng không sơn xanh, đỏ mà sơn trắng, đen như quân cờ vây (vi kỳ).
4.—Tức con tượng.

DUYÊN KỲ-NGÔ

Nghìn dặm có duyên sự cũng thành (1)
Xin đừng lo-lắng hết xuân xanh.
Tắc gang tay họa thơ không dứt,
Gần gũi cung dương lá vẫn lành.
Tên sẵn bút đề đường chinh-chện,
Trống mang dùi cặp đã phanh phanh.

Tuy không thả lá trôi dòng ngự, (2)
Chim tới vườn đào thể mới xinh.

- 1.—Do câu Hữu duyên thiên-lý năng tương ngộ.
2.—Do chữ "hồng diệp", tức tích "lá thắm đề thơ". Hàn Thúy Tần, cung nữ đời Đường, ở trong thâm cung rất buồn bực. Cung nhân quá nhiều, có người cả đời chưa được vua ghé mắt nhìn tới một lần. Mỹ nữ trăm họ bị tiến cung, phần lớn đều chết già trong cảnh cô đơn giữa cung cấm. Cô Hàn là người hay chữ, một hôm nhặt chiếc lá đỏ, đề bài thơ rồi thả trôi theo dòng nước xuôi ra ngoài thành. Thơ đề:

Nước chảy sao mà vội
Cung sâu cả buổi nhàn
Ấn-cần khuyên lá thắm
Đi quách tới nhân-gian !
Vu Hựu là khách nhà Hàn Vinh, nhặt được chiếc lá, đọc xong hiểu ý và thương-cảm, đợi thủy-triều lên, nước chảy vào cung, cũng đề thơ trên lá "gửi" vào :

Đã nghe lá thắm đề thơ oán
Trên lá đề thơ định gửi ai ?
Hàn Thị nhận được thơ, giữ làm kỷ vật. Sau nhân dịp triều đình thái bót cung nhân đứng tuổi trở lại dân gian, Vu Hựu đi tìm hỏi thăm mãi, gặp được Hàn Thúy Tần. Hai người mang lá ra so sánh, nhận ra nhau và kết thành vợ chồng, chung sống rất hạnh phúc.

Một tích khác, Lu Ốc thời Tuyên Tôn nhà Đường, khi đi thi ở Trường-an, nhặt được chiếc lá từ trong cung trôi ra, trên có đề bài thơ. Sau có chỉ thái cung-nhân ra, Lu Ốc cưới một người trong số đó, sau có dịp mới rõ ra chính là tác-giả bài thơ đề trên lá.

Một tích nữa, danh-sĩ Hầu Kế Đô đứng trên gác chuông chùa Đại Từ, trông thấy một chiếc lá ngô-đồng bay vòng vèo trên không rồi rớt xuống trước mặt, tò-mò nhặt lên xem, thấy có bài thơ. Hầu gia cất đi. Sau cưới nàng Lâm thị thơ hay, chữ đẹp lại giống bút tự của bài thơ trên lá. Hầu Kế Đô mang lá ngô-đồng ra hỏi vợ, mới hay nàng chính là tác-giả bài thơ ấy.

ĐỀN TRẦN QUỐC (1)

Ngoài cửa hành cung (2) cỏ dãi dầu,
Chạnh niềm cố-quốc nghĩ mà đau !
Một tòa sen lạt hơi hương ngự,
Năm thức mây phong điểm áo châu.
Sóng lớp phế-hưng coi vẫn rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng càng mau.
Người xưa, cảnh cũ đâu đâu tá ?
Khéo ngẩn-ngơ thay lũ trọc đầu.

- 1.—Trần-quốc là ngôi chùa ở phía Bắc Hà-nội, vua thường ngự tới hành-lễ và ngắm cảnh.
2.—Hành cung là chỗ vua ngủ đêm khi ra ngoài.

Quận ly Lái Thiêu là một vùng cây cối xanh tươi, nằm bên tả ngạn sông Sài Gòn. Khi chảy tới đây, lưu vực con sông bắt đầu mở rộng. Quốc lộ 13 chẻ quận ly ra làm đôi, một bên là chợ búa, tiệm buôn sầm uất; bên kia tiếp giáp với bờ sông Sài Gòn là các lò đường, lò gốm sản xuất lu hũ, bồn ăng, chậu choé. Khu sản xuất ở ven sông rất tiện cho ghe thương hồ cất hàng, đem sản phẩm tiểu công nghệ đi bán khắp nơi.

Con rạch Bà Lụa trên vùng đất Lái Thiêu, có khúc đầu chảy song song với sông Sài Gòn, rồi dần dần quẹo cong để đổ ra sông Sài Gòn. Ở ngay chỗ quẹo cong có ngôi đình làng, mái ngói âm dương, mặt tiền thâm u, ngó ra chiếc sân đầm mát bóng cây sung già gần trăm tuổi. Sau sân đình là bốn cây sao, tuổi cũng ngót nửa thế kỷ. Không khí nơi đây u trầm lạnh lẽo, rờn rợn bóng âm hồn.

Khoảng giữa năm 1966, một hăng đường đại quy mô được cất trên rạch Bà Lụa, gần ngôi đình cổ kính kia. Sinh hoạt vụt sôi động hẳn lên. Mỗi ngày, hàng chục chiếc xe cam-nhông chở đầy mía từ các làng Lương Hoà, Mỹ Hoà trên sông Vàm Cỏ Đông; các xuồng đẩy khảm mía từ các vùng lân cận... nườm nượp kéo về hăng. Đường cát sản xuất ở đây cũng trắng đẹp mịn màng không kém chi đường cát Hiệp Hoà.

Lái Thiêu là vùng có nhiều thổ sản. Trái bòn bon, trái dâu miền dưới, lôm chôm, măng cụt ở đây ngon ngọt nổi tiếng. Ngoài hăng đường còn có những lò đường tiểu công nghệ, sản xuất các loại đường đỏ như đường hột xoài, đường thẻ, đường cát mỡ gà... Đường hột xoài được đúc từng tán dày gần một phân, hình bầu dục, bụng hơi khuyết, còn đường cát mỡ gà thuộc loại đường bột, hột nhỏ hơn đường cát, mịn, có màu ngà sậm.

Cô Tư Cẩm Hương mà lối xóm ưa gọi là cô Tư Đạt-Linh (vì vợ chồng cô thường gọi nhau bằng *cưng* — theo tiếng Mỹ là *darling*) thường nói giọng theo thọt chua lôm:

— Đường mà tui uống nước chanh, cà phê, trà lip-tông phải là đường cát trắng thì tui mới chịu. Dọn cho khách Sài Gòn đến thăm một tiệc trà bánh với loại đường cát vàng ngàu như bột nước phèn hoặc đường cát mỡ gà coi nó khiếm nhã, nếu không muốn nói là tục tũ.

Bà giáo Khiết, má cô Tư Đạt Linh nguyền:

Người Cúi Mặt



Hồ
Trương
An

— Mày đừng có nói đồng... Nấu chè nếp với đậu trắng, gói bánh ếch nhân đậu, đổ bánh bỏ chan nước cốt dừa, làm bánh tổ bằng đường cát trắng thì làm sao ngọt đậm bằng đường thẻ, đường hột xoài? Còn trộn cốm dẹp bằng đường đỏ thì cốm dẹp sẽ có màu nâu làm nổi bật màu dừa nạo, coi ngon mắt hơn nhiều.

Bởi cô Tư Đạt-Linh có nước da ngăm đen nên cô chỉ thích đường cát trắng. Loại đường đỏ, dưới cái nhìn của cô sao mà khó ưa, giống màu mả nâu hay màu hổ phách già, nâu nâu đỏ đỏ huỳnh huốc, dẫu nó bắt ngát hương mật mía.

Chồng cô Tư Đạt-Linh là Tống Tế Hy, kỹ sư nông nghiệp. Dân Lái Thiêu gọi ông ta là thầy Tư Đạt-Linh. Thầy được bổ về làm giám đốc hăng đường cát ở Bà Lụa từ thời hăng mới khai trương. Cô Tư Đạt-Linh tốt nghiệp Đại học Sư phạm môn Anh văn và được bổ về dạy môn này tại trường trung học Trịnh Hoài Đức, Bình Dương. Vì thấy cô có học lực khá, có nghề nghiệp đàng hoàng, tuy không đẹp nhưng có duyên nên chàng kỹ sư ưng bụng lắm, nhờ mai mối đến nhà ông bà

giáo Khiết. Thế là ít tháng sau, cô Tư Cẩm Hương trở thành vợ của Tống Tế Hy. Cô được cha mẹ cho một ngôi nhà bánh ếch lợp ngói vẩy rồng, tường đúc bê tông nằm giữa miếng vườn cây ăn trái, rộng năm mẫu làm của hồi môn.

Vợ chồng tuy gọi nhau là *đạt-linh* ngọt lịm lịm nhưng theo bọn tôi trai tớ gái trong nhà xầm xì xụt xịt thì ông bà chủ họ đồng sàng dị mộng. Phu không dám xướng, mà dẫu phu có dám xướng thì phụ mười chuyện mới tùy một chuyện. Cô Tư cãi chồng tưng tưng, mắng chồng xon xòn. Chuyện vợ ăn hiếp chồng chẳng mấy chốc lọt ra ngoài rồi lan truyền từ lùm khấp quận Lái Thiêu. Họ đặt về như vậy:

Nhà Tống Tế Hy

Vợ nạt, chồng quỳ

Phu không dám xướng

Phụ chẳng thèm tùy

Thầy Tư Đạt-linh thì chí thú làm ăn, còn cô Tư thì mê thể giới mông-đen (mondaine) có hộp bàn bài bạc, khiêu vũ, văn nghệ... Cô thường tìm dịp đi Sài Gòn, giao du với bạn bè mà cô tầm tắc là hạng tài tử giai nhơn rồi mở tiếp tân, yến tiệc tại nhà để khoản đãi. Thầy Tư tuy một cầm canh cũng phải rán tham

dự.

Cô Tư Đạt-linh luôn than vãn rằng chỗ ở của mẫu người yêu đời lạc quan như cô phải là Sài Gòn. Tối tối, nơi đó cô có thể đi chơi thăm bạn bè, ăn cao lầu, qua Tân Thuận ăn tôm cua sò ốc. Cuộc sống ở Lái Thiêu sao mà tẻ ngắt. Sáng, chồng cô dùng xe hơi đưa cô đến trường Trịnh Hoài Đức, cách Lái Thiêu 8 cây số trước khi quay về làm việc ở hãng đường. Chiều chiều, thầy lên trường đón vợ về. Tối tối, cô chỉ quanh quẩn ở nhà, năm khi mười họa cô mới đi ăn mì, cháo, sấm bổ lượng, uống nước mía, nước dừa xiêm ở chợ Lái Thiêu, rồi ra ngẩn vào ngơ cho tới giờ đi ngủ.

Cô Tư Đạt-linh chê chồng mình cù lần. Ai đời có đi học bên Tây mà thầy Tư không biết khiêu vũ. Đọc sách văn chương, triết học? Không. Đánh bóng bàn, chơi túc cầu? Không. Hỏi cô đào đóng phim *Roméo and Juliet* là ai thì thầy bủ trất. Hỏi thầy thích giọng hát Thái Thanh hay giọng hát Thanh Tuyền thì thầy đục cái mặt ra, coi kém văn minh hết sức!

Tuy nhiên, cô Tư Đạt-linh còn được an ủi: nội trong quận Lái Thiêu, chồng cô là người có học thức, có bằng cấp cao nhất. Vợ chồng cô nhờ địa vị sẵn có, trở thành thân hào nhưn sĩ địa phương. Hễ có lễ lạc, yến tiệc tiếp tân do bên chi khu hay bên hành chánh khoản đãi là vợ chồng cô được mời. Vợ chồng cô vô ra dinh quận trưởng kiêm chi khu trưởng hà rầm. Chồng cô khi thì đi uống rượu, ăn lẩu cá sạo với ông chi khu phó, khi thì dự tiệc nhà riêng ông phó hành chánh. Các phu nhưn trong quận ly như bà quận trưởng, bà chi khu phó, bà phó hành chánh, các bà trưởng ban thì lui tới nhà cô luôn. Họ bắt chước cô trang điểm. Bà quận trưởng thì đưa đòi làm kiểu nữ trang như cô: hột xoàn tra vỏ bạch kim, chiếc nhẫn sa phia có hột xoàn tẩm bao quanh. Bà chi khu phó uốn tóc cùng kiểu với cô, thoa son Elizabeth Arden, đánh phấn hồng Lancôme, xức nước hoa do hãng Christian Dior bào chế cùng với cô cho có bạn. Bà phó hành chánh thì ráo riết học Anh văn để có dịp chêm tiếng Anh dỏ quẹo trong các buổi tiếp tân do bà quận trưởng khoản đãi, có mặt các cố vấn Mỹ.

Vào thuở 1970, Lái Thiêu có Trung tâm Huấn luyện Nghĩa quân. Mỗi kỳ mãn khoá có tổ chức văn nghệ do nghệ sĩ Sài Gòn lên trình diễn. Thôi thì đủ thứ

tập lỵ: có ca sĩ hát loại nhạc *anh tiền tuyến*, *em hậu phương*, có ca sĩ hát loại nhạc *yé yé*, nhạc *pop*, nhạc *soul* bằng tiếng Anh tiếng Pháp, có hài hước, và nhứt là có màn sexy show một trăm phần trăm. Các cô vũ sexy là thứ lỏng tong lỵ chốt, nửa nghệ sĩ nửa điểm lỵ, mỗi khi lên Lái Thiêu trình diễn là có màn ăn nằm với viên quận trưởng kiêm chi khu trưởng, với sĩ quan cố vấn Mỹ, với viên thiếu tá chỉ huy trưởng trung tâm huấn luyện. Vậy mà khi họ bắt đầu cỡi từng món dưới ánh đèn rọi, chờn vờn uốn éo mình xà, chồng mộng nẩy người trước hàng thân hào nhân sĩ, họ đã làm nhiều ông bà đổ mặt tía tai. Tới pha chót dành cho một người mở cái móc quần xì-líp để hoàn toàn khoả thân là họ chạy lại thầy Tư Đạt-linh, ớn ớn vừa múa vừa cầm tay thầy đặt chỗ gò cao dưới mảnh xì-líp để thầy mở cái móc. Chỉ có vậy thôi mà mặt thầy đỏ như trái dưa hấu bổ đôi khiến cô Tư thấy chồng mình vừa chuối, vừa thộn làm cô nhột nhạt lắm.

Cô Tư Đạt-linh mê thơ của Tường Linh, nhứt là cái câu *Người trên lưng ngựa, ngựa trên lưng đèo*. Từ hồi chưa lấy chồng, cô mơ ước gặp được người trong mộng, cao, to, oai như các tài tử đóng phim cao bồi cỡ John Wayne, Clint Eastwood, Edddie Murphy... Nhưng Lái Thiêu làm gì có một trang anh tuấn cỡi tuấn mã kiểu kiếm hiệp, từ trong giấc mộng thanh xuân của cô chun ra ôm choàng lấy cô, hun cô thiệt mùi mẫn?

Vào năm 1970, xa lộ Đại hàn khởi công xây cất, xẻ rừng chồi rậm nằm song song với quốc lộ lên Bình dương, xuyên qua Búng. Khi xa lộ vừa xây xong, ở khoảng đất trụi lủi nằm giữa quốc lộ và xa lộ có một gò cao. Một hôm lái xe qua đó, cô Tư Đạt-linh bắt gặp bóng hình trong giấc mộng thanh xuân của mình: một tên Mỹ cỡi honda đen lên chơi trên gò. Trong ánh chiều phớt ngược, dáng hần vẽ một nét đen thẫm, sắc sảo, hùng tráng trên nền trời hồng đang chuyển màu cam vàng chói lọi. Tên Mỹ đó làm trong ban cố vấn của chi khu. Cô Tư đã nhiều dịp chuyện trò với hần trong các cuộc tiếp tân tại dinh quận trưởng. Mấy lần trước, cô chỉ thấy hần khô ngò, dễ mến mà thôi. Nhưng trong buổi hoàng hôn đó, trên gò cao, bóng dáng nó khiến cô nhìn lại cuộc hôn nhân không tình yêu của mình cùng những năm tháng sống tẻ ngắt bên cạnh chồng.

Thầy Tư Đạt-linh trở thành con nai mọc sừng mà thầy không hay. Sừng càng lúc càng dài, thành chà thành gạc mà thầy vẫn yên trí mình được vợ cung vi cô ăn nói dịu ngọt với chồng hơn châu xua tuy cô vắng nhà hà rầm. Cô đã dan díu với tên thiếu tá Mỹ sau hôm ngấm hần trên gò cao buổi hoàng hôn oan nghiệt đó. Oan nghiệt cho chồng cô thì đúng hơn vì cô rất hạnh phúc trong vụ ngoại tình.

*
* *

Trước ngày quốc nạn một tuần, cô Tư Đạt-linh bảo chồng rằng cô đi Sài Gòn để kiểm đường chạy khỏi Việt Nam. Nhưng rồi cô không trở về nữa. Cô đã dắt hai đứa con trai đi theo thằng thiếu tá Mỹ. Thầy Tư Đạt-linh ở lại, chong cặp mắt thất thần nhìn cộng sản tịch thu nhà và vườn, vì trong giấy tờ, nhà và vườn do cô đứng tên. Khi thấy vợ vào ngày 28 tháng 4 chưa trở về, thầy Tư phước chí tâm linh mở tủ sắt ra. Nữ trang bằng vàng, ngọc thạch, kim cương đã không còn nữa. Chỉ có bốn mươi lượng vàng lá. Thầy chết điếng, nhưng cũng hiểu rằng vợ mình không đến nỗi dồn mình vào tuyệt lộ. Vàng này là dành cho thầy làm của hộ thân. Thầy vội đem vàng ra khỏi nhà, bí mật chôn lên trong miếng đất trống sau hãng đường.

Ngày 7.5.75, thầy bị đuổi ra khỏi nhà, dành mướn một căn nhà nhỏ gần tổng hành dinh chi khu cũ. Ông bà giáo Khiết kêu trời kêu đất, khóc than với thằng rể bạc phước. Thầy Tư đành an ủi cha mẹ vợ:

— Em Tư và con không còn yêu nhau nữa thì đây là dịp chia tay. Nó hốt một mớ nữ trang đem theo là để làm vốn nuôi mấy đứa nhỏ.

Dẫu nói vậy nhưng thầy Tư vẫn đau khổ. Thầy còn yêu vợ. Bấy lâu nay dù cô Tư có tai ngược hiếp đáp thầy, nhưng thầy đã quen phục tùng nên nhà cửa vẫn ấm êm. Nay cô bỏ đi, cảnh nhà hiu quạnh, thầy đâm ra lạc lõng, ngơ ngẩn mất hồn.

Nhưng còn sống thì thầy cần phải tranh đấu, phải làm lại cuộc đời. Hãng đường Bà Lụa bị cộng sản tiếp thu. Thầy nhờ có người anh ruột đi tập kết về và nhờ hồi học bên Tây thầy có theo phong trào chống Mỹ nên thầy tạm thời được làm chủ nhiệm hãng đường, chờ tên cán bộ nào đó vào thay.

Một hôm khi moi đồng giấy tờ cũ, thầy Tư tìm được tờ chứng nhận thầy

là hội viên hội sinh viên hải ngoại yêu nước. Lập tức thầy đem trình nó với Ủy ban Nhân dân rồi đi Sài gòn làm phóng ảnh hai chục bốn để phòng khi cần đến. Thầy cũng không quên mang các phóng ảnh tới ông chủ tịch xã nhờ thị thực sau khi dẫn lão ta đi nhậu một bữa lẩu cá sạo và lươn um rau ngổ nước cốt dừa.

Ngày tên cán bộ tân chủ nhiệm sắp đến, bên xã lo nghi lễ tiếp rước long trọng vì nhân dịp này có khách Cuba đến tham quan. Trước sân đình, một khán đài được dựng lên, bốn góc cột và cổng đình bện lá đuông đình. Ở khán đài, lá cờ búa liềm căng rộng sau bàn thờ tổ quốc. Tấm ảnh Hồ Chí Minh được phóng đại kê trên nền lá cờ cộng sản quốc tế, sau đỉnh hương trầm và cặp chân đèn bằng đồng lau chùi sáng như vàng diệp... Ban nhạc địa phương luyện tập ngày đêm cho nhóm thanh niên xung phong và nhóm thiếu nhi khăn quàng đỏ hát bài *Tiến Quân Ca*, *Giải Phóng Miền Nam* và *Quốc Tế Ca*.

Thầy Tư Đạt-linh đầu có chết điếng vì thời cuộc dồn dập, gia cảnh đảo điên nhưng bản năng sinh tồn vẫn mạnh. Thầy lấy giấy chứng nhận hội viên của hội Sinh viên Hải ngoại Yêu nước đóng khung, lộng kiếng và treo ở văn phòng để khoe mình là phần tử tiến bộ, mong tên tân chủ nhiệm bớt khắt khe với thầy, để thầy yên thân sống cho qua ngày đoạn tháng.

Trước đó, thầy Tư đã mua một đôi dép râu, một cái nón cối có mang phù hiệu tròn nền đỏ lộng sao vàng. Thầy còn đi hớt tóc cụt và thiến phăng bộ ria mép mà thầy đã tốn công o bế...

Bên xã bữa đó có cuộc họp nhằm mục đích kê khai thành tích "cách mạng". Tên cán bộ ở Ủy ban Nhân dân chủ tọa buổi họp, giọng ngọt còn hơn đường Bà Lụa:

Trong suốt cuộc đời mình, cũng có lúc mình có công với cách mạng chứ chẳng không đâu. Các anh chị cứ thông thả nhớ lại đi. Chẳng hạn như trước kia, khi các anh chị đọc báo thấy vụ án Mỹ Lai tàn ác quá, các anh chị hô hào chống Mỹ, đó cũng là có công với cách mạng.

Nói xong, hắn ta phân phát cho mỗi người một tờ giấy trắng, một cây bút nguyên tử. Mọi người nhíu mày nhăn mặt, nặn óc vắt não ra để kiếm chuyện kể công với "cách mạng".

Cầm cây bút nguyên tử, đối diện với tờ giấy trắng, thầy Tư nhớ tới những năm du học ở Pháp. Thầy thuộc loại chỉ

vô tâm thức

*Nhân thể, ngọn dao
Bổ vào tim, óc
Người đang cười, khóc
Rồi mọc tim ra
Rồi xẻ làm ba
Chia cùng nhân loại*

*Đây phần tim ta bắt toại
Vết thương quần quai cơn đau
Ta mời tất cả, cùng nhau
Mổ. Xem nơi nào, vết cứa?*

*Đây phần tim ta héo uả
Máu đào đen, ứa từ trong
Giòng đời chảy, một nhánh sông
Ai đem gột bùn cho sạch.*

*Đây phần tim chai thành gạch
Với bao động mạch đã khô
Ta tìm ghềnh đá hư vô
Mài cho mòn ra thành mực*

*Ngày mai, ta ôm lồng ngực
Bật cười bên vực vô tâm.*

nguyễn phước nguyên



thú ăn học nên được học bổng, trong khi đó đa số sinh viên du học là con ông cháu cha, lo lót xuất dương du học để trốn lính. Toà đại sứ Việt nam Cộng hoà tại Pháp ưa nịnh con nhà giàu, hống hách với các sinh viên thế cô. Như vậy, họ đã đẩy sinh viên vào tay cộng sản vốn sẵn sàng ngọt bùi, giúp đỡ sinh viên nghèo. Thầy Tư chẳng biết chủ nghĩa quốc gia hay ho tới bậc nào, chủ nghĩa cộng sản tròn méo ra sao. Nhưng khi có việc phải tới toà đại sứ là thầy bắt ớn nhợn. Lũ nhân viên toà đại sứ từ trên xuống dưới đều rất một phurong cà xốc, hạch sách làm khó dễ khiến thầy tủi thân. Trong khi đó thì tụi cộng sản lại ve vãn thầy, đưa thầy vào hội Sinh viên Hải ngoại Yêu nước...

Đang lúc mọi người viết ngon trớn, tên cán bộ nói thêm:

— Trong lúc kể công lao với cách mạng, các bạn nhớ ghi luôn nguyện vọng của mình và những ai đã từng gây trở ngại cho các bạn trong công tác để chúng tôi tiện theo dõi.

Để khai tốt với cách mạng, mọi người cố gắng moi móc trong hóc hèm tối tăm của trí nhớ và rồi cũng tìm ra. Thăng Sáu Hộ khai rằng hồi trào trước, nó biết tờ *Tin Sáng* chống Mỹ

Thiệu nên nó khuyến khích bạn bè đọc báo đó cũng như nó đã từng khen Ngô Công Đức, Hồ Ngọc Nhuận hết mình. Trong khi viên cán bộ đọc lời khai của nó, mặt nó dúc dắc, mắt đảo tới đảo lui rồi qua rồi lại nhóm người cùng họp ra về hiu hiu tự đắc khiến ai nấy ứa gan. Tới ông chủ lò đường Tám Trinh, ông khai ông có đóng thuế giúp cách mạng, thôi cũng được đi nhưng ông lại tố khổ thêm tên trưởng phòng tình báo ở chi khu là cú cà rà tổng tiền ông dù là hần ta đã đi học tập mùa. Trong lúc tên cán bộ đọc tờ khai của ông thì em của viên trưởng phòng tình báo ngồi gần đó, mặt hần từ đỏ vì giận dữ chuyển sang tái mét vì sợ hãi, ném về ông ta cái nhìn sấm sét căm thù. Tới phiên tờ khai của thầy Tư Đạt-linh được đọc lên. Thiên hạ coi bộ không mấy thần phục thành tích hoạt động của thầy cho "công cuộc vận động cao trào cách mạng ở hải ngoại" bởi lẽ ngoài hồn danh Tư Đạt-linh, thầy còn bị kêu là "kỹ sư lột quần xì-líp". Rồi những lần thầy vô ra dinh quận trưởng, đi ăn nhậu với viên chi khu phó, đi giang thuyền lên xã An Sơn ăn tôm nướng, cá hấp với viên trung đội trưởng nghĩa quân... làm sao thiên hạ quên được?

Sau đó cuộc họp giải tán vào lối 1 giờ sáng. Mọi người lục tục ra về, cà khịa nhau, cấn đắng nhau. Thù hận, ganh ghét đã được khơi mào. Từ giờ chính quyền cộng sản phải cẩn thận theo dõi dân tình, dân chúng đã sẵn sàng dọ thám, điếm chỉ, tố khổ nhau rồi.

Cũng từ đó, mỗi ngày khi thầy Tư Đạt-linh từ chợ xách giỏ đồ ăn về là mấy mụ bành chằn ăn trần quần trong khóm tìm cách qua nhà thầy dòm hành. Thím Bảy Cồn giả bộ qua mượn cây kềm. Cô Chín Ên mượn có đem trả cái búa. Chị Tư Hồ thì làm điệu thân tình đem qua tặng thầy khi thì nhúm rau khi thì trái mướp... Họ đảo mắt khắp căn nhà bày biện lồng chổng, xét nét tới rổ đồ ăn của thầy. Họ nghi thầy giấu điếm một ít vòng vàng hột xoàn. Rổ thức ăn kia sẽ chứng minh mức sống hiện thời của thầy. Nhưng thầy đâu có ngu, thầy chỉ mua thức ăn ngon khi thoát được lưới dò xét của họ, thường thì thầy bày trên rổ thứ cá lụn vụn, tép muối, tép bạc, mớ rau...

*
* *

Ngày đón tiếp tân chủ nhiệm, thầy Tư sửa sang y phục, diện dép râu và nón cối trong buổi lễ.

Tên tân chủ nhiệm dặt theo tên Cuba trạc tuổi bốn mươi, râu ria nhẵn nhụi, mặc cô-m-lê màu cứt ngựa, áo có cầu vai và bốn túi bỏ ngoài quần. Trong lúc bọn nhi đồng quàng khăn đỏ hát "như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng", tên tân chủ nhiệm quay qua trách nhỏ:

— Anh không nên đội nón cối đi dép râu. Anh chưa có công gì với cách mạng. Khi dẫn đồng chí Cuba đi tham quan hãng xưởng, tôi yêu cầu anh chỉnh đốn lại việc ăn mặc.

Thầy Tư sưng người, như bị tạt

nước lạnh vào mặt, bị nước đá áp vô sống lưng.

Phòng thí nghiệm là chặng chót của cuộc tham quan. Thầy Tư Đạt-linh chỉ cái *saccharimètre* dùng để đo thành phần đường trong nước cốt của mía và cái *PH mètre* dùng để đo độ chua của đường rồi hỏi:

— Hãng đường ngoài Bắc có hai thứ này không?

Tên tân chủ nhiệm nhìn các món đồ như nhìn vật do bọn phù thủy chế ra, mặt mày ngơ ngáo. Sau khi được dẫn giải, hắn nói liều:

— Đường làm gì có thể chua được mà các anh lôi thôi? Ngoài Bắc chúng tôi đâu cần biết trong nước cốt mía có bao nhiêu đường mà vẫn làm thành đường như thường.

Hết nói nổi rồi. Té ra ngoài Bắc làm đường theo kiểu kinh nghiệm do ông bà già xưa truyền lại. Thầy Tư dần dần mới không nói rằng hãng Bà Lụa nhờ hai cái máy quái quỷ này mà việc làm đường luôn chính xác, không bị hư hỏng, lại tiết kiệm được công suất và thì giờ.

Tên tân chủ nhiệm chỉ chiết:

— Chẳng có máy móc nào qua nổi trí tuệ con người, anh bạn ạ. Chúng tôi thắng Mỹ cũng bằng trí tuệ, nhất là nhờ được bác Hồ đốt đuốc soi đường...

Trong bữa tiệc do hãng khoán đãi, tên tân chủ nhiệm hết lời tán dương kỹ nghệ làm đường ở Cuba. Hắn bảo:

— Bọn Mỹ đế quốc định tẩy chay thuốc lá La Havane để bóp nghẹt ngành kinh tế Cuba, nhưng bọn chúng lầm to. Song song với kỹ nghệ thuốc lá, người anh em Cuba còn làm đường. Đường mía Cuba làm bọn chúng lác mắt.

Qua viên thông ngôn, thầy Tư Đạt-linh hỏi viên cố vấn Cuba:

— Bên Cuba trồng mía gì để làm đường?

Tên cố vấn có vẻ tự đắc:

— Chúng tôi trồng mía NCOS10. Còn thời Mỹ ngụy, các anh trồng mía gì?

Thầy Tư biết nói sao đây? Thứ mía NCOS10 đã lỗi thời rồi. Suốt 40 năm qua, miền Nam đâu có trồng thứ mía cung cấp ít đường đó. Từ 30 năm trước, dù không có hãng đường tối tân, dân quê miền Nam đã biết trồng thứ mía H.393633 mà họ gọi là mía tây, thích hợp dễ dàng với các loại phân hoá học, phân xanh hay phân chuồng.

Thầy Tư Đạt-linh chỉ nói vắn tắt:

— Hơn 40 năm rồi thứ mía NCOS10 đã tuyệt giống, chúng tôi chỉ trồng mía H.393633.

Gã tân chủ nhiệm ré lên:

— Đấy! Bọn Mỹ ngụy đã tiêu diệt giống mía cổ truyền quý báu của ông cha ta.

Thầy Tư lên tiếng

— Thừa đồng chí...

Tên chủ nhiệm sửa lưng:

— Đừng gọi tôi là đồng chí, hãy gọi tôi là thủ trưởng.

— Thừa thủ trưởng, hồi 40 năm trước, Mỹ chưa qua đây.

— Thì thực dân Pháp ăn cắp giống mía của chúng ta đem về trồng ở xứ nó.

— Bên Pháp không có khí hậu thích hợp để trồng mía.

— Thì chúng nó đem mía cho các nước chư hầu của chúng nó trồng.

— Thừa thủ trưởng, đảo Réunion và quần đảo Antilles từ lâu trồng mía H.393633, mía này dễ trồng và cho nhiều đường hơn.

Tên tân chủ nhiệm gằn giọng:

— Anh có vẻ còn mơ ước bọn thực dân đế quốc quá nhỉ?

Chức vụ phụ tá hãng đường dù sao đi nữa cũng giúp cho thầy Tư Đạt-linh đỡ khổ với bọn người ganh tị ở Lái Thiêu nhưng thầy vẫn chưa được vào biên chế. Thầy chỉ phải đi thủy lợi, đi dân công. Trong thời gian đầu, bọn dân ngu khu đen thuở trước nhảy vô làm cách mạng 30, tỏ vẻ khinh nhờn thầy ra mặt. Thắng Mười Thước vốn là tiểu đội trưởng nghĩa quân xã Huy Định, trước kia gặp thầy thì khúm núm một điều "bẩm ông kỹ sư", hai điều "thưa ông kỹ sư", vậy mà nhờ đảo ngũ trước quốc nạn một năm, giờ hắn lên chun lên cảng, gặp thầy nó nói cười xông xổng rồi kêu bạn này bạn nọ như người ngang hàng. Còn thằng Bảy Ngọn làm



việc cho ban tiếp liệu chỉ khu nữa chi, cái mặt dày và thô nặng như cái cối đá đó năm trước nợ thầy hai ngàn đồng bạc không trả nên hề gặp thầy là len lét như rắn mỏng năm. Vậy mà giờ đây nó mặt trơn bóng khai đã làm tốt cho cách mạng bằng vụ gỡ đầu đạn M16 thành đạn mã tử bắn chim sẽ khiến tội Mỹ ngụy bị hao đạn. Tên cán bộ chủ toạ nghe qua khoái chí lắm. Hắn muốn bắn chim sẽ đem về rô ti ăn kèm với rau diếp nên sốt sắng hẹn với Bảy Ngọn đến kho lúa của ông bang Phúc Kiến để bắn thử.

Từ khi được tiếp tục làm việc ở hăng đường, thầy Tư đồ bị tội đón gió trở cờ kia eo sèo những nhiều. Để được chóng vào hàng ngũ công nhân viên nhà nước, thầy Tư Đạt-linh ra sức chỉ vẽ tên tân chủ nhiệm cách điều hành hăng xưởng, cách sử dụng máy móc trong hăng. Thầy Tư đâu dè vì còn dốt nên hắn còn nhát, còn run, không dám tự mình điều khiển hăng đường Bà Lụa. Giờ đây, lần hồi học hỏi, có thể quán xuyến hăng đường nên hắn phải tính kết hắt thầy ra khỏi hăng, để hắn có thể giờ trò tham nhũng, ăn bớt ăn chặn mà không ai biết.

Sau hai năm học hỏi, tên chủ nhiệm quyết định đẩy thầy Tư ra khỏi hăng. Hắn ra lệnh cho thầy phải trồng một mẫu hom mía H 393633 theo cách thức "tiến bộ" của hắn. Thầy Tư Đạt-linh sau khi xem qua tờ thảo của tên thủ trưởng, mặt xanh như mặt máu:

Thưa ông chủ nhiệm, tôi thiết nghĩ không nên vui ngay mấy hom mía xuống đất. Phải ủ hom mía lỗi ba ngày cho chất dinh dưỡng trong lòng mía có đủ thời giờ gom về phía hai bên lòng mía. Theo tờ kế hoạch này thì chưa chi ta vui hom mía xuống đất rồi cứ tưới nước thí mạng thì mầm mía sẽ lụi ngay.

Tên chủ nhiệm vỗ bàn:

— Tôi đã từng làm việc trong nhiều hăng đường ở ngoài Bắc, đã từng tham quan nhiều sở mía, làm sao tôi có thể lầm được.

Thầy Tư Đạt-linh gãi đầu:

— Đó là cách trồng loại mía khác, còn đây là mía H 393633.

Tên chủ nhiệm cười lạt:

— Mía nào cũng là mía. Mía nào cũng phải khuất phục dưới ý chí và trí tuệ của con người.

Hắn nhấn mạnh chữ "ý chí" và "trí tuệ", môi xéo qua xéo lại làm thầy Tư rùng mình, nhưng thầy nhứt định không ký vào tờ soạn thảo.

Thế là có một cuộc họp giữa ban điều

hành và các công nhân trong hăng do tên chủ nhiệm chủ toạ. Thầy Tư ảo não ngồi vào chiếc bàn bầu dục thật dài. Đầu bàn, tên chủ nhiệm mặc áo bốn túi nâu, sau lưng hắn là bức hình Hồ Chí Minh nổi bật trên nền cờ búa liềm đỏ. Bữa đó, tất cả nhân vật trong cuộc họp đều giơ tay biểu quyết theo hắn. Sự sợ hãi đã biết tất cả thành vật, chỉ có tên chủ nhiệm còn là *nhân*. Hắn cười đắc ý bảo:

— Chúng ta nhất trí như vậy nhé...

Thầy cúi mặt rời cuộc họp. Đêm đó thầy đối diện trang giấy trắng, nắn nót viết đơn, phân trần về vụ ươm mầm mía, mong chạy tội nếu thất bại. Thầy cũng mang máng hiểu rằng lá đơn này sẽ không bao giờ được xét và thầy sẽ bị hắt ra khỏi hăng. Nhưng nếu bị tố ra khỏi hăng còn đỡ, thầy chỉ lo bị buộc tội phá hoại để rồi đi học tập mùa thì oan ức cho thầy biết mấy.

Từ khi các hom mía vùi xuống đất và bị tưới nước như chan canh, thầy Tư Đạt-linh cứ cúi gằm mặt, không dám nhìn ai. Trong lúc chờ đợi vụ ươm mầm thất bại, đêm đêm thầy mơ thấy mình cùng tên chủ nhiệm giong thuyền lên đồn An Sơn vào mùa nước nổi. Hắn xô thầy xuống nước, nước cuốn thầy phăng phăng ra sông Sài gòn ngẫu đực... Tỉnh giấc, mồ hôi thầy thấm ướt áo. Và khi nhắm mắt, sau mí mắt khép hờ, thầy thấy mười lần đủ chục tên mình trong cái danh sách tội phạm dài ngoằng niêm yết nơi ủy ban an ninh quận mỗi ngày thứ sáu.

Các hom mía bị thui mầm. Trong giấy tờ, việc ươm mầm mía là do thầy Tư đảm trách. Đương nhiên thầy bị mất việc. Từ đó, đêm đêm bọn điếm chỉ lòng tong tép muối gõ cửa đòi xét nhà, quấy phá thầy.

Cuộc nội chiến vừa qua gây chết chóc, ly tán, làm cho con người mất thế quân bình, nội tâm không còn thanh thản nên khi cộng sản vào, khuyến khích điều ác, xúi giục tố cáo nhau, một số người đã nhảy ra làm điếm chỉ với vẻ rất tự hào. Trong hàm răng có một cái bị nhổ đi, các răng khác sẽ xiêu vẹo... Thầy Tư kinh nghiệm nhiều về sự mất mát, chông chênh từ lòng người lan ra cuộc đời nên thầy chỉ biết cúi mặt. Có thể lúc còn làm phụ tá cho tên chủ nhiệm, thầy đã kèn kiệu nên chúng ghét. Cũng bởi lúc đầu bị bọn hạ lưu khinh rẻ nên khi được tiếp tục làm việc, thầy mất thế quân bình, đâm ra cao ngạo, xác xược khiến chúng thù hận.

Giờ đây dậu đổ bìm leo, mỗi bữa thứ năm, thứ sáu, tội công an chim, tội mật báo viên lỗi thầy ra trụ sở công an để chứng kiến những phiên xử của toà án nhân dân. Tới đó thầy mới thấy rõ mầm tốt dễ bị lụi vì nó khó vun quén, còn mầm xấu thì vốn đã có gốc rễ trong tiềm thức, giờ được cộng sản khuyến khích nên nó phát triển mạnh. Họ tố nhau đến cạn tàu ráo máng.

Cô giáo Anh Vân tố cô giáo Hoài như sau:

— Thưa các đồng chí an ninh xã, thưa các đồng chí an ninh huyện, thiết tình thì tôi thương em Vương thị Hoài như em ruột, nhưng em Hoài này có cái tệ là chầu xưa, hồi thời Mỹ ngụy, em ưa nịnh lũ học trò con cái của tội hành chánh, sĩ quan ngụy. Còn đối với con của các đồng chí cách mạng nằm vùng, em tỏ ra hững hờ lạnh nhạt, và hề các em học trò đáng thương đó có chi lầm lỗi là nó mắng xon xồn.

Cô giáo Hoài bị giữ lại ủy ban nhân dân xã Hưng Định ba ngày, bị bắt làm bản tự phê tự kiểm mấy lượt, mặt mày lợt lạt hốc hác. May mà gia đình một em học trò có cha bỏ nhà vào bụng đã từng được cô giúp đỡ can thiệp dùm nên cô mới được phóng thích.

Nhưng đâu đã hết. Chồng cô Anh Vân lẹo tẹo với một mục cán bộ, cô Anh Vân ghen mà không dám mở miệng. Con ở của cô vốn là em bạn dì của cô Hoài bắt được khẩu súng colt mà hồi trước anh rể cô Hoài cho con trai cô mượn, tố cô có âm mưu phản động. Cô Anh Vân vốn yếu tim, bị sốc đó chết ngay trong lúc làm tờ tự kiểm tại căn nhà giam biệt lập.

Thầy Tư Đạt-linh trước cuộc đối thay chớp nhoáng, trước nhân tâm ly tán đó, thầy chỉ biết cúi mặt như con đà điểu giấu đầu trong cát. Nhưng ngày xưa thầy đã từng quyền cao chức trọng, đã từng ăn trên ngồi trước thiên hạ, nay thầy dù cúi mặt, bọn dân hạ lưu kia đâu dễ quên trong một sớm một chiều. Năm người mười ý nhưng bọn Mười Thước, Bảy Ngọn, Tư Hồ, Bảy Cồn đều "nhất trí" phải bưng thầy đi.

Thứ sáu đó, tại trụ sở ủy ban an ninh huyện, tên Tổng Tế Hy được yết trên đầu danh sách. Bầy cựu thù vì ganh ghét kia đứng lên, đồng thanh buộc tội thầy: gài vợ ngủ với cố vấn Mỹ để được làm CIA; có âm mưu phá hoại tài sản nhà nước qua vụ ươm mía thất bại.

Toà án nhân dân hôm đó xử thầy Tư Đạt-linh đi học tập liền ở trại Bù Đốp.

△

Bông Hồng Trên Bãi Rác

Thanh Phương

Ngoan xua đàn ruồi đang bu trước mặt, nó kéo chiếc quai nón che mũi, mùi rác rưởi ung thối từ những đồng rác khổng lồ nơi bãi rác vẫn xông lên nồng nặc. Ngoan khạc xuống đồng rác gần đấy khiến một bầy ruồi khác lại bay loạn cả lên. Nhưng cạnh Ngoan, thằng Đen vẫn còn phải vét cho hết chỗ rác ứ đọng trong chiếc xe ba bánh dùng đổ rác hàng ngày.

Ngoan chợt hỏi Đen:

— Bộ anh còn giận ba tui nhiều lắm sao?

Hình như tiếng nói của Ngoan làm Đen giật mình, nó ngơ ngác một giây rồi chợt như lại chuyện cũ, thở dài đáp:

— Ông đập thì tui cũng chịu, nhưng ngặt một nỗi cứ hờ một chút là ông xén bớt lương. Cô coi một tháng ông cho có ba trăm bạc chớ mấy. Đi theo xe rác mỗi ngày cực khổ muốn chết mà có ba trăm, vậy mà hờ một chút là ông trừ lương. Nghĩ có bấy nhiêu đó mà tui buồn quá mạng đi.

Giọng Ngoan nhỏ nhẹ:

— Thôi anh Đen à. Anh nghe tui đi, ông già lúc này ông sanh tật như vậy chớ cái bụng ông không có xấu với ai đâu.

Ngừng một lúc, rồi Ngoan kể lể:

— Anh Đen coi, như hồi đó tui mới

nói mí là kêu anh tới làm với ông, vậy mà chưa từng thấy mặt anh, ông cũng ừ liền. Anh thấy hông, ông cũng có nhiều lúc dễ thương lắm chớ.

Đen cười nhẹ:

— Thì tui đâu có quên ơn cô Ngoan đã xin giúp chỗ làm này cho tui. Nói thiệt với cô chớ mà cái đời tui sao nó khổ cầm canh. Cực quá chừng chừng. Nhưng thôi, miễn là ông đừng có bớt lương của tui là tui chịu. Của tui bao nhiêu cứ trả đủ cho tui, còn thì làm nhiều làm ít tui cũng không có sao hết á.

Ngoan nhìn ra xa, nói với vẻ tự lự:

— Nói như anh cũng phải quá chớ. Bớt tiền lương của mình có khác gì mình đang ăn mỗi bữa hai tô, bây giờ còn có một. Phải vậy hông? Mà thôi, tui

hiếu anh lắm chớ. Cứ để đó đi, bữa nào hướn hướn có một mình tui với ông tui sẽ nói chuyện này cho anh.

Rồi Ngoan chợt đổi giọng, có vẻ dịu dàng hơn:

— Như vậy là anh chịu rồi hén? Chịu hén anh Đen?

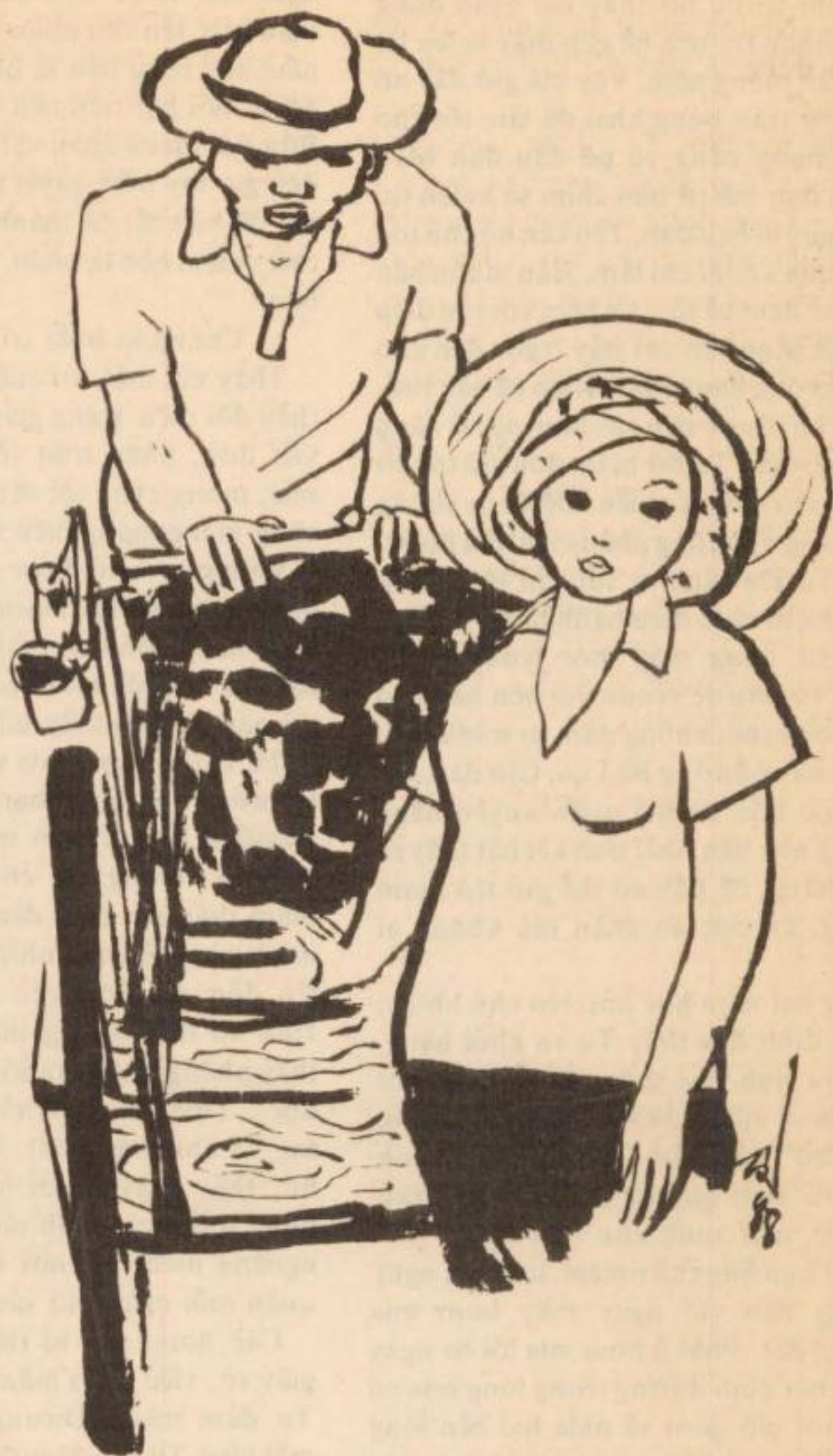
Đen ngạc nhiên:

— Thì hết bị bớt lương là tui chịu gấp chớ có gì đâu mà cô thắc mắc?

Ngoan cười chúm chím:

— Nói thiệt anh nghe, tại bởi tui có nghe anh Hai của tui mết lại với bà dì tui là in như là anh tính bỏ đi kiếm chuyện làm ăn khác, có phải vậy hông? Mà anh tính đi làm cho ai vậy?

Đến đây Đen chợt ngừng lại, đưa tay quệt ngang mặt, thấm bớt những giọt



mồ hôi, đăm đăm nhìn Ngoan:

— Ừa, mà ai kể cho cậu Hai mau vậy kia?

— Nhưng mà có đúng như vậy hông? Có đúng là tính bỏ đi làm nơi khác hông?

Bị hỏi dồn, Đen lúng túng, nhưng cũng không dấu, giọng Đen chậm rãi:

— Cũng đúng mà cũng không. Đúng là thiệt ra tui có tính xin đi theo ghe vớt củi cho người ta dưới cầu Ông Lãnh, nhưng không đúng là vì... là vì... tui cũng không có muốn xa cậu Hai với... cô...

Nghe câu nói sau cùng, Ngoan lườm Đen một cái dài rồi buông một tiếng:

— Thôi mà! Đừng có ham! Cái giọng đó mà lọt lỗ nhĩ ông già tui là ông gọt đầu tui đó. Đẹp lẹ nghe hông! Bộ anh làm với ba tui cả năm nay mà anh còn chưa thuộc tánh ông a?

Đen nhếch môi cười, nhưng vẫn bình tĩnh nói tiếp:

— Làm công với ông thì tui đâu có mắc lỗi gì, còn như chuyện nào đi chuyện đó chớ. Nói thiệt thì tui rất ơn cậu Hai với cô, tui biết lắm chớ. Tui biết là nhờ có cô, nhứt là cô đã nói tốt cho tui cho nên ông mới chịu cho tui đi theo xe rác của ông. Nhờ vậy, chẳng gì mình cũng có được hai bữa cơm. Nói thiệt với cô, chuyện đó không bao giờ tui quên hết. Nhưng mà, nhiều khi nghĩ lại cũng hơi buồn, bởi vì, hổng lẽ tui cứ làm có bấy nhiêu tiền hoài hoài sao? Mình cũng phải kiếm cái gì khá khá mà làmặng còn có tương lai chớ.

Ngoan chảy dài mặt, thở ra:

— May phước cho anh là anh thuộc diện con lai nên phước nó mới để yên cho mà kiếm cơm ăn, chớ anh Hai tui đó, tới tuổi nghĩa vụ rồi! Cũng bởi chuyện đó mà ông già ông rầu rồi sanh quạu cọ, khó khăn với mọi người. Chỉ có bà dì ghẻ tui là bà tươi rói, bởi vì anh Hai mà đi là bà bớt được một miệng ăn. Thiệt rầu thú vị ruột!

Đột nhiên Ngoan lại hỏi:

— Mà anh Đen nè, sao tui nghe trong xóm người ta nói nhà nước họ cho con lai đi Mỹ tùm lum đó, sao anh không kiếm đường xin đi cho đỡ cực?

Đen nhảy từ trên chiếc xe ba bánh xuống, chặc lưỡi:

— Ồi! Chuyện đó mà sức mấy tới phiên tui! Người ta con lai mà có mẹ hoặc ít nhứt cũng có bà con kia. Có mấy người biết chuyện họ lo lót thì họa may phước khóm nó mới rớt tới mình, chớ như tui không ai cật ruột hết ráo, hồi cô

chớ có ai mà lo chuyện đó cho mình.

Vừa nói Đen vừa sửa lại mấy tấm tôn rách dựng quanh lòng chiếc xe ba bánh, vừa sửa soạn đẩy xe ra đường. Như thói quen, sau khi đổ sạch rác xong, xe đã nhẹ là lúc hai đứa có thể thông thả đẩy xe về, nhưng hôm nay vừa xong ba ngày Tết, nhà nào nhà nấy rác ứ đầy thùng, cho nên Tư Cụt đã ra lệnh cho hai đứa phải đi thêm mấy chuyến nữa rồi mới được về. Sở dĩ Tư Cụt tỏ vẻ dằn hoẵng với bà con trong xóm chỉ vì hôm cận Tết, ông ta đã mề nheo đòi thêm mỗi nhà một thùng tiền rác phụ trội mà theo Tư Cụt thì “Năm hết Tết đến, bà con ăn Tết xin lì xì cho gia đình đổ rác bộn tui thêm... một thùng kêu là thùng thứ mười ba!”

Cái trò mề nheo này của Tư Cụt ban đầu cũng bị một số gia đình phản đối, không chịu chi thêm. Nhưng sau có vài vị bô lão, đã từng biết tông tích Tư Cụt, các vị ấy nói: “Tội nghiệp! Chú Tư Cụt này xưa cũng là thương phế binh đấy. Nghe đâu chú ấy mất cánh tay là trong trận đánh nào ở miền Trung thì phải. Nay ‘họ’ vào, thương phế binh chết đói vì đâu còn được lương phạn gì, cho nên chú ấy mới xoay nghề đổ rác kiếm ăn. Bà con mình với nhau cả đấy mà!”

Nhờ đó Tư Cụt có thêm mớ tiền không đến nỗi là tiền cơm, và do đó, Tư Cụt xia lệnh xuống cho bày “công nhân” của ông ta gồm bà vợ kể, hai đứa con và thằng Đen, mừng bốn Tết phải đi thêm vài chuyến cho thật cận rác cho bàn con trong xóm hải lòng.

Hai đứa lặng thinh đẩy xe trở về con đường cũ. Nắng đã lên cao, ở nhiều căn bếp mùi khói củi đã xông ra. Có nhà còn bay ra cả mùi chiên xào thức ăn. Ôi chao! cái mùi hành tỏi phi rồi cộng thêm chút hương vị mặn mặn vào, sao bỗng làm dạ dày của Đen cồn cào, quặn lên. Chiếc xe đổ rác đi vào một đầu ngõ, rồi đi ngang một hàng phố tái. Mùi thịt bò thơm phức từ một thùng nước đang sôi bốc lên làm Đen phải nhìn vào xe phở.

Đúng lúc ấy, Ngoan huých nhẹ nó một cái, nói nhỏ:

— Ăn phở hông? Tui bao nè...

Đen không biết nói sao thì Ngoan đã tiếp luôn:

— Thây kệ! Mình bỏ đại xe đây, làm mỗi đứa một tô, tui có tiền thiệt mà.

Câu nói cương quyết của Ngoan làm Đen chỉ biết tuân theo, hai đứa kéo nhau đến ngồi chiếc bàn ngay đó, có hai chiếc ghế thấp bên chiếc bàn gỗ cũng

thấp lè tè.

Ngoan kêu hai tô tái gầu.

Tô phở chưa bùng đến Đen đã thấy nước miếng dâng lên. Nó phải ngất lên một cọng húng quế bỏ vào miệng nhai đờ, trong khi hai mắt đảo nhanh về phía bà bán phở, bà ta đang múc nước dùng đổ vào tô thứ hai.

Lúc đang gấp ớt vào tô, Ngoan chợt hỏi Đen:

— Có khi nào anh nghĩ rằng một ngày nào anh được đi qua Mỹ với ba của anh không?

Nghe Ngoan hỏi, thằng Đen chột xiu nữa thì phì cười. May mà nó chưa kịp cười vì miếng phở thơm mùi bò béo ngậy đã đưa đến đầu lưỡi. Tuy bị nóng gần phỏng lưỡi nhưng Đen vẫn cứ nhai, cứ nuốt xong mới trả lời:

— Tui mà đi Mỹ? Làm sao có chuyện đó nổi! Mà từ hồi nào tới giờ tui cũng có biết tui con ai đâu?

Nói chưa dứt câu, Đen vội chữa:

— Nó cho ngay, má tui thì tui có biết. Nhưng mà bà ghét tui lắm. Bà đã bỏ tui lại đó chớ ai! Bà ghét vì tui là con của Mỹ đen.

Rồi Đen kể cho Ngoan nghe câu chuyện “hồi đó”. Năm ấy Đen cũng đã trên mười tuổi rồi. Nó biết má nó lúc bấy giờ đi theo một ông chồng Mỹ nhưng má nó nhất định không biết nó là ai và má nó đã ra đi tình bơ sau khi thấy cho nó một xấp giấy năm trăm màu cam có in hình con cọp.

Bảy tám năm đã trôi qua kể từ ngày ấy. Nghĩ lại Đen cũng không hiểu nhờ cách gì mà nó còn sống đến ngày nay. Điều làm nó nhớ hơn hết là từ khi được Ngoan xin với ông bố của Ngoan cho nó đi theo xe rác thì đời nó tương đối vui hơn. Ít nhất ngày nó được Tư Cụt cho hai bữa cơm, mặc dù chỉ là cơm không, cơm trộn mì, trộn khoai không thức ăn và tháng có ba trăm đồng lương. Tạm có cái nhét đồ dạ dày, nó còn vui vì hàng ngày đi đổ rác chung với anh em của Ngoan, trong khi đó Ngoan tỏ ra rất tốt với nó, mặc dầu Ngoan rất sợ đôi mắt lườm lườm của ông bố cụt tay.

Với Đen thì Ngoan là đứa con gái đầu tiên trong đời mà nó nhận thấy đã đoái hoài đến nó. Hồi mấy tháng trước, những khi được đi cùng một chuyến xe đổ rác, những lúc đói bụng, Ngoan thường ghé vào chợ mua ít củ khoai lang, cũng có lúc là hai gói xôi đậu đen còn nóng hổi. Rồi Ngoan ăn một phần và bao giờ cũng chia cho Đen một

phần. Những củ khoai, những nắm xôi nóng, đó là một hạnh phúc thật đẹp đối với Đen. Nhưng hôm nay lại được Ngoan bao cho nguyên một tô phở tái gầu nữa, thì quả thật trong đời Đen, nó chưa thấy ai dễ thương và dễ yêu như cô bé tên Ngoan chuyên làm nghề đổ rác này cả.

Đen ăn tô phở một cách ngon lành. Nó ăn đến những sợi phở cuối cùng và húp luôn chỗ nước còn lại dưới đáy tô. Ăn xong, Đen cảm thấy tỉnh hồn tỉnh vía một cách tuyệt vời. Khi ấy nó mới có dịp ngắm Ngoan ăn. Nó thấy Ngoan ăn rất từ tốn, không vội vàng và cũng không có sùm sụp như nó. Tự nhiên Đen hơi mắc cỡ, nó thoáng ngượng nhưng bỗng cảm thấy thích nhìn Ngoan hơn.

Tuy vất vả đi theo xe đổ rác mỗi sáng và buổi chiều thì gánh đôi cần xé đi mua ve chai, nhưng Ngoan, dưới mắt Đen, là một cô gái rất ưa nhìn. Ngoan có một dáng người tròn trĩnh, nước da trắng trên một khuôn mặt cũng tròn và đôi mắt của Ngoan mới hiền lành sao. Ngoan không hay nói chuyện gì nhiều với Đen, ngay cả khi Ngoan chia quà cho Đen, thế mà hôm nay... kể cũng lạ lùng, không biết vì sao Ngoan lại nói với Đen nhiều chuyện đến thế.

Ở hàng phở ra, hai đứa cho chiếc xe ba bánh đi vòng vào mấy ngõ hẹp. Ngoan nhanh chân đi trước miệng rao "Rác đây..." để báo cho bà con trong hẻm bỏ thêm thùng rác ra ngoài, còn Đen thì chễm chệ ngồi trên yên xe đạp từ từ. Cái trò leo lên yên xe ngồi mà đạp một cách nhàn hạ như thế này, thật sự thì Tư Cụt không cho phép, nhưng hôm nay, tự nhiên Đen thấy vui vui, lòng hớn hởi không hiểu vì đâu nên Đen bất chấp và tự thưởng cho mình bằng cách leo đại lên yên xe mà ngồi và cứ tà tà đạp theo sau Ngoan.

Những chiếc thùng méo mó chứa ngập rác từ các cửa nhà lại được kéo ra, đến đây Đen đành phải nhảy xuống phụ với Ngoan, đổ những thùng rác đó lên xe. Mùi hôi thối từ những chiếc thùng rác của tư gia xông lên nồng nặc, người qua lại đều bịt mũi chạy mau qua nhưng với hai đứa thì chẳng nhằm nhò gì. Mùi chúng đã quá quen với cái mùi xú uế nặng nề này. Một đôi khi mùi quá nặng thì Ngoan sẽ kéo chiếc quai nón lá bằng vải lên ngang mũi, phần Đen thì chẳng có sao. Đôi khi hai lỗ mũi của nó quá mệt mỏi thì nó lại tự an ủi bằng câu "thì đổ rác phải như vậy chứ, thơm tho

thì ai kêu là rác!". Những ý nghĩ đó chỉ phớt qua trí nó rồi thôi vì nó thấy Ngoan vẫn tỉnh bơ, đôi tay thoăn thoắt bưng từng chiếc thùng thối tha quăng lên xe rác, vồ vồ cho rác xuống hết và xách cái thùng không đem về trả lại nhà chủ.

Ngoan chăm lắm. Cứ đổ thùng được mười nhà là Ngoan lại trèo lên cạnh bìa chiếc xe rác, nhón chân ngó vào trong mấy tấm tôn dựng đứng để tìm những chiếc bao ny-lông mọi người đã vứt lẫn lộn, dù có những bao rất bẩn lại gói một thứ gì cũng dơ dáy kinh khủng, thế mà Ngoan vẫn kiên nhẫn nhặt riêng từng chiếc bao ra cho vào một cái giỏ mây đã rách treo toòng teng ngay cạnh đấy. Thật ra thì đây cũng là lệnh của Tư Cụt. Ông ta đã chỉ thị cho bày công nhân gia đình ông là phải nhặt riêng các bao ni-lông để bán cho lò nấu ni-lông tái sinh.

Đen ghét việc nhặt bao này nhất, nhưng từ khi thấy Ngoan chịu khó và vâng lời ông bố khó tính thì Đen bỗng thấy tội nghiệp và đã có lần Đen làm thay công việc đó cho Ngoan.

Rác ngày Tết cũng có khác rác ngày thường, bao ni-lông người ta vứt khá nhiều. Có lẽ Đen cũng nhận ra điều ấy nên lần này thì chính Đen xung phong đứng lên xe moi móc tìm nhặt những nắm bao bẩn thỉu. Kết quả khi đưa xe ra đến bãi rác, cái giỏ mây rách đã chật cứng những bao ni-lông.

Nắng chói chang làm bãi rác càng xông cao mùi xú uế, ruồi nhặng bay từng đàn như ong vỡ tổ, bu quanh hai đứa. Ngoan còn lấy tay quơ quơ đi nhưng Đen thì mặc kệ, hình như nó chẳng nhận ra ruồi và rác đang từ phía vây quanh mà trước mắt nó chỉ có đôi cánh tay tròn trĩnh của Ngoan đang thoăn thoắt bới nhanh những khối rác nặng mùi từ trong lòng chiếc xe ba bánh xuống bãi. Xem ra thì đôi khi cũng phải nhìn nhận Ngoan làm công việc này có phần cật lực hơn Đen. Mọi khi thì Đen tỉnh bơ, nhưng hôm nay tự nhiên Đen thấy mình như thế là không phải. Thế là Đen vội vàng đẩy tay Ngoan ra vừa hối hả lên tiếng "Để đó tui làm... để đó cho tui..."

Vô tình hai đứa cùng dành nhau những đồng rác, cả hai cùng có ý muốn làm đổ nhau và khi nhận ra điều ấy, chúng thấy vui vui, hết cả ngại mùi xú uế. Cái trò "thi đua" ấy làm hai đứa cùng cười, rồi Ngoan cười thành tiếng, tiếng cười của Ngoan dòn như thủy

tinh vỡ, nghe thật vui tai khiến Đen cũng bật cười theo.

Đen chợt chắc lưỡi nói với Ngoan:

— Cô cười nghe thiệt ngon, sượng lỗ tai quá chừng! Thiệt tui chịu cái điệu cười của cô quá mạng.

Rồi Đen lại nói luôn:

— Chớ chi mà tui làm ăn khá khá một chút, có tiền tui dám tới xin ông Tư cho tui cưới cô làm đó cô Ngoan à.

Ngoan liếc Đen một cái dài thậm thụt:

— Nữa! Cũng còn ham nữa! Bộ hồng sợ cái nư của ông già tui sao chứ?

Đen tủm tỉm:

— Ủa có gì bậy bạ đâu kia? Con gái lớn thì có chồng đi cưới, con trai lớn thì đi coi vợ, đó là chuyện thường tình quá mà cô Ngoan. Hồng lẽ ông Tư không gả cô đi lấy chồng sao chứ? Đọ, cô thấy hông, tui nói đúng quá mà. Chỉ có điều tui nghèo quá cỡ, đi xe rác như vậy thì làm sao khá nổi. Nhiều khi cũng buồn quá mạng cô Ngoan ơi!

Ngoan nhìn Đen. Lần đầu tiên Ngoan nhìn kỹ mặt Đen, Ngoan bỗng thấy Đen tội nghiệp quá, vì Ngoan thấy Đen nói rất chân tình. Nhưng Ngoan lại nói:

— Thôi nghe! Dẹp lệ chuyện đó nghe. Ông già mà biết là chết cả đám nghe.

Nhưng Ngoan chưa dứt câu cả hai đã giật mình nhìn lại. Từ phía ngoài, Tư Cụt đang tất tả đi vào, miệng quát to:

— Chết cha tụi bay nghe...

Chiếc tay áo không có cánh tay của ông ta đang đưa theo đà đi vội vã, và đến gần một chút ông ta quơ cánh tay còn lại hét lên:

— Chuyển này thì tụi bay bỏ mạng cả đám, tụi bay dám ăn cắp tiền tao đang đó quán ăn phở. Tụi bay lớn gan quá xá mà.

Hai đứa cùng ngơ ngác, nhưng Ngoan lên tiếng ngay:

— Ba nói cái gì kỳ vậy, con ăn phở tiền của con chứ bộ! Ai lấy tiền của ba hồi nào?

Tư Cụt đã tới bên, ông ta vung tay tát con gái:

— Không ăn cắp sao hai đứa bay có tiền ăn phở?

Ngoan cuống lên cũng nói hơi to:

— Tiền mấy bà trong xóm lì xì cho con bữa Tết, chứ tiền gì của ba.

Tư Cụt trợn trừng trợn trạc:

— Tiền người ta lì xì cho mấy cũng là tiền của tao. Hồng có cái xe rác này sức mấy bà con cho mấy tiền. Phen này mấy bỏ mạng nghe con!

Và ông ta quay lại đá về phía Đen, hét thêm:

— Còn thằng chà đen này, khôn hồn thì đi cho khuất mắt tao! Bộ mày tính dụ dỗ con gái tao bỏ tiền bao mày ăn hàng hả?

Vừa nói Tur Cụt vừa nhảy tới đánh đá loạn xạ khiến Đen chỉ có nước thụt lùi để tránh đòn. Nhưng Tur Cụt vẫn hăm hăm quát đuổi và cuối cùng có vẻ đã mệt, Tur Cụt ngừng lại chỗ một đồng sinh, xĩa xĩa về phía Đen, nói với giọng cương quyết:

— Kể từ giờ này, tao đuổi mày ra khỏi cái xe rác của tao. Tao không muốn mày đi theo xe rác của tao nữa, hể mày léo hánh tới nhà là tao chặt cụt giò đa!

Dứt lời Tur Cụt nhảy lên yên chiếc xe ba bánh, vừa đạp vừa hét Ngoan:

— Còn con này, tới nhà rồi tao sẽ hỏi tội mày!

... Những ngày kế tiếp đối với Ngoan thật buồn. Ngoan tự hỏi không biết sau đó Đen đi đâu, vì cũng từ hôm xảy ra câu chuyện “ăn phở” đến nay Ngoan không thấy Đen trở lại. Dù cho những ngày đi theo xe rác với bà dì ghẻ, Ngoan có ý nhìn khắp nơi mà vẫn không thấy bóng dáng Đen đâu.

Ngày này qua ngày khác, những chuyến đi đổ rác với Ngoan cứ như thiếu thiếu một cái gì, nhưng rồi bản tính an phận của Ngoan đã làm Ngoan quên dần, quên dần hình bóng của Đen.

*

* *

Hôm ấy trời mưa tầm tã cả ngày, cơn mưa không to nhưng dai dẳng từ sáng sớm cho đến bây giờ. Trời mưa, ngõ hẻm vắng người qua lại, hàng quà rong cũng ít nhưng riêng Ngoan, vẫn như thường lệ dù nắng hay mưa, bất cứ chiều nào Ngoan cũng gánh đôi cần xế đi khắp các ngõ hẻm và cả các đường phố gần đấy để mua ve chai, các loại đồ dùng cũ bằng nhựa đã hư, đã vỡ.

Xuyên qua màn mưa mỏng hơi thấm lạnh, tiếng rao trong trẻo của Ngoan vang lên, ngân dài và cũng tắt lịm cùng tiếng tí tách nhỏ đều trên những mái tôn. Đến một con đường ngang Ngoan chợt nghe có tiếng ai gọi tên mình sau lưng, rồi tiếng chân đuổi theo và Đen xuất hiện, với giọng nói vui mừng:

— Trời đất ơi! Gặp Ngoan tui mừng muốn chết!

Dưới chiếc nón lá dầm nước mưa, Ngoan ngược nhìn người bạn cũ. Ngoan nhận ngay thấy Đen có thay đổi, ít nhất mái tóc Đen cũng đã cắt gọn

trời mưa

Em lo gì hạn hán

Trời mưa xuống kia rồi

Dẫu lòng anh khô cạn

Tình anh vẫn thế thôi

Tình anh như nước chảy

Qua sông qua núi đồi

Đời anh cây củi mục

Tấp giữa dòng mà trôi

Dòng trôi đi trôi mãi

Củi mục hồn xanh tươi

Em lo gì hạn hán

Trời mưa xuống kia rồi

Trời cho mưa ân sủng

Mai sẽ lòng tình khôi

Sợi tơ hồng êm ái

Buộc đời nhau không rời

hoàng xuân sơn



khiến gương mặt anh chàng sáng sủa hơn, tuy màu da đen thì vẫn thế. Ngoan nhoẻn cười, bình tĩnh hỏi lại:

— Đi đâu vậy? Đi đâu mà khi không khi không kêu tui đó?

Đen nhìn Ngoan lâu hơn, mỉm cười từ tốn:

— Ngoan thì khi nào cũng vậy hết... Ngoan đâu có biết mấy tuần nay tui kiếm Ngoan quá chừng, tính ghé nhà Ngoan rồi đó...

Ngoan hốt hoảng:

— Ghé kiếm tui? Ồ, bộ muốn dõn mặt ông già tui hả? Chưa tốn sao kia?

Đen vẫn cười, lần này giọng nói đầy bí mật:

Có sao thì tui mới dám làm như vậy, chớ bộ khi không thì đâu dám...

Cảm thấy có điều gì khác lạ, Ngoan hỏi Đen:

— Chuyện chi nữa đó?

Đen nhìn quanh, gần đấy là một ngôi chùa nhỏ, cánh cổng mở một bên, trong sân và hiên chùa vắng vẻ chẳng có một ai. Đen rủ Ngoan:

— Mưa quá, vô đây chút được hông?

Ngoan đi theo, nhưng vẫn thắc mắc:

— Nói gì nói đại đi, giờ này trễ rồi, về trễ ông khện chết cha tui luôn á.

Hình như Đen không để ý đến câu nói của Ngoan mà lại đột ngột hỏi:

— Nè Ngoan, đặc như bây giờ tui đem Ngoan đi Mỹ với tui, Ngoan có chịu hông nè?

Ngoan tròn mắt:

- Thiệt giỡn đó?

Hai đứa đã vào đến mái hiên chùa. Đen đứng trước mặt Ngoan, giọng bình tĩnh, quan trọng:

— Tui nói thiệt cho Ngoan nghe, lần này là chuyện quan trọng lắm, hổng phải thứ chuyện con nít giỡn chơi. Ngoan biết hông, Tui đã được gặp phái đoàn, mấy ông Mỹ qua đây phỏng vấn con lai với người đi Mỹ đó. Mấy ông hỏi tui đủ thứ mà cũng hỏi kỹ dữ lắm. Mấy ông hỏi mấy năm nay có ai giúp đỡ hoặc giúp dùm điều gì để tui sống qua ngày thì cứ khai, mấy ông sẽ cấp giấy tờ nếu người đó chịu qua Mỹ với tui. Nói thiệt với Ngoan, trong đời tui thấy có một mình Ngoan thương tui, mà tui cũng vậy. Tui chỉ muốn có một mình Ngoan, nên tui nói tên Ngoan cho mấy ông đó họ vô sổ.

Nghe Đen nói, Ngoan sửng sốt vô cùng. Ngoan chỉ biết mở to mắt nhìn và nghe Đen nói mà thôi. Rồi Đen kể rằng ngay sau ngày bị Tur Cụt đuổi đi, Đen đã lần mò đi bộ ra Long Thành với hy vọng xin làm cho một lò đốt than. Nhưng bụng đói lại dầm mưa nên Đen trúng gió ngã xỉu bên lề trên đường gần Thủ Đức. Đến khi tỉnh dậy, Đen ngạc nhiên thấy có mấy người Mỹ nói tiếng Việt và hai người Việt mặc áo công an đang vây quanh mình.

Thế rồi, như một giấc mơ, những người Mỹ ấy sau khi biết rõ Đen là một đứa con lai Mỹ, họ đã quyết định làm

thủ tục để sẽ đưa Đen đi khỏi Việt Nam. Trong cuộc phỏng vấn của phái đoàn Mỹ, Đen đã không ngần ngại nói về Ngoan và xin cho Ngoan được cùng đi.

Sống ở một xã hội mà người nào cũng toan tính chuyện bỏ nước trốn đi, dù chỉ là một cô gái làm nghề đồ rác, Ngoan cũng thừa hiểu thế nào là giá trị của một cuộc phỏng vấn để được ra đi chính thức trong lúc này. Ngoan cũng đã từng được nghe chuyện có nhiều gia đình rất khá giả, chịu chi thêm tiền cho một cậu thuộc diện con lai, dắt con gái nhà đó đi làm hôn thú giả, mà mục đích cũng chỉ là để cho người con gái ấy có phương tiện ra đi một cách chính thức.

Tuy hiểu như thế nhưng riêng với chuyện của Đen, Ngoan vẫn cứ ngần ngại như nghe ai đang kể một câu chuyện trong mơ. Rồi Ngoan bỗng nhớ đến hoàn cảnh nghèo khổ của gia đình mình, nhất là từ khoảng hai năm gần đây. Đã mấy lần Ngoan nghe lên được, biết bà dì ghê bần với ba mình nên kiếm đại chỗ nào mà gả Ngoan để đỡ một miệng ăn. Nhớ lại chuyện ấy Ngoan lại cảm thương cho thân phận của mình. Nếu bảo phải lấy chồng, Ngoan chẳng thấy có người nào mà Ngoan mến bằng Đen, vì sao Ngoan cũng không hiểu, nhưng ít nhất hai đứa cũng có biết nhau...

Nhưng mà, thật quá đột ngột và thật ngoài sức tưởng tượng của Ngoan, khiến Ngoan không biết phải nói thế nào mà chỉ nhìn Đen không chớp mắt.

Thấy Ngoan vẫn lặng thinh, Đen sốt ruột đến phát gắt:

— Bộ Ngoan hổng tin tui sao chứ. Tui đã nói là tui nói chuyện có thiệt mà, còn giấy tờ họ cấp cho tui đây nữa chứ bộ ai dám xạo ngang xương sao kia.

Lúc ấy Ngoan mới chum chim cười, nhưng Ngoan vẫn nói thêm:

— Ừa, tui dụ như tui đi, vậy chứ qua bên rồi sống làm sao, có quen ai đâu mà sống nổi.

Đen nắm ngay lấy tay Ngoan, nói như chưa bao giờ được nói:

— Trời đất ơi! Thì hai đứa mình ở với nhau. Tui làm hôn thú hôn thú với Ngoan, chứ hổng lẽ còn ai vô đó nữa... Ngoan chịu hén? Tui cũng có khai với mấy ông là Ngoan thương tui và tui cũng thương Ngoan dữ lắm kia.

Ngoan vẫn cười, lần này nụ cười thật rạng rỡ. Đen cảm thấy sướng run, nhưng vẫn lắp bắp nói thêm:

— Ngoan chịu nghe em, tui mình chịu như vậy đó nghe.

Nói Chuyện với Trịnh Gia Mỹ

Nguyễn Lê

NL: Nếu có thể, xin chị cho biết vài nét về cá nhân.

TGM: Tự giới thiệu mình hả? Biết nói gì bây giờ? Tôi sinh năm 1953. Ba tôi là người Phúc Kiến, má tôi là người miền Nam Việt Nam. Hồi nhỏ tôi sống trong một khu toàn là người Tàu ở Chợ Lớn nhưng lại theo học chương trình Việt. Tôi mê đọc. Bất cứ cái gì cầm trên tay tôi cũng đọc. Tôi mê chụp hình, tôi cũng thích hội hoạ nhưng không có hoa tay. Bạn bè nói tôi là người nhút nhát vì tôi rất ngại đám đông. Tôi yêu đời sống gia đình. Ngoài ra bạn bè cũng chiếm một phần rất lớn trong đời sống tình cảm của tôi.

NL: Từ mê đọc tới mê viết chắc không xa. Chị bắt đầu viết từ bao giờ? Do nguyên nhân nào?

TGM: Bài đầu tiên tôi viết từ năm đệ thất. Đó là bài tùy bút về Tết Nguyên Đán, cho đặc san xuân của trường. Hồi đó, cầm đặc san xuân trên tay, tôi đọc đi đọc lại hoài bài viết của mình và phục mình quá đôi!... Nhưng cái thời dễ thương ấy đã qua rồi. Bây giờ mỗi khi viết xong, đọc lại, tôi ít khi hài lòng. Nguyên nhân nào thúc đẩy hả? Chẳng có nguyên nhân nào hết. Tôi viết vì tôi thích viết, vì tôi có thể nói những điều tôi muốn nói.

NL: Như chị nói, chị bắt đầu bằng văn. Nhưng ấn phẩm đầu tay của chị lại là thơ...

TGM: Tôi yêu văn chương. Văn và thơ chỉ là những hình thức khác nhau của văn chương. Ở thời điểm này thơ gần gũi với tôi hơn. Thơ như một viên kim cương lấp lánh phản chiếu những góc cạnh của tâm hồn một cách cô đọng và trung thực. Khi một số thơ của tôi chuyển cho bạn bè đọc được mang lên báo, tôi nhận được rất nhiều lời khen cũng như khuyến khích từ phía độc giả

và những bậc đàn anh, có người ở Cali, có người ở xa lắm. Còn đám bạn bè tôi thì xúi ghê quá... (cười) Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc in sách cho mình nên cứ ngần ngại hoài. Cuối cùng tôi nghĩ thôi thì cứ liều mạng xem, biết đâu...

NL: Xin chị giới thiệu qua về tập thơ.

TGM: Tập thơ tựa đề *Yêu Em, Mùa Xuân*, gồm trên bốn mươi bài thơ đủ loại đã được đăng trên *Người Việt*, *Đời*, *Phụ Nữ Diễn Đàn*, *Làng Văn*... và một số bài thơ chưa đăng ở đâu cả. Đa số là những bài thơ tình dễ thương viết cho chính mình. Một số khác do cảm xúc ngoại cảnh như bài *Biển Đêm*, *Mưa ở Cali*; hoặc cảm xúc về quê hương như *Lúc Xa Sài Gòn*, *Nhớ!*, *Cô Bé Việt Nam*; hoặc cảm xúc về tha nhân như *Gã Tị Nạn Buồn*, *Bài Cho Em Bé Lượm Bao Nylon*. Bài này tôi đã làm sau khi đọc truyện ngắn *Trăng Tháng Tám* của Lê Đại Lãng đăng trên *Làng Văn* trước đây.

NL: Bài thơ nào chị thích nhất? Tại sao?

TGM: Thích thì tôi thích cũng nhiều nhưng mà nếu bảo là thích nhất thì chắc là chưa. Dĩ nhiên là tôi phải thích bài *Yêu Em, Mùa Xuân* nên mới dùng để làm tựa cho toàn cuốn sách. Nhưng... tôi thích bài *Khi ở Đơn Dương* hơn. Đó là bài thơ tôi làm cho thuở đầu đời con gái của mình và cuộc tình đầu tiên. *Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy* dễ mấy ai quên được?

NL: Chị nghĩ sao về văn nghệ hải ngoại?

TGM: Trăm hoa đua nở. Nhiều người viết mới. Nhiều tài năng mới. Tiềm năng sáng tác của người Việt không có giới hạn, tạo nên bộ mặt mới cho sinh hoạt văn học hải ngoại.

NL: Vào những năm giữa thập niên



80 chị xuất hiện đều đặn trên tạp chí Tuổi Ngọc. Đến bây giờ, một vài người vẫn nghĩ thơ chị như một loại thơ hồng vì ảnh hưởng nhóm Tuổi Ngọc. Chị nghĩ sao?

TGM: Thành thật mà nói, Tuổi Ngọc là một trong số rất ít những tạp chí dành cho tuổi trẻ mà tôi yêu thích. Tôi đã đóng góp bài vở thường xuyên cho Tuổi Ngọc cũng vì thế. Tuổi trẻ ở đây dường như đã bị quên lãng. Báo dành cho tuổi trẻ đếm được trên đầu ngón tay. Tôi là một người trẻ. Tôi muốn chia sẻ với những người trẻ sau tôi, còn thơ hồng hay thơ gì thì cũng là thơ. Điều quan trọng là nó có nói lên được cái hồn của thơ hay không. Còn ảnh hưởng của nhóm Tuổi Ngọc hả? Tôi nghĩ là những bài thơ của tôi tự nó đã xác định được vị trí của nó rồi!

NL: Là một trong những người làm thơ mới xuất hiện tại hải ngoại, chị nghĩ sao về lớp người mới cùng thời này?

TGM: Người Việt ở hải ngoại sống rất bận rộn, không những vì vấn đề sinh kế mà còn bao nhiêu thứ chuyện khác. Tôi nghĩ những người viết mới ở hải ngoại phải thiết tha với tiếng mẹ lắm mới có thể vượt qua những trở ngại của cuộc sống để sáng tác. Đánh rằng sự tự do phát biểu của một nền văn học ở ngoài nước Việt Nam đem lại cho con người đủ thứ đề tài trên trời dưới đất để mà viết, nhưng đó chưa phải là điều kiện đủ để làm thành một vườn văn học

hải ngoại hoa lá sum sê.

NL: Những nhà văn nhà thơ nào mà chị thích đọc?

TGM: Về thơ tiền chiến, tôi mê Nguyễn Bính nhất. Ông luôn dùng những chữ đơn giản để diễn tả một đề tài lớn là tình yêu. Tôi cũng thích Tống Biệt Hành của Thâm Tâm. Sau này tôi thích những bài thơ ngợi ca tình yêu của Nguyên Sa. Những bài Đạo Ca của Phạm Thiên Thư. Về truyện tôi thích đọc Mai Thảo. Nhân vật nữ của ông bao giờ cũng trang trọng và nổi bật. Tôi cũng thích truyện trẻ thơ của Duyên Anh dù truyện nào cũng làm tôi tổn nước mắt. Con Sáo Của Em Tôi làm tôi khóc nhiều nhất, dù tôi vẫn đọc đi đọc lại hoài. Truyện của Đoàn Quốc Sỹ thì khỏi nói, tôi cũng mê như những truyện cổ tích. Về những người viết mới xuất hiện sau này, tôi thích đọc Phan thị Trọng Tuyển, Trần Diệu Hằng, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Ý Thuần, Nguyễn thị Hoàng Bắc...

NL: Chị thích những tác giả ngoại quốc nào?

TGM: Tác phẩm ngoại ngữ tôi có đọc lại rai nhưng thích thì tôi chưa thích ai cả. Có thể là tôi chưa đọc nhiều đủ để thích. Cũng có thể là tôi chưa hiểu biết tường tận tinh hoa ngôn ngữ của cuốn sách mà tôi đọc nên tôi chưa cảm thấy thích. Riêng cuốn Shaseki-Shu của Muju, tôi vẫn nghiền ngẫm mãi.

NL: Chị thích đọc thiền, nhưng đã thiền tập chưa?

TGM: Khoảng 1975, tôi say mê nghiên cứu thiền học. Hồi đó tôi vừa mới ngoài hai mươi. Nhưng đời sống cuốn hút mạnh quá, tôi chưa có cơ duyên vào thiền.

NL: Là một trong những người chủ trương tạp chí Tuổi Ngọc — tờ báo của tuổi trẻ — chị có nhận định gì về những người trẻ và văn nghệ?

TGM: Tôi rất lạc quan về những người trẻ lớn lên ở đây. Trái với sự lo lắng của nhiều người, giới trẻ ở đây đọc sách báo Việt Nam rất nhiều và số bạn viết văn bằng tiếng Việt cũng không ít. Bằng chứng là tạp chí Tuổi Ngọc đã có trên sáu trăm độc giả dài hạn mà hầu hết là những người trẻ đã rời Việt Nam từ lâu. Ngoài ra, số lượng bài vở gửi về rất dồi dào. Nhiều bài viết rất hay khiến cho nhóm chủ trương ngạc nhiên và thán phục lắm. Như vậy, đủ để lạc quan

lắm chứ!

NL: Chị có dự định gì cho những người trẻ thêm đọc?

TGM: Dự định thì nhiều lắm nhưng không biết có thực hiện được không. Việc trước mắt là ngồi với anh em làm lại tờ Tuổi Ngọc. Như anh đã biết, Tuổi Ngọc không nuôi được ai, mà chính nhóm chủ trương phải góp thêm tiền túi của mình vào.

NL: Xin trở lại với thơ. Trong các thể thơ, chị thích loại nào? Tại sao?

TGM: Tôi thích thể lục bát và thất ngôn nhất. Những vần lục bát đã gắn liền với tuổi thơ tôi bằng những câu ca dao hoặc ru con... Ví dầu cầu ván long đình, cầu tre lác lẻo gập ghềnh khó đi... hoặc Gió đưa cây cải về trời, rau răm ở lại chịu lời đắng cay... Đọc những bài thơ lục bát tôi có cảm tưởng gần gũi. Ngoài ra, tôi cũng thích thể thất ngôn. Âm điệu của thất ngôn là âm điệu ngắt quãng, không liên lạc, cho nên không khí của thất ngôn thường là một không khí lãng đãng khói sương. Khi dàn trải những ý tưởng thành một bài thơ thất ngôn, tôi có cảm tưởng người thơ đang thì thầm với họ hơn là với những người khác.

NL: Về những tác giả đã đem hamburger, sandwich, beefsteak vào lục bát, chị có nghĩ đó là sự lạc lõng không?

TGM: "Lạc lõng" hay không là do tài của người làm thơ. Thiếu khéo léo thì mang chữ giò, mằm nêm vào thơ lục bát cũng vẫn lạc lõng như thường.

NL: Chị nghĩ thế nào về văn và luật?

TGM: Văn và luật là những công thức có sẵn để giúp cho thơ dễ hay, nhưng quy luật khắt khe của văn và luật đôi khi làm cho bài thơ mất đi sự tự nhiên của nó. Tôi nghĩ thơ là một sự bất phá, đa vỡ của những rung động chín mùi, vì thế đôi khi nó không nên bị gò bó trong một lề luật, mà phải được tự do lướt trên con đường thênh thang của nó.

NL: Câu cuối cùng, chị có dự định gì cho tương lai?

TGM: Tôi sẽ in một tuyển tập truyện ngắn. Tiện đây cũng xin nói lời biết ơn sâu xa đối với những bậc đàn anh, độc giả và bằng hữu đã khuyến khích, giúp đỡ tôi hoàn thành tập thơ Yêu Em, Mùa Xuân này.

Cơn mưa coi vậy mà thật là dai dẳng. Hình như nó bắt đầu từ hôm thứ hai, bây giờ đã gần cuối tuần rồi mà trời vẫn còn âm u. Những hạt mưa lất phất bay nghiêng trong cơn gió lạnh buốt đã làm nàng cảm thấy bồn chồn không ít. Có một cái gì mãi miết theo nàng như là nỗi nhớ nhà. Không phải. Nàng quả quyết như thế. Nhớ là nhớ hồi lúc mới qua kia. Bây giờ chưa hẳn là nàng đã quên nhưng nhưng nỗi nhớ giờ đã đầm xuống, đã chùng lại, đã lắng đọng thành một thứ gì mờ ảo trong tâm thức mà nàng bắt buộc mình phải chịu đựng, phải cuu mang. Đời sống ở đây có quá nhiều điều phiền phức để đương đầu. Nàng phải nghĩ đến nó nhiều hơn nỗi nhớ chứ! Nàng đã tự nhủ nhiều lần như vậy khi ngồi vào chiếc bàn ăn trống vắng, một mình.

Người bạn làm cùng phòng hỏi nàng mấy hôm nay không được khoẻ hay sao mà trông nàng cứ lừ đừ. Nàng cười, tay vẫn không ngừng xếp đồng hồ sơ luộm thuộm trên bàn, trả lời vẫn thường đó chứ, có sao đâu! Nhưng những thanh âm còn vọng lại của câu nói làm nàng thót giật mình, loay hoay tìm câu giải đáp cho chính mình. Thời tiết ở đây kỳ cục. Chút mưa chút nắng có khi làm nàng cảm thấy khó chịu. Những hạt

mưa mỏng lất phất rơi trên nóc khu chung cư màu xám trước mặt. Chưa lần nào mưa dầm như lần này. Nàng đến bên khung cửa kính nhìn xuống mặt đường. Con đường vắng hoe không người qua lại và khu chung cư cửa kín im lìm. Trông giống như đường Phan Đình Phùng ở Đà Lạt lần nàng đã đi qua trước khi vượt biển. Yên tĩnh quá! Chưa bao giờ nàng cảm thấy nơi làm việc của mình tịch mịch đến như vậy. Nàng gõ vào chiếc máy đánh chữ đặt nơi góc phòng. Tiếng động khô khan của cánh chữ đập vào cần trục vang lên rồi mất hút trong sự im vắng của căn phòng. Nàng mỉm cười, nghĩ đến những hôm cuối tháng nhiều việc, bực mình, nhức đầu vì tiếng lóc cóc đều đều bên tai. Không phải chỉ một mà nhiều hôm như thế, đến nỗi nàng có ý nghĩ nếu vắng những tiếng động bực mình ấy thì căn phòng sẽ dễ chịu biết

bao. Vậy mà không ngờ cũng có lúc nàng cần nó, như lúc này, khi trời bên ngoài âm u với cơn mưa chưa dứt hột.

Nàng đã đứng ở đó không biết bao lâu. Đến khi người bạn cùng phòng đến gần bắt chuyện, nàng lửng lơ nói vài câu về thời tiết. Hình như có bão ở đâu? Bão ở Phi luật tân, người bạn trả lời. Câu nói gợi nhớ một thời ở Bataan. Mưa dai dẳng từ sáng đến chiều. Buổi trưa che dù đội mưa đi học. Con đường đất đỏ lầy lội. Những dãy nhà lợp tôn đơn sơ, vậy mà thân tình. Vậy mà vui. Ra đường gặp ai cũng gật đầu, cũng chào với nụ cười tươi trên môi. Mưa ở Bataan cũng kéo dài từ ngày này qua ngày khác như vậy. Mưa. Tiếng chuông gõ nhẹ trong tiềm thức nàng một âm ngân. Thuở nhỏ, những cơn mưa xối xả thường là dịp cho lũ con nít trong xóm rượt bắt nhau. Khi lớn lên, những hôm tan học về đội mưa đi giữa đường



Trịnh Gia Mỹ

Cơn Mưa Không Dứt

phổ văng tanh, nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên nón mà thích thú. Vậy mà ở đây, mưa lại làm cho nàng cảm thấy bồn chồn.

Mưa đã mấy ngày liền. Nàng hết đi ra lại đi vào. Những cành cây khẳng khiu đong đưa theo gió. Nàng ngồi thu mình trên chiếc ghế xoay, cảm thấy hơi lạnh thấm vào người từ bàn chân, kẽ tay, lạnh cóng. Mọi thứ im lìm đến độ tịch mịch. Nàng lại đứng lên đến bên khung cửa, đưa tay về những vòng tròn vô nghĩa lên của kính mờ hơi nước. Con đường bên dưới vắng tanh, hệt như Đà Lạt, chỉ thiếu những ngọn đồi, chỉ thiếu những cảnh thông. Đúng rồi! Con đường im vắng. Cửa đóng kín bùng. Mưa lất phất và không khí lạnh lạnh.

Nàng chỉ sống ở đó một thời gian ngắn nhưng nhớ mãi. Hồi đó những chuyến xe Sài Gòn — Đà Lạt đưa nàng lên xuống không biết bao nhiêu bận. Chỉ cần xe đến Đức Trọng là nàng đã thấy khác hẳn. Hơi lạnh gây gây làm nàng cảm thấy dễ chịu. Bận lên, thế nào nàng cũng phải xuống xe mua một gói trà Đỗ Hữu. Nàng thích uống trà buổi sáng, đọc vài trang sách trước khi đi làm.

Nhưng đó là cái thời mà nàng chưa gặp chàng kia. Sau này, lâu lâu sự nhớ, nàng mới giật mình không biết là mình đã quên thú uống trà một mình đó từ hồi nào. Có lẽ từ hồi chàng gõ cửa nhà nàng vào một sáng trời mưa tầm tã mà chàng thì lại quên mang áo mưa. Hôm đó nàng đã không mời chàng một ly trà nóng (chàng có phải là khách đâu? Chàng chỉ là người lỡ đường trú mưa thôi!) mà nàng cũng bỏ dở ly trà vì cảm thấy ngượng ngùng trước mặt người lạ. Nàng trao đổi với chàng vài chuyện nắng mưa. Sau này nàng mới giật mình cảm thấy hôm đó mình nói nhiều quá! Có thể vì chàng là người biết nghe chuyện chăng?

Có lẽ vậy, chàng là người biết nghe mà cũng biết nói chuyện nữa. Từ đó hai người quen nhau. Mỗi sáng chàng hay ghé rủ nàng đi cùng một đoạn đường vì trường Phan Đình Phùng chàng dạy chỉ xa hơn sở nàng một chút thôi. Những buổi sáng một mình của nàng ở thành phố lạ bỗng trở thành thú vị hơn. Những bức thư gửi về Sài Gòn của nàng không còn nhiều chỗ tả cảnh nữa, thay vào là những đoạn nói về chàng.

Đà Lạt thơ mộng và thú vị thật. Những buổi tối lang thang với chàng xuống hồ Than Thở, ngồi trong nhà

thủy tạ nhìn ra mặt hồ, ngắm ánh trăng bàng bạc trôi dập dềnh theo làn nước lênh đênh, bỗng chốc nàng muốn là Lý Bạch để được ôm trăng vào lòng. Đêm Đà Lạt với màn sương bao phủ vắng trắng. Đêm dường như không phải là đêm mà là tiếp nối của một chiều xuống rất đổi dịu dàng. *Đêm mùa trăng cũ làm vỡ hồn anh. Ngập ngừng xa, xuôi thu dồn lá úa, trôi xa. Sầu thu, sầu lên vút một mù mà gọi nhớ hương mùa thu...* Trời ơi, bỗng dưng nàng xúc động lạ lùng. Có phải vì giọng hát chàng, hay vì nàng đang ngồi đây với ánh trăng, với mùa thu đã cũ? Nàng muốn nói một câu gì đó về bài hát nàng thích, nhưng lại thôi. Lúc đưa nàng về qua con dốc cũ, chàng nói đó là bài hát chàng nghe lâu lắm rồi, không hiểu sao đêm nay nhớ lại và khiến xúc động. Nàng im lặng cho đến khi về nhà, không tỏ cho chàng biết nàng có cùng ý nghĩ.

Cho đến bây giờ nàng cũng không hiểu tại sao chàng và nàng không gần nhau hơn được. Hai người có ý thích rất giống nhau, hợp nhau nữa. Nhiều lần, hình như chàng muốn nói với nàng điều gì đó nhưng lại ngập ngừng và... bỏ lửng. Nàng cảm thấy điều đó qua ánh mắt chàng, qua trực giác con gái của nàng, qua linh cảm mà không giải thích được. Đà Lạt mù sương nên lòng người lằng đằng chẳng? Chàng như một người sống ở cõi nào không thực tế. Chàng chẳng bao giờ nắm bắt sự việc một cách đúng lúc cả. Nhiều khi chàng làm cho nàng cảm thấy lúng túng, cảm thấy... làm sao đó! Những hôm ngồi trên xe đò lên Đà Lạt, có lúc nàng nhớ chàng quay quắt, lòng lằng lằng nghĩ đến lúc gặp chàng. Nàng sẽ kể cho chàng nghe chuyện Sài Gòn, hỏi thăm chuyện Đà Lạt nắng mưa, rồi nàng sẽ làm như, một cách thật tình cờ, hỏi chàng có cảm thấy buồn những buổi sáng đi làm không có nàng bên cạnh? Xe đò sắp vào bến. Nhìn nóc khu chợ Hoà Bình và những bậc tam cấp dẫn lên con dốc ngược về nhà, lòng nàng chùng xuống. Đà Lạt đây rồi! Đà Lạt có chàng mặc manteau đứng đợi, mắt mở to sau làn kính trắng, tóc bỗng bành đong đưa theo gió. Chàng đưa tay vẫy nàng, đáng điệu vui mừng như hai người đã xa nhau lâu ngày lắm. Vậy mà khi nàng đến bên, chàng chỉ hỏi thăm nàng đi đường có mệt không, rồi thôi, cho đến khi chàng đón túi hành lý của nàng từ người lơ xe. Hai người đi ngược dốc chợ, về nhà.

mở



Tháng tư, cây bút và thơ
Ta ngỡ ngẩn đứng bên bờ

nhớ thương

Dăm câu vụng dại bên đường

Gửi em hồn nắng lòng sương

xứ người

Gửi em mắt khóc môi cười

trình gia mỹ

Mấy tháng liền như thế. Đôi lúc nàng nghĩ giá mà chàng cởi mở hơn một chút và nàng dạn dĩ hơn tí nữa thì chắc hai người sẽ có lúc thơ mộng hơn. Chàng hay hát lắm! Nhiều hôm chàng mang đàn tới hát liên tiếp hết bài này đến bài khác. Thường thì nàng chỉ ngồi yên ở ghế, với ly trà, ngắm nhìn chàng hát say sưa không biết mệt. Cũng có lúc chàng dừng lại, kể cho nàng nghe một kỷ niệm nào đó của chàng có liên quan đến bài hát. Một lần chàng cao hứng kể nàng nghe chuyện tình của chàng năm mười bốn tuổi. Chàng si mê một cô gái học Bùi thị Xuân mà chàng chưa biết tên. Trưa tan học nào chàng cũng đứng chờ nàng dưới gốc thông trước cổng trường. Bao giờ nàng cũng nổi bật trong đám áo trắng tan trường. Tóc nàng dài quá vai nhưng không phải là tóc thề. Những sợi tóc cổ tình cắt dài ngắn không đều khiến khuôn mặt nàng trông bầu bĩnh và ngây thơ lạ lùng. Nàng mặc áo dài trắng và đi guốc vòng, đáng điệu khoan thai lắm. Chàng đã đứng chờ như vậy nhiều tháng liền mà không dám đi theo cho đến khi dáng nàng khuất sau rặng thông trên dốc. Nhưng mà, chàng thở hắt ra, sau đó chàng quyết định không đón cô gái nữa vì chàng thất vọng quá. Nàng đã không mang guốc vòng nữa mà thay bằng dép nhật hai quai. Chàng nói con gái mặc áo dài mà mang dép nhật thì đáng đi mất vẻ uyển chuyển, chẳng có vẻ con gái chút nào. Những ngày sau thay vì đến Bùi thị Xuân chờ cô gái, chàng mười bốn tuổi lang thang lên đồi thông và hát

Chiều hôm nay lang thang trên đường. Nhớ nhớ buồn, buồn với chán chường... Chàng cười sảng khoái sau khi kể. Nàng cũng cười nhưng cảm thấy nao nao khó chịu. Nàng nghĩ, không lẽ mình lại ghen với cô gái quá khứ của chàng hay sao?

Mà sao lại nao nao khó chịu khi nghe chàng kể chuyện về một người con gái? Tự ái không cho nàng đối diện lòng mình. Nhiều lúc nàng có cảm tưởng chàng chẳng bao giờ để ý đến nàng hết. Tình cảm cả hai cứ lửng lơ như vậy mãi, cho đến một hôm nàng nhận được điện tín báo tin mẹ đau nặng về gấp. Nàng biết đó chỉ là mật hiệu gọi nàng về thu xếp vượt biên. Nàng cầm tờ giấy màu xanh, thần thờ. Trời bên ngoài êm ả. Những mái nhà ngói đỏ, cột khói lò sưởi cao, rặng thông xanh ngát, cảnh mimosa vàng tươi... rồi nàng sẽ không còn dịp nhìn lại nữa. Và... chàng... Buổi chiều đó nàng mời chàng một bữa cơm. Chàng đòi cùng đi chợ với nàng. Hôm đó chàng mua nhiều thứ, toàn là những thứ nàng thích. Chàng nói để nàng mang theo lên xe đò nhằm nhì cho đỡ thấy đường dài. Nàng ngạc nhiên. Chàng cũng có để ý đến nàng đó chứ! Nàng lơ mơ nghĩ tới những ngày sắp tới. Có thể chàng sẽ đợi nàng nhưng nàng chẳng bao giờ trở lại. Chàng sẽ ra hồ Than Thở một mình, sẽ lên đồi Cù một mình. Buổi sáng rồi chàng cũng thui thủi đến sở làm. Chẳng còn ai nghe chàng say sưa hát. Chẳng còn ai chịu khó nghe chàng kể chuyện tâm tình. Nàng cũng sẽ một mình đến một nơi nào đó chưa biết được. Ở đó không có bạn bè, không có người thân, không có Đà Lạt, không có chàng. Bữa cơm chiều đầu tiên ở nhà nàng ấm cúng và thân mật hơn nàng tưởng. Chàng ra sân ngắt vài cành hoa cắm vào chiếc bình con để trên bàn. Căn phòng sao dễ thương lạ lùng, như của một cặp vợ chồng son. Nàng thầm nghĩ, đây đã là hạnh phúc, cần gì phải tìm kiếm ở đâu?

Ăn xong, chàng phụ nàng sắp soạn hành lý. Gọi là hành lý chứ nào có gì nhiều! Vài bộ quần áo, vài đồ dùng cá nhân. Nàng gói chàng cất vài quyển sách làm một chút gì gọi là kỷ niệm.

Suốt đêm nàng trần trọc. Đà Lạt êm đềm và thanh tĩnh quá! Nàng muốn chọn sự thanh tĩnh đó. Chuyến đi sắp tới không đem lại cho nàng chút nào nức nào.

Buổi sáng chàng đến khi trời còn tối và sương mù dày đặc. Chàng ngồi ở

chiếc ghế nàng vẫn thường ngồi cạnh cửa sổ trong khi nàng lui cui dưới bếp pha trà. Cổ chàng quấn chiếc khăn quàng màu rêu, ánh mắt đắm chiều, mái tóc bông bênh. Trông chàng nghệ sĩ quá! Chàng cười ngược nhìn khi nàng trở ra với hai ly trà bốc khói trên tay, nói đời sống của nàng êm đềm và chừng mực quá! Nàng cười buồn định bảo từ nay chắc chẳng còn êm đềm nữa đâu những nghĩ sao lại thôi. Nàng ngồi xuống chiếc ghế đối diện chàng, tay mân mê đường viền của cái đĩa tráng men. Chàng hỏi:

— Máy giờ xe khởi hành?

— Năm giờ rưỡi.

Chàng kéo cổ tay áo nhìn đồng hồ:

— Còn sớm, mình ra quán kiếm gì ăn không?

Nàng lắc đầu. Nàng muốn ở lại với chàng trong căn nhà này, tại căn phòng này, với bình hoa chàng cắm hôm qua, thêm chút nữa. Chẳng còn bao lâu. Chẳng còn dịp nào ngồi với nhau như thế này nữa. Nàng nói:

— Còn sớm. Đâu có quán nào mở cửa giờ này?

Chàng cười, bung tách trà hớp một ngụm nhỏ. Sau làn khói mỏng, nàng thấy khuôn mặt chàng hiền hậu, thoải mái. Một khoảng im lặng trôi qua. Chàng lại hỏi, theo thói quen, như bao lần trước:

— Đoan về bao giờ lên lại?

Nàng lúng túng, không biết trả lời ra sao:

— Chưa biết nữa... anh...

Chàng ngạc nhiên nhìn sững. Nàng đứng lên đi về phía cửa sổ. Bên ngoài trời tối đen. Nàng không thể nhìn thấy cây anh đào trước cổng. Nàng cũng không thể thấy được cả mù sương. Chàng đặt tay lên vai nàng, xoay hẳn nàng lại:

— Có chuyện gì? Đoan... nói anh nghe...

Không có chuyện gì cả. Nàng nhủ thầm. Chỉ là một chuyến đi. Cũng giống như chuyến đi Đà Lạt Sài Gòn lát nữa. Có khác chăng là chuyến đi này sẽ mang nàng đến một nơi nào vô định. Nàng lắc đầu, tránh tia nhìn của chàng, đôi mắt với hàng mi cong đa tình! Nàng không muốn đối chàng, nhưng nói thật để làm gì? Chỉ làm bịn rịn thêm lúc chia tay. Chẳng thà để mặc đời đưa đẩy.

— Đoan...

Chàng lại gọi, nâng hẳn khuôn mặt nàng lên, nhìn thẳng vào mắt nàng. Đôi mắt. Trời ơi, đôi mắt sao mà tha thiết

quá! Như trách móc, như đối hờn, nồng nàn, say đắm trộn lẫn yêu thương... Nàng chơi vơi, mắt hút... Tự nhiên nàng bật khóc, ngon lành như chưa bao giờ được khóc.

Nàng đã thấy tình yêu ở chàng sau lần chia tay ấy. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Nàng không mong muốn gì hơn nữa. Có cần gì phải nói đâu? Nàng đã cảm, đã thấy được, ở chàng, cái điều chàng muốn nói.

Tuần lễ đầu tiên trên đảo tạm cư nàng đã bàng hoàng không ít. Mọi việc trôi qua như một giấc mộng làm nàng ngẩn ngơ. Nàng thấy khuôn mặt chàng lúc ẩn lúc hiện; thấy khu chợ Hoà Bình; thấy góc hồ Than Thở, con suối Đa Lạt... Nàng nhớ không khi ngùi ngùi Đà Lạt mà nàng đã dạo cùng khắp chốn. Nàng nhớ chàng, phải không? Hay nàng nhớ Đà Lạt?

Thình thoảng trong cuộc sống bưng chải ở một đất nước xa lạ, nàng cảm thấy nhớ đến xót xa phần đời đã qua. Khung cảnh đó. Cuộc tình đó. Êm đềm quá! Như trong một giấc mộng.

Nhưng trong đáy lòng, nàng biết, chẳng bao giờ nàng có thể quên chàng! Đôi mắt đó, tiếng hát đó sẽ theo nàng suốt phần đời còn lại. Đó là hơi thở, đó là không khí, đó là nơi trú ẩn an toàn cho nàng nghỉ chân.

Cơn mưa vẫn dai dẳng giống như những cơn mưa Đà Lạt. Gió lất phất lay nhẹ những cành cây trụ lá bên đường. Nàng nghiêng mình sát khung cửa kính, cố nhìn xuống mặt đường. Hơi lạnh từ khung kính làm nàng rung mình. Đường bên dưới vắng tanh, thình thoảng mới có một chiếc xe chạy ngang văng nước tung toé. Nàng cúi nhìn, cúi nhìn. Khi ngược lên nàng bắt gặp phía bên kia là những dãy nhà ngói đỏ, những ống khói lò sưởi chênh vênh, những hạt mưa lất phất... Nàng ngẩn ngơ, ngơ ngẩn. Trong tận cùng trí tưởng nàng, những đoạn phim ký ức được kéo ra và quay chậm lại. Chàng đang lẩn quẩn đâu đó cạnh cửa sổ, bên bờ hồ, trong lòng Đà Lạt và những quyển sách của nàng, những quyển sách mà nàng đã để lại với bao là thương yêu...

Đâu đó nàng tưởng như thoáng nghe giọng hát chàng: *Đêm mùa trăng cũ làm vỡ hồn anh...* Bất giác nàng mỉm cười, đưa tay lên quệt những dòng nước mắt đang rơi nhanh trên má. Nàng nghe loáng thoáng tiếng người bạn cùng phòng: Mưa gì mà dai dũ...

Vượt Biên Giới

Ngọc Khôi



Tối hôm trước, trong khi cả nhóm đang ngủ thì có tiếng chân sầm sập, rồi ba bóng đen tiến lại song cửa sắt. Dây xích cửa rít lên, khoá mở lách cách, cánh cửa bị đẩy mạnh bật ra tiếng kêu khô khan.

— Đi vào, đi vào. Kiểm chỗ mà nằm, cấm lộn xộn nghe không!

Giọng gã cán bộ hẳn học. Bóng đen sờ soạng bước vào. Hai bóng kia quàng lại dây xích, liếc sơ qua phòng giam tối rồi quay người, bước xa dần. Một giọng khác vang lên ở chỗ gần nhà cầu:

— Lại đây, lại đây. Tối nay chắc là ông bạn không ngủ được rồi, tôi cũng thế. Lại đây chúng mình tán láo cho vui. Chỗ này gần cầu tiêu, nhưng chúng tôi giữ sạch lắm, không có mùi đâu. Cũng vượt biên à?

Bóng đen mò mẫm tiến đến:

— Không, bị nghi oan. Ờ, nằm đây tối dậy đi tiểu cũng tiện.

Người tù mới nói giọng Trung, rõ ra là dân địa phương và tuổi có lẽ phải hơn tứ tuần. Rải rác từ khắp phòng giam nhiều tiếng khác lao xao nổi lên:

— Sao lại nghi oan? Ông làm gì mà bị bắt?

— Biết ở bao lâu không? Bọn chúng tôi chờ hơn hai tuần rồi mà không nghe hỏi tới gì cả...

Người tù mới vào đặt cái bao tải lép kẹp xuống ở chỗ sẽ gối đầu, nhưng chưa nằm vội. Ông ta ngồi xếp bằng chân lại, giọng nói bình tĩnh:

— Mấy ông bị bắt chung hết à? Vượt biên, tàu bị lộ chớ gì? Ở đây lâu lâu có tàu bị bắt hoài. Phan Thiết này lộ rồi, không phải chỗ nên đi.

Phòng giam vẫn tối mờ, không nhìn rõ ai với ai. Bên cạnh người tù mới, giọng của người khi nãy đã mờ mịt, cất lên:

— Phải có thằng phản, tôi nói không sai đâu. Nó dẫn mình xuống bến rồi báo công an lại bắt. Dễ như trở bàn tay, chúng mình ngu thật.

Một tiếng khác phản đối:

— Tên ấy mà phản? Khó tin lắm. Trước tôi có biết qua nó mà. Nó nhanh chân chạy thoát, thế thôi. Cũng không phải mình nó thoát, các ông thấy đấy, còn biết bao nhiêu người nữa. Mình đi đông như thế, lộ là chuyện thường...

Những người kia lại nhóm dậy, xôn xao:

— Thế sao ông đi làm gì? Không ở nhà cho yên chuyện...

— Không, ông nói đúng đó. Trung gian nói với tôi đi có trên năm chục, mà xuống tới bến đến gần trăm...

— Còn chủ tàu, chắc hẳn tổ chức giả để gạt mình chứ không ai. Tôi sẽ khai hết...

Giọng của người nằm gần nhà cầu lại vang lên, hơi lớn, chừng như để kết thúc câu chuyện:

— Thôi các ông ời, phản hay không cũng vào đây cả lũ rồi. Nói chỉ để lần sau rút kinh nghiệm. Bây giờ ông nào ngủ được thì ngủ đi, sáng mai còn phải dậy sớm điểm danh. Còn ông bạn Phan Thiết, nằm xuống đi chứ, chỗ còn rộng chán. Trong này chỉ có nhóm chúng tôi thôi.

Ông Phan Thiết từ chối:

— Không, tôi ngủ ít lắm, ngồi lâu như vậy cũng quen rồi. Tôi tán chuyện với ông tới sáng được mà.

Gian phòng trở lại yên lặng. Ai nấy đều đã ngã đầu xuống chỗ cũ. Ngoài vài tiếng thì thào rất nhỏ, chỉ có bóng đêm và hơi xi-măng lạnh lẽo toát lên. Một lát sau đã nghe có tiếng ngáy.

*
*
*

Hôm sau vào khoảng giờ ăn trưa, hầu hết bảy người trong phòng đều đã đến ngồi gần song cửa sắt, có ý ngóng ban lương thực đem cơm đến. Có người không cưỡng được, đến đứng bám hai tay lên song sắt, mắt cũng áp chặt vào song, mắt đăm đăm nhìn ra ngoài. Riêng ông Phan Thiết vẫn thản nhiên, trầm ngâm ngồi ở chỗ của mình.

Phòng giam khá dài, toàn một màu xám xi-măng, từ trần, vách đến sàn. Gọi là sàn, nhưng thật ra là hai bức xi-măng lớn xây cao lên, chạy từ đầu đến cuối phòng làm chỗ cho tù nhân nằm, chưa một lối đi ở giữa. Vài chiếc cửa sổ nhỏ được trổ gần trần phòng, cũng gần song sắt. Nhìn từ bên ngoài, phòng giam có hình dạng của một khối đá chữ nhật dày cộm, nằm đâu mặt với một khối đa đầy nhóc tù nhân nam, không biết tội gì. Ở giữa hai khối đá là khoảng sân cát trắng, có độc một giếng nước. Xa xa, tù nhân có thể thấy được vài bóng dừa xanh vươn mình lên trong nắng.

Để quên sự chờ đợi, một ông trung niên gầy gầy, mặt khắc khổ những miệng lúc nào cũng như đang cười hóm hỉnh, lên tiếng gọi chuyện:

— Nào, trước khi ăn có lẽ chúng

mình nên tự giới thiệu thêm một tí đi chứ. Vào đây cả hai tuần mà chả ai biết rõ ai. Tôi trước là công chức quan thuế. Tôi đi với vợ con, đều bị bắt cả, đang nhốt ngoài kia ở phòng phụ nữ trẻ con.

Mọi người đều quay đầu lại nhìn. Ông quan thuế hướng về phía một cụ già có chòm râu bạc muối tiêu:

— Còn cụ, hình như cụ đi với cụ nhà, cả con, cháu và đều đang ở cả ngoài kia phải không?

Cụ già không nhìn lại, tiếp tục vấn điều thuốc dở:

— Hừm... đúng đấy.

Cụ đã 72 tuổi, nhưng ngoài chòm râu, da để cụ hồng hào sần chắc, mặt mũi có vẻ còn yêu đời, đầy bản lĩnh. Một thanh niên hai mươi mấy tuổi, cũng khoẻ mạnh như cụ, lên tiếng:

— Tôi là con trai cụ, vợ con tôi ở phòng ngoài kia. Trước tôi đi lính, nhưng có một năm và phục vụ tại Sài Gòn, chưa ra mặt trận lần nào...

Giọng nói và dáng vẻ của thanh niên có điều gì làm mọi người phải đoán chắc rằng đây là một anh lính kiểng. Cảnh thanh niên, một người khác khoảng ba mươi mấy, có khuôn mặt trắng trẻo đầy đặn giống Nhật và bộ ria mép Nguyễn Cao Kỳ:

— Tôi là kỹ sư điện tử, đã từng du học ở Nhật. Bà xã tôi cũng ở ngoài kia.

— Còn tôi là sinh viên Văn khoa. Vẫn đi học cho đến ngày vượt biên. Mẹ, chị và em gái tôi đều bị giam ở đây.

Anh sinh viên vừa lên tiếng còn khá trẻ, khoảng 19 tuổi, kính cận dày, người ốm yếu. Cảnh anh, một cậu nhỏ non choẹt chỉ khoảng 14, 15, nói rụt rè:

— ... Tôi là học sinh, cũng đang đi học... tôi cũng có mẹ, chị và em trai bị nhốt ngoài kia.

Ông quan thuế — người gọi chuyện — “à” lên một tiếng thoả mãn:

— Thế là bọn mình cùng có thân nhân ở phòng con nít phụ nữ, cùng là người Sài Gòn và gia đình khá giả cả, nếu tôi không lầm. Thế còn ông, ông bạn Phan Thiết? Đêm qua tâm tình với nhau, tôi vẫn chưa biết tí gì về ông?

Ông Phan Thiết từ nãy vẫn ngồi dự khán, nghe hỏi đến mình mới lên tiếng, chậm rãi:

— Hà... hèn chi đêm qua vô đây, chỉ nghe tiếng mấy ông, tôi đã thấy tiếng nào nghe cũng hay, cũng trí thức, nghe lạ lạ. Ở đây, tụi tôi ít khi có dịp gặp được người như mấy ông. Sáng ra, nhìn thấy ông nào cũng sáng sủa. Người Sài Gòn mà, hèn chi... Tội quá, bị

bắt như vậy là mệt lắm...

Ông quan thuế cắt ngang:

— Nhưng trước kia ông bạn làm gì? Sao lại bị bắt?

Ông Phan Thiết lại trầm ngâm khoảng một phút, không lộ vẻ gì nhưng mọi người đều nhận thấy ông bị cưỡng ép:

— Hà... trước giải phóng tôi làm thôn trưởng, mấy ông vô rồi, bà con lại tín nhiệm bầu tôi lên... Lúc nào tôi cũng muốn phục vụ chu tất cho làng xóm bà con, không bao giờ tôi phụ lòng bà con...

Ông quan thuế lại ngắt, có vẻ không chịu bỏ cuộc:

— Thế ông bạn đang làm việc cho chính quyền mới, sao lại còn bị bắt?

Vẫn với vẻ mặt bất động, giọng ông trở nên trầm trầm, tiếng được tiếng mất chìm trong cổ họng:

— Thì cũng đang làm... khi không mấy ông... giải về... Tôi đã nói... mấy ông không tin, oan... bị oan...

Kểng báo giờ ăn nổi lên một hồi ròn rã. Không hẹn nhau, mọi người đều đổ dồn về phía cửa, kể cả ông Phan Thiết. Một đoàn ba người từ phía nhà bếp nhanh nhẹn tiến đến. Đi giữa là người phục vụ trong ban lương thực, vai gánh hai nồi thức ăn, đi đầu và đi chót là hai cán bộ. Cửa nhà giam mở ra, hai chiếc nồi được đẩy vào, khói nóng bốc nghi ngút. Ngoài nồi cơm vàng đầy sắn, nồi kia là canh rau muống, nước xanh lơ, lớp rau thưa nổi lững bồng phía trên. Những người tù chia nhau chén đũa, xới cơm và bắt đầu cầm cúi ăn. Phòng giam trở nên im lặng, chỉ có tiếng và cơm, tiếng múc, tiếng cạo nồi. Giờ ăn đã trở nên khoảng khắc quan trọng. Tất cả đều cảm thấy không phải là lúc tán gẫu.

Chẳng mấy phút, hai chiếc nồi lớn đã sạch bóng, không còn một giọt canh, một hạt cơm cháy sót lại. Tính ra mỗi người xới được hai lưng chén, mấy cọng rau già.

Ài nấy tui ngó nhau. Một số bỏ vào nhà cầu múc nước rửa tay, số khác trở về chỗ nằm. Riêng anh lính kiểng còn ngồi lại, nhìn hai chiếc nồi rỗng một lúc, có vẻ ngạc nhiên không hiểu sao chúng lại cạn mau như vậy.

Cậu học trò rủ anh sinh viên đến ngồi ở một góc phòng. Anh sinh viên tháo kính, vừa lau lên vạt áo sơ-mi vừa hỏi:

— Chắc cậu còn đói lắm phải không? Tuổi đang lớn, ăn uống như thế này không tốt.

— Ừ, cũng đói... Nhưng em không thèm mấy đâu. Cơm dở quá, nuốt muốn không trôi.

Cậu học trò nói thật. Gia đình cậu trước là thương gia, ăn sung mặc sướng đã quen. Nhưng cái đói vẫn làm cậu thấy người mình trống trống, nhẹ hẫng và kỳ cục làm sao. Anh sinh viên đeo kính lên mắt, cất tiếng an ủi:

— Rán chịu đi, đừng nghĩ tới là nó qua. Nghe hình như cuối tháng sẽ được lãnh đồ tiếp tế, cậu đừng lo.

Hai người bỗng cùng đưa mắt nhìn về phía ông Phan Thiết. Ông trở về tư thế ngồi thiền, gương mặt bất động nhưng miệng lại nhai tóp tép món gì như đang ăn trầu.

Ở nhà giam đối diện, một số tù đã ra ngoài lao động. Họ lầm lũi đi qua mảnh sân cát trắng với những gánh phân, gánh đá. Số còn lại vẫn đông lúc nhúc, song cửa sắt đầy những cánh tay, những gương mặt bám chặt vào, không biết họ nhìn gì nhưng đôi mắt họ bất động, đầy kiên nhẫn. Tiếng cuốc, tiếng xẻng thỉnh thoảng lại vọng về cùng tiếng gà trưa gáy o o. Cái nắng Phan Thiết hừng hực đổ lửa xuống vạn vật.

Bên này nhà giam vượt biên rộng rãi, nền xi-măng vẫn toả hơi mát lạnh và nhiều người đã bắt đầu thi u thi u ngủ.

*

* *

— Các toa biết không, giống lan ấy hiếm lắm, không phải tay chơi lan nào cũng có đâu nhé. Người ta ở trên núi xuống, quý moa lắm, biết moa sành lan mới đem đến biếu tận nhà. Moa đem treo ngay ở chỗ tốt nhất trong vườn, tức là chỗ cái hàng hiên xây hình cánh cung trông ra hồ cá, khách khứa vào nhà cứ xuýt xoa âm cả lên. Mà nuôi cái giò lan ấy không phải dễ đâu, moa tốn biết bao nhiêu là công phu chăm chút, cứ như là nuôi trẻ...

Mắt cụ già ngời sáng, nét mặt xuất thần. Nói đến chuyện lan là trúng tủ của cụ. Giọng cụ khi hùng hồn lúc thì trầm, thỉnh thoảng lại ngưng nghỉ vài giây như cố ý cho mọi người thấm chuyện hoặc phải nóng lòng chờ đợi. Hai tay cụ cũng không quên ra điệu bộ, nhưng vừa phải, chỉ để nhấn mạnh những đoạn cần chú ý. Lúc ấy sau giờ ăn chiều, bên ngoài màn đêm đã buông nhưng đèn nhà giam chưa đến giờ tắt. Mọi người quây quần lại để kể chuyện đời. Hơi nóng ban ngày đã lui đi, cái lạnh tê người của đêm tối cũng chưa đến, không khí trong phòng dịu hân lại cùng

những ngọn gió mát phe phẩy. Ánh sáng toả ra từ ngọn đèn ống trắng trên cao hơi làm chói mắt, nhưng ai nấy đều cảm thấy sáng khoái, nhẹ nhõm. Câu chuyện lan của cụ già được tất cả chú ý, người không. Nhưng một thú chơi thanh nhã được kể trong khung cảnh nhà tù, vào một giờ rảnh rỗi mát mẻ, bỗng nhiên tăng hẳn phần thi vị. Người có vẻ thích thú nhất là cậu học trò. Cậu đã sán lại ngồi sát cạnh cụ già, đầu ngược lên chăm chú nghe chuyện. Qua những lời kể, rõ ra cụ là tay chơi lan sành sỏi. Cậu thấy mình may mắn gặp được bậc trưởng thượng thông thạo, đầy kiến thức, đáng kính nể. Gia đình cậu trước kia vốn có nếp sống Tây phương, chị em cậu đều theo học trường dòng, không biết gì nhiều về nếp sống cổ. Mãi sau này, những biến cố xảy đến làm đảo lộn mọi sự, cậu mới có nhiều suy nghĩ mới và mong muốn tìm hiểu thêm về những điều trước kia cậu rất mù mờ. Trước mắt cậu, cụ già trở thành đại diện cho lớp người Việt Nam thuần túy, lớp người còn giữ được nhiều nền nếp, cá tính xưa. Cậu tự nhủ sau này còn phải hầu chuyện cụ nhiều lần. Cậu lại nghĩ, nếu anh con trai của cụ trước kia có đi lính kiểng, cũng chỉ là hiện tượng phổ biến trong các gia đình giàu có và thương con ở miền Nam. Điều ấy do xã hội, do chiến tranh, không thể làm lu mờ đi giá trị nơi con người cụ.

Giọng cụ già bỗng lời dần. Cụ cúi xuống tìm bao giấy thuốc lá, vừa loay hoay vừa tiếp tục nói, đôi khi nhầm lẫn lặp lại những điều đã kể. Biết cụ muốn tìm đường chấm dứt, ông kỹ sư lên tiếng, đề nghị kể chuyện du học Nhật Bản. Mắt ai nấy sáng lên, nhiều người xich lại gần hơn. Ai cũng muốn nghe biết những cảnh đẹp, những cái tối tân hiện đại của xứ Phù Tang...

Cậu học trò cũng thích, nhưng cậu hơi thất vọng. Chuyện lan của cụ già chấm dứt nhanh quá. Cậu vẫn chưa biết rõ về thuật chơi lan, muốn chơi phải cần những gì, quá trình nuôi lan từ đâu đến đâu. Tuy vậy cụ già đã kể rất tỉ mỉ về khu vườn của cụ, cả các vị trí bày chậu cây kiểng và những hình nhân trên hòn non bộ cũng được cụ mô tả rõ ràng, có thể là hơi vô ích nữa.

Chuyện du học của ông kỹ sư — bù lại — có vẻ trẻ trung, linh hoạt hơn. Với giọng nói miền Nam cởi mở, bộ râu đặc biệt nằm trên nụ cười tươi, ông có lối

thơ nguyên văn ngọc

*một mình giữa quán trưa
quán trưa ngồi đốt thuốc
nhạc ai gieo cung bậc
nghe như tiếng buồn rơi
đầy ta, vùng kỷ ỨC.*

*chiêm bao trắng
đêm nằm nghe gió nổi
tưởng bão ngoài không gian
hắt hiu đèn lá ngọn
chiêm bao mơ thấy nàng.*

*h. tháng năm
bầy sáo đùa sân nắng
hên đường phượng nở đầy
tôi bước trong huyệt hăng
ngỡ quê hương quanh đây.*

*xa lạ tôi
phố người tôi đi quanh
đi quanh đời lưu vong
tôi soi tôi lạ mặt
qua từng ô cửa gương.*

*uống rượu đợi thơ
đợi hoài thơ chẳng tới
buồn tình uống rượu khan
biết đâu cơn túy lúy
gọi thơ về mệnh mang*



kể chuyện hơi dễ dãi nhưng lời cuốn, khéo léo hướng dẫn người nghe đi từ thành phố này đến thành phố khác, từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên nọ. Ngoài những điều mắt thấy, tai nghe, ông lại thường xen vào những lời phẩm bình, những nhận xét riêng rất ngộ nghĩnh khiến câu chuyện thêm phần hứng thú.

— Chắc mấy ông chưa nghe chuyện bò nuôi bia. Vậy mà thiệt, thành phố đó có trại gia súc chuyên nuôi bò bằng bia! Bò sanh ra từ nhỏ đến lớn họ chỉ cho uống bia, không uống thứ gì khác. Thành ra thịt thơm, mềm hơn bơ, mùi vị đặc biệt vô cùng. Minh vô nhà hàng, kêu bồi đem ra một miếng — phải nói rõ là bò nuôi bia — cắn một cái, thiệt là “tuyệt vời”...

Không cần ông kỹ sư nói thêm hai tiếng sau, chắc chắn những người có mặt đều cảm thấy thịt bò bia “tuyệt vời” đến chừng nào. Ai nấy trong lòng tự hứa ngày kia nếu có dịp sang Nhật, nhất định phải ghé thành phố ấy “làm một miếng” mới thôi.

Thuật kể chuyện của ông quan thuế chắc chắn không thể bì được với ông kỹ

sư, nhưng ông lại có biệt tài làm cho người nghe có cảm tưởng phải chịu nhịn thêm. Những người tinh ý, sau vài phút ông kể, đều nhận ra điều này. Nếu cụ già và ông kỹ sư biết được bao nhiêu đều phô hết ra, còn cố ý đi vào từng chi tiết, nhấn mạnh từng chỗ gây cản, khiến nghe xong ai nấy cảm thấy đã đời, thoả mãn; thì cạnh đó, ông quan thuế có vẻ keo kiệt khi kể chuyện. Chuyện của ông ngắn, câu dùng gọn gàng, không thừa không thiếu. Giọng ông nói đều đều, hơi lạnh lẽo, tưởng như ông không chú ý đến cả những gì mình đang kể, nhưng chiếc miệng lúc nào cũng như cười hóm hỉnh và đôi mắt lâu lâu lại ánh lên tinh quái khiến câu chuyện trở nên ý nhị. Ông kể lại ba mẩu chuyện trong cuộc đời soát thuế của ông.

— ... Hẳn bảo mình cầm, nhưng mình nhất định không cầm. Ai lại làm thế. Tuy mình có thể nói với các ông là ở chỗ mình ngồi, chuyện ấy dễ dàng lắm. Lúc kiểm soát xong, giấy tờ đâu vào đó mới biết thật ra không có gian lận gì cả, chỉ là một sự nhầm lẫn. Sau mình có gặp lại hắn, hỏi sao không gian

lặn mà lại đưa làm gì. Hắn bảo vì sợ quá, với lại thấy người ta hay đưa, nên cũng đưa cho yên chuyện. Lần ấy thế mà may, nếu mình cầm, có phải là hại mình và hại cả hắn không. Không nói chuyện phạm luật, nhưng còn cái hại tinh thần, đối với lương tâm của cả hai bên...

Chuyện ông quan thuế ý nghĩa như thế mà ông không chịu kể tiếp, ông chấm dứt ở mẫu chuyện thứ ba. Các mẫu chuyện của ông giống như những trích đoạn từ pho tài liệu dày cộm nằm trong đầu ông, bao gồm biết bao nhiêu là chuyện lý thú, chuyện "hậu trường" ít khi được tiết lộ, ai cũng thích nghe, nhưng ông không buồn ban bố, chỉ thỉnh thoảng vui miệng mở ra đọc vài dòng.

Điều này làm cậu học trò tự nhiên thấy có cảm tình và thêm phục ông. Thật ra sự quý mến của cậu đối với ông quan thuế đã nảy nở từ lúc đầu, hôm

ông bị trói quặt tay ra sau lưng chở về trại. Hôm đó là ngày đầu bị bắt, đoàn người vượt biên, cả đàn ông đàn bà và trẻ em, đã bị dẫn về từ sáng sớm và bị lừa vào căn phòng đợi rộng nằm gần cổng trại, ai nấy tuy sợ hãi, buồn bã nhưng không đến nỗi bị cùm trói gì. Trước đó nhiều người đã chạy thoát, và một số đàn ông tuy kết lại nhưng không ra nạp mình, còn ẩn nấp đâu đó trong các bờ bụi của khu rừng được ven biển. Đến tối số đàn ông này mới bị công an địa phương phát giác, trói tay bỏ lên xe cam-nhông chở về trại. Ông quan thuế là người đầu tiên bị chở về. Hình ảnh ấy còn in đậm trong đầu óc mọi người. Đầu ông tuy cúi gục xuống, nhưng hai cánh tay trói quặt ra phía sau và đáng đứng chênh vênh trên chiếc cam-nhông không mui có vẻ gì vừa cô độc, vừa ngạo nghễ khiến mọi người đều nhìn ông thương xót. Sau đó cũng chỉ có mình ông được bỏ vào nhốt chung trong phòng giam vượt biên đàn ông này, những người bị trói dẫn về sau ông đều mất tin tức, không biết giam ở đâu.

Câu chuyện của ông quan thuế chấm dứt, không thấy ai nhắc nhở gì đến anh lính kiểng, anh sinh viên và cậu học trò. Có lẽ mọi người đều nghĩ rằng ba người trẻ tuổi này không có chuyện gì đáng kể. Chính ba người này cũng có vẻ chỉ muốn dự khán, sẵn sàng nghe, ham nghe, nhưng không hề có ý định làm diễn giả.

Ông quan thuế xoay người về hướng nhà cầu, nơi ông Phan Thiết vẫn ngồi nhai tóp tép — tuy không ai thấy bình vôi, lá trầu của ông bao giờ:

— Ông bạn này, ông có biết căn bên kia họ giam những ai không? Ông ở tỉnh này, chắc rành hơn chúng tôi. Làm sao mà họ đông thế, lại phải lao động đủ thứ cực nhọc, trong khi chúng mình thì cứ ăn no lại nằm, chả thấy ai nhắc

nhớ gì, nhà giam lại rộng rãi thoáng khí mới lạ chứ?

Ông Phan Thiết ngừng nhai, đưa tay vào miệng lồi miếng gì ra, ở xa không ai nhìn rõ nhưng có vẻ như một bã trầu:

— Hà, bên đó đủ thứ tù, ăn cắp ăn trộm, chính trị, phản động, vượt biên... Họ ở bên đó tức là kêu án rồi, án lao động khổ sai chứ đâu. Còn căn tụi mình là phòng tạm giam, ai mới bắt cũng bỏ vô đây hết, chờ xét. Có án xong mới phân đi mấy chỗ khác, chừng đó là lao động à nghe...

— Thế tạm giam thường là bao lâu, ông bạn có biết không? Chúng tôi chờ cũng dài người cả rồi đây.

— Hề, cái đó không biết chừng. Mau là hai tháng, nhiều khi lâu hơn. Mấy ông mới vô, chưa có nhắm nhò gì. Bây giờ cứ ăn với ngủ, chờ chừng nào họ kêu thì kêu.

— Thế à? Thế mà chúng tôi cứ tưởng như thế này là tù rồi, chắc sắp thả đến nơi. Chúng tôi chỉ là có ý muốn đi ngoại quốc không giấy phép, chứ không có trộm cắp, giết chóc ai...

— Ờ, nhiều khi tạm giam rồi tự dưng kêu ra thả luôn cũng có. Nhưng mà cái đó tùy người, tùy trường hợp. Có người nằm đây sáu, bảy tháng rồi mới kêu lên lãnh án, thời gian tạm giam không đáng kể. Bây giờ rán mà chờ, chờ tôi không biết.

— Chà, nghe ông bạn nói mà lạnh cả người. Chờ thế này thôi chứ còn chờ đến bao giờ? Lại chả có quần áo, đồ đạc gì cả mới khổ chứ!

— Mấy ông người Sài Gòn, không biết gì, họ làm dữ tịch thu hết đồ đoàn. Chớ như tôi bị kêu một cái là tôi chuẩn bị khăn mặt, xà bông, thuốc đánh răng, bởi vô đây là ngồi chờ dài dài...

Ông Phan Thiết nhìn xuống phía dưới bụng, kết thúc:

— Hà, tôi phải vô cầu rửa cái bộ đồ lòng một chút. Mấy ngày rồi họ không mở cửa cho ra giếng tắm, hôi thúi quá...

Ông lúi từ chiếc bao tải ra tắm khăn mặt trắng, nhảy xuống sàn đi về phía nhà cầu. Cậu học trò hơi nhăn mũi trước câu nói của ông. Những người còn lại ngẩn ngơ nhìn nhau. Cụ già dùng tay vắn thuốc, lên tiếng phê bình:

— Hồng, thế này là hồng. Không còn gì là cái *fierté nationale* nữa cả. Muốn đi ngoại quốc mà cũng không cấp *autorisation*, lại vào tù vào tội. Lũ trẻ này mai sau lớn lên — cụ chỉ tay về hướng ba người trẻ — còn biết cái gì là *fierté*, là *amour propre* nữa? Hồng,



nắng hồng

Thương sao giấc ngủ hồn nhiên
Nhớ sao nhịp võng mẹ hiền đang đưa
Trời xuân hoa nắng lừa thừa
Cúc vàng trĩu đầu, hương mơ ngát cành
Ngoài vườn con bướm vàng xinh
Đậu trên khóm cúc rung rinh cánh đùa
Ước gì ai bán tôi mua
Một khung trời cũ, tuổi thơ nắng hồng

tuệ nga

hồng hết!

Cậu học trò trở mắt, ngẩn ngơ trước cách phát âm tiếng Pháp của cụ. Thật là một bậc kim cổ vẹn toàn. Những người khác không chú ý lắm, bắt đầu về chỗ nằm của mình. Cụ già rít một hơi thuốc:

— Này, có ai biết ngâm Kiều là như thế nào không? Chúng mình nói chuyện Kiều thú đấy. Ngâm Kiều khác với ngâm thơ, nó lạ lùng, đặc biệt lắm. Để moa phân tích cho mà nghe...

Không ai trả lời cụ, cái vòng tròn kể chuyện lúc đầu thưa dần rồi trống hẳn, người nào cũng có vẻ buồn bã trước những tiết lộ vừa rồi của ông Phan Thiết. Chỉ còn cậu học trò bên cạnh cụ, cậu hăm hở:

— Biết, cháu biết, để cháu ngâm cụ nghe có đúng không:

Đầu lòng hai ả... tố nga

Thúy Kiều là chị... em là... Thúy Vân

Cụ già cười tươi:

— Giỏi thế à? Bé thế này mà biết ngâm Kiều là giỏi đấy!

— Cháu có xem phim Kim Vân Kiều, không có người đóng nhưng có những bức tranh vẽ lại cốt truyện đẹp lắm. Bích Thuận ngâm thơ, không biết cụ đã xem chưa? Cháu bắt chước ngâm cho đúng giọng, còn hai lối khác nhau thế nào thì cháu chưa biết rõ. Cụ phân tích đi cụ!

Cụ già không trả lời, thản nhiên ngồi vắn thuốc. Rõ ràng là cụ không còn thấy sự có mặt của cậu học trò. Cụ không muốn kể gì nữa vì mọi người đã lắng ra hết, cậu học trò thì không phải đối tượng của cụ.

Cậu này thất vọng, ngồi đợi thêm một chút rồi trở về chỗ của mình. Cậu bỗng nghĩ tới tờ khai lý lịch, lý do, hoàn cảnh vượt biên.v.v.. mà cán bộ vừa phát sáng nay. Có lẽ cậu phải viết đi cho xong. Lần này là lần thứ hai mọi người nhận được, tờ khai giống hệt tờ trước, không khác một câu hỏi, tuy tất cả đã từng long trọng "công nhận hoàn toàn khai đúng sự thật" và ký tên bên dưới.

Cậu học trò lôi tờ khai còn trắng ra để trước mặt, cầm cây bút một cách chán nản. Cậu không có gì để sửa chữa, cậu đã khai những gì mình biết về chuyến đi qua những lời của mẹ, mà mẹ cậu cũng chỉ qua trung gian, ngoài ra cậu còn biết gì hơn. Cậu nghĩ tới mẹ, chị và em trai ngoài kia, lòng buồn bã. Trưa nay, một số phụ nữ ở phòng giam ngoài được phép vào phòng đàn ông thăm thân nhân, vào từng người một

và chỉ được phép nói chuyện qua song sắt.

Chị cậu và chị anh sinh viên đại diện gia đình vào thăm em. Cậu nhớ lúc chị cậu băng qua mảnh sân cát trắng, bộ quần áo bà ba đen mặc từ hôm vượt biên uyển chuyển theo bước đi, bọn đàn ông căn bên kia đã đổ dồn ra, tay bám song sắt miệng huýt sáo, la ó vang lừng. Chị cậu không dấu được một nụ cười nhẹ đầy hãnh diện. Chính cậu cũng ngạc nhiên nhìn chị. Trước kia chị cậu chỉ thích áo đầm, sau nữa là quần tây, bắt buộc lắm chị mới chịu đựng tới chiếc áo dài còn áo bà ba thì không bao giờ tưởng tượng nổi. Vậy mà hôm nay cậu thấy chị đẹp mặn mà, nổi bật trong lớp áo dân quê, một vẻ đẹp rất khác lạ cậu không thể cất nghĩa, và những ngày đầu bị bắt vì sợ hãi, vì lo buồn cậu đã không để ý.

Hai chị em cậu không nói gì nhiều với nhau, chỉ nhìn nhau cười cười. Cả hai cùng chưa nhận định nghiêm chỉnh tình trạng ở tù này, có điều gì giống như những trò chơi tưởng tượng lúc cả hai còn con nít. Đến chị anh sinh viên, tiếng la ó đã bớt hẳn. Cô này không xấu nhưng không đẹp, lại nhỏ con, gầy ốm giống em.

Đứng bên ngoài song sắt nhìn em, vừa nói được mấy tiếng "em có khỏe..." nước mắt cô đã đọng trên mi. Anh sinh viên nói lớn:

— Khỏe, khỏe như voi, không có gì đáng lo cả.

Cô chị cầm tay em, ngập ngừng muốn nói điều gì nhưng nổi xúc động làm cô nghẹn lời. Anh sinh viên rút tay ra:

— Chị về đi. Khóc khóc cái gì. Muốn lo thì ra ngoài lo cho mẹ với em gái. Phần tôi không có gì đáng nói.

Cô chị nhìn em, bờ nước trên mắt đầy hơn, miệng lắp bắp:

— Em... em...

Anh sinh viên quát lên:

— Đi về! Tôi đã bảo chị đi về còn đứng đó! Khóc cái gì mà khóc, thôi chưa?

Cô gái quay vụt lưng lại bước thẳng ra sân, đôi vai bỗng giật mạnh rồi tiếp tục run lên từng hồi qua suốt mảnh sân cát. Anh sinh viên quay vào ngồi thủ ở vách tường, thật lâu anh không nói gì cả, qua cặp kính trắng đôi mắt anh vẫn bất động nhưng gương mặt có một vẻ gì dữ dội mà cậu học trò chưa bao giờ nhìn thấy.

Đặt bút xuống tờ khai, cậu học trò

bắt đầu hí hoáy viết lại những điều đã viết như trả một bài thuộc lòng. Bản khai quá chi tiết, quá nhiều câu hỏi, khi cậu viết xong những tờ giấy trắng đã chỉ chít những chữ, cậu bỏ bút, ngừng lên nhìn quanh. Chung quanh cậu, nhiều người cũng đang ngồi, nắm cầm cúi viết. Có người cầm bút ngồi thần thờ, như đang suy nghĩ cân nhắc lung lăm những giòng chữ quyết định.

Có lẽ cũng như cậu, tất cả đều loé lên tia hy vọng mơ hồ — như bản khai đang viết — sẽ được cứu xét một cách đặc biệt theo trường hợp riêng tư.

*
* *

Tình trạng trong phòng tạm giam ngày một tệ hơn. Vấn đề trước mắt mà mọi người phản đối đầu tiên là nước. Không thấy cán bộ đến mở cửa cho ra giếng tắm đồng thời xách nước đổ đầy cái lu sành đặt trong cầu tiêu như thường lệ. Từ lúc cái lu cạn, cầu tiêu bắt đầu xông mùi xú uế. Mỗi lần đi cầu, ai nấy bịt mũi nhăn mặt chỉ mong "làm phận sự" mau chóng rồi đi ra. Lúc lỗ cầu đã đầy, người đi cầu bắt buộc phải phóng uế bên rìa lỗ, trên chỗ dành để đặt chân, rồi dần dần lan rộng ra ngoài đến nỗi nhìn vào cầu tiêu chỉ thấy những núi phân lổn ngổn đặc kín khắp nơi. Đa số tù quyết định nhịn, thà táo bón hơn là phải bước vào cái nhà cầu ấy, trừ khi phải đi tiểu. Riêng cụ già không đầu hàng dễ dàng như vậy. Cụ có cái sô riêng, đặt ngay bên cạnh chỗ nằm. Cụ thản nhiên leo lên ngồi chễm chệ, phóng uế xong lấy khăn dặt lại, chờ cái xô đầy ngập mới xách đến mở cửa nhà cầu trút cái "rột" vào trong. Chỗ nằm của cụ xông mùi khó ngửi, ai nấy tránh dạt ra, nếu có người lên tiếng phê bình là cụ nạt ngay. Nghĩ cụ lớn tuổi trái chứng trái nết, không ai nói gì nữa.

Ngoài nước, vấn đề thứ hai là cái đói. Dường như nhiệt lượng chứa sẵn trong mình lúc đầu đã cạn dần. Mỗi ngày qua, mọi người cảm thấy bụng đói hơn. Giờ ăn, ai nấy bắt đầu nhìn chừng nhau, sợ có người ăn lấy mất phần mình.

Tình trạng đang khó thở như vậy thì một hôm, có thêm hai chú Tàu lái buôn bị tống vào, một chú ốm, một chú mập. Sự có mặt của hai chú khiến không khí phòng giam cởi mở hơn một chút. Hai chú hay cười, thích nói giỡn, nhất là chú Tàu mập, mặt cứ tươi như hoa. Chú tuyên bố:

— Tụi tôi ở Chợ Lớn, chở hàng trên

tàu puôn li ngang qua lây pị mấy ống pát, mấy ống lói vượt piên, tịch thu hết hàng hoá, mà lâu có vượt piên hồi lão, lói mấy, mấy ống cũng không tin...

Chú gọi chú ốm bằng tên "Tắc". Chú này sùng sộ, giận dữ. Hồi ra mới biết chú ốm tên Thông, bây giờ bị bắt vô đây thì không phải "thông" mà phải gọi là "tắc".

Cho đến một hôm, giờ ăn trưa đặc biệt có món canh bí đao nấu tôm khô — dù bí và tôm khô chỉ lỏng bông — thì có tranh chấp lớn xảy ra.

Hai chiếc nồi vừa được đặt vào chỗ thường lệ, chưa ai kịp động tĩnh, anh lính kiểng đã xông ngay lại, trên tay thủ sẵn hai chiếc lon guigoz. Anh xới vục cơm vào đây một chiếc. Cụ già hét lớn thất thanh:

— Này này, không đưa nào được chạm vào phần tao đây nhé!

Cụ quờ ngay chiếc ca nhựa, lao vào chiến trường. Anh lính kiểng như cầm điếu, vục chiếc lon kia vào nồi canh, chỗ có nhiều tôm nhất. Xong anh lại lấy chén mình, xới vùn cơm lên cao như núi. Cụ bố anh cũng xới cơm, múc canh nhanh như cắt, vùn đầy ca đầy chén, mặt hầm hầm đầy sát khí.

Hai người nữa xông vào là ông kỹ sư và ông Phan Thiết. Tay họ hoạt động lia lịa trên hai chiếc nồi. Ông quan thuế la lên:

— Làm thế không được! Các ông làm thế không được!

Không ai nghe ông. Ông ngần ngừ rồi cũng chạy lại, hốt mau thức ăn vào chén mình.

Diễn biến quá nhanh, những người còn lại chỉ biết đứng nhìn bất động. Chú Tàu mập kêu lên nho nhỏ:

— Cái gì mà giành, chời ơi...

Cậu học trò quay đầu, nhận ra anh sinh viên và hai chú Tàu đang đứng cạnh mình. Họ nhìn nhau ngán ngấm, không biết nói gì.

Tính ra bữa ăn hôm đó, những người không chịu "lấn vào bếp" chỉ ăn được chưa tới nửa chén cơm cùng ít nước canh thừa lại dưới đáy. Dĩ nhiên là không có con tôm, khoanh bí nào. Tan bữa ăn, các chiến sĩ có vẻ no nê, thoải mái, trở về chỗ của mình, mặt lạnh như tiền, không ai nhìn ai.

Cậu học trò, anh sinh viên cùng hai chú Tàu tụ vào nhau to nhỏ trong một góc phòng. Biển cổ vừa qua đây họ lại gần nhau hơn. Ông quan thuế cũng mon men lại gần họ. Ông có vẻ ngượng, cất tiếng phân trần:

— Nào tôi có muốn tranh với họ làm gì. Nhưng mà chúng nó làm thế không được, không được!

Mặt chú Tàu mập méo xẹo:

— Mình ăn lược có pi nhiều, pây giờ lói muốn chết.

Chú Tàu ốm lắc lắc đầu. Phòng giam hẳn nhiên đã chia làm hai phe. Một phe "tốt", một phe "xấu". Ông quan thuế thì lắc lư, đu dây ở giữa, chưa biết cư xử thế nào.

Đến bữa cơm chiều, phe "tốt" cũng phải nhào ngay lại hai nồi thức ăn, tuy không xới đủ khẩu phần như trước các tay nhà nghề kia, nhưng cũng được thêm một chút.

Không biết bằng cách nào vụ tranh giành bị tiết lộ ra ngoài. Tối hôm đó một cán bộ có vẻ cao cấp, môi thâm, đeo kính đen, đến viếng phòng giam. Cán bộ ấy không vào, nhưng đứng ngoài song sắt quan sát mọi người, chiếc môi thâm nhếch lên cười ý nghĩa:

— Các anh ở Sài Gòn, kỹ sư, quan thuế, sinh viên... Toàn là trí thức! Các anh ở đây ăn uống khổ quá phải không! Hồi trước sướng quen rồi, bây giờ chắc chửi rủa chúng tôi dữ lắm? Phải không, nói đi chớ? Sao không anh nào mở miệng hết vậy?

Đám tù vẫn im lặng. Cán bộ nhếch môi cười thêm lần nữa, rồi bỏ đi. Nụ cười nhiều ý nghĩa ấy hình như chạm đến tự ái của mọi người. Ngay sau đó, ông quan thuế triệu tập một buổi họp, đề nghị cách thức chia chác đồng đều trong giờ ăn do ông làm trọng tài. Cách thức này được bàn đi bàn lại, sửa chữa nhiều lần trước khi được tất cả phê chuẩn.

Những ngày sau đó, giờ ăn đỡ căng thẳng, nhưng cái nhìn giữa mọi người với nhau thì vẫn lạnh như nước đá.

*
* *

Cậu học trò nhìn những chiếc bánh ngọt, những viên kẹo, miếng đường, những đùi gà quay béo ngậy bày ra nhan nhản trước mặt mọi người mà thấy tủi thân. Tất cả đã được tiếp tế, trừ cậu. Cả gia đình cậu bị giam, ở Sài Gòn chỉ còn ít họ hàng, có lẽ họ chưa hay tin hay có khi không buồn tiếp tế cũng nên. Hơn lúc nào, cậu thấy đói. Cơm canh tù khó nuốt, cậu không thèm đã đành, nhưng những món ngon lành quen thuộc kia thì cậu không cầm được. Chúng đại diện cho cả một thời vàng son, no ấm mà cậu đã biết. Chúng là thế giới của cậu. Đây là coca, thịt hộp, kia

là bò khô, chanh muối. Cậu nghĩ tới cái vị mặn mặn, ngọt ngọt, thấm tới tận cuống họng của chanh muối và nuốt nước bọt. Cậu cần rằng không xin xỏ ai, chỉ ngồi dựa lưng vào tường, rán nghĩ tới chuyện khác.

Những người kia thì có vẻ tươi tỉnh hẳn. Không khí trong phòng giam vui như ngày hội. Nhiều người lại đến ngồi gần nhau kể chuyện đời. Nhiều tia hy vọng loé lên.

— Tôi tin chúng nó thả mình ra tới nơi rồi. Giam ở đây cả tháng trời rồi chứ ít — Ông quan thuế vừa múc thìa chè đậu xanh từ chiếc lọ chè to tướng của ông, vừa nói. Tôi tuy làm ở quan thuế cho chính quyền cũ, nhưng nghĩ đã một năm rồi mới đến ngày giải phóng. Với lại mình cũng chỉ biết sổ sách, tính toán, có cầm súng giết ai bao giờ mà sợ.

— Còn tôi là kỹ sư, thành phần trí thức nhưng chắc cũng không sao. Mình học ở Nhật chớ có ở Mỹ đâu. Tôi tin mấy ông sắp thả tôi bây giờ.

— Còn tôi hề, họ nghĩ oan ức vậy thôi — ông Phan Thiết lột chiếc bánh ú, miếng bã trầu đã biến mất từ hôm ông nhận đồ tiếp tế — tôi cứ gì cũng ra sớm hơn mấy ông.

— Không... — ông quan thuế phản đối — ra sớm nhất ở đây là cụ. 72 tuổi đầu còn giam giữ người ta, sức nào chịu được. Tôi đoán không lắm chỉ vài hôm nữa là họ kêu tên cụ ra thôi.

Cụ già gật gù, ly rượu bỏ trên tay:

— Hừm... đúng đấy.

Hai chú Tàu không có ai tiếp tế, nhưng vẫn tươi tỉnh. Chú mập nói:

— Tụi tôi li puôn thiệt. Cho mấy ống xét hoài không thấy gì rồi cũng thả ra. Nhốt tụi tôi ở lây tốn cơm chớ làm gì.

— Nhứt là ló — chú Tàu ốm châm chích — mập như cái pao gạo nhốt ở lây là lỗ vốn lớn!

Ông quan thuế bồng chỉ tay về phía ba người trẻ, lắc lắc đầu:

— Còn mấy cậu tôi không biết sao đấy nhé. Thanh thiếu niên là họ chú ý lắm. Họ đã cho đi học để đào tạo ra phục vụ, lại còn đi trốn thế là hỏng. Họ không có muốn để thất thoát những người trẻ ra ngoại quốc đâu. Các cậu có khi bị giam lâu lắm, không biết chừng nào mới ra...

Cậu học trò theo dõi câu chuyện, đã nguôi ngoai được, câu nói của ông quan thuế lại khiến cậu tủi thân, sợ hãi. Có bản tay đặt lên vai cậu, anh sinh viên đã đến ngồi bên từ lúc nào:

— Cậu không có ai tiếp tế à?

Cậu học trò lắc đầu:

— Em sợ quá, bị tù luôn chắc chết. Còn anh, anh thấy sao?

— Tôi cũng không biết, không nói chắc với cậu được. Mình cứ chờ, cứ hy vọng thế thôi. Đừng sợ quá, không ích gì.

Anh sinh viên bẻ chiếc bánh mì dồn thịt mập chắc ra làm hai, đưa cho cậu học trò:

— Ăn đi, ăn chung với tôi cho vui. Tôi ăn ít lắm.

Cậu học trò gần như đẩy nẩy:

— Không, em không ăn đâu. Không đói đâu.

— Cầm lấy đi, đừng ngại ngùng gì cả. Giữa tôi với cậu, ở trong này, còn phép tắc gì nữa.

Mùi thơm của thịt luộc rắc xì dầu, tương ớt xông lên tận mũi cậu học trò. Những miếng thịt dày, kẹp chung với đồ chua, dưa chuột và ớt đỏ thái mỏng hiện lên no nê trong mắt cậu. Anh sinh viên như một cứu tinh, một tấm lòng hiếm có. Cậu rung rung cầm lấy.

— Ủ, ăn đi. Những đồ khác của tôi mình cũng sẽ chia hai. Một mình tôi không cần nhiều như vậy đâu.

Khúc bánh mì ngon ngọt lạ thường. Cậu học trò nhai nhồm nhoàm, cảm

thấy vừa học thêm một điều gì đó trong đời sống.

*
* *

Lương thực tiếp tế rồi cũng cạn dần. Mọi người bắt đầu ăn nhín lại. Không khí trong phòng bớt vui hơn nhưng cửa nhà giam đã bắt đầu mở lại mỗi ngày cho ra giếng tắm và hy vọng được thả càng lúc càng lớn.

Một buổi trưa trời đẹp, nắng bên ngoài vàng ửng, gió gờn gợn thổi như thời tiết một ngày xuân, anh sinh viên bỗng hỏi cậu học trò:

— Này, cậu có biết bài hát *Anh Sẽ Về* không? Hay lắm, muốn tôi sẽ hát cho nghe.

— Ủ, anh hát đi, em chưa biết.

Anh sinh viên cất giọng, giọng rần rỏ như tiếng nói, rõ ra một người không xa lạ với âm nhạc:

— *Anh sẽ về, em ơi, anh sẽ về. Về nơi ngôi nhà, vách đất với hàng hoa thơm. Nơi con đê già, nơi cây cầu tre. Nơi con đường đất, dấu chân trâu bò... Anh sẽ về, em ơi anh sẽ về. Về trên sông rộng, ôm hết cánh đồng xanh lam. Hôn em hôn mẹ, hôn bao người thân. Sẽ nói sẽ cười, sẽ vui nhiều hơn...*

Bài hát hay hơn cậu học trò tưởng.

Cậu ngạc nhiên vì chưa bao giờ nghe. Chữ dùng và nhạc điệu quá đẹp, những hình ảnh đồng quê trong bài tuy xa lạ với cậu, nhưng lại mở cho cậu một cánh cửa mới về những điều cậu ít khi được tiếp xúc.

— Trời ơi, hay quá! Anh học bài này ở đâu vậy?

Anh sinh viên mở lớn mắt sau cặp kính cận:

— Chưa bao giờ nghe à? Bài này quen lắm mà! Trước tôi hay đi sinh hoạt với các thanh niên, sinh viên, vẫn hát luôn.

— Ủa, sinh hoạt gì vậy anh?

— Đủ mọi vấn đề. Tuần nào cũng đi, có khi hội thảo về xã hội, về hiện tình đất nước, có khi chỉ đàn hát. Cậu không bao giờ sinh hoạt như thế à?

— Không... Cậu học trò đáp, hơi ngượng.

— Cậu có muốn, tôi sẽ tập cho hát. Dễ thuộc lắm.

— Ủ, tập em hát đi.

Anh sinh viên bắt đầu lại, mỗi câu anh lặp đi lặp lại cho cậu nhỏ thuộc lòng, cả điệu, cả nhịp. Cậu học trò hát theo rất nhanh, nhưng thói quen của cậu mỗi khi hát là sửa giọng cho có vẻ như đang hát một bài nhạc trẻ ngoại quốc, loại nhạc tủ của cậu. Anh sinh viên gắt:

— Cậu cứ hát tự nhiên, sửa giọng kỳ quá. Bài này không có gì là ngoại quốc cả. Hát tự nhiên bao giờ cũng hay hơn.

Cậu học trò ngượng, hát lại bình thường. Hai anh em hăng hái tập, giọng hát vang vang một góc phòng. Hai chú Tàu tò mò nghe một lúc, rồi rủ nhau tiến lại:

— Dạy cho chúng tôi với. Bài này hay ló. *Anh sẽ về!* Hát ở đây thiệt là lúng.

— Ờ dạy tụi tôi li. Hát hoài không chừng lược về sớm ả.

Anh sinh viên vui vẻ chịu ngay. Bài hát anh đề nghị vậy là được hưởng ứng nồng nhiệt. Nhưng chú Tàu mập không có khiếu âm nhạc, hát cứ trật nhịp mãi, phải tập đi tập lại đến mấy tiếng đồng hồ. Giọng chú lại lớn nhất, lơ lơ, khiến bài hát trở thành hơi khô hời. Cậu nhỏ đã thuộc, chỉ hát theo cho có. Cậu nhìn ra sân, thấy cuộc đời trước mặt thật đẹp. Cậu nghĩ tới căn nhà ở Sài Gòn, chỉ mong chóng được về sống lại những ngày bình yên cũ. Cậu sẽ lại đi học, đi xi-nê, đi nhảy đầm với bạn bè. Mai một có đi được ngoại quốc không, cậu không cần biết. Cuộc sống ở Sài Gòn tuy khó khăn hơn thời trước, nhưng



chắc chắn không đến nỗi khổ như ở đây. Cậu chỉ mong bước chân ngay ra khỏi nhà tù này mà thôi. Cậu dõi mắt ra xa. Những bóng dừa vươn cao xanh thẫm trong nắng, và màu cát trắng mịn trên sân đẹp không thua gì những bãi biển nghỉ hè của cậu.

— *Lưu em vào gió, khê chao cành hoa. Ra sau vườn nhỏ, trông lại cho em cây hoàng lan, hương lậm thêm...*

— Hương đậm thêm! Chú hát nghe không được. *Đậm thêm* chứ không phải *lậm* thêm. Hát vậy là hỏng.

— Thì *lậm* thêm! Anh hát *lậm* thêm toi cũng hát *lậm* thêm chứ gì nữa?

— Đậm thêm, lậm thêm là nghĩa khác.

— Thì lúng dzồi, anh lói *lậm*, toi hát *lậm*, anh bắt toi hát sao bây giờ?

— Thôi, thôi được rồi. Nào, hát lại...

Giọng chú Tàu mập lại ồ ồ cất lên. Những người trong phòng có vẻ thông cảm, không nói gì. Ông kỹ sư và anh lính kiểng ngồi riêng một chỗ chuyện trò tương đắc. Chỉ có cụ già gắt lên nhỏ nhỏ:

— Vào đây còn hát với hỏng!

Anh sẽ về, em ơi, anh sẽ về. Dù đêm không cùng hay mất hết người thân yêu. Cho em không còn, cho chim về xa. Sẽ gắng quay về, chết nơi ra đời!...

Buổi tập hát kết thúc tốt đẹp. Chú Tàu mập đã hát trôi như cháo, đúng từng nhịp một. Nhưng tối hôm ấy lại có chuyện xảy ra khiến mọi người mất vui.

Lúc đó ông kỹ sư đang ngồi giờ lại bao lương thực tiếp tế ra, tìm hộp ruốc thịt heo để nhấm nháp. Ông vừa mở hộp ăn miếng đầu, anh lính kiểng đã mò ngay lại:

— Này, cho tao ăn với, đồ ăn của tao hết rồi, đói quá!

Ông kỹ sư đưa mắt nhìn, ngạc nhiên:

— Ông già mày còn đầy đồ kia kia, sao không xin?

— Đồ của cụ, tao đâu dám động đến. Lại toàn là đồ bổ, sâm thang gì ấy, động đến là chết với cụ.

— Của ông già không xin mà đến xin tao. Thôi đi mày ơi!

Ông kỹ sư quay người, dấu hộp ruốc qua một bên. Anh lính kiểng nhẩn nhó:

— Cho tao một miếng đi. Đói quá...

Ông kỹ sư làm như không nghe, miệng nhai ruốc, mắt nhìn đi chỗ khác. Bất thần, anh lính kiểng lồng lên:

— ĐM mày! Bạn bè mà xấu như thế đấy hả?

Anh chồm về phía ông kỹ sư, một tay đè cổ ông, tay kia chộp lọ ruốc. Ông này

không vừa, gồng tay đẩy anh lùi lại, thân hình cũng nhổm lên tấn công. Cả hai ngồi chồm chồm, bốn cánh tay quàng chặt nhau, tựa hai võ sĩ đang đấu vật. Ông quan thuế kêu lên:

— Buông ra, buông ra ngay! Cán bộ nghe được là chết hết bây giờ.

Hai võ sĩ cùng khoẻ mạnh, sung sức, không ai nhường ai. Ông quan thuế chạy đến chen vào giữa, những người khác cũng nhào vào giằng hai đấu thủ ra.

— ĐM, bạn đấy, bạn như thế đấy...

— ĐM cái lỗ đ. mày. Ai thêm bạn bè với mày.

Hai đấu thủ lăm băm trở về chỗ cũ. Cậu học trò giương mắt nhìn, thấy bộ râu của ông kỹ sư hết duyên dáng. Ở chỗ mình, cụ già vẫn không thềm nhìn lên, cụ điềm nhiên vuốt ve lại cho thật thẳng mẩu thuốc lá vừa vắn.

*

* *

Có những buổi trưa im vắng chỉ có tiếng gà gáy ồ ồ, cậu học trò đứng sững dưới khung cửa sổ đục trên cao, nhìn ánh nắng bên ngoài rơi vào thành một vệt sáng rõ nét và kỳ ảo giữa căn nhà đá. Vệt nắng như xuyên thủng bức tường dày để đem lại ánh sáng cho khoảng trống tối tăm. Cậu mê mẩn ngắm những hạt bụi bay lượn trong vùng ánh sáng, không khỏi nghĩ đến một đấng linh thiêng nào đó. Trước đây cậu không tin nơi tôn giáo. Gia đình cậu tuy theo đạo Phật, trong nhà có bàn thờ, mỗi năm đều cúng kiểng, giỗ tết đầy đủ, nhưng ở trường cậu lại bị các sư huynh bắt đi lễ, đọc kinh. Ngày giỗ ở nhà, cậu thắp hương khấn vái, đến trường cậu học giáo lý, đọc kinh lạy Cha. Tự đáy lòng, cậu vẫn trơ trơ như gỗ đá. Cậu đứng giữa, chẳng tin ai, chỉ tin ở mình và sự chắc chắn của khoa học.

Nhưng bây giờ đứng trong ngục đá này, cậu bỗng thấy mình yếu đuối. Rõ ràng là cậu đã cùng đường. Mẹ, chị, em trai cậu đều bị bắt, gia đình chẳng còn ai, cũng không còn luật pháp nào để bảo vệ, đưa thoát cậu ra khỏi chốn này nữa. Nếu không tin ở Chúa, cuộc đời cậu coi như chấm dứt. Chắc chắn phải có một thượng đế ở trên cao, đang theo dõi nỗi sầu khổ của cậu, cứu giúp cậu nếu được kêu cầu. Gục đầu vào tường đá, cậu tha thiết khấn nguyện: “Lạy Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, con sợ lắm, con đau khổ lắm. Xin Mẹ cứu giúp con. Xin Mẹ cho họ thả con ra sớm. Con không biết phải kêu cứu ai bây giờ,

con chỉ còn có Mẹ, có Chúa, Mẹ ơi. Mẹ cứu con lần này, con nguyện sẽ vào đạo Công giáo, con sẽ đến tìm cha học giáo lý, xin rửa tội. Con sẽ đi lễ mỗi tuần, không sót tuần nào. Con sẽ ăn hiền ở lành, làm toàn việc thiện, không dám phạm tội nữa đâu. Mẹ ơi, xin Mẹ cứu con đi Mẹ...”

Cầu nguyện xong cậu bắt đầu đọc kinh Kính Mừng. Mỗi ngày cậu tự hứa đọc đủ mười lần, và niềm hy vọng được thả trong cậu mỗi ngày một lớn.

Thái độ kỳ lạ của cậu học trò chắc chắn không qua khỏi mắt mọi người, nhưng cũng chẳng ai buồn hỏi. Từ ngày bị bắt đến nay, những chuyện kỳ cục, chướng tai gai mắt đã quá nhiều, không có ai ngạc nhiên nữa. Người nào cũng có chứng tật của mình, bị giam cang lâu mới cang lộ ra. Như ông quan thuế có vẻ là người hiểu biết thế, mà cũng không thoát khỏi tật tham ăn. Sau vụ đấu vật tranh ruốc giữa ông kỹ sư và anh lính kiểng, ông không dám đem lọ chè to tướng ra ăn giữa thanh thiên bạch nhật nữa. Ông đợi tối lửa tắt đèn, rón rén cầm lọ chè với cái thìa nhỏ đi vào cầu tiêu, thưởng thức hương vị thơm tho của món khoái khẩu ấy một lúc mới trở ra. Những người chưa ngủ, hé mắt theo dõi hành động của ông đều rõ.

Riêng anh sinh viên vừa nghĩ ra một sáng kiến để giữ gìn thể lực. Sáng kiến này thật ra chẳng có gì mới nhưng từ trước đến nay chưa ai nghĩ đến: anh rủ cậu học trò cùng tập thể dục, mỗi ngày nửa tiếng, mới đầu làm các động tác, sau chuyển qua phần chạy bộ. Phần này cũng là phần chính, hai chiếc bọc xi-măng khá dài chạy từ đầu đến cuối phòng dư sức cho anh bay nhảy. Cậu học trò vừa lười vừa đang buồn, chỉ thỉnh thoảng tập theo cho có, nên mỗi ngày chỉ có mình anh sinh viên hí hục chạy qua chạy lại, miệng thở “phù phù”.

Nếu anh có năng khiếu âm nhạc bao nhiêu, thì điều ấy dường như bị trừ mất vào cái vốn hiểu biết về thể lực của anh. Chính cậu học trò cũng phải nhận là anh tập thể dục trông hơi kỳ. Tay chân anh quơ quào, nhiều động tác sai hoặc làm chưa tới. Khi anh chạy, anh không hô hấp sâu vào buồng phổi mà hình như chỉ hít không khí tới cuống họng rồi thổi ra, miệng anh vì vậy phồng lên và phát ra những tiếng “phù phù” vang dội khắp phòng.

Sợ mất lòng, cậu học trò không nói

gi. Nhưng cụ già thì không chịu được. Một hôm, trong khi anh sinh viên đang hí hục chạy bộ trên bực xi măng như vậy, thì cụ cũng đi qua đi lại trên cái lối đi hẹp phía dưới. Thỉnh thoảng cụ ngược nhìn anh, miệng nở nụ cười châm biếm. Được một lúc cụ nói giống vào khoảng không:

— Không biết tập thì bảo người ta dạy cho mà tập. Cứ làm điệu làm bộ tưởng là hay lắm đấy. Thở “phù phù” thế kia là sai bét cả, lại còn chối tai người khác. Ngốc mà vẫn không biết là mình ngốc!

Anh sinh viên đứng phắt lại. Mặt anh đỏ lên:

— Cụ bảo gì? Tôi tập thì mặc kệ tôi, cụ không tập thì thôi sao cụ lại mắng tôi? Tập thể này thôi chứ còn tập thể nào?

Cụ già vẫn đi qua đi lại bên dưới:

— Thế dục với thể thao thì hỏi móa đây này. Đừng tưởng móa già móa không biết thể dục đâu. Có bao nhiêu cách tập, tập như thế nào là ở trong đầu móa cả. Có muốn móa sẽ bảo cho mà nghe. *Biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.* Toa ngốc thế thì toa cứ cầm mồm lại, đừng có cãi với móa bằng cái giọng ấy.

Mặt anh sinh viên đỏ hơn, giọng nói sẵng:

— Có thể tôi tập sai lắm, nhưng cụ bảo tôi thì bảo đảng hoàng, cụ đừng nói tôi ngốc này ngốc nọ như mắng chó! Cụ tưởng cụ hay lắm đấy à? Đạo trước ăn là thối inh cả phòng người ta chưa nói, đến giờ ăn thì tham lam cướp giật, cư xử với người cùng phòng thì độc tài, ngược ngạo. Lúc mới vào, trông cụ lớn tuổi, râu trên râu dưới, người ta còn kính nể, ở càng lâu mới càng biết bộ mặt thật thối tha.

Cụ già đã dừng lại trước mặt anh sinh viên từ lúc nào. Anh đứng trên cao, cụ phía dưới. Hai đối thủ già trẻ nhìn nhau trừng trừng. Tất cả những người khác đều im bật. Cụ già gồng bắp tay lên, những bắp thịt cuộn cuộn hầy còn chắc nịch, cụ dơ nắm đấm:

Oắt con, trông tay ông đây này! Nói năng phải giữ mồm, khéo ông đấm cho vỡ mặt.

Giọng anh sinh viên bỗng trở nên lầm bầm, không biết anh quá sợ hãi — vì ai cũng thấy trước là anh không địch nổi cụ già — hay vì anh quá giận. Nhưng giọng nói anh chìm xuống, cậu học trò thấy lại vẻ mặt dữ dội hôm nào khi anh chia tay với người chị:

— ...Tôi không ngờ cụ cũng chỉ là dân chân tay dao búa. Napoléon có nói câu gì như “Nắm đấm dù mạnh cũng không địch nổi một ngòi viết”...

Cụ già cười “hắc” lên một tiếng. Thốt nhiên, cơn giận của cụ như tiêu tan hẳn. Mặt cụ lộ vẻ ngạc nhiên, thích thú rõ rệt:

— Napoléon? Ha, Napoleon! Ngốc mà hay nói chữ. Hiểu không hết câu nói của người ta đã làm bộ trích với dẫn. Có *citer* Napoléon thì hỏi ông đây này, toa muốn ông *citer* câu nào ông *citer* cả cho nghe.

Anh sinh viên vẫn nói bằng một giọng chìm:

— Cụ mà đánh tôi còn có luật pháp. Cụ đừng tưởng cụ mạnh hơn tôi rồi muốn đánh ai thì đánh đâu.

Ánh mắt cụ già vui hơn:

— A! Luật với pháp? Toa nói chuyện nghe tức cười quá đi. Trông nắm đấm của móa đây này. Móa giộng cho một cái là bay ngay từ đầu đến cuối phòng, chứ không có ngòi viết ngòi láo gì cả!

— Cụ giỏi cụ đấm tôi đi, xem ai thắng cho biết. Cụ tưởng tôi không biết tự vệ đấy à? Tôi lớn tuổi lại vạm vỡ to con rồi hiếp đáp người khác. Cụ người lớn, cụ ăn ở sao cho con cháu nó không khinh. Đấm đi, nào giỏi đấm đi!

Cụ già thét lên một tiếng. Như một chiếc bóng cụ bay vụt lên bực xi măng nhanh không tưởng tượng.

— Đứa nào khinh ông? Đứa nào? Đây, chết ngay!...

Nắm đấm vô địch của cụ dừng lại trước mặt anh sinh viên khoảng vài phân. Ông quan thuế nghiêng răng ghì cánh tay cụ, anh lính kiểng và ông kỹ sư nhào tới bám chặt thân hình và hai chân, cụ vùng vẫy dữ dội. Anh sinh viên vẫn bất động như một bức tượng đá.

— Thôi cụ, về chỗ đi. Nó con nít chấp làm gì, ồn lên chỉ có hại cho cả phòng thôi.

— Bố, bố, bớt giận đi bố. Họ gần thả bố ra, bố đừng gây chuyện nữa...

Cụ già thở hỗn hển, trở về chỗ nằm theo cánh tay dìu của mọi người. Cậu học trò cũng kéo anh sinh viên vào ngồi ở góc phòng. Cậu hiểu anh nhiều và cảm thấy sợ sệt. Thật là một phép lạ nếu cậu vẫn chưa bị dính vào một vụ tranh cãi nào. Không biết bao giờ thì tới phiên cậu, và người nào sẽ lãnh phần “đấm vỡ mặt” cậu đây?

Phòng giam có cái vẻ gì tan hoang lắm rồi so với ngày nhập trại. Sự tan hoang không phải đến từ cái đói, cái



chim mồi

*bỏ chân trong lồng hẹp
nghe đầu nhìn trời xanh
thương mình thua mây trắng
vỗ cánh... đừng cũng đành!*

*cánh chao theo gió thổi
lá xanh lay ngậm ngùi
ước chi ta được khóc
mùi như một con người*

*buồn quá giữa cổ hót
mà lòng thì lắng nghe
ai đáp từ bụi chuối
ai thưa từ lũy tre*

*càng nghe càng háo hức
cánh xoài hay nhánh me
thả lòng bay theo tiếng
thương nhau, có ai dè...!*

*người hờn ta một khác
ta giận ta năm canh
thế sao rồi lại hót
gọi người gọi trời xanh*

*lạy trời cho tắt tiếng
lạy trời cho lắng tai
nhảy quanh trong lồng hẹp
dòm hoa nở bên ngoài*

luân hoán

khát hay sự dơ bẩn thiếu vệ sinh, nhưng là một sự sụp đổ tan tành trong đáy lòng của cậu.

*
*

— May thay, chỉ mấy ngày sau đó tôi, anh sinh viên và hai chú Tàu được thả. Anh cũng biết, sự vui mừng của chúng

tôi lớn đến bực nào. Ra khỏi tù mà người cứ nhẹ lâng lâng, tưởng như đang bay lơ lửng trên mây vậy. Bốn đứa chúng tôi mừng mừng tủi tủi, trao đổi địa chỉ cho nhau, hẹn sẽ gặp lại, sẽ kết bạn thân thiết ở Sài Gòn. Tính ra tôi với anh sinh viên bị tạm giam hết hai tháng rưỡi, còn những người khác thì lâu hơn.

Cậu học trò dứt chuyện, nghiêng người đưa điếu thuốc ra nhận mỗi lửa từ người bạn ngồi trước mặt. Cậu đã trở thành một thanh niên gần 30 tuổi, nhân dáng thay đổi khá nhiều và cũng không còn đi học, nhưng chúng ta hãy tạm gọi cậu là “cậu học trò” như vẫn quen gọi từ đầu câu chuyện.

Hai người bạn ngồi trong một căn phòng rộng rãi, tiện nghi trên một xứ sở tự do. Chụp đèn vàng gắn khéo trên tường toả ra ánh sáng mờ ảo. Trước mặt họ, bức tường kính nhìn xuống những cao ốc tối tân lấp lánh xanh đỏ, và những đại lộ xa tít phía dưới cũng cuộn cuộn giòng luân chuyển muôn

màu.

— Câu chuyện này xảy ra vào thời gian nào hả anh? Nếu tôi không lầm, thì là ngay sau ngày mấy nước?

— Anh đoán đúng, chuyện xảy ra vào những tháng cuối năm 1975, cách đây đã 13 năm rồi. Chúng tôi là một trong những người vượt biên sớm nhất. Những người trên tàu thuộc lớp người lẽ ra đã đi từ tháng tư, nhưng không may kẹt lại, nên phải tìm đủ cách ra đi bằng bất cứ giá nào.

— Sau đó, về Sài Gòn rồi, anh có dịp gặp lại hai chú Tàu và anh sinh viên không? Đời sống anh ở Sài Gòn như thế nào?

Cậu học trò thở khói:

— Có. Hai chú Tàu đến tìm tôi ngay sau đó. Nhưng mà không còn như trước nữa anh ạ. Chúng tôi cũng hàn huyên, tâm sự, nhưng không khí nhạt nhẽo thế nào. Có lẽ chúng tôi không cùng môi trường xã hội, tuổi tác lại cách biệt nên không thể trở thành bạn thân được. Hai chú đến thăm tôi lần

duy nhất ấy, rồi không bao giờ gặp lại.

— Có khi nào anh nghĩ hai chú ấy thật ra chỉ đi buôn bán giả, để tìm cách vượt biên không?

— Tôi cũng nghĩ như thế. Họ ở Chợ Lớn, chưa bao giờ buôn đường biển, tự nhiên sau 75 lại mua tàu, chở hàng ra tới Phan Thiết. Tỉnh này lúc đó có nhiều người vượt biên. Hơn nữa, họ có vẻ là những người rất thông minh, chắc chắn không tin tưởng gì ở sự tự do buôn bán trong chế độ mới.

— Còn anh sinh viên? Anh ấy bây giờ ra sao rồi?

— Anh sinh viên thì khác. Anh không trở lại với tôi một lần, mà rất nhiều lần. Chúng tôi trở thành bạn thân lắm. Cũng dễ hiểu anh à, chị em tôi với anh sinh viên sần sần tuổi nhau, cùng đang còn đi học... Thường mỗi khi lại nhà tôi, anh dẫn theo một người bạn đàn giỏi lắm, chúng tôi họp lại đàn hát, đùa nghịch. Tôi có cảm tưởng tìm lại được chút không khí Sài Gòn ngày trước. Rất tiếc tình bạn ấy không kéo dài được lâu.

— Chuyện gì xảy ra? Các anh chị lại mất lòng nhau à?

— Không... hoàn toàn không. Anh sinh viên là người bạn tốt, đến bây giờ tôi còn tiếc. Một người bạn như thế, không phải lúc nào ta cũng gặp được trong đời. Trong những ngày còn lui tới ấy, anh có đề nghị với mẹ tôi làm một chuyến vượt biên khác. Lần này do chính anh và người bạn đàn giỏi kia tổ chức. Anh nói bây giờ không thể tin ai, phải tự mình quyết định, tự mình nắm lấy sinh mạng mình. Nhưng anh biết, gia đình tôi mất hết tiền, vàng ở Phan Thiết. Về Sài Gòn, mẹ tôi xoay ra bán bánh mì, bán phở trên hè phố nuôi chị em tôi, thì còn tiền đâu để vượt biên lần nữa? Anh sinh viên có nói đừng ngại, ít nhất anh cho gửi được một, hai người trên tàu, ra tới ngoại quốc bao giờ có tiền trả sau cũng được. Nhưng mẹ tôi lúc ấy đang sợ, chuyển từ tội trước còn chưa tan trong tâm trí bà, nên chúng tôi quyết định ở lại Sài Gòn. Một đêm tối trời, anh sinh viên xuất hiện đột ngột ở nhà tôi, dáng điệu vội vã. Anh nói sẽ khởi hành ngay đêm đó, con tàu rất nhỏ nhưng anh đầy hy vọng thành công. Anh hỏi lần cuối cùng chúng tôi có quyết định gửi người nào đi không? Chúng tôi lắc đầu. Anh từ già gia đình tôi, hứa sẽ điện tin ngay khi đặt chân tới bến tự do. Nhưng từ đó anh biệt tích.

— Anh có biết điều gì đã xảy ra?



Người bạn hỏi, hơi nhú mảy.

— Không có gì rõ ràng cả, — cậu học trò lắc đầu — Mấy tháng sau đó chị em tôi đạp xe chở nhau đến nhà anh thăm tin. Gia đình anh đau, nói anh đi tỉnh chưa về, nhưng gương mặt cô chị anh thì u ám ghê lắm.

Hai người không nói gì với nhau nữa. Giòng xe cộ dưới xa thính thoảng vọng qua lớp kính những âm động rất nhỏ. Cậu học trò chăm điếu thuốc, những vòng khói lung linh bay tan ra làm mù mù không gian.

— Còn những người khác thì sao?

— Bốn năm sau, tôi gặp lại ông quan thuế ở tù mới ra. Ông nói tất cả những người còn lại đều bị kêu án. Nhẹ như ông cũng 4, 5 năm tù. Nghe đâu nặng nhất là cụ già. Cán bộ nói cụ đã già đầu, kinh nghiệm hiểu biết đầy mình còn muốn vượt biên, thì không có cách gì cải tạo nổi. Đôi khi tôi nghĩ mà sợ. Anh thấy, mấy tháng tạm giam ấy — mới ít lâu sau ngày mất nước — chưa có gì là khổ, ai cũng tin sẽ được thả sớm, và tuy ăn đói nhưng còn có cơm gạo, chưa đến nỗi phải ăn độn, vậy mà họ đã đổ tẻ ra như vậy, thì trong mấy năm tù thật sự sau, không biết những chứng tật của họ đã lộ rõ tới mức nào?

Cậu ngưng lại một chút, như để người bạn chuẩn bị nhận lấy những lời cậu sắp nói.

— Anh có biết, câu chuyện xảy ra vào lúc tôi còn rất trẻ và nằm lại trong tâm trí tôi một cách dai dẳng. Phòng tạm giam ấy giống như một ngôi trường, nó dạy cho tôi quá nhiều điều, lật cho tôi thấy những mặt trái của đủ mọi lớp người trong cái xã hội tôi đã từng sống và yêu mến.

Người bạn vụt ngừng lên, nhìn chăm cậu học trò, chờ đợi.

Tôi thấy rằng, biên giới giữa thiện và ác mong manh lắm. Chỉ cần một bước nhỏ, người ta đã từ bên này vượt sang bên kia. Ngày tôi theo mẹ lên đường vượt biên, trong tôi rõ rệt chỉ có một kẻ thù. Đó là những người đã chiếm miền Nam mà chúng tôi sợ hãi, chạy trốn. Họ hẳn nhiên là ác, còn chúng tôi, những người đi trốn, là thiện. Tôi nghĩ tất cả những người trên tàu phải có đồng chí hướng, đồng một kẻ thù chung. Tôi xem họ tất cả là bạn bè, anh em, tôi không có nghi ngại gì với họ. Tôi tưởng không may bị bắt như vậy, ai nấy lẽ ra phải tương trợ, yêu mến nhau. Dù không giúp được gì cho nhau, thì cũng không thể coi nhau là kẻ

thù. Nhưng anh thấy đó, từ một kẻ thù duy nhất, dần dần giữa chúng tôi sản sinh ra bao nhiêu kẻ thù khác. Kẻ thù ghê gớm nhất, theo tôi, hẳn nằm chính trong mỗi người chúng ta. Người nào trong chúng ta mà không tự coi mình là thiện? Trong những điều kiện đầy đủ, sung sướng, chúng ta dễ thiện lắm. Phải đợi đến khi quyền lợi của chúng ta bị đụng chạm, những ham muốn của ta bị cấm đoán, thiệt thòi, cái ích kỷ ghê gớm trong mỗi người mới hiện lên, ràng ràng như một con lợn, một đồng rác. Chúng ta phải cẩn thận. Nếu không, từ thiên thần chúng ta biến ngay ra quỷ dữ mà vẫn không hay biết. Đó là cái biên giới siêu hình, đầy cảm dỗ giữa thiện và ác. Gần hết những người có mặt trong trại giam năm ấy, đều đã vượt biên giới!

Cậu học trò thở thêm nhiều vòng khói. Không gian quanh cậu càng trở nên mù mờ. Người bạn nghiêng mình tới trước, mắt vẫn nhìn cậu không rời:

— Vậy theo anh, xã hội thời cũ của chúng ta hình như cũng không tốt đẹp gì hơn phía bên kia cả? Nếu tôi hiểu anh, thì anh đã thất vọng ghê lắm. Anh đã đặt lại tất cả vấn đề. Anh tự hỏi xã hội miền Nam mà anh đã sống thật ra có đáng cho anh yêu mến không? Dĩ nhiên, anh cũng biết rằng trong một xã hội người xấu người tốt đều có đủ, nhưng tại sao cái số người bất hảo nó cao quá? Trại tạm giam Phan Thiết đối với anh có lẽ là một bằng chứng. Những thành phần trong tù năm ấy, dù không đại diện hết cho mọi tầng lớp của miền Nam, nhưng kể ra cũng đã khá tiêu biểu cho lớp người ưu tú. Kể cả lớp người tiền phong, mà điển hình là cụ già...

— Anh đoán đúng lắm. Tại sao, tại sao những người thiện trong nhà tù năm ấy lại chỉ là những người rất trẻ, còn đang đi học. Hơn chút nữa là hai chú ngoại quốc không có liên quan gì thật sự đến chúng ta? Vậy những gì chúng ta học hỏi ở nhà trường, bắt buộc một ngày kia phải méo mó đi để thay vào đó những khả năng lọc lừa, phản trắc với cuộc đời? Cuộc đời của chúng ta xấu xí đến thế sao?

Cậu bỗng chồm người về phía bạn:

— Ngay cả chính tôi! Chính tôi có tốt đẹp gì không? Nhiều lần tôi đã tự đặt câu hỏi này. Ngày ấy tôi còn quá nhỏ, chưa biết giá trị của vật chất, của đồng tiền, cũng chưa rõ thật sự thế nào là hiểm nguy tù tội. Tôi vào tù, ra tù như

đi chơi. Nên tôi thánh thiện cũng phải. Cả anh sinh viên cũng vậy. Nếu lúc đó, chúng tôi là những người đã trưởng thành, có vợ con, đã từng đổ mồ hôi tranh đấu cho miếng cơm manh áo của mình, liệu tôi có giữ được bình thân trong nhà tạm giam ấy khi thấy những quyền lợi của mình bị xâm phạm không?

Người bạn đưa tay ngăn lại:

— Anh nói cũng có lý lắm. Nhưng câu chuyện của anh đúng ra chưa dứt ở đó. Sau này anh còn về Sài Gòn sống, hình như cũng chật vật lắm. Rồi qua bên này, cuộc sống lưu vong đâu sung sướng gì. Có khi nào anh thấy mình vượt biên giới từ thiện sang ác chưa? Và anh tự coi mình như ác, hay thiện?

— Ác, thì không ác. Nhưng cũng chẳng mấy thiện. — Gương mặt cậu học trò bỗng trở nên trầm ngâm — Anh có biết tôi đã bỏ lời hứa vào đạo Công giáo? Lời cầu nguyện năm ấy thật nồng nàn, cũng như nhiều lần cầu nguyện sau này. Cứ gặp khó khăn, nan giải là tôi tìm đến Thượng Đế, hứa này hứa nọ. Sóng gió qua rồi tôi lại quên khuấy, thấy tôn giáo quá mê tín dị đoan. Còn cái biên giới thiện — ác, thú thật với anh nhiều lần tôi đã vượt qua. Nhưng vượt qua với ý nghĩ giải quyết vấn đề trước mắt mà thôi. Sau đó tôi lại quay về chiến tuyến cũ. Tôi tự đặt cho mình những hàng rào bên kia biên giới, vượt thì vượt nhưng bất cứ giá nào cũng không thể vượt qua các hàng rào đó. Nên tôi thấy mình cứ thiện thiện, ác ác thế nào.

— Những điều anh nói đó cũng bình thường thôi. Chúng ta ai không có những phút yếu đuối. Bản chất con người là muôn mặt, không thể đòi hỏi một mẫu người tuyệt đối nào. Nhưng tôi nghĩ, vấn đề làm anh khổ tâm nó sâu lắm. Có phải anh đã đặt lại cả giá trị nội giống, xã hội, chính nghĩa của mình? Chủ nghĩa cộng sản hẳn là anh không thể chấp nhận. Nhưng đôi khi anh đã bàng hoàng nhận thấy — một cách khổ sở — rằng những gì bên kia nói cũng phần nào có lý đó chứ. Xã hội miền Nam đúng là một xã hội sống trên lợi nhuận, chia ra thành phần giàu nghèo: những phần tử sống trong ấy rốt cuộc chỉ là những con người chạy đuổi theo vật chất — nhất là giới người thành công hoặc được ưu đãi, có thể nói đa số đều là những kẻ ích kỷ, cầu an. Căn phòng tạm giam năm ấy giống như mẫu thử nghiệm nhỏ được trích ra một cách

vô tư từ xã hội. Trong cái mẫu ấy, anh đã chỉ thấy toàn những phần tử xấu, không có gì đáng cho anh phải theo gương...

— Lý luận ước đoán của anh tài lắm. Thật vậy, kỷ niệm đen tối ấy đã đeo đuổi tôi suốt bao nhiêu năm. Nhất là những phút chán nản, thất vọng, tôi thấy mình và đất nước mình không có nghĩa lý tốt đẹp gì cả. Những người chủ trương cưỡng chiếm miền Nam đã hẳn là không tốt đẹp, nhưng những người lãnh đạo cũ của chúng ta có hơn gì không? Cuộc di tản hỗn loạn của họ tháng 4.75 cùng gia đình và của cải có phải là tấm gương cho chúng ta noi không? Trại tạm giam năm ấy, nơi tôi đã sa vào, lại cho tôi thấy thêm mặt trái của nhiều lớp người khác có thể gọi là ưu tú của xã hội chúng ta: Cụ già, ông quan thuế, ông thôn trưởng Phan Thiết, ông kỹ sư.... Qua tới bên này, tôi muốn xa lánh cộng đồng Việt, cộng thêm những tai tiếng, xích mích giữa cộng đồng, nói thật với anh tôi đã mất hết cả niềm tin.

Người bạn nhóm người lên có vẻ muốn phản đối. Cậu học trò giờ tay ngẩn, mím cười. Cậu dụi tắt điếu thuốc, đứng lên tiến về phía bức tường kính, nhìn ra bên ngoài. Từ cuối chân trời, vầng thái dương đang từ từ nổi lên, nhuộm hồng tất cả các cao ốc và đại lộ bằng ánh sáng ban mai mới mẻ. Người bạn vẫn ngồi chỗ cũ, yên lặng nhìn bóng cậu sẫm dần trên nền trời hồng.

— Tôi biết — cậu học trò cất tiếng, dường như nụ cười ban nãy của cậu vẫn chưa tắt — anh đang nhìn tôi bằng đôi mắt thương hại. Anh lo sợ, anh tự thấy có bốn phận phải cứu vớt một linh hồn lạc hướng? Anh cũng không lắm mấy đâu! Những câu hỏi, những xoay trở ấy đã dẫn vật, ám ảnh tôi rất lâu, cho đến cách đây mấy năm tôi còn thường tự loay hoay tìm cách phân tích, lý giải. Trại tạm giam Phan Thiết ấy giống như cơn ác mộng kinh khiếp lở gặp một lần rồi không bao giờ quên được. Nó nằm lại trong tôi, làm lu mờ tất cả mộng đẹp khác đã đến với tôi sau này. Nhưng thời gian, như chúng ta thường nói, đúng là một liều thuốc hữu hiệu. Từ từ, tôi bớt cay đắng và bắt đầu cảm thấy mình vô lý. Có điều gì bảo đảm cái mẫu từ trích ra từ xã hội ấy là một mẫu trích khách quan? Có cơ quan thống kê, xác xuất nào đứng ra thẩm dò, cử người đi tìm đại diện của mỗi tầng lớp xã hội để bỏ vào cái mẫu thử

ấy? Trái ngược lại là khác. Nếu cái mẫu ấy không ác một cách ngẫu nhiên, thì phải ác một cách cố ý. Này nhé, nếu chủ tàu — người đứng ra tổ chức và tìm khách vượt biên — là một phần tử không thiện, thì gia đình họ hàng của ông — những người này lại lôi kéo, rủ rê bạn bè họ — đều là những phần tử có liên quan xa gần. Chúng ta có thể giải thích bằng phản ứng dây chuyền này. Hãy chỉ cho tôi người bạn anh, tôi sẽ nói anh là người như thế nào! Ngoài ra, còn điều này nữa: tôi đã kể ngay từ đầu chuyện là chuyến vượt biên đông lắm, nhưng tổng cộng phòng giam đàn ông chỉ có 6 người bị bắt, cùng với một số ít bị coi là nguy hiểm, đặc biệt giam riêng. Vậy những người chạy thoát ấy là ai, có thể đa số họ là những phần tử thiện chăng? Nếu chúng ta đi xa hơn, bước vào lãnh vực siêu hình, thì tôi và anh sinh viên năm ấy chỉ là hai phần tử thiện bị bàn tay siêu hình rút làm, do đó ít lâu sau đã được thả đi. Anh thấy có hợp lý không? Có thể anh cho là tôi hơi lỗ bịch. Bởi chúng ta dư biết có những người thiện vẫn phải chịu oan ức, khổ nạn, dù là những người tin nơi tôn giáo? Nhưng tôi có thể bẻ lại anh rằng Đấng Siêu Hình có toàn quyền làm theo ý muốn của Người. Những oan ức, khổ nạn ấy có thể là những thử thách, những dịp rèn luyện niềm tin. Vậy Thượng Đế có thể đoán phạt công bình hay không do nhiều lý lẽ sâu xa, và chuyến vượt biên năm ấy của tôi chính là một dịp có sự đoán phạt công bình... Nhưng thôi, chúng ta đừng nên đi xa quá, vì đây là những lãnh vực mơ hồ chưa ai chắc chắn được. Tốt hơn hết là trở về với thực tế, nhận xét những điều mắt thấy, tai nghe ở chung quanh chúng ta.

Người bạn vẫn ngồi yên, nhưng nét mặt anh có nhiều biến đổi rất mạnh. Cậu học trò không quay người, tiếp tục nhìn ra sắc trời hồng ửng bên ngoài.

— Như anh nói, cuộc đời tôi không chấm dứt ở đó. Mấy năm lăn lóc ở Sài Gòn, chuyến vượt biên thứ hai đầy gian nan, cuộc sống lưu vong cô đơn và cảm dỗ bên này... Trong những năm ấy, tôi đã có dịp gặp gỡ bao nhiêu phần tử khác, ở mọi lứa tuổi, mọi giai tầng xã hội, họ cùng chung hoàn cảnh như tôi, nhưng đã đến với tôi, giúp đỡ hoặc cho tôi nhiều lời khuyên rất chân tình. Họ đến, không phải vì chờ đợi lợi lộc gì, nhưng thuần túy bằng tình cảm. Hành động, cách sống của họ làm tôi lạ lùng.

Họ như một loài cây tốt mọc lên từ nền đất, gặp buổi giông tố bão táp, vẫn trơ mình, nhẵn nhụi mà đứng, dù cách gì cũng không chịu ngã rạp hay biến dị ra cong oằn. Họ là những tấm gương soi cho tôi thấy thêm một khía cạnh khác của cuộc đời, nhưng tôi lại thường vô tình, — hay cố ý muốn quên đi — chỉ thích nuôi nấng mãi một kỷ niệm cay đắng riêng tư... Anh hãy nhìn lịch sử thế giới, nhiều khi chỉ có một thiểu số xấu, nhưng việc làm của thiểu số ấy có ảnh hưởng lớn, gây kinh động đến mọi người. Chúng ta không thể vì vậy kết luận rằng bản chất bẩm sinh của con người là xấu. Chúng ta không thể chỉ nhìn bề mặt. Chính số đông còn lại, thường khi rất kín đáo, trầm lặng, hay chịu thiệt thòi, mới là những người đáng kể. Giang sơn gấm vóc của chúng ta từ đâu mà có, những cuộc xâm lăng của nước lân bang khổng lồ nhờ đâu bị đẩy lui, có phải là nhờ số đông thầm lặng dưới sự hướng dẫn sáng suốt của một bậc Thiện anh minh? Vốn kiến thức, đạo đức tốt đẹp mà chúng ta thừa hưởng được từ tổ tiên, cha mẹ, được dạy dỗ ở nhà trường, có phải là phản ảnh tinh thần của số đông ấy? Và những người dạy dỗ chúng ta, họ chỉ dạy cho có với ý nghĩ chắc chắn rằng một ngày kia chúng ta sẽ loại bỏ, không áp dụng? Không, họ truyền lại cho chúng ta với hy vọng chúng ta sẽ tiếp nối, đứng vững. Biến đổi, méo mó hay không là tùy ở mỗi phần tử chúng ta. Cái số đông thầm lặng là một cái nền, những gì mọc bên trên có thể hoa hoè hoa sỏi hay gai góc, đầy chất độc, nhưng chúng sẽ tàn lụi đi và cái nền vẫn còn đó, mãi mãi. Chúng ta sinh ra vào thời buổi mà đất mọc toàn xương rồng, độc chất, nhưng chúng ta không thể vì vậy mà quên mất cái nền, cái số đông bất biến. Tôi đã nhận ra điều đó, anh à. Bây giờ thì trong trí tôi, số đông ấy đã lại đến, soi thêm một lần nữa vào cái bộ óc khúc mắc thích lý luận, tìm tòi nhưng lại rất hạn hẹp của tôi. Họ làm cho tôi thấy cuộc đời còn rất đẹp. Và cái biên giới thiện — ác, thật ra còn rất nhiều, rất nhiều người không bao giờ chịu vượt qua.

Từ lúc nào, người bạn đã đứng cạnh cậu học trò. Những điếu thuốc dụi tắt từ lâu, khói mờ trong phòng tan loãng hết. Hai người bạn thân ái khoác vai nhau. Bên ngoài bây giờ, vầng thái dương trên cao đã vàng ửng, chói lọi và rực rỡ.

bài thơ viết từ trại tập trung



Em ơi anh nhớ rõ từng mũi kim sợi chỉ
Như những vì sao lấp lánh trên thân đêm
Em ơi anh thấy rõ những ngón tay mềm
Trên ngực con thơ em đan thành áo
Và đôi mắt em nhìn qua mưa bão
Giọt mưa nào là giọt lệ hân hoan?
Mới hôm qua tiếng súng tắt ngọn lửa tàn
Cảnh đoàn viên lòng trào dâng cảm xúc
Nhưng cơ sao mẹ ta ngủ không yên giấc
Người yêu ta bỗng quay mặt khóc thầm
Giặc đánh chiếm miền Nam phơi rõ dã tâm
Nô lệ dân tộc cho tập đoàn đế quốc
Những đứa con sanh đôi bốn ngàn năm trước
Thế kỷ nào mới được gọi anh em?

Em ơi anh nhớ rõ từng chuỗi hôn
Trên trán trên má trên môi hạnh phúc
Anh gọi lại em để cưu mang đùm bọc
Đứa con thơ chưa hề biết mặt cha
Bao giờ cha về cha ở gần hay xa?
Mẹ bảo cha con đang "say mê học tập"
"Giải phóng hoàn cầu thủ tiêu giai cấp"
Ngoài một đảo hoang hoặc giữa rừng sâu
Anh nhìn khói mây xám nặng trĩu trên đầu
Thấy bếp lửa gia đình lúc mặt trời xuống thấp
Anh nằm lăn lộn trên đám cỏ gai lá sắc
Nhớ chân gối ngày nào thơm mái tóc em...

Buổi giặc đưa anh về trại tù tập trung
Đông đảo bạn bè hôm nay thừa thớt
Lớp đã vui thầy dưới đáy sâu biển Bắc
Lớp lưu đầy mắt tích trên rừng núi thượng du
Người sống sót chỉ còn những bộ xương khô
Cánh tay như nhánh củi gãy gót chân tan nát
Tấm vải mỏng che mùa đông rét buốt
Một ngày khổ sai chưa đổi được vắt cơm

Đoàn tù đi giữa bầy lang sói heo hùm
Trên lưng trên vai roi hận thù vùn vút
Bạn anh gục ngã dưới chân đèo kiệt sức
Manh chiếu rách vùi nông thay áo quan
Người chết thêm vào mồ tập thể Mậu Thân
Ngọn nến tâm tang cháy hoài trong trí nhớ
Những vết nhơ chưa từng thấy qua lịch sử
Nhân danh ai giặc chôn sống đồng bào?

Ngó lên trời tìm một chiếc vầng sao
Vời giọng ru ngọt ngào đồng dao dĩ vãng
Yêu quê hương đâu cần lời thơ của đảng
Bạo lực bao giờ nói tiếng nói trái tim
Ta khóc Tố Như chúng khóc Stalin
Lòng ta không có chỗ ngợi ca tội ác
Mùa thu này chim rừng thu quên mùa hát
Mãi trầm tư trong niềm u uất đau thương
Cửu Long Đồng Nai chung số phận sông Hương
Ôi gương mặt hoà bình mang đầy vết chém
Bạn ta nằm xuống thảm lá vàng phủ kín
Nguyện với đất trời người sẽ phục sinh.

Những đứa con miền Nam rồi sẽ lớn lên
Như Phù Đổng và biển Đông dựng sóng
Gió nổi từ đỉnh Trường Sơn nghe triều vọng
Sài gòn của ta! Hà nội và Huế của ta!
Niềm tin thêm sức mạnh cho ước mơ
Đập vỡ xích xiềng toàn dân quật khởi
Hạt nảy mầm hoa Tự Do kết trái
Bao dung và nhân ái khuất phục hung tàn
Ngày trở về bước nhỏ chân xiêu lòng hiên ngang
Mưa lệ chưa chan những vòng tay ôm siết...
Nghe tiếng chân bọn lính đánh thuê cho Sô viết
Đi tuần suốt đêm tù ngục mệnh mông
Anh thương nhớ em thương nhớ quê hương vô cùng...

hoàng bảo việt

Búp-Bê Ngày Xưa

Ngô Nguyên Dũng

Sau cái chết của chị Kim Anh, tôi lãnh trách nhiệm chăm sóc tờ báo thiếu nhi *Măng Non*. Mặc dù sở thích viết văn, làm báo tôi đã có từ lâu, nhưng thời kỳ báo *Măng Non* còn phôi thai, tôi đang bận rộn chuyện học văn, chỉ lâu lâu viết một bài chứ không cộng tác tích cực như bây giờ.

Không hiểu sao, tôi vẫn còn thích viết truyện con nít, đầu lâu lắm rồi, ngoài việc đọc và chọn bài cho tờ báo, tôi không còn cơ hội hay đúng hơn, hết sung sướng tới độ ứa nước mắt vì đọc được một cuốn truyện viết cho tuổi thơ như hai mươi năm về trước. Thật ra, tôi vẫn còn cảm động khi đọc những câu chuyện thương tâm của các em hay các văn hữu gửi tới, nhưng hình như niềm rung cảm ấy không còn mạnh mẽ nữa, mà dừng đọng, hời hợt thế nào. Ngày xưa, đọc *Con Sáo Của Em Tôi* trong tập truyện *Hoa Thiên Lý* của Duyên Anh, nước mắt tôi ứa đầy khoé. Giờ đây, cũng chính câu chuyện đó, tôi đọc lại và chợt cảm thấy có điều gì đó không thật... Cái điều-gì-đó bám lấy tâm tư tôi mãi. Phải chăng tôi đang bước vào nửa đời người còn lại? Cái già đang lấp ló? Hay vì những liên hệ của tôi với người viết truyện ấy hết còn đậm thắm như xưa, lúc tôi đang ở lứa tuổi 14, 15 ngớ ngếch và học đòi viết lách.

Tôi còn nhớ rõ lắm, năm ấy tôi học lớp đệ ngũ. Nhà tôi còm-măng nhật báo *Sống* do ông Chu Tử làm chủ nhiệm. Chiều nào cũng vậy, chị em tôi đón ông đưa báo cụt một giò, đạp xe thẳng cái rẹt trước cửa sắt, vo tròn tờ báo ném cái rột vào sân nhà. Chị tôi giành tờ vỏ, tôi giành lấy tờ ruột. Trong khi bả ngấu nghiến đọc truyện dài phối-ơ-tông *Kim* của chủ nhiệm thì tôi lăm nhăm đọc trang *Búp Bê* do anh Duyên Anh phụ trách. Không biết tôi bắt đầu thích văn chương búp bê từ bao giờ, chỉ hay lúc tôi tập tễnh làm thơ gởi tới anh chủ vườn thì tôi đã ái mộ nhiều người lắm rồi. Ở trang này, bất kỳ ai biên thư hay gửi bài về đều trở thành búp bê cả, bất luận già trẻ. Con trai được gọi chung là búp bê húi cua. Con gái mang tên mỹ miều hơn: búp bê kẹp tóc. Mà không

*Kennst Du ein Land
wo keiner lacht
Wo man aus Mens-
chen Idioten macht
Wo man verliert die
Lust und Tugend
Da GDJ, Grah der
Jugend*
(Vô danh)

Tạm dịch:
*Bạn biết chốn nào
chẳng ai cười
Nơi đào tạo lũ người
ngu dốt
Nơi mất niềm vui và
phẩm hạnh
Đất GDJ, Mộ Thanh
Xuân*

hiếu vì lý do gì, có rất nhiều người chọn bút hiệu là tên những loại hoa phương tây, như búp bê Muguet (sau này trở thành người bạn đời của nhà văn Lê Tất Điều) hay búp bê Cẩm Chướng; hoặc "ngầu" hơn như búp bê có tên Cartouche. Đó là giai đoạn đầu tiên, sau có cái mốt chọn tên trường làm bút hiệu, chẳng hạn búp bê Trưng Vương, rồi Trưng Vương Em, rồi Nguyễn Bá Tông... Ngây thơ và dễ thương gì đâu!!! Có lẽ nhờ cái tính hay bắt chước của con nít nên một khi đã chen chân vào vườn văn nghệ, ai cũng cố tìm cách học lóm rồi nghĩ cách làm hay hơn người khác, cuối cùng mới tìm ra một hướng đi riêng.

Tôi nhớ hoài hử lời anh Duyên Anh trả lời thư tôi dạo nọ về bí quyết viết văn, làm thơ: nên đọc nhiều, trẻ con đừng bao giờ làm thơ có văn điệu, sẽ mất vẻ tự nhiên, hãy làm thơ tự do để mặc trí tưởng tượng bay nhảy... Vì lẽ đó mà những bài thơ được chọn đăng trong trang *Búp Bê* toàn là thơ tự do cả. Mà không phải dễ làm một bài thơ con nít hay đâu nghen! Thuở ấy tôi phục lẫn

cái tài làm thơ của búp bê Muguet. Bài nào cũng dễ thương. Rất nhiều màu sắc. Rất nhiều hình ảnh: sâu róm, kiến vàng, ốc sên, bướm bướm, mèo, chó.v.v.. Còn hoa lá cảnh thì thôi khỏi chê, đủ thứ hết. Nhưng tuyệt vời nhất có lẽ là những so sánh ngộ nghĩnh, chẳng hạn búp bê Cartouche trong bài thơ *Mái Tóc Của Ba Em* tả lúc nhìn thấy mái tóc cha lấm tấm bạc như bị sương giăng, mới ao ước thành con kiến nhỏ uống hết sương mai để mái tóc cha xanh đen trở lại. Thơ văn của Muguet và Cartouche được anh Duyên Anh khen quá trời. Thấy vậy tôi cũng nặn óc ví von những vòng bánh xe quay của đám học trò tung tăng đạp về nhà sau giờ tan học trông giống như... những cánh hoa nở rộ trong nắng ban trưa. Nhưng có một điều kỳ cục hơn hết, ấy là nội dung bài thơ đầu tiên tôi gởi tới trang *Búp Bê*...

... Tính tôi vốn nhút nhát nên nghiền ngẫm văn chương búp bê lâu lắm mới thẹn thò cần bút viết bài thơ đầu tay. Chao ơi, hạ bút xuống trang giấy học trò xé ra từ quyển vở trăm trang, bìa có



hình chiếc xích lô máy, tôi mới ngỡ ngàng. Sao lời lẽ... Bắc kỳ đặc sệt vậy nè? Hết “bố” tới “mẹ”, hết “đằng ấy” đến “tớ”, đó là chưa kể biết bao nhiêu “cơ hồ”, “nhóc tí”, “nhỉ”, “nhé”... nằm ngổn ngang, rải rác trong những truyện ngắn tôi viết, bài thơ tôi làm. Thành ra chẳng lấy gì làm lạ khi tôi đặt cho bài thơ khởi đầu nghiệp văn cái tựa *Trung Thu Nhớ Mẹ*, mặc dù ở nhà tôi gọi người mang nặng đẻ đau tôi bằng “má” và lâu lâu khi tôi cứng đầu khó dạy, lại bị bà mắng “cô hồn các đảng”, lúc ngu muội thì “đồ khôn nhà đại chợ”, vậy mà tôi nở làm thơ nhớ một bài mẹ nào đó ở bên kia vĩ tuyến 17, mà tôi là đứa con vì nguyên nhân trắc trở phải di cư vô Nam có... một mình.

Sau này lớn hơn một chút, biết phân tích và tìm hiểu mới hay, thì ra tôi bị ảnh hưởng văn chương nhi đồng của anh Duyên Anh. Mấy mẫu truyện ngắn trong tập *Hoa Thiên Lý* bị thẩm thế nào thì những bài tôi viết thương tâm thế nấy. Tôi lại tưởng tượng mình là đứa trẻ... mồ côi, sống cù bơ cù bất đầu đường xó chợ, bắt chước *Luật Hề Phố* của Duyên Anh. Rồi tôi kể lể tâm trạng của một đứa con gái mất mẹ, đảo ngược “hoàn cảnh gia đình” của cô nữ sinh nội trú trong *Chim Hót Trong Lồng* của Nhật Tiến. Và tôi nghĩ ra mình là Quyên Tân Định nhân dịp nghỉ hè xuống chơi quê ngoại, thì thổ tài mọn cùng bọn nhãi ranh nhà quê, cả quỳnh, nội dung “mượn tạm” từ *Dzũng Đa Kao* của Duyên Anh. Lại một điều, bài nào tôi viết cũng được chọn đăng cả. Không lẽ người chủ vườn không nhìn thấy mớ nội dung cầm nhăm kia sao? Hai tại tôi khéo thêm mắm, dặm muối? Chỉ biết từ từ tôi được các bạn... chú ý tới.

Trang Búp Bê thoát đầu chỉ là một khoảnh nhỏ của nhật báo *Sống*. Dần dần vì được các nhóc tí thích viết hơn ham học ủng hộ quá cỡ, nên mảnh vườn được nở rộng ra, chiếm cả nửa trang trong. Đại khái nội dung mỗi ngày của trang này gồm một truyện ngắn, vườn thơ búp bê, mục trả lời thư tín và truyện dài phôi-ơ-tông *Suối Đá Mây* của anh Đình Tiến Luyện, con gà nòi của anh Duyên Anh dạo nào.

Đó là những năm giữa thập niên 60, tôi và những người cùng trang lứa lớn lên trong bối cảnh nghiêng ngửa của đất nước. Sau lần đảo chánh năm 1963, những năm đầu tiên thời đệ nhị cộng hoà thật nhiều rối loạn, tình hình chiến

sự và viễn ảnh chính trị cho thấy không có gì khả quan. Mặc dù tất cả sách báo thời bấy giờ đều nằm trong lưới kéo kiểm duyệt của Bộ Thông Tin, nhưng ít ra giới cầm bút vẫn có cơ hội bày tỏ ý nghĩ của họ cùng bạn đọc. Trong báo *Sống* có mục *Ao Thả Vịt* của Kha Trần Ác, một bút hiệu khác của nhà văn Chu Tử. Không những ba tôi mà cả tôi, còn lòi tí vậy mà mê mục này không chịu được. Ở trang trong, sỗ sàng hơn có một khoảng nhỏ dành cho Thương Sinh (cũng là Duyên Anh) tung hoành ngang dọc. So với một Kha Trần Ác chín chắn, muá bút về những vấn đề có tầm vóc... quốc tế, thì Thương Sinh loay hoay vẽ rồng vẽ rắn những sự kiện tầm thường nhưng gần gũi hơn. Đôi khi chỉ là một bài phê bình diện mạo, giọng hát của ca sĩ này hay người xướng ngôn viên ti-vi nọ, rất chủ quan và có hơi vô lý. Khi biết được Thương Sinh và Duyên Anh là một, tôi đâm ra thất vọng. Không, thần tượng trong tôi vừa sụp đổ mặc dầu trong một cuốn sách nào đó, anh Duyên Anh có viết, đừng bao giờ tôn ai làm thần tượng vì lúc vỡ mộng, sẽ thê thảm lắm. Tôi có biên thư hỏi anh, tại sao Thương Sinh viết mâu thuẫn với Duyên Anh thì được trả lời, vì nời cơm cả. Tôi chán nản và buồn bã hết sức. Nhưng tôi chỉ biết buồn chứ không giận anh, vì tôi làm sao quên được mối duyên văn nghệ đầu đời?

Toà soạn báo *Sống* đặt tại đường Gia Long, gần góc đường Thủ Khoa Huân. Biết là ở chỗ ấy, nhưng tôi cứ đạp xe lượn qua lượn lại nhìn dân nhà văn, nhà báo ra vào mà không dám ngừng lại. Thế giới văn chương thuở ấy đối với tôi là cả một trời huyền bí, hấp dẫn như truyện thần thoại Ả rập *Một Ngàn Lễ Một Đêm*, kỳ dị như trái cầu thủy tinh được bàn tay phù thủy vẽ vờ, làm hiện lên những hình ảnh lộng lẫy. Tôi ao ước trở thành nhà văn thật sự. Buồn vui với ngòi bút. Tô nụ cười lên khuôn mặt chữ nghĩa. Quệt những giọt nước mắt lên trang giấy dày đặc những giòng mực tím bôi bôi xóa xóa. Cùng lúc với ước ao ấy, tôi cảm thấy vai trò của người viết thật khó, phức tạp trong đời sống tự nó đầy cam bẫy mấp mô rồi. Có người nói, viết là nghiệp dĩ. Tôi đâu có tin. Tôi chỉ thích viết vậy thôi. Những khi nguồn cảm hứng khô cạn, cố viết vài dòng cũng không xong, thấy chữ này đá chữ kia, ý nghĩa mâu thuẫn lố

bịch.

Viết thật lâu cho trang Búp Bê, tôi chỉ dám ghé ngang toà soạn nhật báo *Sống* một, hai lần gì đó. Chỉ để giao bài rồi chạy mất, nhân tiện coi mặt anh Duyên Anh. Tôi còn nhớ bàn làm việc của anh nằm ở tầng một, gần cửa sổ, không còn nhớ tôi đã nói gì với anh trong lần gặp gỡ đầu tiên. Chỉ nhớ anh ốm ốm, nước da trắng xanh, khuôn mặt xương xương, sáng láng, giọng nói có âm nhạc. Có lẽ vì vậy mà anh mới hội đủ điều kiện ắt có để chiếm trọn trái tim cô con gái của một vị điền chủ giàu có đất Long Xuyên mà anh đã nhắc tới trong *Nhà Tôi*. Người anh văn nghệ của tôi thoát đầu là hình ảnh đẹp đẽ toàn diện. Tôi mê mẩn đọc *Thằng Vũ*, thần thánh hoá nhân vật Trần Đại trong *Sa Mạc Tuổi Trẻ*, tương tự *Trần thị Diễm Châu*... Nhưng nhật báo *Sống* cũng không thọ. Sau lần ông Chu Tử bị ám sát thoát chết, tờ báo từ từ mất độc giả. Anh Duyên Anh thấy trang Búp Bê thành công rực rỡ, làm liều cho ra mắt tuần báo *Búp Bê*, được vài số phải đình bản. Tôi buồn lắm. Tưởng bành trướng được đất dụng... văn, đâu ngờ khó khăn quá đối, mộng làm văn sĩ chưa tròn đã bị đánh thức. Thực tế cay đắng là những sợi khói hơi độc ác nghiệt dần dần len vào khối óc thơ mộng, lãng mạn của tôi. Phiếm luận của Thương Sinh đã vô tình bóp nát chùm *Hoa Thiên Lý* của Duyên Anh. Cái bong bóng xà bông ập ủ mộng mơ, vo tròn những quý mến nơi người anh văn nghệ từ từ nhỏ lại còn chút xíu, không biết vỡ lúc nào. May quá, chưa kịp vỡ thì đã có anh Đình Tiến Luyện vào thay.

Sau khi báo *Sống* đổi chủ, trang Búp Bê vẫn còn nhưng được chị Tâm Thanh phụ trách. Gần như toàn ban biên tập cũ kéo về đầu quân cho nhật báo *Công Luận*. Tôi ôn ỉ ba má đặt mua thêm nhật báo *Công Luận*. Như bậc tôi trung, tôi dồn hết cảm tình cho trang Tuổi Ngọc của nhật báo *Công Luận*. Những bài viết ưng ý ưu hạng tôi gởi cho anh Đình Tiến Luyện là người chủ vườn mới. Bài nào ít ưng ý hơn tôi giao cho chị Tâm Thanh. Thuở ấy, tôi nào đã biết gì, y hệt con cừu non cứ lẻo đẻo bám sát người chăn thú, cũng may chẳng có chú bực-giê nào canh giữ cả.

Thú thật, thời xa xưa ấy tôi phục anh Duyên Anh nhưng lại cảm thấy gần gũi anh Đình Tiến Luyện hơn. Lúc tôi học đệ tứ thì anh chỉ mới bắt đầu ở đại học

Luật, còn trẻ măng. Vào ngày thứ năm, được nghỉ học hai giờ sau, tôi hay đạp xe tới toà soạn nhật báo *Công Luận* sở đường Thủ Khoa Huân, đến chơi với anh. Đánh đập anh nho nhã, ốm yếu, mảnh khảnh gần như bệnh hoạn. Thật vậy, cứ nghe anh than hết bệnh lại ốm. Biết anh, đọc văn anh mới thấy tâm tình những nhân vật trong truyện ngắn, truyện dài anh viết cho tuổi trẻ có nhiều điểm trùng hợp. Lãng mạn cực đoan. Bơ vơ yếu đuối. Như người con gái tên Chuyên trong những mẩu truyện ngắn. Như cô thiếu nữ mới lớn trong truyện dài rất thơ mộng *Trong Nhật Ký Của Quỳnh...* Tại sao người ta có thể sống trong một đất nước chiến tranh dai dẳng, phải tranh đấu triền miên để sống còn mà đôi mắt vẫn nhìn về một hành tinh khác, trí óc gởi chốn xa xôi nào, ngòi bút chỉ viết toàn chuyện mưa rơi lá rụng? Tôi rơi êm ái vào mê cung. Tôi cũng chỉ viết nhưng chuyện trên trời, còn sự thật dưới đất bị bỏ phế. Tôi không còn nhớ mình đã viết những gì, nhưng chắc chắn một điều, không phải những niềm vui thơ ấu.

Trang Tuổi Ngọc có mục "gọi điện thoại". Hâm mộ thơ văn ai, muốn làm quen, chỉ cần viết vắn tắt vài giòng: "X gọi cho Y, a lô..." là được anh Đinh Tiến Luyện cho đăng ngay. Bạn bè bốn phương gọi điện thoại làm quen với tôi nhiều lắm. Tôi thích chí vì tôi rất khoái đọc và viết thư. Thứ năm tuần nào tôi cũng tới toà soạn nhận thư nhờ chuyển. Cái tủ nhỏ trong phòng khách dành riêng cho tôi đựng sách dần dần đầy ắp thư từ. Nhờ vậy tôi quen được Kim Loan và H. Kim Loan cũng trạc tuổi tôi, là em gái một người bạn của chị tôi, thích đọc chứ không thường viết cho Tuổi Ngọc. Có lẽ tại hai bà chị nhiều chuyện, nên Kim Loan biết và làm quen tôi trước. Năm ấy tôi học đệ tam, đã 17 tuổi rồi chớ đâu còn nhỏ nhít gì, vậy mà ngây thơ lắm, chưa để ý tới chuyện tình cảm vắn vơ. Giới kếp tóc biên thư làm quen tôi nhiều hơn giới hủi cua. Ai tôi cũng viết thư hồi âm, không có làm phách đâu. Người nào tôi cũng san xẻ những vui buồn như nhau, nhưng nếu bảo mến thì tôi đặc biệt dành nhiều cảm tình cho Kim Loan, H., Hải Âu, Kiều Mộng Lan và một người ký tên Song Nguyễn.

Hải Âu và Kiều Mộng Lan, sau vài lần liên lạc thư từ, đột nhiên bật vô âm tín. Thư tôi có đi mà không có về. Riêng cho Kim Loan, tôi dành thật nhiều

thương mến. Nếu không vì sinh tử phân ly, có lẽ cô bé đã trở thành mối tình lớn đầu tiên của đời tôi. Kim Loan có gởi hình tặng tôi, không đẹp nhưng có duyên. Sau đó tôi có gặp cô bé một lần tại toà soạn báo *Công Luận* nhưng không dám nói chuyện. Tóc cô bé cắt kiểu *à la garçon*, da ngăm đen, hai mắt to, mũi huếch, cười có lúm đồng tiền và mặc *mini jupe* trắng đến trường. Hai đứa từ từ thân nhau hơn, cho nhau số điện thoại và nói chuyện hằng giờ không biết chán. Mỗi lần như vậy là má tôi lại rầy, nói chuyện gì mà dai như đĩa vậy con! Kim Loan kể cho tôi nghe rất nhiều, nhưng tôi chỉ còn nhớ mỗi ba chuyện: cô bé ngủ phải bật đèn suốt đêm, ao ước may một cái *mini robe* màu hồng có cái nơ to tướng ở đáy lưng và cứ bị một tên cũng là dân Tuổi Ngọc đeo đuổi tán tỉnh hoài.

Tôi quen Kim Loan từ năm đệ tam sang đệ nhị. Tôi thật sự không biết phân định tình cảm mình đối với cô bé ra sao. Mến hay yêu? Tôi chỉ cảm thấy thiếu khi lâu không nhận được điện thoại của cô bé. Tiếng chuông điện thoại những đêm dạo nọ còn reng mãi trong trí nhớ tôi. Rạo rức tha thiết. Réo rất như nhạc chuông nhà thờ sáng chủ nhật. Mùa mở không định nghĩa được tình cảm mình, tôi cũng không hiểu Kim Loan có yêu tôi không. Mùa hè năm ấy, sau bữa cơm chiều, người bạn của chị tôi gọi báo tin, Kim Loan vừa tử nạn xe cộ trưa này. Tôi chết sống. Bốc khói như một giọt mưa rớt trên một hòn đá nóng bỏng ngoài sa mạc. Kim Loan chết dễ dàng như tiếng cười giòn tăt nghẹn cuối đường dây thép bên kia, bỏ tôi ở lại như con rối sau màn kịch búp bê nằm gầy gáp trong hộp. Con búp bê múa rối vào phòng ngủ, nằm trong bóng tối siết cứng chiếc gối ôm bọc sa-teng mát lạnh, khóc nghẹn ngào. Tôi còn nhớ, đã không ngủ được đêm hôm đó. Nhắm mắt lại là hình ảnh người bạn lại trở về, thân thể bầm dập rỉ máu. Sáng hôm sau vào ngồi trong lớp luyện thi toán lý hoá ở trường Hưng Đạo, tôi rã rời nhẩn nhúm như manh giấy nhàu nát. Vết thương đầu đời đã thành sẹo trên da thịt tôi rồi!

Cái chết của Kim Loan xảy ra vài tháng trước ngày tôi thi tú tài phần nhất. Cũng may sự ra đi vĩnh viễn của người bạn gái duyên dáng ấy không lấn át nổi những lo sợ mọc gai cho kỳ thi sắp tới. Rót có nghĩa là đi lính, sẽ mất những ngày vui trên băng ghế nhà

trường, tuổi hoa niên sẽ bị chôn vùi bởi chiến tranh tận diệt. Thời mới lớn của tôi là thế đó. Như sống trong một lồng kính vĩ đại nuôi dưỡng trẻ sơ sinh thiếu tháng. Chồng cộ một cách tiêu cực, uể oải, chênh mảng, gần như lười biếng. Hình như tuổi trẻ cuối thập niên 60 không có một niềm tin nào. Áo vụng bừa vầy. Nhưng lỗi của ai đây? Nếu hầu như tất cả cùng làm điều lỗi giống nhau thì lỗi lầm ấy là một lỗi lầm có tính cách phổ thông của thời đại.

Với Song Nguyễn, tôi cũng có một vài kỷ niệm êm đềm. Hầu như tất cả những người khác phái tôi quen qua thư từ thuở đó có một điểm giống nhau: khư khư giữ trong tay con tấy của định mệnh. Thành thử đôi khi muốn nhớ lại, thêm khát ve vuốt hoài niệm ấu thời, tôi hay bị vấp vấp. Tôi ngã chổng gọng bởi những bí ẩn sương mù phủ quanh những người bạn tôi. Tôi cũng chẳng muốn tìm biết làm gì, vì một lẽ rất dễ hiểu, tôi sợ khi biết được, sự thật sẽ làm tan vỡ những ảo tưởng huy hoàng trong tôi. Đối với Song Nguyễn, tôi hình dung ra nhà cô nhỏ ở đường Hồng Thập Tự, cất bằng gỗ lim với giàn ti-gôn tung bùng quăn quít. Ngồi biệt thư ấy tôi đã thấy, cũng trên con đường rợp mát bóng me, những thân cây sao nứt nẻ lâu đời, mỗi khi gió mạnh lại bay chơi vơi với những trái khô quay tít như cánh chuồn chuồn. Tôi còn thấy rõ rệt hơn nữa qua những đoản văn anh Đinh Tiến Luyện viết: cô nữ sinh mặc áo đầm trắng, giày và vớ trắng, ngồi trên chiếc xe xích lô đạp đến thăm ai những chiều mưa. Cô bé sống với bố và là con một nên được nuông chiều rất mực. Bố cô gọi con gái bằng *nick name* Khoai Hường... Và tôi còn tưởng tượng thêm, có những liên hệ tình cảm giữa anh Luyện và Song Nguyễn. Tôi đã buồn bực thật trẻ con, rất vô lý khi biết được điều này. Tôi biên một lá thư cho Song Nguyễn với giọng điệu hờn dỗi vu vơ. Sau lần đó, tôi không nhận được tin tức nào nữa từ người bạn búp bê đó. Ngay cả về sau, hay tin cô nhỏ sang Anh du học, tôi vẫn không tìm cách nối lại sợi dây liên lạc đã đứt. Tôi thường có những ganh tị vô cớ, ôm cứng tính ích kỷ như lớp da bọc lấy thân thể. Tôi muốn những người tôi muốn chỉ có mỗi mình tôi là đối tượng thôi để tôi độc quyền với ý nghĩ, mình đã... làm chủ được người ấy. Bản tính kỳ khôi này đã ngăn trở tôi biết bao cơ hội tốt để... chinh phục nhân tâm. May

thay, với thời gian tâm tình tôi từ từ thuần lại. Tôi bằng lòng với tin tức về Song Nguyễn, bắt được qua làn sóng văn chương do anh Đinh Tiến Luyện phát thanh trên sách báo. Những hình ảnh ấy thơ mộng đó chứ. Đứa con gái nhỏ ngồi trên xe xích lô đạp đến thăm người đàn ông đang tập tễnh bước vào làng văn dưới cơn mưa nhiệt đới tằm tã. Thứ tình yêu toàn bích chỉ thấy

trong bài hát *Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa* đã có thật. Và tôi nhớ một người bạn có tên búp bê Song Nguyễn bằng những mùa mưa ào ạt đất quê hương, gột rửa sạch trong tôi một hệ phố mới lớn.

Tôi đã không nhìn thấy những lệch lạc bất thường của tuổi trẻ tôi. Đời sống đây thì luân chuyển bằng nhịp điệu rất bình thường: ăn, ngủ, học và...

giữa mùa mưa nhiệt đới

tôi về lại giữa mùa mưa nhiệt đới
lúc hoa trà nở trắng ngầy mùi hương
hồn chơ vơ hoá thạch nổi yêu thương
tôi cúi mặt giấu đôi hàng lệ ứa

tôi mắc võng dưới tàn cây vú sữa
ngắm kiến vàng hò trên sóng sào tre
nước triều dâng chập chớp nắng vàng hoe
tôi quỳ xuống áp má gầy lên đất

tôi ngơ ngẩn bên lùm cây mật cật
nhìn khói bay lơ lửng bếp nhà ai
đôi bướm trắng bịn rịn khóm hoa lài
tôi ngượng ngập trước hai hàng so đũa

tôi thấy lùn tro tàn nhen nhúm lửa
soi rung rung vòm mắt cặp má hồng
đêm đóm đậu cây bần ổi ven sông
tôi nín thở theo nhịp dầm đơn điệu

tôi hoá kiếp đậu vắn vơ cành liễu
là chim sâu tíu tíu rả lông xanh
nhện giăng tơ trong nắng loé mỏng manh
đang xoắn lại những lá tre vừa ứa

như võ vẽ, óc cau vào mùa lúa
từ trên cao nhìn xuống tấm thảm vàng
ôi, sợ quá... bù nhìn đứng nghênh ngang
rút rè đậu ven đường xanh cỏ củ

tôi thức dậy giữa vườn rau ngày cũ
điểm tâm bằng sương đọng trũng lá sen
chợt rừng mình ngựa ngáy hoá sâu mềm
trườn hạnh phúc trên vồng khoai luống cải

tôi đi giữa đường làng về quê ngoại
hừng giọt mưa tháng tám nhỏ trên vai
chân cứ đi mà đường vẫn còn dài
đường như có sương mù che kỷ niệm

tôi tắm mát trong dòng sông ngọt lịm
nước phù sa bám mốc kẽ chân tôi
làm rám da sạm nắng giọt mồ hôi
nhỏ xuống đất ruộng cày thêm màu mỡ

tôi đã khóc đã cười và đã thờ
của non sông một quá khứ huy hoàng
giờ chỉ còn buổi sáng chít khăn tang
chôn vùi cả một năm mờ nhiệt đới.

ngô nguyên dũng

đi chơi. Ngoài ra tôi còn có một vài sở thích khác nữa: viết truyện, làm thơ búp bê, nghe nhạc và sưu tầm tem. Nếu thời anh tôi là lúc Elvis Presley, Paul Anka, Connie Francis, Cliff Richard... tung hoành, thì thập niên tôi lớn đã có Beatles, Rolling Stones, Simon and Garfunkel hay Sylvie Vartan, Francois Hardy, Christophe... Nếu thời anh tôi nhạc Twist, Rock'n Roll thịnh hành trong các vũ trường, thì tuổi tôi chớm lớn điên loạn với Ả Go Go, u mê thốn thức trong dòng nhạc có người nô lệ da vàng, mặt trời đã ngủ yên hay người điên trong thành phố... Tôi lọt gọn lỏn vào bấy đời khúc mắc. Tôi trôi theo dòng thời gian nhiệt đới, mê sảng trong cơn sốt đông nam á. Thật vậy, bây giờ nhìn lại mới hay, tuổi trẻ tôi bệnh hoạn như thân cây non không hợp thuốc sát trùng; ghê tởm hơn, như mớ thịt da đang bị bạch phiến đục khoét, gặm mòn sinh khí.

Tôi sống ở Sài Gòn, thành phố trong một nước chiến tranh mà tưởng như người ngủ mê, đang tay nhắm mắt mộng du giữa đêm. Tôi chết ngộp trong



giọng ca ma túy mưa trên tầng tháp cổ; mơ trong ảo vọng lãng mạn của Trâm nhìn thấy một khoảng da bụng trắng nõn, gót chân hồng của người học trò tên Minh; trôi bèo bồng trong những đêm dạ vũ Giáng sinh; rã rời với điệu thuốc lá Pall Mall đầu tiên gắn trên môi trong một đêm mưa dạo nào dưới mái hiên nhà ai ở đường Lê Thánh Tôn. Nhưng tôi lại đứng đưng im lặng trong mùa sôi động năm 1963, thờ ơ cứng ngắc trong những ngày Tết Mậu Thân. Tôi là đứa trẻ sống dùng dằng trong hai thế giới khác nhau: thực và mộng. Cái "thực" trắng tráo, trần truồng quá bắt tôi muốn nôn mửa, vội vàng quay mặt bước vào vườn ảo mộng của riêng mình.

Trong cơn mộng ấy tôi làm quen được H. Đối với tôi giờ này, H. vẫn còn là một dấu hỏi to tướng, khiến tôi đôi lúc thắc mắc: "Có thật mình đã quen với một người tên H.?" Chúng tôi biết nhau cũng qua đường dây điện thoại của trang Búp-Bê. Trao đổi thư từ được khoảng một năm thì H. theo gia đình sang Thụy Sĩ, vì hình như ba H. giữ một chức vụ gì đó trong toà đại sứ Việt Nam ở Genève. Ở người bạn này là cả một trời bí ẩn, giống như mấy người nghệ sĩ tạo cho mình một cái *image* để gọi trí tò mò nơi kẻ ái mộ. Thành ra viết về H. có nhiều điều tôi chỉ có thể bắt đầu bằng hai chữ "hình như". Người con gái ấy hình như rất thân với búp bê Muguet, hình như học và thi tú tài bên Thụy Sĩ, hình như nhút nhát hơn cả tôi nữa. Vì tính thỏ đế này mà tôi bị ba rầy hoai, nhưng không sửa được. Dù vậy, thỉnh thoảng tôi cũng bạo gan làm vài chuyện ác ôn lắm, như dám tới toà soạn để chiêm ngưỡng dung nhan anh Duyên Anh và anh Đình Tiến Luyện!

Tôi và H. có một điểm tấu đầu ý hợp: rất siêng năng thư từ cho nhau đọc. Chồng thư ấy tôi vẫn còn giữ. Nét chữ rất con gái của H. không bao giờ nhòa trong tâm tưởng tôi. Màu xanh lênh đênh của những tờ thư, những dòng chữ thân ái quấn quýt nhau từ thành phố có Lac Léman thơ mộng, bọc một chút không khí tây phương gửi về Sài Gòn càng gieo vào lòng tôi niềm mong ước đi xa. Tự dưng, lúc bước vào ngưỡng cửa người lớn, tôi luôn luôn có cảm giác mơ hồ, mình không thuộc vào thành phố, đất nước này... Cái nắng sau Tết, những ngày mưa tháng bảy không giữ chân tôi được. Cả khung trời

nội ngoại, những ngày mùa hè rực rỡ ở Đà Lạt, Nha Trang, Vũng Tàu không đủ sức ghi tôi lại. Cả má tôi nữa, sau kỳ thi tú tài đôi, lúc giấy tờ du học đã xong, chỉ còn chờ ngày lên đường, má mới nói: "Thôi, ở nhà học cũng được, đi làm chỉ cho xa hủ con?" Trái tim tôi vừa nhói đau. Hai dòng nước mắt chảy ngược vào lòng. Cổ họng tôi nghẹn lại, ngắc ngờ không thốt nên lời, dù tôi muốn hét thật to để tất cả cùng nghe thấy: "Tôi yêu gia đình, Sài Gòn và mảnh đất oan khiên ấy vô ngần, nhưng hãy tha thứ và cho phép tôi bắt đầu con đường đã vạch sẵn..."

Tôi rời Sài Gòn vào một buổi trưa nắng cuối năm. Từ cái nóng nhiệt đới, tôi thần nhiên bước vào xứ lạnh. Đắt mới đón tôi bằng cơn mưa tuyết lúc máy bay hạ cánh ở phi trường Frankfurt. Cậu bé với đầu óc viễn mơ trong tôi lúc đó còn ngờ nghệch lắm, đâu biết rằng mình đang vướng phải chứng bệnh biệt xứ.

Trước đó, ở năm cuối cùng bậc trung học, tôi tự nghĩ rằng mình đã... lớn, nên từ từ lờ là với giọng chữ búp bê. Tôi tập tành làm thơ người lớn, nhào nắn âm điệu với thật nhiều sáo ngữ rỗng tuếch, biến thi ca thành một thứ *science fiction*, thành ra gởi bài nào cho báo *Văn* đều nhận được câu trả lời "cảm ơn, không đăng". Tôi chỉ hơi thất vọng một chút thôi vì chung quanh tôi có lắm ngày vui chờ đợi.

Cả những năm đầu tiên xa nhà, tôi chỉ siêng năng viết thư cho gia đình và bạn bè thân quen. Có lẽ những rạo rức khám phá điều mới mẻ nơi đất lạ còn nóng hổi, tâm tư tôi chưa cảm nhận được những thôi thúc phải cầm bút. Tôi vẫn liên lạc với H. đều đặn. Hai đứa bây giờ chỉ còn cách nhau một biên giới. Mùa giáng sinh năm ấy, tôi cùng hai người bạn vượt biên giới qua thăm Genève. Vì không bao trước, nên qua mà chẳng gặp H. Tìm tới khu chung cư H. ở, chẳng có ai ở nhà. Đêm đó chúng tôi quán mình trong túi ngủ, co ro như ba con mèo hoang ngoài bãi đậu cạnh xa lộ. Đến nhà một người quen khác, hỏi thăm về H. thì được biết cô nhỏ đã về Lausanne thăm bạn. Họ có điện thoại cho H. hay, nhưng H. bảo không tin và cúp máy. Tôi giận H., tại sao không tin rằng có tôi sang thăm, tại sao không đáp xe lửa về ngay để gặp tôi lần đầu? Nhưng tâm tình tôi lúc đó hơi hợt quá, cơn giận như khoanh ốt cay làm hương vị món ăn tình cảm thêm đậm

đà, có càng thêm ngon, không có cũng chẳng sao. Và tôi cùng hai người bạn lạc trong thành phố Genève lãng mạn. Lac Léman mùa đông lãng đãng sương mù khiến tôi nhớ hồ Xuân Hương và chiều Đà Lạt. Tôi đứng bên này bãi, bên kia đá dâng nước ngập ngừng, băng khuâng nghĩ về người bạn ở Lausanne nơi nao cuối hồ. Đường phố Genève đôi dốc quanh co, không lớn lắm, vừa đủ thi vị để người phương xa không mất lối về.

Từ đó cho đến lúc tôi và H. bật tin nhau, không còn dịp nào để tôi trở lại Genève. Nguyên nhân dẫn tới sự chia cách này tới hôm nay, tôi vẫn mù mờ không rõ. Có một dạo, tự dưng tôi chán đời quá đỗi, có cảm tưởng đời sống chĩa mũi nhọn tấn công tôi mọi bề. Tôi chỉ biết lùi vào chân tường thủ thế, chống đỡ ngắc ngoải. Thư từ giữa tôi và H. vơi dần, một tháng rồi hai tháng. Cuối cùng không biên cho nhau nữa. Tôi không còn nhớ, H. hay tôi là người bỏ cuộc chơi trước. Giờ này, lâu lâu tôi lại dở chồng thư cũ, chỉ để xem lại dòng chữ H. nắn nót đề tên tôi trên bao thư màu xanh màu trắng. Đáy lòng tôi dấy lên nỗi xúc động nhẹ nhàng, rung rung như giọt sương mai muốn rơi xuống thấm vào lòng đất, nhưng nâng lên làm khô chết mất rồi.

Người nào cũng có hai ngăn kéo kỷ niệm: buồn và vui. Ngăn buồn của tôi ngày đầy thêm. Ngăn vui vẫn vậy, vì những niềm hoan lạc cũ tôi không còn nhớ nữa, làm dung hoà những vui vầy mới. Dù vậy tôi vẫn tin tưởng mãnh liệt vào tương lai, không phải cho riêng tôi mà cho cả dân tộc mình. Nếu không có niềm tin ấy, tôi đã không sử dụng tới ngòi bút. Thử xét lại khoảng thời gian viết lách, chưa có lúc nào tôi hạnh phúc cho bằng những năm viết cho trang Búp Bê, hết lòng ngưỡng mộ anh Duyên Anh, anh Đình Tiến Luyện. Bây giờ, những cảm mến ấy mất mát nhiều lắm rồi. *Con sáo của em* tôi đã bị người ta nhả tâm đem vật lỏng nấu cháo. *Giàn thiên lý* đã chết héo vì chủ nhà đã đi xa, không ai bón phân tưới nước. Chỉ tội nghiệp anh Đình Tiến Luyện vẫn còn kẹt lại quê nhà, không biết ra sao lúc này.

Thỉnh thoảng tôi lại lồi những con búp bê tuổi nhỏ ra đặt ngay ngắn trên kệ, ngắm nghía chúng, ném một vài suy tư trở lại những ngày xưa vô vàn thân ái, và biết rằng mình đã trải qua một thời hoa niên rực nắng ở quê nhà. ■

Tôi thở phào khi ra khỏi siêu thị anh-em-họ-Tăng. Thứ bảy, mười một giờ sáng, khu phố Tàu ở quận 13 đông nghẹt người. Thiên hạ từ trong những cao ốc chui ra để chui vào những siêu thị, nhà hàng, tiệm quần áo. Tôi cũng vậy.

Khệ nệ vác mấy túi thức ăn vừa mua ra đến xe, tôi đã mỏi như hai tay. Có gì đâu, dăm miếng tàu hũ, vài món rau cải, mấy hộp tương, hai gói bún khô, ba bốn trái xoài. Chặt hết vào xe xong, vẫn



không thấy bóng lang quân. Cười nhau đã lâu mà vẫn “em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé”! Chẳng lãnh nhiệm vụ mua sắm những món nặng như gạo, nước mắm, vải, nhãn hộp, kiệu, đậu xanh, nếp.v.v.. ở cửa tiệm nhà họ Hứa. Không lẽ gặp cô xẩm nào bỏ bữa mê? Dám lắm a! Hôm nọ mượn đầu được bộ phim chương *Thần Điều Đại Hiệp*, anh chàng thức suốt đêm xem. Tối nào ngủ mê cũng kêu Tiểu Long Nữ em ơi em hỡi, nghe phát giận!

Dòm tới dòm lui kiểm điểm chẳng thấy thiếu món nào, tôi đành ngồi yên ngắm những người qua lại, cố tìm một khuôn mặt quen. Biết đâu được. Tiếng là khu phố Tàu nhưng tôi có cảm tưởng các chủ tiệm là người Trung Hoa còn khách hàng là người Việt. Nhưng mỗi cái cổ hoa cả mắt mà tôi vẫn chưa thấy ai giống người cùng xóm hay bạn cùng lớp và chàng của tôi vẫn biệt dạng. Chắc là tính mua hết tiệm người ta?

Tôi bỏ xe, tìm một cửa hàng để ngó. Nhà hàng, hiệu nữ trang, tiệm sách báo Tàu, sạp trái cây, tiệm quần áo...., a kia rồi, một tiệm bánh ngọt, hiệu Kim Sơn. Trên mặt kính chữ Tàu chữ Việt nằm kề, phía dưới là một cái bánh... ừ. Không, một trái núi bằng vàng. Ở ngoài nhìn vào, những dãy bánh vàng lờm coi ngon quá. Đồng hồ chỉ mười một giờ hai mươi. Tới mười hai giờ thiếu mười lăm tôi sẽ trở ra xe. Huê! Bánh ngon không lẽ chỉ để ngó?

Đẩy cửa kính bước vào tiệm, mùi bánh thơm dễ chịu, một hai người khách đang trả tiền ở quầy. Trên các kệ bằng kính trong, đủ thứ bánh xếp hàng chờ đợi. Quả là đủ thứ. (Các thứ bánh tôi đã được ăn hồi nhỏ). Bánh tiêu tròn mồm mồm, lấm tấm những hạt mè vàng. Dầu cháo quấy nở nang, hứa hẹn, mời mọc. Bánh hạnh nhân cười cười, hạt đậu hạt hạnh nhân bóng lưỡng, kêu gọi... bánh bông lan, bánh bò trắng, xanh... Và ui chu choa, chưa phải là Trung Thu mà bánh trung thu tràn

ngập, lộp lộp. Tôi chấp tay sau đít, di mũi vào những tấm giấy nhỏ viết chữ quảng cáo với giá tiền. Nhưn hột sen, nhưn đậu xanh, thập cẩm, một trứng muối, hai trứng muối, cái tròn cái vuông, cạnh dọn sóng hấp dẫn. Không ưa những thứ đầu mùa quá sớm làm mất đi cái nồng nàn náo nhiệt chính thống khi lễ lạc đến, nhưng rõ ràng là tôi đang mềm lòng trước mớ bánh. Mấy đứa nhỏ bốn năm nay chưa ăn bánh trung thu. Bốn năm cực khổ cày bừa vất vả để có “một chỗ dưới ánh mặt trời”, đây là lần thứ hai chúng tôi cho phép “ăn chơi” (ăn thiệt chứ không phải ăn chơi). Dĩ nhiên tôi có khuynh hướng khuếch đại như chàng vẫn nói... Thật ra, chỉ là một buổi mua sắm lương thực Việt nam. Không, lương thực Á đông... Nước mắm Thái Lan, bún Thái Lan, cải muối Đại Hàn, ớt Hồng Kông, tàu hũ... Paris. Tất cả do người... Tàu làm. Hôm nọ chàng nói không nên làm giàu cho Chệt, cho Thái Lan. Anh của chàng lại khuyên đừng làm giàu cho... Việt cộng. Tôi chỉ muốn các con đừng quên những món ăn chúng đã được ngoại, nội cho ăn.

Ừa, mua hay không mua, đứng đó mà phân trần, biện hộ sao? Thực tế hơn một chút đi, tôi ngẫm nghĩ. Cái chỗ ở dưới mặt trời đó, tốt lắm, nhưng coi chừng bị... cháy. Không gian coi xanh tốt mà đã có lỗ hổng trong khí quyển rồi đó. Ôi thôi nhiều dự tính, lăm chường trình mà không dám cả gan mua hai cái bánh cho con! Tội cho tôi chưa?

— Bánh ngon lắm! Nị mua đi. Bánh ngon nhiều lắm...

Tôi giật mình tỉnh giấc, quay lại. Người đàn ông cao lớn mập mập vừa chậm mồ hôi trán, vừa nói tía lia. Chắc là ông chủ.

— Hà, ở nhà pếp nóng quá, nị là người Việt Nam phải không? Mua pánh đi...

Biết mình có khuôn mặt rất Việt Nam (!?) nhưng mỗi lần bị nhìn, tôi nghe

Thứ Bảy, Xóm Tàu, Xóm Việt-Nam

Phan thị Trọng Tuyến

bằng khuôn và... khó chịu. Người Tàu, người Nhật chưa bao giờ nhìn bà con với tôi. Nắng Sài Gòn khiến da tôi bảnh mắt, lương thực Sài Gòn khiến tôi nhỏ con ốm yếu. Bấy nhiêu đó đủ để cho họ biết nguồn gốc của tôi? Tôi chẳng đáng để nghe mình hỏi lại:

— Còn nị là người Tàu ở Chợ Lớn phải không?

Người đàn ông đưa khăn lên miệng che miệng ho rũ rượi, tôi tiếp tục đi vòng vòng ngắm nghía, tính nhẩm. Ba cái bánh tiêu, hai cái bánh bò, hai cái bánh trung thu...

— Hãy... trời tốt mà ngộ pỉnh quá chời quá đất. Ngộ hông có ở Chợ Lớn, ngộ ở Gia Định.

Tôi chợt thấy mình bất công, phân biệt chủng tộc một cách ấu trĩ. Hồi nhỏ trong xóm có tiệm chị Xin, có nhà thuốc Quảng Sanh Đường, có ông Mậu bán nước đá bào, họ cũng là người Tàu nhưng tôi xem họ thuộc về quê hương, rất Việt nam, còn những người Tàu sống chùm nhum ở Chợ Lớn là người... Tàu, là... gian thương chuyên môn lũng đoạn thị trường...

— Ỉ, ông ở Gia Định hả, chỗ nào, tôi có biết một chút Gia Định.

— Ngộ ở xóm C, gần cầu Sắt, tiệm hủ tiếu Huệ Ký...

Tôi suýt kêu lên. Trời ơi xóm C là xóm tôi, Cầu Sắt là cầu tuổi nhỏ, tiệm Huệ Ký cũng là tiệm hủ tiếu của... tôi. Không, tiệm hủ tiếu trên con đường của tôi, hồi đó. Người đàn ông tiếp tục vừa ho vừa quảng cáo bánh vừa nói về tiệm hủ tiếu ngày xưa. Tôi lên nhìn người xưa (thì cứ coi như là người xưa). Dù tôi bỏ xóm đi đã lâu.

— Ông qua Pháp lâu chưa?

— Ngộ đi hồi pảy tám, không, đầu pảy chín. Kẹt ở Hồng Kông hết mấy năm. Qua đây được hai năm, cái tiệm mở được ba tháng.

Người ta đi từ xóm C, qua Hồng Kông, đến Paris trong một câu năm bảy giây đồng hồ. Tôi trở lại xóm cũ, thời xưa trong mấy cái chớp mắt. Phải chuẩn bị để ở lại đó cho... lâu lâu, ghen. Người đàn ông đã mập ra, hai túi mắt nặng, mí mắt đầy. Nhưng nét xưa cũng hơi thấp thoáng. Gần hai mươi năm rồi còn gì.

Xóm nhỏ của tôi, một mặt đường cái và một mặt đường hẻm. Hai bên của bình minh với hoàng hôn. Hai mặt của một đời sống. Một thôi. Ba má tôi dọn đến xóm này từ lúc tôi còn nhỏ,

nhỏ đến nỗi không nhớ gì về quá khứ trước đó. Tôi chỉ biết khi mình lớn lên trong xóm đã có ông Mậu bán nước đá, bà Sáu bán bánh men bánh kẹp ban ngày, tối gánh nước mướn, bà Ba bán tạp hoá, bác Tư làm giường tre, thang tre. Ông Lê Quang hàn gió đá, ông Trần Hoà tiệm may, ông Nguyễn Đại ký giả (đặc biệt nhà to và không buôn bán), bác Tư Nghĩa vừa cắt. Rồi đến con đường dốc quẹo vào đường hẻm để ra phía sau xóm. Đến nhà "hơi" có hàng chữ Pháp có sét đánh hình chữ zét và người ngã xuống, đến trường dạy đánh máy, một nhà may, tiệm thuốc bác Quảng Sanh Đường, rồi tới tiệm hủ tiếu Huệ Ký, tiệm bán phụ tùng xe gắn máy, tiệm tạp hoá Đại Long, tiệm sửa xe... Xa hơn chút nữa thì đến ngõ quẹo vào xóm khác, có mấy thằng con nít ư bày đặt kêu em, em mỗi lần tôi đi học về ngang nên tôi ghét lắm, không thèm biết tới. Thành ra con đường mặt tiền của xóm làm ăn (của tôi) chỉ tới đó.

Tiệm đóng bàn ghế của ba má tôi cũng giống như tiệm tạp hoá của bà Ba hay những tiệm khác, mở cửa tới khuya. Ban ngày: cửa, bào, đục, đóng chan chát rầm rầm, tối về chỉ đánh giấy nhám, chùi rửa, đánh véc-ni. Hàng phải giao gấp thì cả nhà được huy động ra phụ. Khuya quá, ba tôi hay đói bụng. Nếu tụi tôi chưa bị lừa đi ngủ thì tôi hay tình nguyện vác tô đi mua hủ tiếu cho ba tôi. Hồi đó tôi rất có hiếu. Có khi không tình nguyện mà... bị chỉ định bởi má tôi, má tôi hay cần nhân ba tôi dân chủ thái quá, khó... tề gia.

Hôm nào chưa khuya lắm, con đường hẻm còn nhộn nhịp. Bà Ba còn lục lọi trong thùng trấu moi ra mấy cục nước đá bán cho xe nước mía, bác Tư chuyển mấy cây tre, tầm vông từ xe cam-nhông xuống chất đầy trước cửa. Tiệm hàn gió đá đóng cửa, tiệm may còn sáng đèn, bác Trần Hoà đứng lom khom vạch phần trên vải. Chỗ nhà ông ký giả có xe nước mía với thùng chậu lủ khủ phía sau. Tôi ưa đứng dòm chú Ti kéo cái bánh lái, có khi đu cả người lên để kéo, như điều khiển chiếc tàu trong cơn sóng gió, hai khối nhôm tròn nghiêng sát vào nhau, mấy cây mía bị ép dẹp lép kêu rín rít, nước mía trắng sủi bọt chảy xuống chiếc thau men đầy nước đá đập nhỏ và những khoan quýt vàng lờm, thơm ngát. Buổi tối trường dạy đánh máy đóng cửa, ông Bảy bán báo bày xe báo ra. Tôi cầm tờ để sau lưng, kê mặt vào những tờ tuần

báo điện ảnh, kịch ảnh ngắm các cô đào, ca sĩ. Bà nào cũng đẹp hết cỡ và đầy những chuyện tình duyên thơ mộng. Lúc đó tôi còn mê đọc báo *Tuổi Xanh* nhưng con mắt đã có phần lè qua người lớn. Vậy nhưng khi đi ngang cái chòi hớt tóc của ông già Tư chỗ nhà hơi, lần khi tôi phải chạy vì không ưa thấy mấy anh thanh niên (ngồi chờ tới phiên hớt tóc) hay chọc mấy cô gái trong xóm đi gánh nước khuya. Chú tôi cũng khoái đứng coi ông Tư hớt tóc lắm, mấy lần theo ba tôi đi hớt tóc (ba tôi bị hớt chứ không phải tôi). Ông Tư ở trần, da đỏ đồng và nhăn nheo xếp nếp trên mặt, trên lưng, trên bụng. Ông có cặp kính lão trễ xuống sống mũi, cổ gần lún xuống vai, lưng ông cong lại, đầu ông nghiêng qua một bên, hai con mắt ở trên mắt kính, cái tông-đơ chạy cắt cắt và ông nói tí a, chuyện chính trị, đảo chánh, chuyện cờ tướng, chuyện Tề Thiên Đại Thánh. Trưa nào ế khách thì ông ngồi vào cái ghế bành hớt tóc cũ mềm gác hai chân trên cái kệ có tấm kiếng lớn, đọc tờ báo mướn của ông Bảy. Có khi đi học ngang, tôi thấy ông ngủ lim dim, mấy con ruồi bay bay xung quanh. Tối quá, ông cuốn tấm bạt, cột cái ghế vào hàng rào, xiềng tấm kiếng, rồi xách túi đồ nghề về nhà ở tuốt xóm trong. Mấy tên thanh niên ngồi trên sạp báo trống và cả trên cái ghế hớt tóc, thấy con gái đi ngang, huýt sáo lạnh lốt, thiệt vô duyên!

Khúc đường có vài trăm mét, tôi đi gần nửa giờ mới tới tiệm mì, hủ tiếu. Tiệm lớn trung bình, bề ngang chắc bằng nhà tôi nhưng bề sâu thì rất dài. Hai thùng nước leo vớ đủ thứ đồ nghề lỉnh kỉnh nằm ở ngay cửa vào, phía bên trái. Bên phải và cả bề ngang của tiệm là những bàn cho khách ngồi với những chiếc ghế mặt cây tròn căng sát. Sát bên trong là quầy cà phê và chỗ thu tiền, có bà xẩm già tóc bôm bôm, bà có hai cây kẹp ép sát tóc vào hai bên đầu và một nốt ruồi to trên má với nụ cười thường trực trên môi, giọng nói lơ lơ như người con trai của bà đang đứng ho bên cạnh tôi. Ông chồng bà, cao lớn, đảm nhiệm chuyện bán cà phê, thuốc lá, châm nước trà cho các bàn và châm bánh bao, bánh bò, bánh tiêu.

Xếp của hủ tiếu mì là một ông chệt thấp thấp bụng phệ coi giống bà hơn là giống ông. Một hai người hầu bàn còn trẻ. Ông xếp nhón lấy vát mì xóc xóc cho bung ra rồi thả vào thùng nước sôi. Tô của ông dơ (!!) ông tráng nước sôi

đã đánh, tô của tôi sạch trơn, cam đoan không có con vi trùng nào, mà ông cũng cầm nghiêng nghiêng xối nước sôi mấy lượt. Chắc để khỏi có *temps mort* giữa hai cử động cần thiết, nhịp nhàng? Xếp xong mấy miếng thịt mỏng to bản, ông múc một muống thịt băm, một muống tóp mỡ, một vá nước lèo, không, một vá và hai lần một phần tư vá, chút cải bắc thảo, tí hành ngò, một nhúm tiêu, vài khoanh ớt (phải nói không ớt để ông bốc trở ra). Mì, hủ tiếu có thêm cái bánh tôm tròn đẹp lép có con tép đỏ còn đủ đầu đuôi giò căng.

Bận về tôi đi nhanh phần vì tô nóng, phần vì cái mùi thơm hấp dẫn của hành ngò, của nước lèo. Đi lẹ lẹ về để xin ba ăn ké.

Nếu cuộc đời cứ thẳng đường xuôi rớt tà tà vài năm nữa như vậy tôi có thể xin một chân bán hủ tiếu mì. Bốc, nhón, mì hủ tiếu gọn hơn như mấy chú ba tiệm Huệ Ký. Nhưng kẹt nổi là tôi lớn dần dần, bị tụi em đẩy quá, phải lớn lên, phải thi đệ thất, phải vào trường trung học, diện áo dài, coi bộ cũng có dáng. Mấy thằng nhỏ trong xóm có đứa "dám" kêu đích danh tôi. Buổi sáng ôm cặp đi qua, trưa đi về, tôi thấy con nhà Huệ Ký cũng đứng ngó tôi. Một lần thì ai nói làm chi. Hai lần nghĩa lý gì. Ba lần bắt đầu thấy kỳ. Bốn năm lần thấy bực. Mười lần thì hể ba hô đưa nào xách tôi đi mua cho ba một vắt mì, tôi chui tọt lên gác hay dọt thẳng xuống bếp. Gặp má tôi ra lệnh... tình nguyện, tôi phải gãi đầu gãi tai đề nghị ba tôi đổi món. Tiệm phở bên kia đường. Tiệm bún bên kia cầu ở xóm trên. Dĩ nhiên, có người "nghe nhậm" (nghe nhậm cổ ra ngườm mộ) ai lại không khoái, nhưng xách tôi đi mua đã kỳ (người ta tưởng tôi ưa ăn vặt!) đứng đó lâu lâu (dù chỉ là một thời hạn năm phút cho chín mì) để người ta tự do quan sát, nhột lăm! Dù rằng đôi lần tôi cũng biết "ngắm" lại. Đó là một anh chàng mười bốn mười lăm tuổi cao như cây sậy, ốm nhom và trắng bóc, mắt không hí, anh ta chẳng có vẻ Tàu tí nào, nhưng than ôi, mùi nước lèo, mùi của tiệm hủ tiếu, cái quần xà lỏn với cái áo thun ba lỗ, mái tóc hớt chải cao, và... bà xẩm ngồi quẩy với đôi kẹp vàng, cái áo Tàu có khuy chỉ con tằm vắt ngang... tất cả làm cho anh ta có một vẻ rất là con nhà... Huệ Ký. Thêm vào đó ông bà chủ còn có một lô con trai con gái kế tiếp cây si của tôi (!!). Ông anh thì ngắm nghĩa mơ màng, mấy cô em lại kênh xì-po, coi rùng rợn quá, cứ làm như tôi

sẵn sàng nhào đô làm dâu hủ tiếu. Dâu có dễ dàng như vậy, cho cả đôi bên chứ chẳng phải riêng tôi. Dù rằng thuở đó tôi rất ư là dấm dấm và đau khổ (em là con gái trời bắt xấu) cho nên khó tánh.

Số là, trước đó, lúc làm ăn chưa phát tài, má tôi có thì giờ rảnh ngồi kể chuyện ngày xưa cho đám con nghe. Hoặc là để chê ba tôi làm ăn dở, hoặc là để ba tôi o bế bà hơn một chút, bà hay nhắc chuyện ông Chệt Xây. Ông Xây ở vùng quê má tôi, có tiệm bán chạp phô lớn, nhà giàu, xồn xồn, chưa vợ, ông mê má tôi lắm. Bà ngoại tôi tính gả má tôi. Nhưng má tôi lúc đó đang mê *Giọt Lệ Thu*, *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Đôi Bạn*...v.v.. Lấy ông Xây nếu không về Tàu chắc cũng phải tối ngày lo cân đường, cân đậu, đóng dầu. Má tôi dùng dằng không chịu. May quá, ba tôi kháng chiến đi ngang, chưa kịp chán thì gặp má tôi. Ông xót bà đem tuốt về Sài Gòn. Đàng nào bà ngoại tôi cũng mất

con gái nhưng má tôi ở lại Việt Nam.

Chuyện hay như vậy nhưng nhắc tới nhắc lui hoài, hết ép-phê đối với ông già. Ba tôi chỉ cười cười không nói khi bày con nhao nhao hỏi ý kiến. Kẹt làm thì ông nói tỉnh khô:

— Ông Xây ông chưa tới số... Phước đức ông bà để lại!

Ấy nhưng đối với chúng tôi, nhất là tôi, cứ tưởng tượng không đâu. Thay vì là tụi tôi hàng ngày chỉ chèo đánh nhau bằng tiếng Việt; thay vì thở hút mùi cây, mùi mật cưa, mùi véc-ni, nghe đống đục cưa chan chát; thay vì nghe anh Minh, anh Trị vừa bảo vừa ca vọng cổ ư ử... lại là nghe tiếng xì xô xì xào, mùi... chạp phô hay nghe tiếng dao chặt trên thớt, tiếng tô đĩa lách cách, mùi hủ tiếu, mùi bánh bao, xiu mại. Không, tôi mê mì, hủ tiếu nhưng mà... Tôi phải mặc áo trắng, váy xanh, thắt hai cái bím hay hót tóc bôm-bê đi học trường Tàu? Rồi mấy đứa bạn hàng xóm để thầy giáo,

nơi chốn ngậm ngùi

*Tôi đang bước từng bước chân sâu thẳm
Chẳng còn gì ngoài bóng tối hoang mang
Bạn bè đến mang theo dăm vết chêm
Lòng rối bời thôi thể cứ tan hoang*

*Tôi đã thấy cả quanh tôi hạnh phúc
Chàng đa tình nàng e lệ sánh đôi
Vợ tâu tít chồng bên đàn con dại
Chỉ giùm tôi một ánh mắt ngậm ngùi*

*Cả em nữa nói giùm tôi say đắm
Nói đi em mắt quầng nhớ cho ai
Môi ướp ngọt đừng bôi vào mặt đắng
Cứ băng khuâng như lộ về quan hoài*

*Hạnh phúc đến với tôi liệu được
Mắt con thơ như ánh một bầu trời
Em chỉ đẹp khi em buồn em khóc
Lời tình này thoát đó vọng xa xôi*
*Lòng tôi sẵn con sân buồn phơi nắng
Đời chai lì còn hơn bệ cau khô
Còn âm hưởng tiếng trống làng vắng vắng
Những chiều mưa chạnh đến cả hàng dừa*

*Tôi đang sống với chuỗi ngày vô vị
Ước trở về chết dưới mái nhà xưa
Hãy chôn tôi cạnh mồ cha mẹ
Có người thân thương nhắc đến từng giờ*

*Tôi lạc lõng nơi xứ người đơn điệu
Hồn da vàng thương nhớ mãi Việt Nam
Người đâu biết đã có lần tôi khóc
Lời mẹ ru phe phẩy quạt dịu dàng*

phạm quang ngọc



đánh đũa, bỏ lại cho ai? Không phải tôi phân biệt chủng tộc, rõ ràng là họ giữ khoảng cách đó chứ. Chưa bao giờ tôi thấy đám con nít nhà Huệ Ký chơi tạt lon, búng thun với con nít hàng xóm. Có bao giờ tôi nghe chúng nói tiếng Việt trong tiệm, trong xóm? Ngay cả anh chàng Tàu đứng dựa cửa dóm tôi mỗi ngày, ánh mắt còn nói tiếng... Quảng Đông! (cho nên tôi không cảm động).

Dần dần tiệm Huệ Ký mất đi một chục khách hàng. Là nhà tôi. Bởi vì thuở trước, lâu lâu bọn tôi đem về nhà vài bảng ban khen để tổng tiền, ba má tôi thưởng công bằng cách kéo cả nhà đi ăn hủ tiếu trừ cơm. Chúng tôi được quyền kêu hai tô, có quyền lấy thêm xíu mại, bánh bò, bánh tiêu. Có khi ông bà chủ tiệm đến nhà tôi đặt bàn ghế, ba tôi đi đo, lấy mẫu, lấy kiểu. Giao hàng xong, cả nhà đến ăn rồi tính tiền trừ ra. Vui vẻ cả làng. Có một lần tôi bắt gặp cả gia đình anh chàng ngồi ăn cơm chiều. Cơm chứ không phải hủ tiếu hay mì như tôi hằng tưởng. Cơm với xì dầu và một đồng xí quách mới vớt ra còn nghi ngút khói. Xí quách của thùng nước lèo ban sáng hay cho hôm sau? Cây si ngồi và cơm và ôm khúc xương để cạp gân. Gặp thêm một lần như vậy, tôi đoán chắc rằng "cơ may" vô làm dâu nhà họ, tôi sẽ chẳng bao giờ được ăn hủ tiếu! Ba tôi nói như vậy mới giàu được, chứ như tụi bây chắc ba má họ phải dẹp tiệm sớm. Chắc chắn là ông có lý bởi vì đi tôi mở tiệm bán bánh canh giò heo, nước ngọt. Sáng sáng dựng tôi làm hai tô, uống một ly cối cà phê sữa, hút mấy điếu thuốc thơm; rồi trưa, chiều thêm đám con nhào dồ... mở hàng. Chẳng mấy chốc dì dẹp tiệm!

Còn tụi tôi không ăn cây được nên ba má tôi mần ăn khăm khá. Tôi chưa kịp coi cây si mọc rễ ra làm sao thì ông bà bán nhà dọn đi chỗ khác. Tôi bỏ xóm từ dạo đó. Kỷ niệm, ý niệm, trí tưởng tượng của thuở đó còn nguyên như cũ. Lớn lên, bị một cây si chánh hiệu Việt Nam níu cổ. Lâu lâu, tủi thân, tôi rất muốn bắt chước má tôi nhắc nhở chuyện ngày xưa, nhưng không có, quả tình không có một ông Tàu con nhà giàu nào đến hỏi cưới tôi. Thành ra chỉ có một chút tưởng tượng rất lạc quan. Xóm cũ. Đôi mắt dựa cửa chờ tôi đi ngang. Ngộ ái nị... một chút. Thế à? Phải chỉ ngộ biết! Ủa, nếu biết thì tôi làm sao? Tôi khoái ăn hủ tiếu chứ không thích cơm + xì dầu + xí quách.

Tuy nhiên nhờ trí tưởng tượng còn nguyên, tôi mừng rỡ khi nhận ra người đàn ông đang chào hàng vui vẻ. Với lại, tha hương ngộ cố tri mà.

— Tôi có biết tiệm hủ tiếu đó. Hồi xưa đến ăn thường lắm.

— Vậy hả? Nị chạy hồi nào? Ngộ ở pên Việt Nam luôn ngộ đâu có ngán, ngộ thích ở Việt Nam lắm nhưng mà không puôn pán thì làm sao sống? Ồ, nói chuyện vui quá, nị muốn mua pánh nào? Ừ, ngộ đi pắng tàu. Bán chính thức. Ngộ hên lắm đó, đi hựt có một lần. Mấy người khác nhiều người bị gát lắm, tàu ra chưa khỏi Sài gòn mà đã nổ, chết hết chơn hết chọi. Ở đây khoẻ lắm, gặp người Việt Nam hoài. Gia đình ngộ hả? Ông pà già pây giờ pên Mỹ, một thằng em ở Hồng kông. Ngộ ở Hồng kông mấy năm, làm ăn khó quá với lại mai mốt nó thành cộng sản.. Ngộ nhờ pà con pên vợ giúp vốn, mở tiệm pánh này.

Đúng là ông có phước đức ông bà, nói cho đúng thì sao nhỉ, nhờ Quan Công và Phật Bà phù hộ. Chứ ông mà lấy tôi thì làm gì có nổi tiệm bánh! Giỏi lắm thì bữa nay chở vợ đi mua thức ăn.

Đồng hồ trên tường gõ một tiếng lớn làm tôi giật mình. Ông ơi, mười hai giờ rồi. Điều này thì tới phiên ngộ tử ải nơi sa tràng. Tôi lấy vội thêm mấy cái bánh đưa cho đồng... hương. Người đàn ông nhanh nhẹn cầm lấy mớ bánh đem lại quây, tìm hộp. Ông ta vui vẻ xì xỏ với vợ, chắc là giới thiệu tôi với vợ ông. Người đàn bà gật đầu chào, bập bẹ mấy tiếng Việt Nam. Ông ta giải thích:

— Vợ ngộ người Chợ Lớn, nói tiếng Việt dờ lắm, qua Hồng kông ít nói nên quên gần hết. Cảm ơn nị nhiều lắm, lâu lâu nhớ ghé mua pánh về cho con ăn nhe!

Tiền tôi ra cửa, ông còn nán lại một chút nhìn theo. Ánh mắt có gì lạ lạ. Người đã nhớ ra tôi chưa? Tôi già đi, xấu đi? Tiếc gì mà bốn năm rồi da... chưa nhả nắng? Khổ quá.

Ba chân bốn cẳng chạy ra tới xe, tôi thấy chàng đứng dựa cửa, mặt mày nhăn nhó, khó thương:

— Đi đâu mất biệt? Biết mấy giờ rồi không? Hẹn chị Tám tới ba giờ đến bắt con về, gần một giờ còn ở đây, chừng nào mới về tới nơi? Người ta giận cho coi!

Đó, chàng của tôi đó, những câu hỏi xốc hông đặt ra dồn dập như súng liên thanh. Cũng may, hồi tức trả lời nên tôi không phải đáp lại.

— Mua bánh trung thu cho tụi nhỏ. Em mới thấy một tiệm bánh Tàu, coi sạch sẽ, ngon lành.

— Bày đặt quá, bánh trung thu có cần thiết không?

— Mấy năm rồi tụi nhỏ chưa ăn lại...

— Em chỉ bày đặt tốn tiền. Thôi bây giờ còn mua gì nữa? Trễ cho trễ luôn! Em làm gì cũng không nghĩ đến giờ giấc.

— Vài tháng nữa mình lại ghé mua bánh cho mấy đứa nhỏ!

Chàng bật cười:

— Em định cho tụi nó chưa bánh luôn, như đã chưa trứng gà! Được. OK. Bây giờ đi mua tôm tép gì đây? Ở đâu?

Trứng gà! Đó là đề tài chàng dùng để nhạo tôi. Hồi mới qua, còn ở trại tập trung mấy tháng, được phát trứng và mì sợi mỗi ngày. Lũ con đói của chúng tôi ăn như điên. Tẩy trùn, tẩy lải xong, đứa nào cũng ăn như ăn bù cho những ngày tháng còn ở quê nhà. Tôi làm trứng chiên, trứng ốp-la, trứng luộc dầm tàu vị yếu tây. Ra khỏi trại, tôi tiếp tục những thực đơn với ba mươi sáu món trứng. Vừa rẻ vừa mau. Rồi bàn máy may, bắc nồi cơm lên, đập vào tô năm sáu cái trứng, một muỗng đường hai muỗng nước mắm, mấy khoanh hành, tí tiêu trộn đều rồi chiên, thế là xong! Hôm nào muốn đổi thì chiên trước vài miếng khoai tây hay chiên cà tô mát cắt nhỏ với tỏi rồi đổ trứng vào. Xong. Vừa gọn lại vừa ngon. Ngon? Một bữa, thằng con lớn, mới một thước mốt, hai chục kí lô, than thở:

— Trứng gà tây không ngon bằng trứng bên Việt Nam.

— Ai nói với con?

— Con thấy một mình!

Bữa khác:

— Cô giáo nói trứng nhiều cholesterol, ăn hoài không tốt vì cholesterol (mỡ) đóng đờ ở mạch máu, lâu ngày nghẽn đường lưu thông, đứng tim mà chết.

Tôi thở dài. Exit món trứng. Vấn đề không phải chuyện trứng. Ba đứa con càng lớn, óc phân tích, tính dân chủ và thực tiễn phương tây mở mang phát triển quá nhanh, tôi chạy theo không kịp. Món cực, món khổ, món nghèo không nhớ, chỉ nhớ đồ ngon, thức lạ. Hễ cần nhần thì ba cái miệng cá ngao cứ ngoác ra chỉ trích:

— Má rất giống ông công an phường xóm mình.

— Má nói nấu chè đậu xanh nước

dừa đường cát mà coi lại là *lentilles* nấu bơ trộn đường.

— Chả giò của má đầy cà rốt, chẳng có tôm tép gì hết.

— Sao ba không động viên cho má đổi thực đơn...

Khổ quá. Bây giờ tôi hiểu tại sao ở bất cứ nơi nào vào bất cứ thời nào, các bậc lãnh đạo vẫn luôn thêm muốn cai trị một lớp thần dân ngu ngơ mù mờ, không đòi hỏi, chỉ biết nhắm mắt hy sinh...

Tôi cười với chàng:

— Ông Tàu bán bánh, ngày xưa cùng xóm.. Mỗi lần em đi học...

— Em ngồi coi xe, thấy lính tới thì chạy đi. Anh vào mua một kí tôm xong ra ngay... Sao ngày xưa em đi học?...

Chàng cho xe đậu sát lề, ngay trước tiệm tôm đông lạnh, nhưng lối đi là lối của xe buýt. Tôi chưa kịp kể thì chàng đã chạy vù đi. Chắc là phải chờ đám con lớn lớn để kể chuyện như má tôi.

Ngồi đó nhưng hồn tôi đã bay xa về xóm nhỏ thời xưa, với đám bạn "giang hồ" búng hột me, vít hình. Và một người dựa cửa dòm "con gái Việt Nam".

Biết rằng dòng đời tiếp tục, có những ngôi nhà đã, sẽ đổi chủ, đường phố đông đảo, chật hẹp hơn xưa, có những đứa trẻ sẽ cầm tờ đi mua hủ tiếu, vẫn có những đôi mắt dựa cửa ngó theo những mái tóc, những dáng đi... nhưng tôi vẫn băng khuâng đặt câu hỏi, hỏi mình, hỏi người, đủ mọi chiều.

Nếu như vậy, như vậy... thì ra sao? Nếu như vậy, như vậy... liệu có tốt đẹp hơn? Giống như ngày xưa tôi tự hỏi nếu má tôi lấy ông Tây thì tôi ra sao, đang ở Hồng Kông hay California? Nếu ngày xưa tôi chịu... ăn xì quách? Nhưng liệu tôi có thích làm người Tàu hồi hương, sung sướng được đồng bào giúp đỡ, ăn bánh... tiêu, bánh trung thu tới ngày (lại tưởng tượng theo kiểu... Việt Nam!), hay là tôi bằng lòng cuộc đời hiện tại, ngồi công lưng ráp may từng tấm áo, lãnh vài chục đồng — một cái áo bán mấy trăm quan — Lâu lâu ngừng máy dòm lên ti-vi, nghe thấy thiên hạ nhắc chuyện *boat people*, Căm-pu-chia, trại cải tạo mà mắc cỡ cho những nhà lãnh tụ. Nước mắt lăn dài, tưởng tượng một đoạn kết khác

cho một ngày xưa êm đềm. Hỏi tức là trả lời? Dễ dàng vậy sao?

Chàng kêu trời. Tôi giật mình. Người cảnh sát đang biên tờ giấy phạt. Ông ta xé tờ giấy xanh đưa chàng, giờ tay chào rồi leo lên chiếc xe mô-by-lét chạy đi. Tôi im như thóc trên suốt quãng đường về. Chàng giận tôi không thêm nói một tiếng. Nhưng tối nay, đợi "người" hạ hoả, cơm nước đã no nê, con cái ngủ yên, tôi sẽ trở lại.

*Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng
Cau xanh ăn với trầu vàng xứng
chàng?*

Khi chàng phồng mũi trả lời:

*Trầu vàng nhá lẫn cau xanh
Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời*

Tôi sẽ nỉ non năn nỉ lâu lâu đi quận 13, tìm người quen. Người dựa cửa hay người đồng hành một khoảng đời xưa cũ. Sống là không ngừng đặt câu hỏi, đảo lộn mọi trật tự, dù muốn dù không? Sống cũng là nuốt tiếc thời đã qua, đường đã đi. Sống là luôn luôn nhớ về. Hiện tại, tương lai và quá khứ. ■



"Phương Pháp Dong Fang"®

MÁY ĐIỆN TOÁN TIẾNG VIỆT

FANG SYSTEMS II™ Series 888, 1088, 286

(Chạy tất cả các chương trình viết cho máy IBM™ XT/AT)

- * Các nhà văn nhà báo cần để viết sách, các cơ sở báo chí, nhà in cần để in sách báo.
- * Các hội đoàn, cơ sở cộng đồng cần để phổ biến tin tức.
- * Các cơ sở thương mại, văn phòng cần để viết thư, giữ sổ sách, làm quảng cáo...
- * Các trường học và gia đình cần để dạy học sinh đọc viết tiếng Việt v.v...

¶ Đánh chữ Việt theo Phương Pháp Dong Fang bỏ dấu Việt dễ dàng như đánh máy, chữ Việt hiện ra đủ kiểu trên màn ảnh, in ra đủ cỡ to nhỏ trên những máy in thông dụng như dot matrix hoặc laser printers, bản văn in ra đẹp như nhà in chuyên nghiệp thực hiện.

Muốn biết thêm chi tiết xin hãy liên lạc về:
DONG FANG BILINGUAL COMPUTER SYSTEMS™

Hệ Thống Điện Toán Song Ngữ Đông Phương

4340 California St., #1

San Francisco, Ca 94118, USA

Điện thoại: (415) 752-2547



Trang quảng cáo này được thực hiện hoàn toàn theo
phương pháp DONG FANG trên máy FANG SYSTEMS II và
Máy in HP LaserJet Series II™



Xóm Cũ



Âm-Vang Trên Dòng Cửu-Long

Phạm Thăng

LTS.—Để gọi lại, chia-sẻ và gìn-giữ những kỷ-niệm, nét đẹp về quê-hương, con người, phong-tục, tòa-soạn mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về quê-hương đất nước, phong-thổ, con người, rất mong được quý bạn đọc tham-gia, góp bút.

Xin hãy ghi-chép, trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi tài-liệu mai một. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một ngôi miếu mạo, đền chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn ra đời, lớn lên, hay nơi bạn đã thắt chặt một mối tình đậm-thắm.

Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại cho đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút tìm về Xóm Cũ...

Những năm trước đây, có ai trong một buổi bình minh nào đó, qua chơi vùng Hậu giang, đứng trên cầu bắc Vàm Cống để chờ đò (phà) nhìn vầng thái dương đang từ từ lên ở chân trời... Ánh hồng cam rực rỡ buổi sáng chiếu trên dòng sông mênh mông? Hay ngồi trên mui ghe chài do một chiếc tàu kéo một dây ghe dài, chậm chạp ngược dòng hướng về miệt Nam Vang? Bình minh rực rỡ hay hoàng hôn sắc tím, sông Cửu Long đều có những sắc thái hùng tráng, mà từ hơn 50 năm trước, nhà văn lão thành Phạm Quỳnh đã say mê viết về nó đăng trên tạp chí *Nam Phong*, cũng như nhà văn Nguyễn Hiến Lê đã nhân cách hoá nó với đầy cảm xúc trong cuốn *Bảy Ngày Trong Đồng Tháp Mười*. Còn nhiều nữa, những văn nhân thi sĩ ca tụng sông Cửu Long, nói

đến số lượng phù sa màu mỡ do nó mang đến từ thượng nguồn xứ Lào, Thái, Cao Mên... từng chút, từng chút hàng năm, qua bao nhiêu vạn năm rồi để hình thành miền Nam nước Việt ngày nay; nhắc đến cá tôm tươi béo do nó mang về cung cấp cho người dân chất phác bèn ruộng lúa, nương khoai... bao nhiêu là lợi ích, nhưng tôi vẫn thấy chưa đủ. Hôm nay thương nhớ về miền Tây, tôi mong về lại một phần của Hậu giang và Tiền giang với những âm thanh đã và đang âm vang trên nó. Tôi cố gắng để đừng phụ lòng dòng Cửu Long thân yêu, dòng sông mà riêng tôi đã có duyên nợ với nó từ thuở thiếu niên đến lúc trưởng thành.

Năm 1940, ba tôi làm họa viên kinh lý miền Tây nên phải xê dịch luôn từ tỉnh Châu Đốc qua Hà Tiên, Rạch Giá. Tôi không theo ông vì cần phải ở một chỗ để học, nên đến Hồng Ngự với người chị thứ hai vừa có chồng tại đây.

Hồng Ngự là một quận của tỉnh Châu Đốc (hiện nay thuộc Đồng Tháp), nằm sát biên giới Cao Miên. Chợ Hồng Ngự cũng như bao nhiêu chợ quận, tỉnh khác nằm trên bờ Tiền giang, nơi ngã ba giáp nước của con sông nhỏ tên Sở Hạ. Chợ coi nghèo nàn, nhà lồng chợ tuy được xây dựng cao ráo nhưng không to lớn, con đường chánh chạy dọc theo bờ sông trước chợ ban ngày còn bụi mù, ban đêm được rọi sáng do một dãy đèn lồng mờ mờ rất thuận lợi cho đám người buôn lậu từ biên giới Miên vượt qua. Những ngọn đèn đường lúc đó là đèn đốt bằng dầu lửa, để trong lồng kiếng cho khỏi tắt. Cứ mỗi chiều chạng vạng, một công nhân của sở Kiều Lộ vác thang tre, tay xách cái đèn bão, đi từ cột đèn này đến cột đèn kia để châm dầu và đốt cháy tim đèn. Cả chợ chỉ có một hàng cột đèn theo bờ sông, mà tôi còn nhớ rõ là chỉ có 16 ngọn, đêm đêm cũng tạo sinh khí cho ngôi chợ nhỏ. Vả lại dù chúng soi ánh sáng khiêm nhường yếu ớt cho con đường và in bóng xuống dòng sông thì cũng có ích cho những người đi ghe tàu trên sông biết đây là chợ Hồng Ngự để ghé vào, và đám người buôn lậu, mua bán những sản phẩm từ Miên chở qua tránh trạm kiểm soát quan thuế của hai nước nơi biên giới, biết điểm nào tối tăm mà ghé vào xuống hàng.

Tôi học trường nam tiểu học, ngôi trường bé xinh xắn chỉ có năm lớp, mặt hướng ra con sông cuộn sóng, phía sau là cánh đồng bao la, thật nên thơ như

bài học thuộc lòng mà tôi quên tên tác giả:

*Trường học làng tôi ở cạnh đình
Một trường ba lớp vẻ xinh xinh
Trước trường có một vài cây lớn
Thường quyến lòng tôi những cảm tình.*

*Trường tôi mặt trước ngó ra sông
Còn mặt đằng sau ngó quãng đồng,
Nơi ấy thầy tôi thường hỏi hướng?
Tôi vòng tay đáp: Dạ, Phương đông.*

Trước kia từ trường ra bờ sông phải qua một sân chơi rộng và con đường đá đỏ. Nhưng dòng Tiền giang đã xoi mòn phía bờ sông trước trường nên đất bị lở dần. Mỗi năm vào tháng mưa, sông Cửu Long từ thượng nguồn bên Tây Tạng mang lưu lượng dưng mãnh chảy qua Luang Prabang, Vạn Tượng, Paksé về đến Nam Vang, thủ đô Cao Miên. Đến đây gặp sông Tonlé Sáp, lưu lượng nó bị phân tán, chảy vào Biển Hồ xứ Chùa Tháp, giúp cho xứ này vừa có chỗ để tôm cá sanh sản, vừa có nơi chứa lượng nước khỏi bị tràn vào đồng ruộng. Đến tháng bảy, tháng tám, sau khi chứa đầy Biển Hồ, nước sông Cửu Long lại dồn trở ra để xuôi xuống miền Nam, đổ ra biển cả.

Dòng nước lúc này thật đáng sợ. Vừa thoát khỏi sự lưu giữ của hồ, và sau khi được các vua xứ Chùa Tháp tổ chức buổi lễ "Tăng Túc" (lễ đưa nước), sông Cửu Long hùng hổ chảy về Việt Nam như... nước đổ. Người dân miền này đã gọi thành tên từ bao thế kỷ: mùa nước đổ.

Sông Tiền giang bình thường đã rộng hơn 1000 đến 1200 thước, giờ đây mặt nước tràn đầy càng mênh mông thêm. Có nơi như vùng Thường Phước, phía trên Hồng Ngự, đứng bờ bên này trông sang bờ bên kia chỉ thấy mờ mờ rặng cây. Dòng nước trong mùa nước đổ hung hãn cuốn phăng những gốc củi mục từ thác Khône về. Ghe thuyền của dân ở ven sông phải đề phòng bị bứt trôi đi mất. Người dân mùa này ít dám bơi xuống ghe qua sông.

Nếu chỉ chảy xuôi như thế cũng không sao, nhưng dòng sông có nhiều nơi uốn éo vì địa thế tạo thành cản trở nên nó đã tức giận xoi xói những vùng có mũi đất de ra. Nhứt là vùng Hồng Ngự thường bị nạn này. Lớn lên có học và biết suy luận, nhìn vào bản đồ để thấy sông Cửu Long khi hình thành chảy đến Tân Châu gặp chướng ngại cản trở, phù sa bị chặn lại và từ từ lắng

đọng để thành cồn... lớn dần thành cù lao An Thành. Dòng nước vì thế phải chuyển mình uốn lượn về hướng đông. Một khoảng sau nó gặp cửa sông Sở Hạ, con sông nhỏ từ bên Miên chảy sang (phía Miên gọi là Tonlé Trabek). Từ đây dòng Cửu Long ngoặt xuống hướng nam để ra biển. Dòng nước lũ đang đổ mạnh đến góc độ này càng xoi thẳng vào đất nên Hồng Ngự hứng chịu đất bị xoi mòn.

Vì Hậu giang mới được thành hình sau này, sông Tiền giang trước đó phải mang lưu lượng quá lớn trong mùa nước đổ nên nó đã từng tràn bờ để tạo những con đường nước mới. Từ đất liền biến thành dòng sông, từ lòng sông được bồi đắp thành cồn, cù lao mới, nên sông Cửu Long khi vào Nam Việt có hình dáng con rồng uốn éo rồi chảy ra biển Nam Hải bằng nhiều cửa.

Trong trường hợp đó, Hậu giang được phát sanh như đứa em cùng mẹ đã tiếp tay với sông anh: Tiền giang, mang bớt lưu lượng nước chảy ra biển để dân khỏi bị lụt. Nhờ vậy, dân miền Tây lúc nào cũng mang ơn hai dòng sông có chín cửa này.

Ở vùng Thường Phước, Hồng Ngự, sau một vài mùa nước đổ, đất bị xoi mòn phía dưới. Đi trên mặt đường không thấy gì khác lạ, nhưng bỗng nhiên có đêm một vạt đất lớn bị lở sụp xuống nước... Mới hôm qua còn thấy bãi cỏ với hàng me nước xanh tươi, sáng lại đã không thấy nữa, cả khu đất dọc theo bờ bị lở sâu vào trong cả bảy, tám thước. Dân kỳ cựu ở đây đã từng biết qua đất lở nên khuyến cáo nhau không nên cất nhà gần bờ sông.

Dù lo xa như thế, nhưng có nhiều nhà đã cất lâu đời trên đất sâu phía trong cũng bị nước xoi dần, lấn vào gần sát.

Năm 1939, trong đêm khuya bỗng vang dội tiếng trống hồi một, người dân chợ Hồng Ngự hoảng hốt choàng dậy. Sau đó mới biết đất lở một vùng lớn, dài phía trên Thường Phước, cuốn theo bảy căn nhà. Đèn đuốc đốt sáng choang, ghe thuyền bơi ra tìm vớt nạn nhân. Hôm sau cả chợ lo sợ nghe tin nạn đất lở đã làm chết và mất tích mười người, đa số là ông bà già và trẻ em vì ngủ say nên không bơi lội kịp khi nhà bị sụp, nước cuốn đi.

Sau buổi đó, những căn nhà còn sót lại vội vã di tản vào sâu trên đất liền. Vì đất đã sụp rồi, sẽ còn sụp nữa, giọt nước cứ xoi vào mãi. Nhưng ngôi miếu

bằng gạch và mái trường tiểu học chưa dời. Làng xã đang có kế hoạch xây cái khác hay nghĩ rằng vùng đất này là đất giồng lâu đời không lẽ nó bờ rệt?

Chúng tôi đến lớp học bằng đường phía sau trường. Phía trước nhìn ra sông bây giờ chỉ là sân cát nắng chói chang, leo heo mấy bụi me nước nhỏ xiu. Hàng cây keo đã bị nước sông cuốn đi, chúng tôi không còn bóng mát nữa. Mặc dù thầy giáo cấm không cho chơi gần bờ sông, nhưng những buổi chiều về, chúng tôi cũng thả rều gần bờ để nhìn từ mặt đất xuống nước cao hơn ba thước mà dọa nhau: tao xô mày xuống sông...

Dọa vậy thôi chớ đưa nào cũng len lét nhìn dòng nước đục ngầu phù sa mà xanh mắt. Như đã nói, khi lớn lên tôi mới biết sức mạnh của nước, chớ lúc đó bọn trẻ ở Hồng Ngự như chúng tôi đã được dồn vào trí óc ngây thơ nhiều huyền thoại về đất lở này. Nào là khúc sông này có con vích (một loại ruà, ba ba khổng lồ) đang đào hang để ở. Hang quá lớn và sâu vào đất nên đất bị sụp, nào là ở đây có con cù (một loại nửa rồng nửa lân ở dưới nước) đang tu hành, khi nào nó trở mình uốn éo, đất bị rung rinh nên... sụp. Bao nhiêu chuyện được thêu dệt trong đêm khuya đó in vào tâm trí non nớt của chúng tôi nhưng cũng không ghê sợ bằng chuyện "cặp sổng thần ở Hồng Ngự". Người lớn thường xì xào cung kính nói về cặp sổng thần này: "Nếu nhằm tháng có nhiều sương khuya phủ mờ mặt sông, người dân hai bên bờ có thể thấy một cặp ngỗng trắng to lớn khác thường, bơi sổng đôi trên mặt nước sổng vỗ lao xao. Đừng tưởng mặt sổng lao xao này yên tĩnh. Không đâu, dưới sâu, dưới đôi ngỗng trắng toát này là hai luồng sổng thần, một đục một cái (âm dương) đang cuốn cuộn quấy mình. Bất cứ vật gì gặp luồng sổng này đều bị cuốn đi. Cặp ngỗng trắng là đôi chim hạc đang đứng trên hai con qui lợi trước sổng thần để báo tin cho mọi người đi ghe xuống tránh xa." Có ai được thấy không? Không ai xác định, nhưng chắc chắn là câu chuyện được truyền tụng từ đời này qua đời kia với sự tin tưởng thành kính. Vào những đêm trăng sáng, không ai dám nhìn vào mặt sông bao la cũng như dùng thuyền ghe đi trong đêm ở khoảng sân này. Các ghe thương hồ nếu đi qua Hồng Ngự lúc hoàng hôn, cũng tìm cách ghé chợ nghỉ qua đêm, sáng mai mới tiếp tục.

Ai cũng tin, không tin sao được khi hay tin ông Bác vật L.V.Lang (kỹ sư công chánh lúc bấy giờ) đã lấy súng bắn vào hai luồng sóng thần trong một đêm trăng sáng vào năm 1938. Nghe nhiều lời đồn đãi, ông đã ra sông giữa khuya, nổ súng vào dòng nước cuộn chảy. Không biết có trúng vào sóng thần hay không, mà sau đó người dân lại rỉ tai rằng: Sóng cái bị bắn máu chảy loang mặt nước, chỉ còn sóng đục thôi.

Dù một hay không còn gì, vùng đất ở Hồng Ngự cũng vài năm bị lở một lần...

Không phải dòng Tiền giang chỉ hung hãn mang tai họa đến cho vùng này mà nó còn mang ấm no đến cho dân, nên dù có sợ sóng thần hay đất lở, người dân vẫn bám chặt nơi đây.

Theo nước sông Cửu Long, cá tôm do biển hồ Tonlé Sap nuôi dưỡng đã tràn về đồng ruộng miền Tây, đi sâu vào ngọn kinh rạch để sanh sôi. Không ai phủ nhận vùng miền Tây, giáp ranh Cao Miên là vùng có nhiều tôm cá nhứt.

Một địa danh mà giới buôn cá từ miền Tây lên Sài gòn mà ai cũng biết là rạch Cá Cái. Không biết danh xưng này là do rạch có nhiều cá, ông bà ta mới đặt tên, hay phiên âm của tên Miên? Chỉ biết nơi đây là trung tâm xuất phát những ghe cá chở về Sài gòn tiêu thụ.

Sông Cửu Long ưu đãi vùng này, nên vào mùa nước đổ, cá sông như cá lóc, cá bông, cá vồ, cá bông lau... tràn vào cánh đồng lúa sạ ở đây, để đến tháng chạp, giêng, hai... nước rút cạn dần, cây lúa trở bông chín vàng ngã rạp xuống, cá tôm theo luật sinh tồn tìm những nơi còn nước để ở. Người dân bèn đào ao cạn, vùng này gọi là địa, cho cá xuống ở. Một số lớn lội ra rạch, sông. Dân chúng chỉ cần tát cạn địa, cũng như chung nhau đắp đập chặn ngang rạch để bắt cá. Cá đồng nhứt là cá lóc, cá bông lớn cỡ bắp chân người lớn nhiều vô kể. Tát một địa thu hoạch hơn 1000 ký lô, chở được nửa khoang ghe lườn. Người dân làm nghề cá từ các vùng khác đến đây mua cá để chở về thủ đô Sài gòn. Họ không cần tranh dành nhau mua, vì cá tôm nhiều quá. Dân địa phương chỉ lựa bán những loại cá lớn có giá trị như cá lóc, cá trê, cá vồ đốm, cá bông lau... những loại khác như cá he, cá sặt rắn, họ vừa bán vừa cho. Loại

cá nhỏ như cá linh, cá chốt, họ đóng bằng thùng thiếc để bán cho dân trồng rẫy nấu làm phân, lấy dầu. Dầu cá đốt đèn cũng tạm xài được. Người dân đổ dầu trong chén có một cọng vải làm tim, cũng tạo ánh sáng cho căn nhà lá ở xa thành thị. Chỉ tiếc là đèn rất nhiều khói. Phân cá bón cây thuốc lá hoặc dưa gang, dưa hấu rất tốt. Cá bán không hết họ xẻ cá phơi khô hoặc làm mắm. Các thôn nữ vùng này rất giỏi. Từ lúc chín, mười tuổi họ đã biết giúp cha mẹ làm cá, làm mắm.

Vào độ tháng hai có dịp đến rạch Cá Cái để thấy ghe thương hồ chở cả mang nhiều bằng hiệu của các tỉnh khác nhau đậu san sát phía ngoài rạch. Rạch đã được ngăn từng đập. Trên cánh đồng lúa đã gặt xong, còn trơ những gốc rạ cao, dân chúng nhộn nhịp, quần áo sậm màu mang máy bơm nước từ Sài gòn đến. Họ mua mao ao địa của dân địa phương để tự tát cạn. Họ mua với giá rẻ, dĩ nhiên, vì họ ra công sức và máy móc, nhưng dân ở đây dễ dãi chịu liền. Họ có mất gì đâu. Cá tôm là "của" trời cho hằng năm mà. Họ có nhớ ơn sông Cửu Long không? Chắc có, vì họ không bao giờ quên cúng kiếng tạ ơn Trời, Phật và thần sông Hà Bá (làm nghề hạ bạc, họ rất sùng bái) rất linh đình sau mỗi mùa.

Người dân khá giả có ruộng, địa thì hỉ hỉ, đếm tiền bỏ vào tủ hoặc cho con cháu mua thêm máy đuổi tôm để chạy xuống ghe, hoặc mua máy hát vận giấy thiều để nghe tiếng ca ngọt ngào của cô Tư Sạng, nghệ sĩ Năm Nghĩa, Út Trà Ôn... Máy hát là nguồn vui của cả xóm.

Vào những đêm làm cá, bài vọng cổ giúp đám phụ nữ làm dẻo tay hơn, nên các lái cá từ Sài gòn đã mua những bộ đĩa hát có nội dung truyền cảm, làm thốn thức những trái tim quê mùa chỉ biết có nướng khoai, ruộng lúa. Các cô đã ngậm ngùi lau thắm nước mắt khi nghe Út Trà Ôn hát bài *Anh Bán Chiếu Bông*, kể chuyện anh bán chiếu thắm yêu cô thôn nữ đặt mua chiếu. Mấy tháng sau, anh đem chiếu đến, cô gái đã theo chồng...

Tôi vác đôi chiếu bông mà cõi lòng tan nát,

bước chân đi như thể xác không hồn...

Nước mắt tuôn rơi theo lá rụng trên đường,

Gió đông vút vù thổi mạnh,

Lạnh đất trời, lạnh cả tâm can...

Người ta đã có đôi rồi,

Chiếu chăn đâu ấm bằng người tình

chung...

Người dân nghèo ít ruộng, không địa, không có nhà ngói vách ván bồ kho, không có sân lót gạch tàu để mùa cá đổ đèn măng-sông sáng choang cho phụ nữ cất đầu mổ bụng cá, nhưng cũng có cả chục lu, khạp trong nhà để làm mắm vừa ăn vừa bán. Mùa này họ đến làm cá mướn cho người giàu. Nếu không muốn lấy tiền, họ có thể chọn mớ cá nhỏ bù vào công của họ làm mấy đêm, đem về xẻ khô hoặc nhận mắm. Không kể những đầu cá bông và những thùng trứng cá lóc vàng óng, họ muốn lấy bao nhiêu cũng được. Cá sặt rắn thì quá nhiều, không có thì giờ để đánh vẩy, chặt đầu, họ khoán cho đám trẻ nhỏ mổ ruột để làm khô. Loại cá sặt phơi khô ở đây vào mùa này không quý, nhưng khi mang đến địa phương khác, nó là món ăn hấp dẫn với cơm nguội, hoặc xé nhỏ trộn chung với giấm, dưa leo, vài lát xoài sống... Chao ơi, món ăn rẻ tiền hấp dẫn của các tầng lớp dân, nhứt là giới nhậu rượu đế. Ăn miếng khô cá sặt với me hoặc xoài sống, ực ực rượu đế cái "trót", khả một tiếng... còn gì ngon hơn? Giới rượu đế kêu đồ nhậu là "bối", nên cá sặt rắn này được kêu là cá sặt bối đó chẳng?

Dòng Cửu Long nuôi sống dân ở đây no ấm, nhưng giới được nhiều tiền là giới bán cá. Giới này có loại ghe lớn, không lớn bằng ghe chài chở lúa, nhưng là loại ghe thương hồ, ăn ngủ, đi đứng trong khoang dễ dàng, mũi và lái ghe đóng bít, trét dầu chai thật kỹ để chứa không khí làm phao cho ghe nổi trên mặt nước, vì dưới lườn ghe họ chỉ đóng lưới bao quanh để chở cá. Cá sống lội đầy nghẹt dưới khoang ghe, nước sông chảy ra vô dễ dàng, nên dù đi xa cả nửa tháng cá vẫn sống như trong sông rạch.

Giới thương hồ mua bán cá chỉ vất vả trong những ngày tát địa, bắt cá. Sau đó, khi ghe đã đầy, họ chèo ghe đến ngã ba Tiền giang chờ đón tàu kéo, mướn kéo ghe về thủ đô. Lúc này các bạn ghe, chủ ghe rảnh rỗi không lo gì nữa. Chiếc ghe được cột một sợi dây dài nối với chiếc ghe trước, và sau họ, một chiếc ghe khác được nối vào. Có chiếc là ghe chở cá, có chiếc là ghe lúa, ghe nôi, cà ràng bằng đất nung, cũng có nhiều chiếc ghe nhỏ cặp vào nhau tạo thành một dãy ghe dài. Trẻ nhỏ trên bờ đứng trông theo đoàn ghe, la ới ới: "Tàu dòng ghe kia tụi bây ơi..."

Sông Cửu Long rõ ràng là huyết



mạch của miền Tây. Người dân sống trên đôi bờ no ấm, và người dân thương hồ sống thoải mái trên thân của nó.

Có sống trên ghe đang rẽ nước sau chiếc tàu máy xì xịt, mới thấy đời sống bập bềnh trên sông nước Cửu Long là thú vị. Từ Hồng Ngự đến Sài Gòn, tùy theo mùa nước đổ và tùy theo tàu kéo ghe nhiều hay ít, phải đi mất từ bốn đến bảy ngày. Nhưng nếu tàu chạy ngược dòng từ Mỹ Tho đến biên giới Việt Miên phải mất hơn mười đến mười hai ngày.

Sống lẫn lộn trên chiếc ghe máy thước vuông trong khoang và trên mũi, nhưng họ không thấy chán. Họ nhìn ngắm bình minh, ánh nắng hồng loang loáng trên sông, hai bên bờ nhiều mái nhà tranh ẩn hiện dưới tán cây vượng vài tia khói nấu cơm buổi sớm. Những tàu lá dừa lá ngọn in bóng rập rờn trên sông đang bị sóng chiếc tàu xô từng đợt, từng đợt vào bờ. Vài bà mẹ già, và thôn nữ đang giặt giũ bên sông hốt hoảng nắm chặt chiếc xuồng đang nhảy sóng nhấp nhô. Nhìn khói lam, dân trên ghe nhớ đến buổi cơm sáng. Và như nhắc nhở nhau, một dây ghe dài đều nấu cơm sau lái ghe. Khói quện toả lan trên sông. Nếu đứng trên bờ nhìn xuống, đoàn ghe như con rắn dài màu xám bốc khói đang trườn trên nước.

Chủ ghe, bạn ghe dư dả thì giờ bên bày cuộc ăn thua cờ bạc. Các bà với sòng tứ sắc, các ông binh xập xám. Ngọn gió mơn man, sóng vỗ róc rách mạn thuyền, đàn cá lội cò xát trong khoang không biết mình đang là "cá chậu", cũng như mấy bạn làm mướn trên ghe đang quên vợ con chờ đợi đồng tiền mồ hôi mình đem về. Có bạn thua trút túi, phải mượn chủ, rồi suốt tháng đi cực khổ không tiền dư mà còn mang nợ.

Không phải ai cũng thích cờ bạc trên ghe. Cũng có người mê sách truyện. Họ mang theo cả chồng sách truyện Phong Thần, Tây Du, kiếm hiệp... Không có gì sung sướng và yên tĩnh cho bằng nằm dài trên mua ghe có che thêm mái lá, gió sông mát rượi. Họ say mê theo dõi những cảnh đánh chưởng, đánh phép của người xưa, lâu lâu nhìn lên bờ để xác định vị trí tàu kéo ghe đến đâu. Đã theo ghe mấy mùa rồi, dân thương hồ biết nơi nào Tiền giang có doi, có vịnh linh thiêng, chỗ nào có thờ bà Cô, ông Cậu mà khi ghe thương hồ hoặc tàu chạy ngang phải đốt hương, đốt pháo,

súp lè kéo còi (ngày trước cho đốt pháo, sau này vì an ninh nên cấm) để tỏ lòng thành kính người khuất mặt.

Tiếng xình xịch của tàu với tốc lực đều đều, lâu lâu phá tan không gian yên tĩnh bằng tiếng súp lè (siffler: kéo còi) tạo sinh khí cho dòng sông. Từng đám chim le le đang thả lều bều một vùng sông nghe động bay lên. Giới thương hồ quen thấy cảnh này trên sông Cửu Long, chớ họ không bao giờ được chứng kiến cảnh hàng ngàn chim bay ở ven đò.

Tôi sống ở Hồng Ngự gần ba năm của tuổi thơ, đã nhìn dòng sông với lòng triu mến, đã nghe âm thanh quen thuộc của ghe xuồng khua lụp cụp mỗi buổi sáng khi nhóm chợ, nhìn ghe xuồng mang sản phẩm quê mùa như xoài chuối, bầu mướp ra chợ bán, nhưng hình ảnh và âm thanh tôi nhớ mãi là tiếng còi súp-lè chiếc tàu chở khách của Cao Miên.

Dòng Cửu Long dù chảy trên đất Việt, nhưng theo hiệp ước, Cao Miên được quyền sử dụng nó làm đường thông thương ra biển (lúc bấy giờ Cao Miên chưa có hải cảng Kompong Som) nên chánh phủ và tư bản xứ này (cũng là người Hoa kiều) lập công ty tàu thủy chở khách và hàng hoá đến Sài Gòn hoặc xuất cảng.

Chiếc tàu rất lớn, mang tên vị quốc vương xưa: Norodom Ier. So với những tàu thủy Việt Nam chạy tuyến đường Châu Đốc, Cần Thơ, Vĩnh Long, Sài Gòn.v.v.. thì chiếc tàu này rất bề thế, xứng đáng là chiếc tàu của dòng Tiền giang hùng tráng. Tàu này có phần hùn của công ty Massagerie Maritime nên được đóng rất... Tây. Tàu hai tầng sơn trắng, dài hơn 70 thước. Tầng trên phía trước, sau chỗ ngồi lái của tài công là một dãy buồng cửa sơn véc-ni. Lan can tàu sơn trắng có nhiều tay vịn cầu thang bằng đồng sáng chói, trên mũi có lồng cu, dây đèn chằng chịt. Đặc biệt là phía sau tầng trên, nơi gọi là bông lái, là một sàn gỗ lớn, có lan can gỗ dựa êm ái, trải chiếu bông. Nơi đây chỉ dành riêng cho quý vị sư sãi đi tàu. Không ai được lên ngồi trên sàn này dù là quan quyền. Họ có buồng lái dành riêng cho khách hạng nhứt ở phía trước. Áo vàng của sư sãi nổi bật phía trên bông lái cho thấy người Miên rất sùng kính các tăng.

Khách du lịch hoặc dân buôn bán có chỗ ngồi trên boong trên (tầng trên) hoặc tầng dưới. Có ghế bố xếp hoặc võng cho khách mướn. Phần đông ai

cũng mướn ghế bố để ngồi hoặc nằm ngủ suốt tuyến đường. Vài cặp thanh niên thiếu nữ ngồi bên nhau tâm sự. Họ có thả trôi tâm sự theo dòng nước? Không ai biết, nhưng chắc chắn họ là thương gia hoặc con ông hoàng bà chúa nào đó có tiền nên đi du lịch.

Dân buôn thường thích mướn võng mắc tòn ten đong đưa ở tầng dưới. Tầng này ồn ào đông người buôn bán nhưng tiện lợi, vì họ nằm võng phía trên những giỏ cần xé gà vịt, trái cây của họ.

Dân Việt ở dọc theo tuyến đường đều có thể đón tày thủy này để đi Sài Gòn. Nhưng chỉ trừ vài thị trấn lớn như Vĩnh Long, Mỹ Tho, tàu có ghé lại để xuống hàng và đưa đón khách, những thị trấn nhỏ như Hồng Ngự, Tân Châu, Cao Lãnh... tàu chỉ bớt tốc lực, chạy chậm lại để cho ghe đò chở khách từ trong bờ kịp chèo ra, cập vào hông tàu cho hành khách lên xuống.

Cứ hai ngày, chiếc Norodom chạy ngang qua Hồng Ngự khoảng 5 giờ chiều, và hôm sau có chiếc thứ hai từ Sài Gòn trở về. Gần đến thị xã nào, chiếc tàu kéo còi để báo tin cho thiên hạ biết. Tiếng súp-lè vang từ xa nhắc nhở khách biết tàu sắp đến, và nó đã ăn sâu vào hồn tôi từ thuở nhỏ. Có lẽ âm vang của còi tàu cũng như bóng dáng nó nhẹ nhàng lướt sóng Cửu Long về hướng xa xa... (lúc đó tôi biết Sài Gòn là đâu!) đã gieo vào lòng tôi mầm thích phiêu lưu. Chiều nào cũng vậy, ăn cơm xong tôi thường ra đứng dựa lan can chiếc cầu tàu bằng gỗ trước chợ. Gọi là cầu tàu vì nó là loại cầu phao, vuông mỗi cạnh ba thước, nổi trên mặt nước để ghe máy, xuồng đến đậu cho khách dễ dàng lên xuống. Từ bờ xuống phao nổi là một cây cầu có lan can sắt.

Tôi đứng dựa lan can mà nhớ đến ba ở Hà Tiên, nhớ đến má tôi và các chị em ở tận Vĩnh Long điệu vợ. Tiếng súp-lè văng vẳng từ xa: Tút, tut, tú.. u.. u.. uu.. Tôi quặn đau túi thân mình bé bỏng ở xa gia đình, dù là đang ở với chị.

Có bữa quá buồn, nước mắt tôi chảy ướt gò má hồi nào không hay. Tôi chợt nhớ câu hát đưa em mà má tôi thường hát:

*Tàu súp lè một còn trông còn đợi,
Tàu súp lè hai còn đợi còn chờ,
Tàu súp lè ba, tàu ra biển bắc...
Hai tay tôi vịn song sắt, nước mắt
chảy ròng ròng
Miệng kêu bớ chú tài công... khoan
khoan, chậm chậm..*

Vợ chồng tôi xa ngàn dặm cách phân...

Tôi đâu phải người vợ đang tiễn chồng, hay người chồng bị quân Pháp bắt đi đánh Đức, đang nắm chặt lan can tàu mà kêu gọi ông tài công... Tôi chỉ đứng ở đây trông về hướng Vinh Long trong nhớ, nơi đó cũng có cái cầu tàu trước dinh tỉnh trưởng Pháp. Nơi cây cầu đó tôi đã đôi lần theo má tôi ngồi chờ tiếng súp lè, chờ tàu để đi Châu Đốc thăm ba tôi trước đây.

Má tôi bỗng em bé, tôi đứng xấn bần bên cạnh. Má con tôi cũng như các bà nhà quê khác đang chờ tàu từ hướng Mỹ Tho. Các bà trải manh chiếu nhỏ hoặc tờ báo để ngồi tạm chờ giờ tàu đến. Còn lâu mới tới giờ, các bà ôm con thơ, mắt trông chừng va ly, giỏ xách đựng chuối khô, bánh tét cho chồng, mắt lại phải coi đứa con trai bảy tuổi đang ngủ gà ngủ gật dưới trời sương.

Chao ời, thương biết bao nhiêu những bà vợ quê đi thăm chồng làm việc xa nhà. Vài tháng đi thăm một lần, mà từ quê xa phải tay xách nách mang xuống đò dọc ra chợ Văng từ sớm, rồi ngồi chờ ở cầu tàu dưới tàn cây dầu râm mát (may mà có vài cây dầu ở đây) lầy lắt ăn qua loa đòn bánh tét đem theo, trong khi cẩn thận mở hai ba lần kim băng cái túi áo đựng số tiền dành dụm chặt chiu để mua cho thằng con trai cái bánh mì khô cứng. Các bà chịu đựng cả ngày đến khuya mới tới giờ tàu đến.

Thành phố đã ngủ yên mới thấy chiếc tàu lù lù phía xa với hai bóng đèn xanh đỏ trên mũi. Má con tôi vội vàng thu dọn và chờ đến... nửa giờ sau tàu mới cập bến. Đây là loại tàu thủy chạy tuyến quốc nội nên nhỏ bé so với chiếc Norodom. Cũng hai tầng nhưng không lớn và dài, cũng lan can sơn xám xịt có treo nhiều phao nhôm tròn, cũng cái ống khói đen đang phun phì phì những tàn lửa nhỏ bay như đom đóm. Cái gì cũng nhỏ và luộm thuộm, nhưng nó là phương tiện duy nhất của mẹ con tôi, từ Vinh Long lên Châu Đốc. Thời bấy giờ cũng có xe đò nhưng ít lắm, và để gì một bà với hai trẻ cộng thêm túi xách quần áo, mấy buồng chuối già, vài xâu dừa tươi... mà tụi lơ xe đò cho lên ngồi thoải mái. Dù có chỗ thì số tiền của ba mẹ con sẽ tốn kém. Thôi thì đi tàu thủy có lâu, có chờ mệt vẫn thoải mái cho mẹ con hơn.

Tiếng huyền não của người khuôn vác, tiếng la ới ới của các con buôn,

tiếng rao hàng, tiếng khóc của trẻ con sợ lạc cha mẹ... ồn ào. Ánh sáng của ngọn đèn cầu tàu không đủ soi, các bà mẹ quê lại phải khéo léo diu dắt con nhỏ, vừa hấp tấp đem đồ đạc xuống tàu, sợ trễ vì tàu đã súp lè lần một. Xuống được xong còn phải kiếm chỗ ngồi cho yên. Lại trải manh chiếu nhỏ chớ đâu cần mướn ghế bố xếp như khách trẻ phong lưu. Các bà không một tiếng than, an phận với nỗi cực của mình để tiết kiệm tiền.

Sau khi hành khách xuống hết, tàu súp lè lần hai, rồi mở dây từ từ tách bến với tiếng súp lè ba giã từ.

Tôi còn nhỏ, đeo riết theo má tôi, không dám rời chỗ ngồi, mắt nhìn mặt sông tối thui đang đón nhận những tàn lửa bay tơi tả. Tôi muốn ra lan can đứng nhìn về cầu tàu có cây dầu râm mát che nắng chúng tôi cả ngày nay, nhưng không dám. Tôi muốn nói với cầu tàu là chỉ tạm giã từ thôi, tháng sau tôi lại trở về, nhưng nhìn thấy sóng nước bắt đầu xao động, tôi sợ bị té xuống... Chiếc tàu hướng về phía trước, vài chiếc xuống bán thức ăn đêm vẫn còn cột dây đeo theo tàu để cố bán thêm chè, cháo. Trên bờ sông, đèn điện của chợ Vinh Long sáng vui như ngày hội cũng dần dần cách xa...

Tôi rời xa Vinh Long mà không buồn vì có má bên cạnh, và đang đi thăm ba... Nhưng giờ đây đứng dựa lan can cầu tàu Hồng Ngự nhìn theo bóng chiếc tàu trắng phẳng phẳng rẽ nước hướng về Vinh Long, tôi nhớ quá, nhớ từng ánh đèn vàng vọt của cầu tàu, nhớ bốn trụ sắt tròn để tàu cột dây, nhớ cái bánh mì bột gạo cứng ngắc, nhớ cây dầu lá reo trong gió, có trái như chong chóng bay xoè trên đầu anh em tôi. Tôi thèm được lên chiếc tàu to lớn kia mở hết tốc lực để về chợ Văng. Tôi thương mến chiếc tàu, thương mến dòng sông trong mùa nước đổ. Tôi đứng đó cho đến khi bác công nhân thấp sáng các ngọn đèn mới trở về nhà.

Có bữa chị tôi ra kêu về, rầy rà. Thăm tâm chị cũng biết tôi nhớ nhà nên cũng để tôi mỗi ngày đến cầu tàu nhìn dòng nước.

Nhưng một hôm, vừa đi học về, chị tôi nói:

— Em mau thu xếp quần áo đi với chị.

Tôi ngơ ngác hỏi:

— Đi đâu?

— Thì về Vinh Long với má chớ đi đâu?

Nghe vậy tôi mừng quỳnh. Chị trả lời trong khi gương mặt còn giận hờn. Tôi nhìn anh rể cũng đang có bản mặt chăm chăm. Không biết chuyện gì, nhưng lòng tôi rộn rã vui. Tôi sẽ được lên chiếc tàu chạy mau kia về với má, với em.

Tôi soạn vội vã mấy cuốn sách nhà trường cho mượn như: *Luân Lý Giáo Khoa Thư, Sử Địa, Cách Trí...* chạy ừ tới nhà thằng bạn nhờ nó chiều nay đem trả lại trường dùm tôi.

Trống ngực tôi đập liên hồi, nôn nao hồi hộp, vừa soạn quần áo bỏ vô giỏ xách, vừa liếc nhìn anh chị tôi. Anh vẫn im lặng hút thuốc, còn chị tôi sục sục tức tưởi, lẩm bẩm gì đó.

Đến giờ học buổi chiều, tôi không đến trường nữa. Thôi, giã từ ngôi trường quận bên bờ sông, không biết lúc nào bị súp lè, giã từ ông già bán chè xí-mè-phủ thường hay bán chịu cho tôi. Nhớ tới ông khách trú bán chè, tôi lón lén đến bên chị tôi xin sáu xu. Chị hỏi tôi xin để làm gì? Tôi nói: Để trả cho ông già bán chè.

Lấy sáu xu chị đưa, tôi chạy bay đến trường, thập thò ngoài cổng không dám vào lớp chào thầy. Đưa tiền ông già xong, tôi nhìn mái trường tôi đã học hai năm nay, lòng cũng buồn buồn. Dòng Tiền giang loang loáng nắng chiều vẫn âm thầm chảy xuôi, không có gì mừng rỡ như lòng tôi, nó có biết đâu chốc nữa đây tôi sẽ lên ghe đò, chèo đến bên chiếc tàu thủy đẹp đẽ, và tôi sẽ nhờ dòng nước nhiều cá tôm của nó đưa về quê nhà. Tôi sẽ bỏ lại sau lưng những huyền thoại về đôi sóng thần có cặp ngỗng hộ vệ, chuyện con cù nổi dậy làm sập nhà, bỏ lại những trái me nước cong cong, múi đỏ trắng, ăn chát ngậm.

Tôi chạy từ trường về nhà, thấp thỏm sợ chiếc Norodom hôm nay đến sớm hơn chẳng, vừa chạy vừa nhìn phố xá của chợ quận như thăm nói: Chào, chào mười sáu cột đèn lồng luôn nữa...

Tôi bước vào nhà, ngạc nhiên thấy anh chị tôi đang cười nói vui vẻ, ly cà phê sữa đá đã vơi gần hết. Tôi không thấy giỏ quần áo và va ly chị tôi đâu... Như hiểu ý, anh rể tôi cười, nói:

— Em vô rửa mặt rồi đi theo anh chị ăn cơm xá xiu đảng tiệm chệt Linh.

Chị tôi liếc anh, miệng cười chum chim. Nụ giận của chị tôi đã qua cũng như tiếng súp lè của tàu Norodom vắng vắng vọng lại sau khi lướt qua chợ Hồng Ngự.

Hôm nay không có hành khách nào từ chợ Hồng Ngự lên tàu...



Thạch Kiếm

Tự Tình
phóng-tác



TẬP BỐN :
PHONG

(tiếp theo)

Lát sau, khi bà Hồ Điều tìm được cây nến đánh lửa châm lên, Mãn Hà Chí mới như người tỉnh mộng. Nhìn tay và ngực áo nhớp nháp, mùi máu tanh nồng nặc, hần kinh sợ lạc thần:

— Trời ơi! Oa Tử! Oa Tử! Ta giết nàng rồi!

Rồi vút kiếm, bùng mặt khóc rưng rức.

Cơn gió thổi qua, ngọn nến tắt phụt. Bà Hồ Điều rùng mình. Trong một thoáng, nhìn Mãn Hà Chí ôm mặt bết máu đứng dưới ánh lửa giữa đêm sâu, bà có cảm tưởng như vừa thấy quỷ hiện hình. Bất giác bà lẩm nhẩm một câu chú, khi định thần lại mới lên giọng nói cứng:

— Cái thằng này, nhát như thỏ đế. Giết nó là tốt còn khóc nỗi gì? Nó phá hạnh phúc, danh dự của mày thì mày phải giết chứ! Này, cầm lấy gươm, cắt đầu nó đi cho ta!

Nhưng Mãn Hà Chí vẫn đứng im như phỗng. Đêm tối, có lẽ bà không nhìn thấy nét hần học trên mặt con nên bà vẫn tiếp tục day nghiêng:

— Mày không xứng đáng với dòng họ. Mày không cắt đầu nó thì ta cắt!

Đoạn xăm xăm vạch cổ cúi xuống.

— Mẹ làm gì vậy? Mãn Hà Chí hét lớn.

— Cái gì? Nó không đáng bị lấy đầu hay sao? Mày còn thương nó hả?

— Giết nó chưa đủ, bà còn định cắt đầu nó ư? Sao tàn nhẫn dã man đến thế?

Bà lão rít lên, sẵn lại đánh Mãn Hà Chí. Hần tránh khỏi, phần nộ la lớn:

— Bà nhân danh những điều đẹp tốt mà giết người, hành động như đồ mọi rợ. Bà cắt đầu nó đi, mang về làng mà lấy tiếng. Tôi đi đây, tôi không nghe bà nữa.

— Mô Phật! Mãn Hà Chí! Mày điên rồi! Tao vì danh giá nhà mày mà trả thù. Tao sẽ cắt đầu nó để rồi mày xem có khác gì đầu đứa khác không. Chỉ xương với da chứ có gì đâu mà sao mày mê muội đến thế?

Mãn Hà Chí định giằng thanh kiếm trong tay mẹ, bỗng khựng lại. Thấp thoáng đằng xa có ánh đèn giữa những lùm cây, tiếng gậy khua và tiếng gọi nhau í ới. Hần hoảng sợ, lau mau tay vào vạt áo rồi bỏ bà cụ, vội vã lẩn vào bóng tối.

— Mãn Hà Chí! Mày đi đâu?

Bà Hồ Điều chạy theo, nhưng nghĩ sao lại quay lại. Hối hả quỳ xuống chân cái xác người bà lơ mờ thấy nằm sóng soài trong đám cỏ bị dẫm nát lẫn với lá khô, cành gãy. Bà lẩm bẩm:

— Oa Tử, đừng oán ta. Bây giờ người đã về cõi vô minh thì ta với người không còn thù hằn nữa. Ta cầu cho vong hồn người được siêu sinh tịnh độ. A di đà phật!

Rồi tay nắm tóc, tay cầm kiếm, bà cắt ngay lấy thủ cấp người bạc mệnh.

*
*
*

Tiếng chân người mỗi lúc một gần. Lính quính không biết xoay sở ra sao, bà Hồ Điều đứng lên xách chiếc thủ cấp chạy. Nhưng đã muộn. Mới vài bước đã có kẻ trông thấy, rồi ba bốn bóng đen đuổi theo vây quanh lấy bà kêu lớn:

— Đây rồi! Có người trên này. Mang đèn lại đây mau!

— Cái gì thế? Bà Hồ Điều quát. Tránh ra! Các người làm gì vậy?

— Ủa, ai như tiếng lão bá trọ ở quán?

— Chính thị.

— Lão bá làm gì trên này?

Người mang đèn tới, theo sau là một nhà sư dáng quắc thước, áo chùng màu nâu già, nón nan che kín mặt.

— A di đà phật! Bà Hồ Điều ở Miyamoto đó phải không?

— Đại sư là ai, sao biết tên ta?

Nhưng thay vì trả lời, nhà sư lại hỏi:

— Oa Tử đâu?

Nghe nhắc đến tên Oa Tử, bà Hồ

Điều mới sức nhớ. Trông xuống, tay bà vẫn giữ chặt chiếc thủ cấp máu còn rõ giọt. Chiếc thủ cấp da mặt xám ngoét, mắt trắng dã, loang lổ những máu và đất. Mọi người giật mình kinh hãi lùi xa mấy bước.

Bà Hồ Điều giờ cao thủ cấp lên, nhếch mép định nói câu gì, bỗng ngừng bật trợn mắt:

— Ối! Không phải đầu con Oa Tử.

Rồi vất thủ cấp xuống, bà trừng trừng nhìn theo run lấy bầy:

— Mãn Hà Chi! Lầm rồi! Lầm rồi! Người này là ai thế này?

Tiếng bà lẫn trong hơi thở khò khè như người suyễn. Bà nhìn lên. Nhà sư đã bỏ nón ra từ bao giờ, sừng sững đứng trước mặt. Ông nghiêm khắc hỏi:

— Thí chủ nhận ra bản tạng là ai không?

Như kẻ mất hồn, bà ú ớ:

— Đại Quán! Sao thầy lại ở đây?

— A di đà phật! Bản tạng ngẫu nhiên đi qua làng Sơn Ninh này và tình cờ cũng được biết thí chủ và Oa Tử cùng ở quán Đại Lộc. Thí chủ dẫn Oa Tử đi đâu, phải chăng có ý định giết nàng?

— Phải.

— A di đà phật! Lòng từ bi của Đức Phật vô bờ, nhưng tội nghiệt này của thí chủ thật khó tha thứ. Lấy oán báo oán, oán ấy chấp chồng. Thí chủ hãy nghĩ kỹ: giết Oa Tử có vấn đề gì được danh dự của thí chủ không, hay chỉ làm cho danh dự ấy thêm nhơ nhuốc? Giết Oa Tử có mang lại hạnh phúc cho con thí chủ không hay chỉ làm cho nó thêm đau khổ? Ý định sát nhân của thí chủ không phải là phương cách vẹn toàn, hưởng chi còn gây thêm cái chết tức tưởi cho kẻ vô tội này nữa.

A di đà phật! Bản tạng xin Đức Phật nhiệm mầu ban ơn soi sáng để thí chủ sớm hối ngộ.

Lời thuyết nghiêm nghị của Đại Quán thiền sư vang lên trong đêm tịch mịch khiến mọi người im lặng cúi đầu. Nhưng chẳng lung lạc được bà Hồ Điều. Quan niệm về gia đình, hạnh phúc, danh dự đẳng tộc là những thành kiến thâm căn cố đế, nó đã ăn sâu vào tâm thức bà từ nhỏ, không thể nhất đán một sớm một chiều bỏ đi được. Thạch Đạt Lang và Oa Tử, hai kẻ đã xâm phạm vào bức thành trì kiên cố ấy, đã làm nhục dòng họ bà, bà coi như kẻ thù không đội trời chung. Nên bà phản ứng quyết liệt:

— Xi! Thầy biết gì về gia đình với hạnh phúc? Thầy có gia đình không? Ở

thì ở chùa, ăn cơm thí, ăn đồng, áo quần vá tấp nham tứ thời một manh, thầy biết gì về tình mẹ con, về danh dự gia tộc mà nói? Có bao giờ thầy biết đến những khó khăn của người dân mang cơm cho thầy ăn đâu! Trước khi thuyết cho người khác nghe, thầy hãy tự kiểm sống lấy cái đã. Nói thì hay lắm, nhưng vô tích sự!

Lời đối đáp của bà Hồ Điều làm mọi người mỉm cười, kể cả Đại Quán. Tuổi tác đã không làm bà bớt đi sự ác độc trong lời nói. Bà vẫn cay nghiệt như xưa. Đại Quán lắc đầu bảo người trong bọn:

— Bác nào dẫn bà cụ về quán. Nhớ cầm đèn theo kéo vấp ngã.

— Cảm ơn, ta không cần. Ta về một mình cũng được. Cho ta mượn cái đèn.

Một số người ở lại, bọc chiếc thủ cấp, rồi lần theo vết máu tìm đến thì thế kẻ bất hạnh.

— Ông quán có biết người này là ai không? Đại Quán hỏi.

— Bây giờ còn tối không rõ được. Nhưng trông dáng dấp gầy mà cao thế này thì có lẽ là tên say rượu vẫn đến ngủ nhờ ở cổng ngoài miếu sơn thầy. Hẳn tên Điều Sơn Minh, trước sống ở chợ, ngoại thành Kyoto, ưa lừa đảo ăn quyt nên ai cũng ghét.

— Chúng sinh thật nhiều oan nghiệt, không hiểu vì cớ gì lại để cho bà Hồ Điều cất đầu như vậy. Ông quán hãy vì bản tạng cho người khiêng giúp lên miếu, sáng mai ta sẽ xin vị trụ trì một cái lễ và chôn cất hân tử tế kẻ tội nghiệp.

Bỗng có tiếng kêu rít rít:

— Đại sư! Đại sư! Đây lại có xác chết nữa!

Mọi người lật đặt cầm đèn chạy đến.

— Ô! Một thiếu nữ. Nàng chết rồi à?

— Không. Chưa. Chỉ mới ngất đi thôi.

ÁNH TUYẾT

Thạch Đạt Lang đi bộ dọc theo bờ sông, lưng thưng hướng về phía Kyoto. Hắn nghĩ tới lời cha dặn. Cho đến lúc chết, cha hắn, ông Muru Ni Sai luôn luôn nhắc hắn phải ghi nhớ công nghiệp hiền hách của tiền nhân.

— Ta tuy chỉ là kiếm sĩ quê mùa ở một làng hẻo lánh miền chân núi, nhưng con chớ quên con thuộc dòng dõi Yết Mân, một dòng dõi đã từng nêu nhiều chiến tích anh dũng và góp phần xây dựng nên xứ sở này. Con nên tự hào về công nghiệp ấy và phải cố noi theo.

Những lời trời trần ấy của cha lúc lâm chung còn như vang vọng bên tai. Thạch Đạt Lang vừa cúi đầu vừa cảm khái. Lại nghe nói tại ngã ba sông Kogawa, chỗ hợp lưu của hai giòng suối lớn trước khi đổ vào đại hà chảy ra biển, còn lưu lại di tích một căn nhà và một ngôi cổ miếu. Căn nhà này thuộc dòng họ Yết Mân do tổ phụ hân dựng lên đã lâu đời, có đến hàng mấy trăm năm trước.

Tiện dịp qua đây, hắn muốn viếng thăm cảnh cũ để biết thêm về nguồn gốc của mình, xem những di vật của tiền nhân và vào miếu thắp nén hương tưởng niệm.

Nhưng đến nơi chẳng thấy nhà cửa gì. Hỏi thăm, không ai rõ. Có lẽ nhà xưa, miếu cũ, không chịu nổi sự tàn phá của thời gian, đã sụp đổ rồi; người ta dọn dẹp cây bừa san bằng thành ruộng.

Sự thay đổi sao mà nhanh chóng quá! Cả một quá khứ oai hùng tan đi không dấu vết. Còn lại, hoá chẳng chỉ mình hắn, kẻ thừa kế độc nhất và cô đơn của một dòng họ bị quên lãng.

Thạch Đạt Lang tần ngần đứng nhìn dòng nước chảy miên man. Rồi thất vọng, hắn bỏ đi, tiếp tục men theo đường ven sông đến khu ngoại thành, không chủ đích.

Lững thững tản bộ trên những con đường ngoại ô vắng vẻ, Thạch Đạt Lang đảo mắt nhìn quanh.

Rặng liễu trồng bên con lạch nhỏ thưa dần. Thay vào đấy, một vài căn nhà gỗ ẩn hiện sau những mảnh vườn xinh xắn bên hàng đậu xanh hoặc sau những cây tùng thấp lè tè thân uốn éo như trong tranh vẽ.

Đến gần một gốc liễu to mọc trên bờ lạch, rẽ xù xì bờ ngoằn ngoèo, tựa đàn rắn, Thạch Đạt Lang thảo hành trang ngồi nghỉ.

Cuối xuân, lá liễu dài xanh biếc rủ xuống trước mặt như tấm màn. Con gió thoảng qua, mảnh liễu rung động. Một mình ngồi không biết làm gì, hắn phóng kiếm cắt từng lá liễu, trước chậm sau mau, rồi xoay cườm tay hơi kiếm ngược lên chẻ đôi nhánh liễu. Bất giác hắn nghĩ đến chiêu "chiết liễu kiếm", một chiêu kiếm được truyền tụng trên giang hồ, do một cao thủ phát huy và khai triển. Nếu quả thật có chiêu kiếm như vậy thì cũng đáng công nghiên cứu lắm, vì nếu ta coi những nhánh liễu rung động kia là kẻ địch bao vây tứ phía thì chẻ đôi chúng ra đúng lúc và chính xác chẳng phải dễ dàng gì.

Hắn tự hứa có dịp sẽ tìm hiểu rõ hơn về chiều thức ấy và người đã phát minh ra nó.

Nhìn con lạch nông, nước lờ đờ chảy dưới chân, Thạch Đạt Lang ngạc nhiên. Nước con lạch như phân đôi ra hai dòng, bên trong bên đục. Hắn đồ chừng phía thượng nguồn có người làm nghề phiếu lụa hoặc mài kiếm nên xả nước đục ra như vậy.

Đương phân vân, bỗng thấy một bà lão đi qua. Hắn nhận ra thân mẫu Cổ Huy Đạo, nhà luyện kiếm đã gặp và cùng uống trà trên đồng Đại Tỉnh ngày nào. Vừa hay, bà cụ cũng nhận ra hắn. Bà mừng rỡ kêu lên:

— Ô tráng sĩ! Hân hạnh quá! Chắc tráng sĩ đương muốn tìm ngõ Kim Phong?

Bà tưởng Thạch Đạt Lang muốn đến thăm bà và Cổ Huy Đạo, nên không để cho hắn kịp đáp, bà tiếp ngay:

— Tệ xá cũng gần đây thôi. Mời tráng sĩ theo lão.

Trước sự ân cần ấy, hắn không muốn và cũng chẳng có lý do gì từ chối, bèn cúi đầu cảm ơn rồi vui vẻ đeo hành trang lên vai theo bà cụ.

Trại Kim Phong bên ngoài trông khiêm nhường, nhưng bên trong càng vào sâu càng rộng. Ngay cổng vào là một khu vườn trồng toàn trúc xanh, từng biếc lẫn với những hàng phong,

cành đầy chi chít đan nhau như một khu rừng nhỏ. Bấy giờ, trên cành, lá non mới nhú, nhưng theo lời bà cụ, đến mùa thu lá phong rụng rồi ánh lên dưới nắng, trông chẳng khác gì rắc vàng. Bởi thế mới có tên “Kim phong hạc” (ngõ phong vàng) và chủ nhân trại còn được gọi là Kim Phong tiên sinh.

Trong trại có nhiều nhà, chia thành từng khu vực thuộc gia đình Cổ Huy Đạo và gia đình các biểu huynh, đệ ông. Họ ở quây quần với nhau, cùng làm nghề đúc và mài kiếm.

Một con suối từ chân núi chảy sát khuôn viên, Cổ Huy Đạo lợi dụng tiện nghi ấy, khơi thêm nhiều mạch nước dẫn quanh co khắp trại. Mạch dùng lấy nước pha trà, mạch dùng nấu ăn tắm giặt, mạch dùng cho lò luyện kiếm.

Kiến thức luyện kim của Cổ Huy Đạo thâm diệu, kinh nghiệm của ông ít người bì kịp, ông lại có tài tổ chức, nên tuy khách đặt hàng nhiều mà ông vẫn đủ thì giờ rảnh rỗi, lúc uống trà, khi ngắm cảnh, đọc sách. Cũng như phần đông các nhà kỹ nghệ và thương gia đương thời, ông xuất thân từ một gia đình kiếm sĩ. Trong cuộc tranh chấp sứ quân, vì không muốn đứng hẳn về phe phái nào, một số kiếm sĩ đã rửa tay treo kiếm, theo đường doanh nghiệp. Riêng Cổ Huy Đạo chọn kỹ thuật luyện kim và chuyên hẳn về ngành đúc kiếm.

Lẽ dĩ nhiên, làm nghề tự do thì địa vị xã hội không được bằng địa vị kiếm sĩ, nhưng cuộc sống đỡ vất vả và nguồn lợi dồi dào hơn. Vả nhờ tài học và tiền bạc, đám thương gia tuy không nắm được những địa vị then chốt, lại rất có thế lực và được trọng nể.

Thả mẹ dẫn Thạch Đạt Lang vào, Cổ Huy Đạo chạy ra nghênh tiếp. Hàn huyền xong, ông tạ khách:

— Tráng sĩ thứ lỗi. Lão phu hiện đương bận trông thợ đúc một thanh kiếm đặc biệt nên xin để mẫu thân hướng dẫn tráng sĩ đi xem trang trại. Xin tráng sĩ cứ tự nhiên, chiều nay xong, ta tha hồ chuyện phiếm.

Lời nói của Cổ Huy Đạo thành thật, khách dù để mặc lòng đến đâu cũng không thể giận.

Thạch Đạt Lang theo Cổ lão bà, đi một vòng quan sát xưởng đúc kiếm, xưởng nung đồ gốm, thư khố, phòng làm sơn mài. Hắn rất thích thú, không ngờ danh bất hư truyền, Cổ Huy Đạo là người đa tài mà ngành gì ông cũng tỏ ra xuất sắc.

Bà cụ còn pha trà, làm bánh, vừa làm vừa trò chuyện với hắn, coi hắn như người nhà. Trong bầu không khí cởi mở ấy, hắn thấy dễ chịu vô cùng. Những lời thân mật đầm ấm của Cổ lão bà gây trong lòng hắn một cảm giác yên vui, cái cảm giác hắn chỉ có xưa kia khi còn ở bên cạnh mẹ và chị.

Thấm thoát đã bốn ngày trôi qua, Thạch Đạt Lang ở trại Kim Phong. Ban ngày sau buổi tập dượt sáng, hắn ưa ra vườn tản bộ, vào thư khố đọc sách hoặc có khi đến xưởng luyện kim xem xét và đàm luận kiếm học với Cổ Huy Đạo. Kiến thức của hắn vì thế cũng phong phú thêm, và điều làm hắn sáng khoái hơn cả là luôn luôn hắn có sự quân bình về tinh thần với thể chất.

Nhưng sợ ở lâu không tiện, Thạch Đạt Lang nghĩ ý cáo từ. Thì Cổ Huy Đạo đã khoát tay ngăn lại:

— Tráng sĩ chẳng nên làm thế, phụ lòng hiếu khách của lão phu. Nếu tráng sĩ ở đây thấy buồn, muốn ra đi, lão phu chẳng dám giữ. Nhưng nếu không chê nơi này hủ lậu, xin lưu lại ít lâu nữa. Trên kệ thư phòng còn nhiều sách đáng đọc. Vài ngày nữa, lão phu lại định nung đôi cái bát sành để thử nghiệm chất men mới chế. Tráng sĩ ở lại mà xem. Nặn đồ gốm cũng thú vị đáo để, chẳng kém gì rèn kiếm. Nếu muốn, tráng sĩ cũng nên làm vài cái cho vui.

Ai mà có thể từ chối những lời mời



mọc chí tình đến thế? Thạch Đạt Lang chỉ còn biết cúi đầu vâng lệnh.

Trong thư phòng treo nhiều tranh đẹp, cổ họa thời Kamakura, liền mang thủ bút của Vương Hi Chi đời Tấn. Có một bức, Thạch Đạt Lang ngắm mãi không chán. Bức tranh nhan đề "Hạt giẻ" do Tống Lương Khải vẽ. Nó nhỏ thôi, chỉ bằng cái mặt bàn thấp, giấy cũ, có lẽ trước đây màu vàng nhưng bây giờ đã thành nâu sẫm. Nhưng Thạch Đạt Lang thích quá chừng, gần như bị mê hoặc. Hắn nói với Cổ Huy Đạo:

— Tiên sinh vẽ tranh, chưa chắc mấy người được bằng. Riêng tại hạ, chỉ mong sao có được những nét bút đơn giản như trong tranh này mà thôi.

Cổ Huy Đạo cười:

— Lão phu lại nghĩ khác. Tranh lão phu, ai học cũng có thể vẽ được, miễn tập cho thuần. Nhưng riêng nét bút của Tống Lương Khải thì khác lắm. Tập không được mà phải có thiên phú. Nét vẽ Tống Lương Khải sinh động vô cùng mà ý tưởng thâm trầm, dùng kỹ thuật không, không đạt được.

Thạch Đạt Lang xem lại bức tranh. Trên tranh vẽ một con sóc trầm ngâm nhìn hai trái hạt giẻ, một trái còn nguyên vỏ, một trái vỏ đã nứt đôi để hở nhân bên trong. Con sóc đáng sợ hãi, phân vân. Nỗi băn khoăn của nó lộ trên đôi mắt đen nhánh, đôi chân trước chụm vào nhau và cái đuôi dựng ngược. Bộ lông mềm gió tạt sang bên. Tất cả những ý đó được thể hiện bằng vài nét thủy mặc đơn sơ, thoát trông thì ngây ngô, nhưng càng nhìn càng linh hoạt và buộc người xem phải suy nghĩ về ý nghĩa tác giả muốn phô diễn.

Thạch Đạt Lang gật gù:

— Tiên sinh nói rất phải!

Hôm sau, Cổ Huy Đạo vào thư phòng, lại bắt gặp hắn đương ngồi trước bức tranh ấy. Ông cười:

— Vẫn còn mê bức tranh của Tống Lương Khải? Có vẻ tráng sĩ thích họa phẩm này lắm? Vậy lão phu xin tặng đấy, khi nào đi thì cuốn lại mang theo.

Thạch Đạt Lang phản đối:

— Tiên sinh nói đùa. Đây là một tác phẩm vô giá, không chừng là vật gia bảo, tại hạ đâu dám vô lễ thế.

Nhưng Cổ Huy Đạo nghiêm trang:

— Lão phu nói thật. Tráng sĩ thích thì cứ lấy. Thực ra lão phu còn nhiều tranh khác. Tranh phải để cho người thích thưởng ngoạn nó sở hữu mới đúng. Lão phu chắc họa sĩ khi vẽ tranh này cũng muốn thế.

— Vậy tại hạ lại càng không nên lấy — Hắn cười — thích thì có thích nhưng thì giờ đâu mà ngắm và treo ở đâu mà ngắm? Tại hạ chỉ là một lãng tử nay đây mai đó, chẳng biết đâu là định sở, đến thân này còn không chắc bảo toàn được, thì một họa phẩm quý giá như tranh kia mang đi càng thêm bận!

Cổ Huy Đạo thở dài ảo não:

— Có lẽ tráng sĩ chẳng muốn điều gì hệ lụy. Ở tuổi tráng sĩ, chắc cũng chẳng muốn có nhà làm gì, nhưng theo ý lão phu, ai cũng nên có một chỗ ở riêng biệt, dù đó chỉ là một túp lều. Không có nó, ta sẽ cảm thấy trơ trọi, như bị ruồng bỏ. Sự trơ trọi về vật chất cũng có thể dồn ta vào sự cô đơn tinh thần đấy...

— Tại hạ chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy. Ước mong của tại hạ là được đi đây đi đó, khắp nơi trên xứ sở này, ngủ dưới bóng cao sơn, nằm bên bờ đại hải, trau dồi kiếm đạo và khi cần, đem chút tài mọn của mình ra giúp người cô thế. Có lẽ trong thâm tâm, tại hạ chỉ muốn làm một kẻ suốt đời phiêu lãng.

— Cũng là thương tình! Tuổi trẻ nào mà chẳng vậy. Nhưng không nên tưởng rằng giấc mơ của mình chỉ thực hiện được ở những vùng xa xôi, chân trời góc bể. Nếu nghĩ như thế, ta sẽ xao lãng việc giải quyết ngay những vấn đề trước mắt. Đa số thanh niên đều có những ý tưởng không thực tế, lão phu sợ rằng vì thế mà khi thất bại, họ bất mãn với cuộc sống.

Rồi Cổ Huy Đạo cười ha hả:

— Lão phu e đã lạm bàn mất rồi! Thôi ta quên chuyện ấy đi. Hôm nay lão phu đến đây là có ý muốn mời tráng sĩ đi giải sầu một chút.

— ... ?

— Tráng sĩ đã đến kỹ viện bao giờ chưa?

— Kỹ viện ở ngoại ô thành Kyoto này ư?

— Phải. Lão phu có người bạn tên Hải Chính Hành. Ông ta đã có tuổi nhưng tính tình còn trẻ trung ưa đùa cợt. Mới nhận được thư ông ấy hẹn tối nay xuống xóm Rokyjo. Tráng sĩ đi không?

— Không, tại hạ không hứng.

— Nếu tráng sĩ không muốn đi, lão phu chẳng ép. Nhưng thiện nghĩ chỗ đó cũng có cái hay.

Cổ lão bà mới bước vào, nghe chuyện, lên tiếng:

— Sao không đi? Đi đi chứ! Đi cho biết những điều mình chưa biết! Hải Chính Hành vui vẻ cởi mở nhưng

phong nhã, không làm tráng sĩ thất vọng đâu!

Giọng bà vừa như thúc giục vừa như bắt buộc. Bà sang phòng bên mở tủ lấy hai ba chiếc kimono khác nhau kèm theo thắt lưng hợp với màu áo mang sang. Thường thì các bậc già cả không muốn con cháu mình đến vui chơi ở những nơi trà đình, kỹ viện, nhưng Cổ lão bà khác hẳn, lại có vẻ hân hoan. Bà háo hức hỏi:

— Nào, mấy màu này tráng sĩ thích màu nào? Cái này được không?

Thạch Đạt Lang lúng túng:

— Vì lão bá và tiên sinh đã muốn, tại hạ không dám trái ý. Nhưng xin cứ để cho vận y phục cũ. Tại hạ quen rồi, mặc thế này thoải mái hơn.

— Không được! Tráng sĩ thấy thoải mái, nhưng phải nghĩ đến người khác nữa chứ. Trong chốn ăn chơi như thế, phải làm như mọi người. Ai đến đó cũng là để quên những điều buồn bực, họ muốn mọi thứ xung quanh đều đẹp mắt, vui tai. Không ai muốn thấy những gì luộm thuộm. Tráng sĩ đừng cho đây là một sự giả trá để che giấu điểm con người thật của mình. Vả lại, những bộ quần áo này có gì là diêm dúa? Chỉ sạch và đứng đắn thôi. Tráng sĩ mặc vào cho lão coi thử.

Khi Thạch Đạt Lang ở phòng ra, Cổ lão bà cười hớn hở. Bà nghiêng cổ ngắm nghía, đi quanh hắn một vòng rồi nói:

— Được lắm. Trông điển trai lắm rồi!

Bà đưa hắn một cây kiếm vỏ nạm ngọc, một cái túi gấm đựng mấy đồng tiền vàng và bỏ vật gì vào tay áo hắn không rõ. Đoạn đẩy hắn ra cửa.

Cổ Huy Đạo thắp hương trên bàn thờ tổ, vái mấy vái rồi cũng ra theo. Cổ lão bà tiễn chân hai người đến tận sân.

Ngoài hiên, họ xỏ chân dép mới do Cổ lão bà đã để sẵn và gọi gia nhân ra chờ đóng cổng. Tên gia nhân đến gần lão bà nói nhỏ. Bà giật mình ngược mắt nhìn Cổ Huy Đạo.

— Có chuyện gì vậy thưa mẫu thân?

— Có ba người ăn mặc theo lối kiếm sĩ đứng chờ ở đầu cổng. Liệu đáng ngại gì không?

Cổ Huy Đạo nhìn Thạch Đạt Lang có ý hỏi. Hắn đáp:

— Không sao. Chắc họ ở võ đường Hoa Sơn. Có thể họ chờ tấn công tại hạ, nhưng tiên sinh thì không can gì. Để tại hạ ra trước.

(còn tiếp)

Một Giờ với Nguyễn Ngọc Ngạn

Đào Huy Đán



Nguyễn Ngọc Ngạn tại Đại-học George Mason, Hoa-kỳ

DHĐ: Xin anh cho biết qua về tiểu sử của anh.

NNN: Tôi sinh năm 1946 tại Sơn Tây. Nhập ngũ 1970, biệt phái về Bộ Giáo dục 1974. Cải tạo 3 năm. Vượt biên và định cư tại Canada từ 1979 đến nay.

DHĐ: Anh theo làn sóng di cư vào Nam từ lúc còn thơ bé, nhưng khung cảnh nào làm anh nhớ mãi? Cái đặc sắc gì ở nơi sinh quán anh?

NNN: Tôi bỏ Sơn Tây năm 9 tuổi. Tuổi đó, anh cho là còn bé lắm sao? Tôi nhớ ở tuổi đó, nhìn đàn bà con gái, tôi đã biết phân biệt ai đẹp ai xấu rồi! Quê tôi không có gì đặc sắc. Nhưng tôi nhớ nó cũng như ông Hồ Trường An nhớ Vĩnh Long, ông Võ Phiến nhớ Bình Định!

DHĐ: Trong một vài truyện ngắn,

nhất là trong Màu Cỏ Úa, anh lấy khung cảnh miền Bắc sau hiệp định Genève, như vậy anh tìm chất liệu ở ai và ở đâu để viết những tấn thảm kịch đó?

NNN: Nó là tổng hợp của ba thứ: tài liệu sách vở, nghe kể vớ óc tưởng tượng.

DHĐ: Xin anh cho biết động lực nào khiến anh cầm bút khi ra hải ngoại. Nếu tôi không lầm, hồi còn ở quê nhà anh chưa hề viết lách?

NNN: Do một ý nghĩ chủ quan, tôi bắt đầu cầm bút lúc ở trại tị nạn Mã Lai năm 79. Lúc đó, tôi cho rằng mình là một trong những người đầu tiên vượt biên, có chút kiến thức về chế độ cộng sản tại miền Nam và muốn viết ra để đồng bào đi trước đọc cho biết. Nhưng tôi lầm! Những điều tôi biết, ai cũng biết cả, có khi còn biết nhiều hơn tôi.

Tuy vậy, cũng nhờ đó tôi có cuốn *Những Người Đàn Bà Còn Ở Lại*. Khi sang Canada, tôi không định viết thêm nữa. Tôi chuyển hướng, soạn cuốn *The Will of Heaven* và tính nghỉ luôn. Nhưng rồi duyên văn nghệ nảy sinh, báo chí các nơi liên lạc, hối tôi gửi bài. Tôi vốn có tính cả nể, lâu dần trở thành nhà văn lúc nào cũng không hay!

DHĐ: Xin anh cho biết qua quá trình thực hiện cuốn *The Will of Heaven*, từ lúc anh thai nghén trong đầu cho đến lúc sách được xuất bản.

NNN: *The Will of Heaven* là một cuốn bút ký, hay đúng hơn là hồi ký. Bởi vậy không cần phải "thai nghén" gì cả. Cứ việc ngồi xuống và chép ra thôi. Tôi viết tay gần một ngàn trang, sửa chữa và đánh máy còn năm trăm trang. Nhà xuất bản Dutton cắt xén còn lại ba trăm năm mươi trang sách. Sách in đợt đầu năm ngàn cuốn bìa cứng. Nay đã tuyệt bản, sắp in lại.

DHĐ: Anh nghĩ gì khi mình được độc giả mến chuộng? Một người cầm bút *populaire* như anh phải có những yếu tố gì? Đặc điểm gì?

NNN: Ai thích tôi đâu? Anh chỉ cho tôi vài người đi! Sự thực thì lối viết của tôi gần gũi với đời sống, có tính cách "ghi nhận" nhiều hơn "sáng tác". Bởi vậy, độc giả xem truyện của tôi, có khi không còn là độc giả nữa, mà có thể là chính nhân vật trong truyện. Nhiều nhà văn không thích truyện tôi, vì cho rằng lối viết ấy "phá giới"?

DHĐ: Anh thích đọc những tác phẩm có tư tưởng không? Nếu có thì theo anh, cuốn tiểu thuyết có tư tưởng phải như thế nào?

NNN: Hãy nói về tiểu thuyết Việt Nam. Tác phẩm của chúng ta nặng về mô tả hơn là lập thuyết. Ngay cả những nhà văn muốn mượn tác phẩm của mình để gửi gắm một quan điểm, thì theo tôi cũng chỉ mới đạt đến mức độ "luận đề" mà thôi, chưa gọi là tiểu thuyết tư tưởng được. Chúng ta thường có luận đề xã hội (Tự Lực Văn Đoàn) hoặc luận đề chính trị (Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sỹ và đa số các nhà văn ở hải ngoại hiện nay). Nói chung là bày tỏ một ủng hộ hay phản kháng. Tây phương có tiểu thuyết tư tưởng. Nhưng tôi chỉ đọc bản dịch, không đọc nguyên tác vì nhức đầu.

DHĐ: Anh nghĩ gì về tình người,

tình yêu trai gái? Hình như anh ít khi nói về hai thứ tình này?

NNN: Truyện của tôi “nặng tình” như vậy mà ông vẫn thấy chưa đủ sao? Tôi chỉ chưa nói đến đồng tính luyến ái mà thôi!

ĐHĐ: Anh đã kết hôn. Vậy chị nhà yêu anh qua mẫu người chồng hay vừa yêu chồng vừa yêu nhà văn?

NNN: Theo tôi nghĩ, người đàn bà khi lập gia đình, chỉ lấy chồng mà thôi, không lấy bất cứ thứ gì khác!

ĐHĐ: Chị có giúp đỡ anh trong việc sáng tác, về phương diện cảm hứng hay tinh thần không?

NNN: Lúc mới về chung sống, bà xã tôi rất chán cái trò viết văn của tôi. Lâu dần thành quen. Cũng như một người đàn bà lấy phải ông chồng có tật hút thuốc lá. Chẳng lẽ lại đòi ly dị chỉ vì khói thuốc! Những năm sau này, bà xã tôi là độc giả đầu tiên của mỗi bản thảo, kiểm duyệt và bỏ dấu cho tôi. Ở hải ngoại, một người vợ cứ để yên cho chồng viết văn là quý lắm rồi. Không nên đòi hỏi gì nữa!

ĐHĐ: Khi sáng tác anh chọn cốt truyện trước hay nhân vật trước?

NNN: Điều này khó nói. Mỗi truyện, ngắn hay dài, thường đều bắt đầu bằng một ý tưởng nhỏ. Rồi khi ngồi vào bàn máy chữ, cốt truyện và nhân vật mới nảy ra dần dần. Như vậy, cái khó của tôi là thu xếp thì giờ để ngồi vào bàn và bắt đầu đánh máy.

ĐHĐ: Anh có xây dựng nhân vật nào qua hình ảnh của anh không? Hoặc là anh có rải chân dung anh cho một số nhân vật của anh không?

NNN: Cũng có thể có, nhưng không rõ nét. Những cái tốt và những cái xấu, trong tôi đều có cả. Nhưng không thể lấy mình làm nhân vật trong truyện, bởi vì cuộc sống quá bình thường, viết ra, câu chuyện sẽ nhạt nhẽo, không ai muốn đọc.

ĐHĐ: Theo anh, văn chương ở hải ngoại ra sao?

NNN: Đây là một câu hỏi lớn, có thể viết thành cuốn sách. Tôi thử nêu lên vài nét chính. Văn chương hải ngoại nổi bật về thơ, cả lượng lẫn phẩm. Về văn xuôi, phần hồi ký, tự truyện chiếm đa số. Phần sáng tác còn nghèo. Phần phê bình văn học thì kể như thiếu hẳn, ngoại trừ những bài ngắn có tính cách

giới thiệu, khuyến khích. Nhưng, sự chuyển mình mạnh mẽ nhất là ngành xuất bản. Sách cũ in lại hình như đã “đầy” rồi. Từ 85, sách mới trở thành nhu cầu của độc giả. Điều này rất quan trọng bởi vì nó thúc đẩy việc sáng tác. Anh thử tưởng tượng, năm 82 Du Tử Lê và Việt Dzũng in tập truyện ngắn đầu tiên của tôi, chỉ có 700 cuốn, vừa bán vừa cho, ba năm mới hết! Nhưng qua tới 85, tình hình khác hẳn. *Làng Văn* in *Nước Đục* của tôi tới ba ngàn cuốn. Những cuốn khác cũng khoảng hai ngàn. Khoảng một năm rưỡi tới hai năm thì tái bản.

ĐHĐ: Anh thích nhà văn nào nhất, Việt Nam cũng như ngoại quốc?

NNN: Lâu lắm tôi mới đọc hết một cuốn tiểu thuyết tiếng Anh. Nhưng cũng chỉ vừa đủ hiểu chứ chưa đạt đến trình độ thưởng thức như đọc tiếng mẹ đẻ. Thành ra không biết ai mà thích. Nhà văn Việt Nam thì thích quá nhiều, mỗi người một sở tác phẩm. Chịu ảnh hưởng lớn nhất vẫn là Tự Lực Văn Đoàn, Nam Cao và Ngô Tất Tố. Hiện nay có Thế Giang viết truyện ngắn rất sắc nét.

ĐHĐ: Anh có làm thơ không? Anh nghĩ gì về thơ?

NNN: Người như tôi không thể làm nổi một câu thơ. Chị Vi Khuê có lần nói với tôi: “Phải nhìn đời bằng đôi mắt trân trọng thì mới làm thơ được. Anh coi đời luôn luôn là những vở hài kịch thì không thể làm thơ được”. Nhận xét này có lẽ đúng. Tuy vậy, tôi thích thơ, bởi thơ kỳ diệu hơn văn xuôi. Hai câu thơ, hoặc một bài tứ tuyệt, đủ làm người ta rung động hơn cả cuốn sách vài trăm trang. Nếu có khả năng làm thơ, tôi không viết văn nữa. Vì làm thơ đỡ vất vả, đỡ tốn thì giờ hơn.

ĐHĐ: Giải trí của anh ra sao? Nghe nói anh biết hát mà lại hát có nét nhà nghề nữa.

NNN: Ngày xưa tôi thích hát. Bây giờ coi như bỏ hẳn. Lâu lắm, hộp mặt bạn bè thì cũng đàn hát cho vui, nhưng không chủ ý “bon chen”!

ĐHĐ: Anh viết toàn là nhân vật miền Bắc. Có khi nào anh có ý chuyển qua viết về người miền Nam không?

NNN: Tôi không dại! Ông Hồ Trường An có nêu lên nhận xét về một số nhà văn Bắc, viết văn Nam nhưng vẫn lòi ra cọng rau muống! Tôi chấp

nhận sự thiếu sót của mình còn hơn là gượng gượng nửa nạc nửa mỡ.

ĐHĐ: Anh đang viết nhiều truyện dài. Xin cho biết truyện dài có khó hơn truyện ngắn không? Và khí hậu giữa truyện ngắn và truyện dài khác nhau thế nào?

NNN: Truyện ngắn thực ra khó hơn truyện dài. Bởi vì truyện ngắn quan trọng là ở cách kết thúc. Truyện dài dễ câu giờ, dễ chuyển hướng. Về kỹ thuật, từ trước đến nay, tôi vẫn viết truyện ngắn theo lối truyện dài, nghĩa là cũng tỉ mỉ như nhau. Và truyện dài của tôi cũng dùng kỹ thuật của truyện ngắn, nghĩa là nhồi vào nhiều biến chuyển, nhiều diễn tiến liên tục. Tôi không thấy có gì khác nhau. Nếu khác thì chỉ là phần kết thúc mà thôi.

ĐHĐ: Anh đang chuyển hướng đề tài về phía cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Xin anh cho biết động lực nào để anh làm một ngã rẽ trong công việc viết lách?

NNN: Thực ra tôi không chuyển hướng. Tôi chỉ khai thác thêm một đề tài mới. Trong khi viết *Sau Làn Cửa Khép*, tôi vẫn có *Trong Quan Tài Buồn*. Đây là truyện dài về miền Bắc sau cuộc cải cách ruộng đất 53-56 của đảng Cộng sản (Lúc đó là đảng Lao Động Việt Nam). Cuốn này đang in và truyện *Trên Lối Mòn Hậu Chiến* khởi đăng trên *Làng Văn* số này về miền Bắc sau 75.

ĐHĐ: Anh cho biết dự định xa, gần của anh về việc sáng tác và xuất bản.

NNN: Tôi không có dự định gì cả. Đời sống ở hải ngoại rất đa diện. Viết văn chỉ là một mặt rất nhỏ trong đời sống. Hai năm qua, các tạp chí, nhà xuất bản và các nhóm điện ảnh đặt viết truyện dài và truyện phim khá nhiều. Tôi rất áy náy vì không có thì giờ sáng tác, phụ lòng quý mến của thân hữu bốn phương. Nhưng tôi tin rằng quý vị đó cũng thông cảm cho tôi.

ĐHĐ: Để có vẻ thời đại hoá, có khi nào anh nghĩ về các nhân vật mắc bệnh AIDS không?

NNN: Ngay lúc viết *Nước Đục*, tôi đã định cho nhân vật Thiệu mắc bệnh AIDS, nhưng kịp dừng lại vì thấy mình sắp đi quá trớn, sợ những người mắc bệnh AIDS phản đối! Nói chung, người mắc bất cứ bệnh gì cũng đều đáng thương cả, không nên giấu cợt, phải không anh?

Trên Lối Mòn Hậu-Chiến



CHƯƠNG I

Điển cầm giấy phép, tạm biệt đơn vị từ hôm đầu tháng mà mãi hai tuần lễ sau vẫn còn nằm ở Nha Trang. Trạm 276 rộng thênh thang — vốn là trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế cũ — bây giờ đặc nghệt bộ đội chờ phương tiện ra Bắc. Xa nhà từ trước Mậu Thân, tính đến nay vừa tròn chín năm mới có cơ hội

trở về thăm lại, nhưng Điển thấy lòng không háo hức lắm. Giả như bà mẹ già đã quá vãng thì chắc Điển cũng chẳng bận tâm đến ngôi làng cũ ở ngoại thành Sơn Tây đó làm gì nữa. Ngày đi, Điển mới ba mươi, vợ gã hai mươi sáu. Thụ nhà cứ giấu quanh mãi, cho đến lúc giải phóng xong miền Nam, thằng em mới báo cho Điển biết đứa con trai duy nhất

của Điển tám ao chết đuối đã vài năm. Còn vợ Điển thì theo người khác ngay khi Điển lên đường vượt Trường Sơn mới mấy tháng. Mẹ Điển mắt đã loà hẳn, nhưng trời không cho chết, giục thằng út viết thư gọi Điển về thăm. Ngày xưa, khi có vợ bên cạnh, Điển thường chiều vợ quá đáng làm phật ý mẹ. Bây giờ gã thấy hối, muốn về gặp lại vì biết đâu đây chẳng là lần cuối.

Nắng tháng năm như trút lửa từ trời xuống. Từng dãy nhà tôn chặt ních, người nằm la liệt, tràn ra cả sân cát. Gió thổi từng đợt bất ngờ như ném bụi vào mặt đám bộ đội cời trần căng vồng ngoài hiên. Ngày nào Điển cũng lân la lên Phòng Điều Vận để đăng ký chuyển xe, và rồi vẫn chỉ nhìn thấy dáng điệu mệt mỏi của gã cán bộ lác đầu phân trần. Quanh Điển, đủ các thứ lính, mặt mũi thẳng nào cũng nồn nóng như Điển. Xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ phép... Có đứa nằm chờ đã cả tháng, khẩu phần lương thực mang theo đã cạn sạch mà Trạm nhất định không cấp phát thêm vì ngoài tiêu chuẩn. Khổ nhất cho Điển là đi đâu một bước cũng phải khuôn hết hành lý đem theo vì Trạm là cái ổ trộm cắp. Cái thằng nằm bên cạnh Điển, chắt chiu mãi ở thành phố Hồ Chí Minh mới xoay được cái đài hai băng mang về làm quà Nam bộ. Một buổi tối nhá nhem, gã ra gốc dừa đầu hè đứng đợi. Trở vào thì cái đài biến mất. Gã la hét ầm ĩ, rồi khóc hu hu như trẻ thơ. Một mất mười ngờ, gã nhất định làm cho ra chuyện. Gã chạy lên ban chỉ huy trạm báo cáo và đề nghị cán bộ xuống kiểm tra. Trưởng Trạm nhìn gã lác đầu phân bua:

— Đồng chí cũng hiểu cho. Cả nghìn người nằm ở đây, đủ các đơn vị, đủ các cấp chức. Chúng tôi chỉ quản lý tạm, chờ phương tiện để các đồng chí ra Bắc. Đồ đạc tùy thân thì xin các đồng chí tự cảnh giác mà giữ gìn, chứ bảo kiểm tra cả dãy nhà thì thú thật chúng tôi không thể tiến hành được!

Thằng bé gào lên:

— Thủ trưởng cứ đi với tôi. Bắt chúng nó mở ba lô ra khám. Có lâu la gì đâu, tôi vừa mới đi giải độ dăm phút, quay vào là mất.

Trưởng Trạm vẫn từ tốn thoái thác:

— Cái nghề coi Trạm thật là làm dâu trăm họ. Thì đồng chí cứ xem đấy. Mấy dãy nhà ỉa nhà đái lù lù ở bên hông trạm, có xa xôi gì cho cam. Thế mà nhiều đồng chí lười chảy thây, cứ phóng ướ

truyện
dài
**Nguyễn
Ngọc
Ngạn**

(khởi đăng)

bừa cả ra đầu nhà. Cắt công tác vệ sinh có ma nào chịu làm. Ai cũng bảo là chỉ nằm đây có vài hôm, tội gì mà làm! Cha chung không ai khóc mà lại!

Câu chuyện phóng uế chẳng đáng gì đến việc mất trộm, nhưng Trưởng Trạm thấy bộ đội ùn ùn kéo đến hỏng chuyện, nên gã lợi dụng tình hình, lên tiếng trách móc luôn thể. Thắng bé mất đài chưa bỏ cuộc, gã năn nỉ:

— Thủ trưởng không khám ngay, chỉ nội đêm nay là chúng nó giấu tiệt, kể như mất thôi!

Một gã bộ đội căng võng bên hông văn phòng Trạm, đang lơ mơ ngủ, bực mình chửi đồng:

— Khám cái máu gì mà khám! Có khám buồn thì ông vạch quần ra cho mà khám này!

Đưa khác lên mặt đạo đức:

— Đồng chí nào phát ngôn linh tinh thế! Xa đơn vị là mất hết tác phong rồi phải không?

— Cáp Tên Lửa đây! Thắng này đã đổ khối máu ngoài chiến trường rồi. Bây giờ lại muốn đổ máu nữa hay sao? Đéo mẹ! Mất có cái đài mà lải nhải mãi làm ông mất ngủ. Mất đài thì xem thằng nào có, ăn cắp lại chứ khóc lóc cái nỗi gì!

Vài đứa nóng mặt định chạy lại gây sự, nhưng Trưởng Trạm giơ tay cản:

— Cái cậu Cáp ấy mà! Cậu ấy nằm đây cả tháng rồi. Rồi nhân cơ hội bất tiện, đi chơi ngoài bãi biển Nha Trang, bây giờ đeo bệnh vào người, đang tiêm trụ sinh!

Câu chuyện chuyển hướng bất ngờ. Thắng bé mất đài tự cảm thấy lạc lõng, lững thững bỏ về phòng. Điển tội nghiệp bảo nó:

— Thật không may cho cậu. Giá cậu dặn tôi một tiếng, tôi nom hộ cho thì đứa nào dám lấy!

Thắng bé mếu máo:

— Thì em cũng cứ tưởng là có thủ trưởng nằm ngay ở cạnh nên mới dám đi giải!

Lúc này chưa có "Hội nghị Hiệp thương Thống nhất nước nhà về mặt nhà nước", bộ đội chưa được đeo quân hàm, nhưng Điển đã kín đáo tiết lộ cho mọi người trong phòng biết gã là tiểu đoàn trưởng, cho nên đứa nào cũng nể nang và gọi Điển là thủ trưởng. Điển móc gói thuốc, moi ra một điếu cho thắng bé và hỏi:

— Thế sao không đề nghị cán bộ Trạm xuống khám ba lô?

— Em có nói nhưng chẳng ai nhất trí. Hay là nhờ thủ trưởng làm phúc nói hộ em một tiếng.

Điển chép miệng thoái thác:

— Kể cũng khó! Có phải là một đơn vị với nhau đâu! Chín người mười ý. Thôi đời vẫn thế, trạm nào thì cũng là chỗ vô kỷ luật.

Rồi Điển khoác vai thắng bé, rủ ra sân:

— Thôi, chẳng tiếc! Đời ta muôn vạn đời nó. Từ từ rồi sắm lại. Ra đây uống với mình cốc cà phê.

Hai người băng qua khu sân rộng, xuống cửa hàng giải khát. Điển gọi hai ly cà phê sữa và mua tặng thắng bé gói Văm Cỏ. Gã dừng lại ở quầy, cầm một quả thanh long, đặc sản của Nha Trang, xoay xoay trong tay và ngạc nhiên hỏi người bán hàng:

— Quả gì lạ thế này? Cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa nom thấy bao giờ!

— Trong này họ gọi là quả thanh long. Ngon ra phết, thủ trưởng xơi thử?

Điển lắc đầu rồi cầm gói thuốc lại bàn. Thắng bé nhấp một ngụm cà phê, mặt vẫn chảy dài thiếu não. Nỗi buồn nào cũng có thể quên được, chỉ riêng niềm đau mất đài sẽ là mối hận thiên thu. Gã bùi ngùi bảo Điển:

— Ngày kia em có chuyển đi rồi. Khổ thân bố em đợi ở nhà. Em lại viết thư báo trước là em đã mua cái đài biểu bố em. Thế mới chết chứ! Còn có một ngày nữa lên đường, thế mà không giữ được!

Điển an ủi:

— Bố con lâu ngày gặp nhau là mừng lắm rồi. Quý hồ là cứ phải có quả! Lành lặn mà về là tốt rồi!

Và để giúp thắng bé tạm quên, Điển gọi chuyện:

— Phen này về phép cưới vợ chứ?

Thắng bé tươi ngay nét mặt:

— Chưa biết thế nào! Bố em viết mấy lá thư bảo em lấy vợ đi. Ấng chừng ông cụ thèm có cháu bé.

— Hồi cậu đi, đã có người yêu chưa?

Gã thở dài:

— Cũng có chứ thủ trưởng. Nhưng mà mấy năm nay chả thấy thư từ gì cả! Phen này em về nó biết tay em!

Điển nghĩ đến hoàn cảnh của mình, chép miệng than:

— Con gái bây giờ thế cả. Cậu còn trẻ, lo gì!

Hai gã ngồi đàm đạo mãi cho đến lúc cửa hàng đóng cửa, thầy trò mới dắt nhau về dãy nhà ngủ. Ngang qua khu sân cát, từng cụm bộ đội ngồi uống

rượu, mùi khói mực nướng cháy bốc lên khét lẹt. Có đứa nhận ra Điển, vui vẻ mời:

— Uống với anh em một cốc, thủ trưởng ơi!

Nhưng Điển thoái thác ngay:

— Anh em liên hoan đi. Mình buồn ngủ quá rồi!

Hai hôm sau, thắng bé mất đài thu xếp hành trang lên đường. Điển tiễn chân ra tận xe, hai ba lần ân cần dặn dò:

— Nhớ nhé. Mai kia trở vào trong này, có dịp đi qua đơn vị tớ thì cứ tạt vào chơi. Cứ hỏi đại úy Điển, tiểu đoàn 2 Quyết Thắng là thế nào cũng gặp.

Thắng bé cảm động ra mặt, lí nhí cảm ơn và hẹn ngày tái ngộ. Đoàn xe chuyển bánh, Điển đứng nhìn theo, vẫy tay từ giã mãi. Bụi đường tung mù mịt, dính bết vào lớp mồ hôi đang chảy loang loang trên mặt Điển. Gã trở vào, xuống khu hậu cần xin thau nước, lau chùi sơ sài rồi quay về dãy nhà ngủ, lấy võng ra hè nằm đọc báo. Tờ *Quân đội Nhân dân* nhàu nát, nhiều hàng chữ lem luốc không còn nhận ra cả mặt chữ nữa. Điển lật qua lật lại vài lần rồi gấp tờ báo, nhét vào chiếc ba lô căng phồng đặt ngay dưới chân. Gã thở mạnh, mỉm cười vu vơ rồi nhắm mắt suy nghĩ về đoạn đường sắp tới. Bỗng có tiếng gọi nhỏ bên tai:

Thủ trưởng!

Điển giật mình mở mắt, ngóc đầu lên nhìn. Thắng Chết, hạ sĩ Trinh Sát, nằm cạnh Điển cả hai tuần nay, đang đứng vịn tay vào gốc cây dừa, nhe răng cười với Điển. Mặt Chết rõ chẳng chết, lại thêm vết sẹo dài ở cổ, tạo cho gã cái hình dung quái dị có thể dùng để nhát trẻ được. Điển hỏi:

Gì thế Chết?

Chết tắt nụ cười, tiến lại gần Điển, cúi lom khom, ghé sát cái mồm nồng nặc hơi men vào mặt Điển và nói nhỏ:

— Chả đâu gì thủ trưởng, em túng quá! Định ngửa tay xin thủ trưởng vài chục tiêu vật!

Điển tròn mắt nhìn Chết. Dù có say rượu đến đâu đi nữa, thì nó cũng phải nhớ rằng nhà nước mới đổi tiền, lương giáo viên cấp ba một tháng chỉ có ba chục bạc, bác sĩ lãnh bảy mươi đồng, công nhân mỏ than Quảng Ninh mới được một trăm một tháng, đại biểu quốc hội trăm tư! Thế mà nó dám mở mồm xin vài chục tiêu vật! Xin điều thuốc chưa chắc Điển đã rộng lượng quảng cho chứ nói gì đến tiền bạc! Điển ngồi bật dậy, mắng:

— Này! Bộ đội phải giữ tác phong, dù là nghỉ phép. Uống cho lắm vào, rồi chẳng còn biết gì nữa cả!

Chất đưa mắt nhìn quanh, yên tâm vì đám bộ đội nằm rải rác dọc theo hành lang hình như chưa ai để ý đến gã và Điển. Gã điềm nhiên bảo Điển:

— Cái đài thủ trưởng lấy của thằng Toàn đáng giá cả nghìn bạc! Vài chục bạc thấm vào đâu!

Điển tái mặt, nhưng vẫn nói cứng:

— Đưa nào bảo cậu như thế? Cậu muốn vu oan giá họa cho tôi phải không?

Chất hạ giọng:

— Em không dám nói to mà thủ trưởng lại làm toáng lên là thế nào? Chính mắt em nom thấy chứ đưa nào bảo em!

Rồi gã nài nỉ:

— Em túng thật! Lương tháng trước hết sạch rồi, mà chờ xe thì chưa biết đến bao giờ. Phòng Điều Vận bảo là phải ưu tiên cho thương binh với sĩ quan. Em còn nằm đây lâu. Có tiền thì em xin thủ trưởng làm gì!

Điển bối rối gãi đầu. Gã run run moi gói thuốc trong túi, rút một điếu. Bàn tay lóng ngóng bật que điềm ba bốn lần mới cháy. Mồm Điển đắng chát, mắt hoa lên. Gã cúi xuống thì thầm:

— Tôi làm gì có tiền mà cho cậu!

Chất nhanh miệng gợi ý:

Thủ trưởng xem có món gì bán được không?

Điển càng khổ sở. Gia sản mang về chỉ có cái đồng hồ và cây bút Parker. Đồng hồ thì đứt khoát không đẩy đi được vì nó là vật bất ly thân, là dấu hiệu của phồn vinh, xứng đáng với cấp bậc của Điển. Chỉ còn cái bút, nhưng đã hết mực và chưa tìm được ruột thay. Bán thế này mất giá lắm. Vả lại, trên nắp túi áo mà không có cái bút cài vào thì trơ trẽn quá! Điển vẹo người, thọc tay vào túi quần, moi ra một nắm tiền. Đếm đi đếm lại chỉ còn có bảy đồng. Điển đưa hết cho Chất, nhưng Chất lắc đầu:

— Vài đồng thì em giặt nóng chỗ nào chả có! Thủ trưởng cho em xin độ dăm chục, em cần ơn thủ trưởng!

Điển gắt nhẹ:

— Đào đâu ra dăm chục bây giờ?

Chất điềm tỉnh:

— Cái phích nước của thủ trưởng, vừa bán vừa cho cũng phải được hai trăm. Thủ trưởng có đài, có đồng hồ, bút máy, tiếc gì cái phích!

Điển choáng váng ngẩng lên nhìn Chất. Cái bình thủy nhỏ Điển giấu tận

gái mù

*Nếu phải vì anh mà chết dở
Thì ta cũng yếu mệnh đừng tìm
Nếu phải yêu anh mà tắt thở
Thì ta cũng ngủ dưới im lìm*

*Nếu phải vì anh mà lãng tai
Thì ta cũng chịu làm kẻ điếc
Nếu phải vì anh đời ái ngại
Điếc điếc rồi thôi chẳng cần ai*

*Nếu phải có anh rồi tận thế
Thì ta cũng hẹn kiếp luân hồi
Anh về từ vãn hệ xa xôi
Ta hoá thân tình cầu kẻ lẽ*

*Nếu phải vì anh thành gái dễ
Thì ta cũng kỹ nữ si tình
Yêu-một-khách đợi về bến trở
Thơm chiêm bao nở nụ bình minh*

*Nếu phải cùng anh ngựa hồng cưỡi
Thì ta xin vỏ mỗi trăm năm
Nếu phải xa anh mà tức tưởi
Thì ta lệ nhỏ cũng mù tăm...*

nguyễn thị thanh bình



đáy ba lô, sao nó biết? Tuy tiếc của, nhưng Điển cần phải giải quyết ngay vấn đề này để bảo vệ uy tín của mình. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 Quyết Thắng ăn cắp đài của một chiến sĩ. Tin này nếu bị thằng Chất tung ra thì Điển chỉ có nước độn thổ. Điển khê hỏi:

Bán ở đâu bây giờ?

Chất nói như reo:

— Thủ trưởng cứ đưa cho em. Chúng nó đánh bạc cả ngày ở dưới nhà bếp. Thứ gì ở sông bạc cũng bán được. Mà bán được giá cơ!

Điển đứng dậy, đảo mắt nhìn quanh, rồi ngồi thụp xuống, mở ba lô. Gã lôi ra cái bình thủy màu đỏ, trao cho Chất đem đi.

Sang tuần lễ thứ ba, Điển mới lên đường ra Bắc. Đời bộ đội hơn mười năm chinh chiến, nhiều phen căng thẳng tột độ, nhưng chưa bao giờ Điển trải qua những ngày cực kỳ cay đắng như tuần lễ cuối cùng ở trạm 276. Mỗi lần nhìn mặt thằng Chất, Điển thấy như từng chùm gai đâm vào tim. Chất có tiền, có bạc, ăn nhậu liên miên. Cái mặt đỏ của nó như một bóng dáng quái vật ám ảnh Điển cả trong giấc mơ.

Chiếc xe vận tải mệt nhọc chờ mấy

chục người về quê cũ, bỏ lại sau lưng những thị trấn miền Nam. Qua Quảng Trj, Đông Hà rồi Bến Hải, người ta chuyện vãn lao xao, hung hăng kể lể thành tích — những thành tích hầu hết là tưởng tượng khi cuộc chiến đã ngưng — quanh tai Điển ồn ào như một cái chợ nhỏ. Điển trầm ngâm nghĩ ngợi. Vài đứa gọi chuyện, Điển chỉ nhếch mép cho qua. Điển không hối hận vì đã ăn cắp cái radio của thằng bé. Bà mẹ mất loà chẳng còn thấy gì nữa, cần cái đài bên cạnh để có tiếng nói lái nhải suốt ngày giúp bà giải khuây. Nhưng Điển hối hận vì đã oang oang cho mọi người biết đơn vị và cấp bậc của mình. Cái thằng Chất mặt đỏ kia thể nào chả nói ầm lên cho cả Trạm biết Điển là thủ phạm! Điển bỗng thấy thù tất cả các thằng mặt đỏ và hận với lòng mình là từ nay hễ cứ thấy thằng nào mặt đỏ thì phải tránh xa!

Đến Hà Nội, Điển ngủ trọ một đêm rồi hôm sau đón xe khách về tỉnh. Điển ngần ngại không muốn về làng. Gã đến thẳng Tỉnh Đội, nơi thằng em gã đang công tác trong Phòng Tổ Chức. Tỉnh Đội lúc này bận lắm. Sau chiến tranh, bộ đội trở về tấp nập. Thằng em Điển,

thiếu úy Đắc, chạy như con thoi giữa Tỉnh Đội và trạm An Dưỡng. Lúc Diễm đến, Đắc đang ăn trưa dưới nhà ăn tập thể. Đắc quăng đĩa, đứng dậy đón Diễm và nhích sang bên cạnh để lấy chỗ cho Diễm ngồi. Hai anh em có khuôn mặt lưỡi cày giống hệt nhau, nhưng Đắc gầy hơn, hai má hóp hẳn vào vào hàm răng hô bẩm sinh ám khói vàng như nghệ. Gã xuất thân từ một đơn vị phòng không. Năm 72 gã bị cưa tay trái lên tận vai, được chuyển về công tác ở Tỉnh Đội từ đấy. Đắc nhìn anh đầm ấm rồi nói:

— Gần mười năm rồi, anh chả khác tí nào cả. Nom vẫn thế. Béo hơn một tí!

Diễm cầm nón cối quạt lia lịa. Phòng ăn chật ních người, ruồi nhặng bay từng đàn, đầu bữa bãi trên thức ăn và trên những khuôn mặt loang loáng mồ hôi. Diễm nhìn cái tay áo lủng lẳng của em, xúc động nói:

— Đạo ấy được tin chủ bị thương, anh cứ tưởng là chủ không qua khỏi! Chủ mà có mệnh hệ nào thì chắc mẹ cũng chẳng sống được!

Đắc bỏ dở bữa cơm, kéo Diễm sang

văn phòng:

— Lên trên này nói chuyện. Anh về thẳng đây hay là xuống xã trước?

Diễm đeo ba lô lên vai:

— Đã xuống xã đâu. Ghé thẳng đây thăm chú.

Đắc reo lên:

— Thế thì may quá. Em đón mẹ lên đây rồi. Lo mãi mới xong cái hộ khẩu.

Trước cửa phòng tổ chức, hàng chục người đứng đợi. Thấy Đắc, họ hớn hờ lao lại, kỳ kèo nhờ Đắc giải quyết giấy tờ, nhưng Đắc gạt đi:

— Các đồng chí cứ nộp cả đơn đấy cho tôi. Từ từ rồi sẽ giải quyết thôi. Nóng thế nào được!

Một người uất ức kêu lên:

— Đánh giặc mười năm nay, có bao giờ phải đợi thế này!

Đắc đang bước vào phòng, quay ngoắt lại, thị oai:

— Đồng chí nào vừa nói đấy? Đồng chí đi đánh giặc, còn chúng tôi ngồi chơi đấy phỏng? Đồng chí cứ nhìn tôi, nhìn hết tất cả anh em công tác ở Tỉnh Đội này, xem có ai lảnh lặn như đồng chí không? Đồng chí đợi một ngày có

khổ cực hơn cút cánh tay này không? Chưa vị tất đồng chí đã đóng góp nhiều hơn tôi! Đừng có nói nhảm!

Mọi người im lặng. Đắc nhìn quanh khắp lượt rồi bước hẳn vào phòng. Gã kéo ghế mời Diễm ngồi rồi giải thích:

— Tỉnh Đội là cái chỗ đón người tử chiến. Nhiều thằng cày công ở chiến trường, về đây nạt nộ cánh văn phòng, thành ra trên mới bố trí toàn người què cụt công tác ở đây. Có thể chúng nó mới cảm hòng!

Diễm đặt ba lô xuống chân và hỏi:

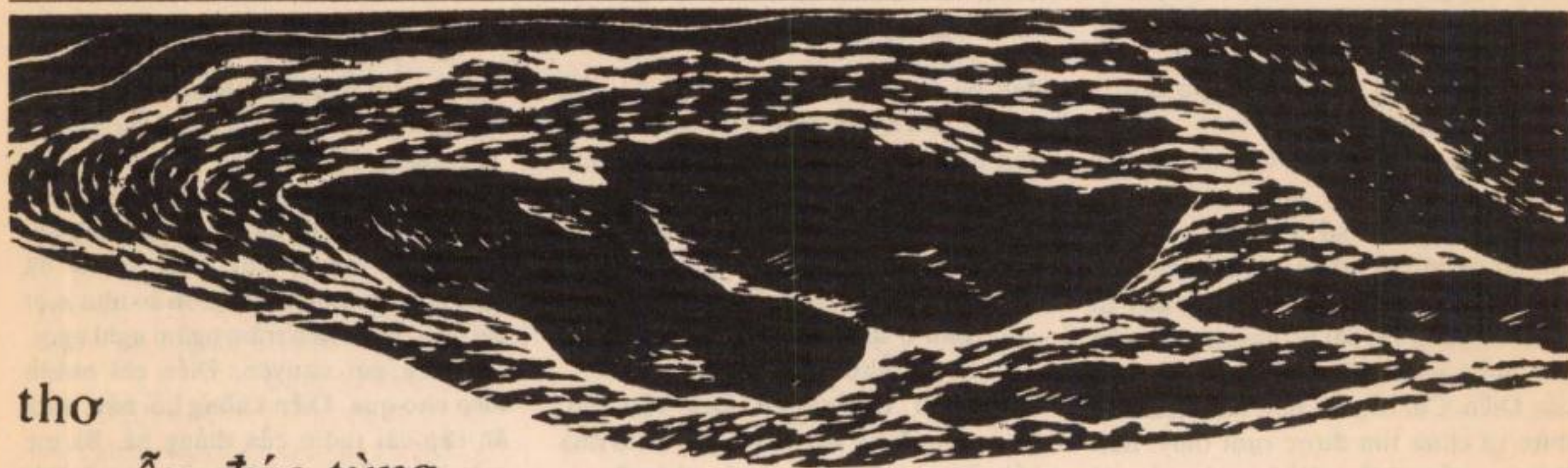
— Chú được điều về đây lâu chưa?

— Nằm viện xong là về thẳng đây cho đến nay. Chán lắm anh ạ. Chân em là chân chạy, mà bắt ngồi một chỗ thế này thì chẳng khác gì giam lỏng. Giấy má ừn ừn, đọc nhưc cả mắt.

Đắc cầm xấp văn thư, liếc qua một lượt rồi đẩy sang bàn bên cạnh cho nhân viên:

— Đồng chí xem hộ tôi. Cái gì giải quyết được thì phê cho người ta. Cái gì khó khăn thì để đấy cho tôi. Mai tôi mới có thì giờ đọc.

Nhân tiện gã giới thiệu:



thơ

nguyễn đức tùng

gió

Gió xuân đập cửa phen
Ngồi xuống, lại đứng lên
Thân chưa về cổ quận
Tỉnh nào dám vui, quên.

quo vadis

Treo một hạnh phúc mới
Căng thẳng trên đầu dây
Ta chết chìm dưới đây
Bên một trời sao đầy

hiền

Bạn trách thì ray rứt
Vợ trách lại cười xòa
Đời vẫn hiền như suối
Sao lợi hoài không qua!

ca khúc mười năm

Vào đêm lịch sử sang trang
Một tôi thất thế, lang thang, học đòi
Mười năm lỡ thế lỡ thời
Cái gương Hàn Tín học rồi lại quên

Cái thời lịch sử hôi đen
Vẫn tôi nhắc chuyện Đặng Dung miệt mài
Đường gươm bất tướng vô tài
Múa hoang vườn trống hai vai mới rời

Cái đêm đốt sách chôn người
Vẫn tôi tự hứa ngày tôi trở về
Bây giờ xuống ngựa lên xe
Buồn tôi, tội gã cu ly khóc hoài.

hoàng chính

cảm khái

Bố khỉ! Ai ham phận cỏ hồng?
Mà thân này mãi cứ long đông!
Không đi, thì chán "ngài Việt cộng"
Bây giờ ừ hự kiếp lưu vong...

Nào có hay chi đời khách trú?
Răng mòn cổ nghen nhà dăm-bông
Bỏ gối thờ than trò vân vụ
Tuyết ở trời tây, nhớ nắng đông...

Bao năm nếm đủ mùi lũ thú
Vuốt tóc, sờ râu... mấy độ già!
Trong hồn, hoa mộng dầu thôi nở
Lá rụng về đâu, phải chốn xa?

ảo ảo

— Ông anh tôi, Đại úy Điển, về nghỉ phép. Mười năm mới gặp nhau đấy.

Gã nhân viên đỡ xấp giấy, gật đầu chào Điển. Gã chống tay vào cạnh bàn, toan đứng dậy. Nhưng Điển nhìn thấy cái chân cụt của gã, vội ngăn lại:

— Đồng chí cứ ngồi.

Gã hỏi:

— Trong ấy có khác ngoài ta lắm không, thủ trưởng?

Điển vui vẻ đáp:

— Khác nhiều.

Đắc giục:

— Thôi về anh. Mẹ cứ nhắc anh mãi!

Hai người rẽ đám đông bước ra hông nhà. Đắc mở khoá xe đạp, giắt đi bên cạnh Điển. Đắc vỗ vào yên xe, phân trần:

— Con ngựa thồ tả này nát lắm rồi, đèo không nổi hai người. Xăm với lớp xin mua từ năm ngoái, đến nay vẫn chưa có phiếu cấp phát!

Điển công cái ba lô nặng trĩu, mồ hôi chưa lúc nào khô hẳn trên lưng, nhưng vẫn làm bộ:

— Vượt Trường Sơn còn được. Cuốc bộ một tí cho khoẻ chân... Có xa lắm không?

— Gần thôi. Anh đeo ba lô vào ghi-đông cho đỡ mỏi.

Điển làm theo lời em rồi cúi xuống moi một viên sỏi nhỏ vừa lọt vào trong dép râu. Gã đứng thẳng người, vươn vai hỏi em:

Thế cái Mận bây giờ nó lấy ai? Chú có gặp lại không?

Đắc cay đắng:

Con đàn bà thối thay! Gắn bó với nhau như thế đấy, mà em vừa bị cụt tay là nó bỏ ngay! Cũng may là chưa cưới xin gì cả, chứ không thì càng thêm nhờ nhàng!

Điển an ủi:

Anh em mình thật không may. Gặp toàn thứ của nợ!

Đắc phản đối:

Chả phải thế! Đi chiến trường về mất vợ là thương. Nói thì bảo là mất lập trường, chứ cứ như những năm bảy hai đổ về trước, thì bố bảo mình cũng chả dám tin là mình sẽ thắng Đế quốc Mỹ. Chả hiểu sao nó lại chịu hoà đàm rồi rút quân. Đến bây giờ em cũng cứ thắc mắc về cái khoản ấy!

Điển đỡ lấy ghi-đông xe đạp và bảo em:

Chú đưa tôi giắt hộ!

Rồi Điển im lặng đi bên cạnh, nghe Đắc tâm sự. Đợi bộ đội của Điển có hai lần mà lúc này nghĩ lại gã thấy mình

sáng suốt. Lần thứ nhất vào dịp Tổng Công Kích Tết Mậu Thân. Đạo ấy Điển đang làm C trưởng, theo công trường 9 chủ lực từ quốc lộ 4 đánh vào chi khu Cái Bè thuộc tỉnh Định Tường. Từ đêm giao thừa đến mừng năm Tết, khí thế Cách Mạng như chẻ tre, tiến công như vũ bão. Các đồn Nghĩa quân, Địa phương quân tướng lĩnh đang hưu chiến, yên tâm lơ là phòng thủ, tiểu đoàn của Điển bất ngờ bung ra, chỉ trong một đêm đã mở rộng vùng kiểm soát đến sát bộ Chỉ Huy Chi Khu. Đại đội Cơ động Huyện hô hào dân chúng nổi dậy, từ mừng một Tết đến mừng ba, thành lập được hơn hai tiểu đoàn dân quân gồm bốn năm vùng và đám trở cò. Mỗi tiểu đoàn chỉ được trang bị gần một trăm khẩu súng thật, còn lại là súng gỗ và lựu đạn, giao hết cho Điển điều động và huấn luyện. Điển mừng lắm. Vượt Trường Sơn mới hơn một năm đã giải phóng xong miền Nam, câu "sinh Bắc tử Nam" hoá ra chỉ là huyền thoại. Mừng sáu Tết, Điển đang chuẩn bị vượt sông để tiến sang Chi Khu thì quân lực Việt nam Cộng hoà và đồng minh từ quân đoàn ồ ạt phản công. Chỉ trong vài ngày phù du, hai tiểu đoàn dân quân hỗn tạp kia tan rã hết. Đại đội của Điển gần như hoàn toàn bị tiêu diệt. Trưởng ban tác chiến đại đội lên ra hỏi chánh. Công trường 9 tháo chạy vào Hậu Mỹ kiểm điểm lại quân số. Những đêm trăn trở bên cạnh các đồng chí phờ phạc vì mất tinh thần, nhiều lần Điển nảy ra ý định hỏi chánh, nhưng đường đi nước bước chỗ nào cũng xa lạ, chẳng tìm được ai để móc nối. Rốt cuộc, ngày tháng trôi qua, Điển cứ đành gán bó với đơn vị.

Mùa hè năm 72, Điển lại toan tính hỏi chánh một lần nữa và vẫn không thực hiện nổi. Thôi thì đành cam phận chết già trong rừng sâu, chứ làm gì còn hy vọng trở về đất Bắc! Ấy thế mà hôm nay Điển lại trở thành anh hùng. Lắm lúc nhớ lại chuyện xưa, Điển thì thầm nói một mình:

— Giá ngày ấy mà qui chánh thì bây giờ bỏ mẹ!

Chẳng phải riêng Điển, cả miền Bắc ai cũng ngờ ngác tưởng chuyện chiến thắng là một giấc mơ, nhưng chẳng ai dám nói ra điều đó. Ruột thịt với nhau mới có thể xa gần bày tỏ sự ngạc nhiên này. Điển cười khẩy và nói:

— Thì hăng cứ biết là bây giờ mình thắng đã. Còn tại sao thắng được Đế quốc Mỹ thì có giờ mà hiểu nổi!

Con phố buổi xế trưa buồn thiu. Từng chùm ánh nắng xuyên qua các tán cây, chiếu lung linh trên những vũng nước vàng đục đọng lại hai bên đường sau trận mưa đêm hôm qua. Hai gã bước ngang vài sạp hàng bày bán trên lề, một thứ chợ trời thu hẹp của thành phố, lác đác đã thấy vài món hàng từ thành phố Hồ Chí Minh tuôn ra. Bỗng có tiếng bước chân người chạy thình thịch chung quanh, rồi tiếng gọi nhau ới ới. Đàn bà trẻ con từ các căn nhà tuôn ra, cứ thế mà cắm cổ chạy. Điển giật mình kinh hãi. Hết chiến tranh rồi, không lẽ Mỹ còn ném bom! Điển chưa kịp lên tiếng hỏi thì Đắc hốt hải bảo gã:

— Anh chờ em một chốc!

Và rồi Đắc cũng lao vút đi, nhập bọn với đám người nối đuôi nhau trên phố. Một lúc sau Đắc trở lại, thở hổn hển, lác đầu cười. Điển ngờ ngác hỏi:

— Đi đâu mà cuống cả lên thế?

Đắc nói như đứt hơi:

— Anh xa nhà lâu quá, chắc quên hết cả rồi. Ở thành phố, hễ thấy người ta chạy là mình cũng phải chạy. Đến xếp hàng ở cửa hàng mậu dịch chứ chạy đi đâu! Thình thoảng họ mới bán vài thứ ngoài tiêu chuẩn. Đưa nào nhanh chân thì mua được!

Điển thở phào nhẹ nhõm:

— Hoá ra đi bộ đội vẫn sướng hơn. Thế hôm nay họ bán gì mà chú không chờ mua?

Đắc lác đầu:

— Ngỡ gì! Hoá ra là nhân khô.

— Bây giờ lại bán cả nhân khô cho nhân dân?

— Hàng xuất khẩu đấy. Nhưng không đủ quy định vệ sinh, Liên xô trả lại thì bán cho mình.

Đi bộ đã gần nửa giờ vẫn chưa về đến nhà. Điển nóng ran cả người, đưa mắt nhìn quanh, thêm một ly nước lạnh. Ngày mới giải phóng, đơn vị của Điển đóng ngay ở đường Lê văn Duyệt, đối diện nghĩa địa Đô Thành, ngày ngày Điển lang thang ra chợ Ông Tạ, chẳng thiếu thứ gì. Về quê cũ, quang cảnh điêu hiu khiến Điển nảy ra ý tưởng so sánh và buồn cho đất Bắc. Đắc nhìn mồ hôi vã ra trên mặt Điển, vội đề nghị:

— Tạt vào đây làm cốc nước đã.

Đắc dẫn anh vào quán giải khát chui, bán cả phê và nước ngọt ở sân sau một tư gia. Vài chiếc bàn gỗ thấp lè tè. Dăm cái ghế dài lờm chớm, gà vịt leo lên cả trên đó. Hai anh em ngồi dưới tán cây khế, gọi hai chai bia quốc doanh. Chủ quán cũng là một thương binh, từng

nhờ vả Đắc ở Tỉnh Đội nên Đắc có thể uống chịu, lúc nào trả tiền cũng được. Diển phanh ngực áo, cầm nón cối quạt lia lia. Một cơn gió ủa đến, lá khế rụng lá tả trên đầu Diển. Gã thở phào khoan khoái, đặt nón lên cạnh, nâng cốc bia tu ừng ực. Gã quay vào bếp, lớn tiếng gọi:

— Xin thêm miếng đá nữa, được không?

Chủ quán thò đầu ra:

— Ông anh cảm phiền vậy. Chỉ còn có bấy nhiêu thôi!

Đắc liếc mắt nhìn gã lác đầu. Quen nhau đã lâu, Đắc biết rõ sinh hoạt ở quán này. Mỗi chai bia chỉ được phát một cục đá bằng ngón chân cái. Rồi bất cứ người khách nào đòi thêm, đều sẽ được trả lời là “chỉ còn có bấy nhiêu thôi!”. Đắc nói lớn:

— Anh tôi mới về nghỉ phép!

Lập tức chủ quán bước ra, xoa tay lễ phép:

— Lúc này thủ trưởng vào, tôi đã ngờ ngợ. Anh Đắc cứ nhắc thủ trưởng mãi đấy. Hôm nay mới được gặp, quý hoá quá! Thiếu tá rồi chứ phải không ạ?

Diển bắt tay gã và vui vẻ đáp:

— Vẫn đại úy thôi.

Chủ quán trợn mắt giả vờ ngạc nhiên:

— Đeo đại úy lâu thế cơ à? Nhưng mà chỉ nay mai thôi. Nghe bảo là sau khi bầu cử quốc hội thống nhất, bộ Quốc Phòng sẽ định lại quân hàm. Thế nào thủ trưởng chả bắt được cái thiếu tá!

Dứt lời gã lại xoa tay và đi lùi vào bếp:

— Thủ trưởng ngồi chơi, tôi đang dờ tay!

Diển nhìn Đắc lác đầu:

— Đúng là mồm miệng nhà hàng!

Đắc bênh vực:

— Nhưng mà lão này tốt bụng. Gãy mấy cái xương sườn mà không chết mới lạ! Trước lão cũng ở Phòng Không, nhập viện sau em mấy tháng. Xuất ngũ vì thương tật.

Nhắc đến chuyện giải ngũ, Đắc lo âu hỏi anh:

— Liệu anh có vướng không?

Diển ngơ ngác hỏi lại:

— Vướng cái gì?

— Xuất ngũ.

Diển trầm ngâm:

— Đi bộ đội mãi cũng chán. Anh cũng định xin về, làm cái gì thì làm.

Đắc đặt ngay cốc bia xuống bàn và lác đầu:

— Chớ có dại! Nói cho ngay, đa số

thanh niên vào bộ đội là để kiếm cơm. Ở nhà vất vả lắm, ngày hai bữa có khi còn xoay không ra. Em công tác ở Tỉnh Đội em biết. Chính sách đưa ra thì hay, nhưng cụ thể thì vấp. Nói là chuyển ngành nhưng các cơ quan chẳng chỗ nào chịu nhận. Về học lại cũng không được. Mà chả trách được họ, lúc đi thì mình trẻ, về thì dờ dang. Tay nghề lại không vững, trình độ khoa học kỹ thuật thua người ta, thành ra ông nào xuất ngũ rồi cũng chết dờ. Nói đâu xa, trung tá Nhị người làng mình đấy. Xin việc mãi chẳng cơ quan nào nhận. Đảng viên đấy chứ có phải chơi đâu. Gõ cửa Huyện ủy thì Huyện chề già, không đáng được tình hình mới, nhiệm vụ mới. Xuống Xã ủy, Xã phê bình là quên thói quân đội, ưa mệnh lệnh, kỷ luật, dân không phục. Ưc quá bỏ về nuôi lợn, nhưng vốn nặng quá mà cám với bèo không có. Bán lợn lỗ đến cả trăm bạc! Thắng con giai cũng bộ đội phục viên. Cha con xui nhau nhất định vào đại học cho oai. Nhưng thi vào gay lắm...

Diển ngắt lời:

— Bộ đội phục viên được cộng hai điểm chiều cố cơ mà!

— Thấm vào đâu! Tay trong tay ngoài khỏi ra đấy! Chỉ có trường Thủy Lợi, đại học Tổng Hợp Khoa Văn, hai cái ấy là điểm chuẩn thấp hơn cả. Nhưng cậu nào cũng thích chui vào thương nghiệp vì tính nhìn xa, có ăn sau này. Nhà nước cũng biết thế cho nên tăng vọt điểm chuẩn lên. Con giai ông Nhị trượt vô chuối, bây giờ ôm nhau mà chửi. Áng chừng tiếc quân đội lắm. Có miếng ra miếng vào, lại có cả cần vụ để sai vặt!

Đắc nói một hơi dài, mục đích vẽ ra cho anh cái viễn ảnh đen tối của người bộ đội khi về vườn, để Diển bỏ hẳn ý định xin xuất ngũ, trừ trường hợp chính sách nhà nước đuổi về.

Diển ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Cốc bia đã cạn hẳn, chỉ còn vương lớp bọt trắng đọng lại chung quanh. Vài con ruồi vo ve bay, thỉnh thoảng dừng chân trên mặt Diển. Gã nghĩ đến sinh hoạt phần vinh của miền Nam và thấy rõ chỉ có con đường đi buôn là mau giàu hơn cả. Khoác áo bộ đội suốt đời chỉ đủ ăn. Có chuyển sang được công an hoặc cơ quan dân sự mới hy vọng ngóc đầu lên nổi. Gã chưa muốn góp ý với thằng em bởi nó chưa hiểu gì về miền Nam. Gã cầm nón, đội lên đầu và đứng dậy:

— Về nhà rồi hẵng tính.

Diển xắn tay áo rồi nhắc chiếc ba lô đeo lên vai. Đắc nhanh nhẹn đỡ cái xe đạp cho anh. Mắt Đắc liếc thật nhanh nhưng cũng thật kỹ chiếc đồng hồ Orient óng ánh trên cổ tay Diển. Chẳng phải mãi đến bây giờ Đắc mới để ý. Lúc Diển vừa bước vào nhà ăn tập thể trên Tỉnh Đội, Đắc đã thoáng thấy Diển có đồng hồ, nghĩa là anh mình ở Sài Gòn mới có một năm mà đã có của mang về. Rồi Đắc lại càng an tâm hơn vì cái ba lô của Diển chật cứng, căng phồng ra sau lưng như một cái thùng. Những báu vật gì nằm trong ấy? Chẳng lẽ lại là gạo hay lương khô. Mỗi khi Diển đặt ba lô, Đắc đều chăm chú theo dõi và thấy Diển buông xuống đất rất nhẹ như sợ vỡ đồ ở trong. Diển không vợ con, thân thích chỉ có mẹ già và Đắc, làm gì chẳng dúi vào tay Đắc chút quả Nam bộ!

Hai anh em vừa về đến nhà lúc bà mẹ vừa bung mâm cau khô ngoài sân vào. Đắc lên tiếng từ ngoài cổng:

— Mẹ ơi! Anh Diển về đây này!

Bà mẹ quay lại, nhướn mắt, dang tay quờ quạng bước hẳn ra thêm:

— Thằng Diển đấy ư? Thật không?

Diển buông nhẹ ba lô xuống chân, chớp mắt tiến lại ôm mẹ. Bà cụ xoa đầu xoa mặt Diển rồi nước mắt từ từ chảy xuống. Bà nghẹn ngào than:

— Tao cứ tưởng chẳng bao giờ còn gặp lại mày nữa!

Bà ngồi xuống bậc cửa, kể lễ tiếp:

— Cái ngày thằng Đắc bị thương, tao khóc gần mù cả mắt. Rồi lại nghe người ta bảo mày chết dọc đường, tao cứ ngỡ là tao theo bố mày rồi!

Diển không muốn nghe mẹ dài dòng nhắc chuyện cũ. Gã cắt ngang:

— Hết chiến tranh rồi, bây giờ chả sợ chết nữa!

Gã đứng dậy lấy chiếc ba lô, vừa tháo giày vừa nói:

— Con biểu mẹ cái này...

Đắc hồi hộp tiến lại gần. Diển lôi ra cái đài hai băng, trịnh trọng nâng lên trước mặt mẹ và nhẹ nhàng vặn nút chỉnh đài trước đôi mắt háo hức của Đắc. Bà cụ kêu lên thảng thốt:

— Chết! Tiền ở đâu ra mà sắm những thứ này!

Đắc mon men bước lại, đỡ cái radio Sanyo từ tay Diển, kính cẩn lôi cái cần ăng-ten lên cao và nói:

— Thế là từ nay mẹ hết buồn nhá!

Bà cụ hài lòng:

— Ủ! Tao cứ lủi thủi đèn dầu một bóng từ ngày bố chúng mày nằm xuống. Nhà vắng quá! Có cái đài thì

cũng như có trẻ con bên cạnh.

Đắc hỏi:

— Thứ này ở trong ấy họ bán bao nhiêu hở anh?

Điển nói nhanh:

— Đội vài trăm. Định mua cái nhớn hơn nhưng ba lô chật cứng rồi!

Nói câu ấy, hình ảnh thằng bộ đội mất đài và khuôn mặt đỏ của thằng Chắt vụt hiện ra trong trí Điển. Gã vội lảng sang chuyện khác:

— Chú đưa anh ra chợ xem có cái gì mua về nấu tạm bữa cơm...

Điển ngược nhìn Đắc nhưng không để ý đến cặp mắt thất vọng của thằng em mình. Sau món quà biếu mẹ, không thấy Điển đả động gì đến Đắc. Ba lô còn đầy thế kia, chẳng lẽ không có món gì quý giá trong đó? Đắc miễn cưỡng đáp:

— Thôi, anh ở nhà nói chuyện với mẹ. Để em chạy ra xem còn gì ăn được không. Thịt thì chắc chắn là không rồi.

Điển xua tay:

— Mua vài quả trứng với bìa đậu. Ngon chán!

Đắc đi rồi, Điển mang ba lô vào nhà, đặt lên đầu giường. Gã đứng chống nạnh nhìn quanh rồi hỏi mẹ:

— Từ dạo lên đây, mẹ có về lại làng ta lần nào chưa?

Bà cụ chép miệng:

— Ai cho đi mà đi! Thằng Đắc giam tao cả ngày ở đây chứ có nhấc chân đi đến đâu! Nhớ lắm mà chả làm thế nào được. Giờ bắt tội, lấy của tao hai con mắt. Năm ngoài tao đòi về đắp lại mả cho bố mày mà nó không chịu.

Điển có nghe phong văn về cái chết

của bố nhưng chưa rõ lắm. Gã ngồi xuống mép giường và hỏi:

— Nghe bảo bố con ho lao, thổ ra máu cả mấy tháng giờ rồi mới mất, phải không mẹ?

Bà cụ ngồi yên bên cạnh Điển, nước mắt trào ra. Lâu lắm bà mới kể:

— Nói ra, thật, tao thấy đứt từng khúc ruột. Anh em chúng mày đi rồi, ông ấy đổ đốn, giấu tao đi đánh bạc cả đêm. Cái lão Tồn cậy có con làm trưởng đồn công an, chứa bạc công khai. Nhất nuôi cả nhì gá bạc. Ai chửi thế nào thì chửi, lão cứ mở sòng ngay tại nhà. Cái trò sóc đĩa đã thua thì nóng gờ. Nhà có cái gì bố mày đem bán sạch. Vắng lúc nào thì thôi, hễ về đến nhà là tao phải đi theo, canh từng bước. Hở cái gì ông ấy cũng khuôn đi!



xuân dạ yến đào lý viên tự

Phù thiên địa giả, vạn vật chi nghịch lý.
Quang âm giả, bách đại chi quá khách.

Nhi phù sinh nhược mộng, vi hoan kỷ hà?
Cổ nhân bình chúc dạ du, lương hữu dĩ dã.

Huống dương xuân triệu ngã dĩ yên cảnh,
đại khối dã ngã dĩ văn chương.

Hội đào lý chi phương viên,
Tự thiên luân chi lạc sự.
Quần quý tuần tử, giai vi Huệ Liên,
Ngô nhân vịnh ca, độc tàm Khang Lạc.

U thưởng vị dĩ, cao đàm chuyển thanh.
Khai quỳnh tiên dĩ toạ hoa,
Phi vũ thương nhi túy nguyệt.

Bất hữu giai tác, hà thân nhĩ hoài.
Như thi bất thành, phạt y Kim Cốc tửu số.

lý bạch

tiệc rượu đêm xuân trong vườn đào lý

Ôi, trời đất là quán trọ của muôn vật.
Ngày giờ là dấu chân của trăm đời.

Mà kiếp phù sinh như giấc mộng, cuộc vui phỏng được là bao?
Người xưa rong đuốc chơi đêm, chuyện hắn là có vậy.

Huống Dương Xuân đem cảnh sắc mà mời mọc ta,
Đại khối lấy văn chương mà bắt nợ ta.

Vườn thơm, nhân tài đủ mặt,
Tình vui, thiên bầm tự lòng.
Các em tuần tử, đâu kèm Huệ Liên,
Bọn ta vịnh ngâm, chỉ thua Khang Lạc.
Âm thầm hưởng vui, đã đâu làm đủ,
Ngao nghệ cất tiếng, âu mới thoả tình.

Ngồi trong hoa, vui tràn tiệc ngọc,
Say dưới trăng, vung cao chén ngà.

Không có thơ hay,
lấy gì bày tỏ được tình thanh cao ấp ủ.

Mà thơ không thành,
thì rán mà lĩnh đủ số rượu phạt như lệ vườn Kim Cốc.

đan quế chuyển dịch

Điền nhủ mày ngất lời:

— Lạ nhỉ! Bỏ con có đánh bạc bao giờ? Đến chán với tổ tôm còn chả phân biệt được quân gì với quân gì nữa là! Hoạ có rút bất thì còn biết qua loa, chứ sóc đĩa thì nhất định là không!

Điền ngờ rằng cha mình có vợ lẽ. Nhưng bà mẹ kể tiếp:

— Mãi đến một hôm, tao thấy ông ấy thất thểu về, nằm vật ra giường. Cạy miệng cũng không nói nhời nào, mặt cứ xanh mét y như là phải gió. Tao chạy đi xin mấy lá gừng không hơ lửa đánh gió cho ông ấy. Bấy giờ ông ấy mới thú thật là mất nghiệp rồi. Văn tự bán nhà đã ký xong xuôi cả rồi!

Điền kêu lên:

— Bán cả nhà!

Bà mẹ lắc đầu đáng cay:

— Nhà không thôi đâu! Cả một rặng tre phía trước, bán tất. Rồi mấy gốc bưởi, mấy cây mít ở bờ ao. Mày còn nhớ cây mít thật sai mọc chia ra bờ ao không? Hết tre, hết vườn rồi mới đến cái nhà!

— Ai ăn? Bán cho ai?

— Lão Tồn chứ ai! Ban đầu, lão đưa tiền cho đánh, chỉ làm giấy nợ thôi. Rồi thua mãi phải bán nhà luôn. Hai hôm sau, bố mày ốm nặng, tao đang nấu cháo thì lão Tồn cho người đến lấy nhà. Tre nó chặt hết. Mít với bưởi vật sạch, bắt luận già hay non!

Điền bùi ngùi:

— Thế rồi bố mẹ dọn đi đâu?

— Lão Tồn ra cái điều nhân nghĩa bảo tao: Ông ấy đang ốm dở, tôi cho ông bà dọn tạm xuống ở dưới bếp. Bao giờ khỏi thì tôi lấy lại làm chuồng lợn! Nửa năm sau thì bố mày chết, không có miếng vải mà liệm!

Bà cụ dừng lại, im lặng mấy phút như để mặc niệm cái chết bất thường của chồng. Đối với cái chết ấy, bà vừa thương vừa hận, cho nên mỗi khi kể, bà thường bắt đầu bằng hai dòng nước mắt. Nhưng khi câu chuyện đã có trớn, càng nói bà càng lạnh lùng. Điền mím môi gay gắt hỏi:

— Sòng bạc ấy bây giờ còn không?

— Ngày tao lên đây thì nó vẫn lù lù ở dưới ấy, có ai động đến đâu!

Điền hung lên:

— Đảng ủy đâu? Ủy ban đâu? Sao lại để như thế?

Bà mẹ gạt đi:

— Chuyện! Cờ bạc thì làng nào xã nào chả có. Cấm thế nào được! Tao chỉ trách có mỗi một điều là đánh nhón quá. Bán cả ruộng vườn nhà cửa thì

thật là quá sức lẽ mình!

Điền ngồi im, đầu cúi xuống, mũi dèp râu di di trên nền đất. Lâu lắm gã mới hỏi thêm:

— Thế lúc ấy cái Trang...

Bà cụ ngắt lời:

— Con vợ thổ tả của mày ấy à? Nó giắt con đi mất từ lâu rồi, còn đâu! Nó theo thằng Triển chủ nhiệm hợp tác xã. Khốn nạn! Nó có ngó ngang gì đến thằng Tèo đâu. Tao bảo mãi là "mày muốn theo giai thì cứ theo. Mày muốn bôi gio trát trấu vào mặt tao cũng được. Nhưng phải để thằng Tèo lại cho tao nuôi. Con mày nhưng mà cháu tao!" Nó cứ nằng nặc bẻ theo. Thằng bé đi bắt cà cuống. Lúc ấy nước đang lên to, lộn cổ xuống ao, chẳng có ai vớt! Hai ông cháu chết cùng một năm!

Điền nắm chặt tay, dầm mạnh xuống giường. Vài cọng chiếu gãy tung, rụng xuống đất. Gã hỏi:

— Bây giờ nó vẫn ở với thằng Triển?

— Ai rước nữa mà không ở với

thằng Triển! Giời quả báo! Cái thằng Triển tham ô, bị tống cổ về, không cho làm hợp tác nữa. Đang xây dở cái nhà gạch, nghe bảo bây giờ nợ như chúa chổm!

Điền tiếp tục hỏi thăm về làng cũ. Những đổi thay trong cuộc chiến, kẻ chết người sống. Bà mẹ lâu ngày chẳng có ai để nói chuyện, được dịp trút hết bầu tâm sự.

Đắc đạp xe về tới. Gã dựng xe vào thềm, lôi cái túi vải treo ở ghi-đông xuống, lấy ra chai rượu trắng và một bọc lá chuối. Gã hí hửng báo tin:

— May quá! Con mẹ Thìn giết lợn. Em nài nó đĩa lòng, anh em mình đánh chén!

Đắc nhìn mặt mẹ và anh, biết chắc hai người vừa trải qua những nhức buốt của quá khứ. Gã muốn đánh tan nỗi lo buồn vô ích đó để đưa gia đình trở về thực tế:

— Có làm việc ở Tỉnh Đội và trạm An Dưỡng, mới thấy được nhiều cảnh



khổ! Nhà mình thế cũng là còn may chán!... Nào, mời mẹ. Mời anh! Lòng mới luộc, còn nóng!

Diễn dìu mẹ sang ghế ngồi. Đắc lẳng xăng xuống bếp lấy bát đĩa và hai cái cốc thủy tinh. Mọi chuyện quá vãng tạm gác lại để mở đầu bữa tiệc liên hoan tương đối hiếm hoi. Diễn uống nhiều rượu và mỗi lần gấp cho mình một miếng lòng thì lại gấp thêm một miếng đặt vào bát cho bà mẹ. Bà cụ cũng nhấp một ngụm rượu rồi vui vẻ hỏi Diễn:

— Thế trong ấy mày đã có đám nào chưa?

Mặt Diễn phớt chốc đỏ gay như cổ gà chọi. Gã cười:

— Lạ nước lạ cái, quen ai!

Bà cụ tươi nét mặt:

— Với lại, trâu ta ăn cỏ đồng ta, lấy người ngoài mình vẫn hơn!

Đắc ngà ngà say, lên tiếng phản đối:

— Biết thế nào là hơn hờ mẹ? Cứ bảo con gái Bắc đám với chung thủy! Chỉ nói phét. Ngày xưa thì thế thật. Bây giờ thì chả còn nữa!

Bà cụ nhập đề:

— Cái Yến, con bà Kế, cũng người huyện ta, đang công tác ở... ty gì ấy Đắc nhỉ?

— Ty gì! Sở Thương Nghiệp.

— Ừ. Sở Thương Nghiệp. Con bé lành lắm. Chỉ phải cái hơi béo một tí. Gặp tao cứ một điều mẹ hai điều con. Ý chừng cũng thích mày. Hay là chủ nhật này gọi nó lại chơi. Mày còn ở nhà lâu không?

Diễn tò mò:

— Cô ấy năm nay độ bao nhiêu? Có vướng mắc gì chưa?

Đắc hững hờ đáp thay mẹ:

Ba mươi rồi! Cũng chẳng trẻ trung gì nữa!

Bà mẹ sợ Diễn chê là gái ế chồng nên vội bênh vực:

Nó phải cái ham việc. Bao nhiêu chỗ đánh tiếng mà nó cứ lờ đi. Thành ra ba mươi rồi mà vẫn chưa có chồng.

Diễn đưa mắt nhìn Đắc hỏi ý. Gã không tin bà mẹ bởi vì bà bị lừa mất không thể đánh giá nhan sắc người khác được. Chẳng may gặp một đứa rở chằng rở chịt như cái thằng Chắt ở trạm 276 thì chỉ mất thì giờ vô ích. Đắc hiểu ý anh, chậm rãi nói:

— Đám ấy thì cũng được! Đẹp thì chả đẹp, nhưng chắc là có của để ra. Làm thương nghiệp cả năm sáu năm nay...

Diễn rung đùi phát biểu:

— Có vào trong Nam rồi, mới biết

cánh ngoài mình xoàng lắm. Họa hoằn mới có người đẹp!

Bà cụ lại gạt đi:

— Đẹp mà làm cái gì! Xanh vỏ đỏ lòng. Cần cái nét chữ cái mã bên ngoài ăn thua gì. Cứ nom cái Trang, vợ cũ của mày đấy. Chả xinh ư? Xinh như nó thì cũng chỉ đem gọt đầu bôi vôi chứ báu gì! Vả lại, mày cũng trẻ trung gì nữa. Bốn mươi tuổi đầu rồi!

Diễn buông xuôi:

— Vâng. Thì cứ thử gặp xem thế nào. Chưa vị tất người ta đã bằng lòng mình.

— Ừ. Thế thì để tao bảo nó lại đây chơi.

Đắc bàn ngang:

— Lại làm gì cho lòi thối. Lại tốn bữa cơm! Mai anh tạt vào Sở Thương Nghiệp, cứ thấy cô nào béo nhất là nó đấy. Anh thích thì hẵng mời đến nhà. Không thì thôi. Gọi đến đây, ngộ nhớ anh chê có phải là mình gương với người ta, mà người ta cũng oán mình!

Diễn gạt gù đồng ý:

— Phải đấy!

Nhân tiện Diễn hỏi:

— Còn chú thì thế nào? Có mối nào chưa? Người ta đi chiến trường đã đành. Ở hậu phương mà cứ lủi thủi một mình mãi hay sao. Xem chỗ nào được thì xây dựng, đem nó về giặt giũ nấu nướng cho mẹ.

Bà cụ lại được dịp kể:

— Ấy, tao cũng cứ bảo nó mãi như thế mà nó chả nghe. Đạo năm kia, có con bé ở trạm An Dưỡng thích nó lắm. Đi lại cũng cả năm, rồi lại chẳng thành.

Đắc cười xoa:

Hoà bình rồi, lấy vợ lúc nào chả được!

Gã gấp miếng dồi cuối cùng trong đĩa, toan đưa lên mồm, bỗng dừng lại, dùng hai ngón tay lòi ra một sợi lông lợn lẫn trong mớ tiết nhồi. Gã chấm chấm mắm tôm, bỏ vào miệng nhai và uống cạn phần rượu còn lại trong cốc. Mặt gã xanh mét, mồ hôi rỉ ra ở hai má và chân tóc. Gã nói với Diễn:

— Thế nào em cũng phải xuôi Nam một chuyến. Nghe bảo trong ấy sướng lắm.

Bà mẹ dè dặt:

— Quen ai trong ấy mà vào! Phải có chỗ quen, chứ ở khách sạn thì chết tiệt.

Đắc nhìn anh, nịnh một câu:

— Anh Diễn làm đến tiểu đoàn trưởng, chả lẽ lại không chứa nổi một mình con!

Diễn gạt gù:

— Anh về chuyến này cũng là để bàn với chú việc ấy. Biết cách thì đi không tốn, mà lại có lãi mang về. Chỉ vài lượt là giàu!

Đắc mừng lắm. Gã nhìn anh cảm phục, thầm bày tỏ lời cảm ơn rồi đứng dậy thu dọn chén bát xuống bếp. Dù chỉ còn một tay, nhưng Đắc làm việc gì cũng nhanh và gọn. Bà cụ quờ quạng với cái ấm đồng đặt ở chân bàn, rót cốc nước trà nguội, vừa uống vừa xĩa răng. Bà bảo Diễn:

— Nước chè tươi đấy. Từ ngày lên đây tao đâm ra nghiện chè tươi. Ngon hơn nụ với dưới mình.

Diễn thốt nhớ đến cái phích và buốt nhói trong lòng. Gã bảo:

— Bận sau về, thế nào con cũng biểu mẹ cái phích. Con biết mẹ nghiện nước chè.

— Có thì khách khứa đến cũng tiện. Chè tươi thì uống nguội ngon hơn.

Bà cụ cầm cây tăm quẹt ngang hàm răng kêu lách tách. Rồi bà uống một ngụm nước thật lớn, xúc miệng ừng ực và nhổ bẹt vào góc nhà. Đắc từ dưới bếp đi lên, mang theo cái điều cày và hộp thuốc lá đặt trước mặt anh:

— Hút thử thứ này xem có khá không? Ngồi ở phòng tổ chức thì quà cáp luôn. Nhưng cánh bộ đội phục viên đứa nào cũng nghèo rớt mùng tơi. Biểu xén giới lắm là cân đường. Còn thì toàn là thuốc lá thuốc lá! Toàn những thứ quà phải gió!

Đắc hai ba lần nhắc đến chữ "quà" một cách nhấn mạnh, để gợi ý cho Diễn. Quả nhiên Diễn đứng dậy mở ba lô và hãnh diện nói:

— Ngoài này thì có cái cóc gì đáng giá! Anh cho chú cái này, chú mặc thử xem có vừa không.

Diễn lôi ra chiếc quần jean và cái áo sơ mi mua ở chợ trời Trương Minh Giảng. Đắc ngây ngất đỡ lấy, mân mê trong tay rồi trao cho mẹ:

— Mẹ xem này!

Bà cụ sờ chiếc quần jean và nhận xét:

— Vải gì mà dày như kaki Nam Định ngoài ta thế này!

Đắc phì cười:

— Kaki Nam Định thì có cho cũng chả thèm! Cái này của Mỹ chính cống đấy mẹ ạ. Khố của!

Bà cụ sực nhớ ra một chuyện quan trọng. Bà bảo Diễn:

— Bác Tích, người làng mình, bây giờ cũng dọn lên đây. Bác ấy cứ hỏi thăm mày mãi. Thỉnh thoảng sang chơi với tao. Hay là mày lấy xe của Thắng

Đắc đeo tao sang thăm lại người ta một tí kẻo người ta lại trách là mình không biết điều!

Đắc biết mẹ ngồi nhà quanh năm tù chân lấm, chỉ ao ước được ra ngoài. Mà Đắc có mỗi một tay, không dám chở ai phía sau xe. Gã mỉm cười nhìn Diễm:

— Vâng, anh đưa mẹ đi hộ em.

Diễm đứng dậy ra sau nhà rửa mặt trong khi bà cụ vắn lại mái tóc lưa thưa lốm đốm trắng. Diễm ra sân, ngồi xuống nắn lại bánh xe và hỏi Đắc:

— Lốp xẹp rồi. Nhà có bơm không?

Đắc chạy sang nhà hàng xóm mượn cái bơm mang về cho anh. Bà cụ cầm theo hộp trà, mon men ra cửa chờ Diễm. Đắc đỡ mẹ ngồi lên yên sau, Diễm rướn người đi đáp, ngoái cổ lại nói:

— Xích khô dầu quá rồi đấy. Với lại hơi chùng!

Đắc không đáp, hồi hộp đứng nhìn theo. Khi chiếc xe đạp vừa khuất, Đắc trở vào khép cửa và vội vã lục ba lô của Diễm ra xem. Nằm sâu dưới đáy, sau lớp quần áo bộ đội và chiếc đèn pile, Đắc phát hiện ra một cuốn Playboy dày cộm. Đắc tò mò lật nhanh vài trang và mặt cứ tái dần, tim đập thình thịch. Cha sinh mẹ đẻ đến giờ chưa bao giờ được thấy những bức hình quý giá thế này! Đắc buông cuốn báo, chạy ra cài then cửa rồi mang cuốn Playboy vào buồng trong, leo lên giường nằm... Cái radio, chiếc quần jean, áo sơ mi, tất cả đều đáng quý. Nhưng cuốn sách này mới thật là món quà mà Đắc say đắm nhất. Đắc đang lim dim thưởng thức những giai nhân khoả thân trên trang báo, bỗng nghe tiếng bà mẹ oang oang từ ngoài đường:

— Xe với cộ, chán mớ đời! Vừa ngồi lên là bẹp dí!

Đắc hoảng hốt ngồi bật dậy, kéo quần lên. Cũng may, bà cụ vốn có tật nói lớn, mắt lại loà, dò dẫm từng bước, cho nên Đắc mới đủ thì giờ chạy ra phòng ngoài, nhét tờ Playboy vào đáy ba lô như cũ. Rồi Đắc phóng xuống bếp, chờ mẹ đập cửa. Gã cầm cái khăn vải bước lên, tháo then cài và giả vờ ngạc nhiên hỏi:

— Ơ hay! Sao lại về chóng thế?

Diễm lắc đầu:

— Nổ lốp rồi. Có hiệu nào gần đây không? Đem vá đi.

Đắc thoải mái:

— Anh cứ để đấy cho em...

Và Đắc phân trần:

— Định đi tắm một cái. Nhà chả có gì, nhưng tại anh về, phải đóng cửa, sợ

có đũa nào nó để ý, lên vào ăn trộm.

Bà cụ ngồi xuống bậc cửa, phụ họa:

— Ừ. Từ nay phải cẩn thận. Cái đài để lù lù ra đấy!... Vá cái lốp xe đi, ngày mai để xe ở nhà, anh mày nó đưa tao đi thăm vài nơi. Lên đây mấy năm giờ, chẳng gặp ai, người ta nói chết!

Đắc để mẹ và anh ngồi nói chuyện ngoài hiên, gã ra nhà sau múc nước tắm. Từng gáo nước xối xuống tấm thân đang rạo rục bốc lửa của Đắc. Những tấm hình mỹ nữ chấp chờn hiện ra trong trí Đắc, báo hiệu cho gã biết trước đêm nay sẽ mất ngủ. Nhan sắc bầm sinh vốn khiếm tốn, lại thêm cánh tay tàn phế, nhiều năm qua Đắc đã chịu đựng những hăm hiu tình cảm triền miên. Ở tuổi ba mươi tư, chưa một lần gần gũi đàn bà, Đắc càng ngày càng héo úa vì khao khát một bóng hình khác phái. Những đêm trăn trở cô quạnh, nhất là khi Đắc uống dấm ba chén rượu trong bữa cơm chiều, Đắc khổ sở vì đòi hỏi của thể xác, thấy đời chẳng còn chút sinh thú nào đáng kể.

Đắc dội gáo nước cuối cùng rồi cầm khăn lau mặt. Chiếc khăn vải thô, cứng như mo cau, chà vào mặt vào cổ, đưa dần xuống khắp thân thể, trong giây lát đã ướt đầm. Gã vừa mặc quần áo xong thì Diễm xông vào, mắt lảo liên nhìn quanh, rồi lôi Đắc xuống hân trong bếp. Diễm lôi trong áo ra cuốn Playboy và bảo Đắc:

— Anh cho chú xem cái này!

Đắc sững run người. Những bức hình đang coi dở, đang ăm ức. Không ngờ lại được Diễm cho chiêm ngưỡng lại. Đắc trầm trồ reo lên:

— Đàn bà Mỹ bạo nhĩ! Dám cởi hết quần áo cho người ta chụp ảnh!

Diễm gấp cuốn báo lại, dí vào tay Đắc:

— Biểu chú! Sách này ở thành phố Hồ Chí Minh thiếu gì! Anh xem cả trăm quyển rồi!

Đắc run run đỡ lấy. Diễm tiếp tục khoe:

— Trong ấy anh được xem cả phim nữa. Phim truyện, có thuyết minh cẩn thận. Thế mới ghê!

Đắc không nói được lời nào nữa. Gã mừng tượng ra một ngày gần đây, gã sẽ phải thu xếp để Nam du một chuyến, tận hưởng tất cả những phần vinh của chân trời mới, tạm quên cuộc sống tẻ nhạt của một cán bộ phòng tổ chức Tỉnh Đội.

(còn tiếp)

(tiếp theo)

Thấy cậu em út nằm đũa đũa trên võng, Lương Ngọc hỏi:

— Sao mà nhàn quá vậy?

Tuấn Ngọc lồm cồm ngồi dậy, xỏ chân vào đôi guốc mộc:

— Ngày mai anh về Vĩnh Long phải không?

Lương Ngọc gật đầu. Tuấn Ngọc bảo:

— Cho em về theo với.

— Bộ chán Hòn Ngọc Viễn Đông rồi sao?

Tuấn Ngọc mỉm cười:

— Có yêu đâu mà chán? Nhưng em thích về sớm.

Cả hai vào trong nhà. Mãn Đường Kiều, sau khi bắc nồi cháo lên bếp, bước ra mái hiên, múc nước mưa uống từng ngụm nhỏ. Trời hanh nắng, nóng bức. Nàng cảm thấy nước ngọt kỳ lạ, mỗi ngụm nước như ướp mát châu thân. Nàng cười thân ái hỏi Tuấn Ngọc:

— Lại nhớ Tuyết Minh phải không?

Tuấn nhìn chị dâu, thẳng thắn:

— Cũng đúng một phần.

Mãn Đường Kiều niềm nở:

— Lương và Tuấn có khát không? Để chị làm nước đá chanh cho hai chú uống nghen.

Tuấn Ngọc xếp tập kịch bản, ngồi dậy:

— Để anh kiểm bìa uống chơi.

Mãn Đường Kiều vui vẻ:

— Lại bày ra nhậu nhẹt, phải không? Anh uống bia nhiều thì sẽ lớn bụng, sẽ mập phệ ra.... Nếu anh nhậu với trái chua, nhớ để dành cho em vài trái me hoặc trái cóc nghe.

Nàng nhìn về phía bếp, nơi Thắm Phương đang cặm cụi gọt củ gừng, thở dài ngao ngán:

— Vặt lông vịt xong, em bợn dạn, hết muốn ăn cháo vịt.

Tuấn Ngọc nhìn vợ thật sâu, hỏi:

— Hay là... em đã cần thai?

Mãn Đường Kiều lắc đầu:

— Em cũng không hiểu nữa. Tháng rồi, em hành kinh muộn. Tháng này biết đâu cũng muộn luôn.

Lương Ngọc cười:

— Chị sanh xong, Lương sẽ đem cháu về thăm bà cố cháu cho bà cố mừng.

Mãn Đường Kiều chỉ cười. Nàng quay xuống bếp, khẽ đặt tay lên bụng, mắt mơ màng xa xôi. Chưa bao giờ nàng hỏi chồng về việc sinh con. Nhưng khi thấy Tuấn Ngọc quần quít lủ trẻ

Ngát Hương

Mật Ong



truyện dài

Hồ Trường An

hàng xóm, nàng đoán là chàng tha thiết với một gia đình đúng nghĩa. Mà gia đình thật sự là gì nếu không có trẻ con? Từ khi chung sống với Tường Ngọc, nàng chưa hề nghĩ đến ngày làm mẹ. Tình yêu giữa nàng và Tường Ngọc còn thấm đượm, nồng nàn nên nàng chưa muốn chia sẻ cho một kẻ thứ ba, dù kẻ đó do máu huyết của cả hai tạo thành.

Mãn Đường Kiều biết mình đẹp lòng lấy. Nàng theo chồng giao thiệp với văn giới, nghệ sĩ. Nàng tới đâu là lời cuốn sự ngưỡng mộ tới đó. Có vài ông chủ hãng phim, đạo diễn đề nghị nàng đóng phim. Chiều chồng, nàng đi thử test và trời ơi, nàng không ăn ảnh và diễn xuất thật tệ. Những kinh nghiệm sân khấu hồi còn đi học không giúp ích gì cho nàng. Khi diễn xuất trước máy quay phim, Mãn Đường Kiều vụt thấy hoang mang, sợ sệt, do đó mà nàng lúng túng, cử chỉ cứng ngắc, lộ vẻ mất tự tin thấy rõ.

Từ đó Mãn Đường Kiều dẹp mộng làm nghệ sĩ. Nàng tự biết làm vợ một nghệ sĩ đang lên như Tường Ngọc, nàng đã khiến giới nghệ sĩ trình diễn phải ngưỡng mộ ở cách phục sức, ở phong thái lịch lãm, ở nhan sắc nồng

thắm của nàng. Phải để cho họ tưởng nàng có nhiều ưu điểm khác. Nếu nàng đóng phim dở ẹc thì nàng sẽ làm họ thất vọng biết bao. Tường Ngọc lúc nào cũng tự hào về vợ, chàng không ngừng say mê vợ và càng ngày càng khám phá ở nàng những điều quyến rũ mới.

Trong chuỗi ngày hạnh phúc, mỗi tối Mãn Đường Kiều đều tụng một tuần kinh Phổ Môn cảm tạ đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Trước khi cùng Tường Ngọc bỏ Vinh Long ra đi, nàng tưởng mình khó tìm được một tình yêu, một cuộc hôn nhân vững chắc, một gia đình... Tai tiếng của nàng đã lan tràn khắp tỉnh Vinh Long. Đàn ông chỉ muốn nàng trở thành tình nhân của họ chứ không ai muốn cưới nàng làm vợ. Chỉ có Tường Ngọc khi yêu nàng là muốn xây dựng lâu dài với nàng, không so đo tính toán gì hết.

Mãn Đường Kiều bảo Tuấn Ngọc:

— Tuấn ra vườn bẻ khế dùm chị đi. Còn cóc và ổi đã có sẵn trong rổ. Tuấn gọt vỏ rồi bày ra đĩa.

CHƯƠNG CUỐI

Lương Ngọc vừa tốt nghiệp đại học

sư phạm, sửa soạn bước vào đời. Tuấn Ngọc hay tin, lên Sài Gòn thăm chàng cùng các anh chị khác. Tuấn Ngọc có vẻ mến Thành lắm nên trong lúc Lương lo giấy tờ xin bổ dụng tại tỉnh nhà thì Tuấn Ngọc đi chơi với Thành.

Hằng Phương bảo Thành:

— Em coi bộ thẳng út ngây thơ quá. Anh dạy cho nó biết mùi đời đi.

Thành mơ hồ nhận thấy nếu đưa Tuấn Ngọc vào nhà thổ thì chàng đã thối tan tác những đoá hoa mộng ảo đang trở sắc khoe màu trong tâm hồn Tuấn. Cậu em vợ tương lai của chàng đâu có đầu óc bình thường. Ở Tuấn Ngọc có một chút gì lệch lạc, hơi khác thường, nhưng chính cái lệch lạc đó làm cho Tuấn Ngọc hồn nhiên, hạnh phúc và tươi mát.

Thành chọn một nhà thổ sạch sẽ gần thành Ô-ma và lựa cho Tuấn một cô gái rất đẹp. Thật tình trước khi vào đây, Tuấn Ngọc cũng “ham”, cũng “hăng” lắm. Nhưng tâm hồn mơ mộng của chàng bị khung cảnh dâm uế, suồng sã nơi đây rót vào một dòng nước lạnh cóng. Tuấn Ngọc nhất định không cởi quần áo. Chàng ấp úng:

— Xin lỗi cô, tôi không thể... ồ, xin lỗi cô, tôi ngại lắm...

Cô gái ớn ớn:

— Em sẽ làm anh... hăng hái lên. Bước đầu nào cũng khó. Chỉ sợ xong xuôi, anh tìm em hoài cho coi.

Tuấn Ngọc móc ví lấy tiền đặt vào tay cô gái rồi khoác màn bước ra ngoài. Thành cười:

— Xong chưa, cậu?

Tuấn Ngọc thành thật:

— Chưa xong nhưng kể cũng như xong.

— Chắc là rải trấu đầu gió rồi chứ gì?

Nói xong, Thành vụt hối hận. Tuấn Ngọc đâu phải là kẻ đắm đuối chuyện xác thịt. Chàng chỉ cảm thấy gọi hứng khi có tình yêu thật sự và trong một khung cảnh thi vị.

Tuấn Ngọc từ đó kém vui. Nhưng khi đến thăm Tường Ngọc và Mãn Đường Kiều, được chứng kiến tình lân lý đầm ấm trong khu xóm nghèo, Tuấn lấy lại niềm vui hồn nhiên cũ.

Lương Ngọc đưa Tuấn Ngọc về nhà trọ của mình sau khi dắt em đi mua sắm và thăm một vài bà con bên ngoại.

Chiều hôm sau, cả hai rủ nhau về Vinh Long. Chuyến xe đồ khởi hành lúc 8 giờ tối. Thời thanh bình đi chuyến xe đêm đỡ nóng nực hơn, nhất là vào

đêm rằm như đêm nay thì vô cùng thú vị! Trên xe đò, dân chúng bàn tán về việc nuôi cá phi. Theo họ, cá phi (cá từ Phi luật tân đem qua) dễ nuôi nhưng thịt độc, ăn vào sẽ mắc bệnh cùi. Lương Ngọc thì không nghĩ vậy. Chàng đã được một ông bác sĩ làm việc ở nhà thương Đồn Đất cho hay thịt cá phi dễ gây dị ứng cho một số người, giống như thịt vịt xiêm lai. Dù sao thịt cá phi vẫn ngon...

Lương Ngọc biết tin đồn thất thiệt thường là do bọn Việt cộng nằm vùng phao ra. Nhưng dân miền Nam nào biết nên bắt đầu sợ cá phi. Nhiều người sạt nghiệp vì nuôi cá phi tốn kém mà không bán được. May mà ông Sáu Đá chỉ nuôi cá phi cầm chừng vậy mà ông cũng lỗ vốn nặng. Tết vừa rồi, Bình Minh không được cha tặng chiếc kiềng vàng như ông đã hứa. Ông Sáu Đá đành khất với con năm sau.

Qua chuyện cá phi, Lương Ngọc cảm thấy buồn buồn. Bọn cộng sản nằm vùng đâu phải là ít. Nếu công an, mật vụ và cán bộ công dân vụ không khai quật được hạ tầng cơ sở chúng thì rồi đây

chiến tranh sẽ tái diễn.

Xe vừa ra khỏi Phú Lâm là vào một cõi trắng sao mơ màng. Vòm trời đầy sao trên đầu, gió đồng lượn qua các khung cửa xe mát lạnh. Lương Ngọc hít không khí dịu mát của đêm trăng. Mười giờ rưỡi, xe tới Ngã Ba Trung Lương. Các quán ăn, các tiệm nước ở đó còn thấp đèn sáng choang.

Trong bóng tối của lòng xe, Tuấn phát nhẹ lên vai anh, vui sướng bảo:

— Lần đầu tiên em đi xe đêm. Vui quá! Anh coi, đêm nay trăng tỏ sao sáng, trời đêm lồng lộng.

Ánh đèn trong quán ăn, tiệm nước, tiệm bi da gọi cho Lương Ngọc niềm vui sống. Vào những năm đầu của chính thể Đệ nhất Cộng hoà, đa số dân miền Nam sống an lạc, sung túc. Những ban văn nghệ lưu động của nhà Tâm Lý Chiến đi lưu diễn miễn phí ở các miền Tiền giang, Hậu giang với các vở kịch tổ cộng ý nhị, những giọng hát truyền cảm, vững vàng. Sau này, những kịch sĩ như Xuân Phát, Bích Huyền, Bích Sơn đều trở thành nghệ sĩ nổi tiếng. Các giọng ca của Mỹ Hoà, Kim Chi, Băng

Tâm dần dần được các phòng trà thủ đô chiều cổ. Tỉnh lỵ Vĩnh Long được tái thiết, trùng tu. Phố xá nở rộng, các tiệm buôn xây thêm lầu và đổi mới mặt tiền. Nhà máy chà gạo được thiết lập tại nhiều nơi. Đường liên tỉnh rộn rịp xe đò, xích lô máy, mô tô rờ-mô-tơ. Dưới sông, xuống đuôi tôm, hors bord, đò máy chạy xinh xịch. Trong xóm, gia đình xoàng xoàng cũng có thể sắm radio, giàn hát máy. Tỉnh lỵ càng lúc càng xuất hiện thêm thanh niên thiếu nữ. Đó là những học sinh ở làng quê, học hết chương trình tiểu học nên ra tỉnh để tiếp tục chương trình trung học. Trường học công cũng như tư được mở thêm khắp nơi. Học sinh có thể học hết chương trình trung học tại tỉnh nhà mà không phải sang Mỹ Tho, qua Cần Thơ hoặc lên tận Sài gòn.

Lương Ngọc, với tâm hồn lạc quan, hăm hở bước vào tương lai. Rồi đây, bên cạnh chàng, Bình Minh sẽ cùng chàng thực hiện giấc mơ mà cả hai đã cùng xây dựng: một tổ ấm ngay trong đại gia đình của chàng. Chàng vốn chăm chỉ, vững chãi. Nàng còn bền chí, vững chãi hơn. Nàng đẹp, khôn khéo, dịu dàng tuy không thơ mộng như lũ em gái của chàng. Nhưng sự trầm lặng của nàng đã gọi cho chàng niềm bình an kỳ diệu.

Đến quá nửa đêm, xe mới tới Bắc Mỹ Thuận thì bị kẹt bắc. Trước xe đò, cả một đoàn quân xa, xe vận tải, xe du lịch... Tuấn Ngọc reo:

— Thích quá! Lại kẹt bắc.

Các quán ăn, tiệm nước vẫn còn mở cửa, đèn đuốc sáng lòa, rõ ràng là chốn thị tứ. Lương Ngọc hỏi em:

Tuấn buồn ngủ chưa? Muốn uống cà phê và ăn chút gì không?

Tuấn Ngọc đồng ý ngay:

— Anh em mình kiếm cà phê uống cái đã. Còn chuyện ăn thì tính sau.

Cả hai xuống xe, bước vào một tiệm ăn bày biện nửa Tây, nửa Tàu. Trên vách, một tấm lịch to nổi hình phúc lộc thọ màu đỏ chen xanh, chen lục, kim nhũ diềm dứa. Giữa quán, từ trần nhà, ngọn đèn măng-sông toả ánh sáng trắng quuyền rũ loài mối lượn quanh đèn.

— Lương Ngọc! Tuấn Ngọc!

Nghe tiếng gọi, hai anh em quay lại. Lưu đó! Anh chàng đi hỏi Đạm Phương đó. Nhưng bên cạnh chàng có Thẩm Thệ Thủy. Hôm nay, Thủy mặc áo màu hồ thủy, đeo xâu chuỗi xanh và đôi hoa tai bằng hạt thủy tinh đồng màu nên có vẻ duyên dáng lạ. Tuấn

điểm hẹn

*Ai kẻ xa quê lúc thiếu thời
Học hành đang dở yếu nhằm nơi
Kịp nghe sông núi cao lời gọi
Lấy súng gươm làm đẹp nghĩa đời*

*Ai kẻ sa trường không tiếc thân
Hồn sương ai nhuộm vị phong trần
Bốn phương vệt gót giầy chinh chiến
Thơ cũng ngang tàng ghé một chân*

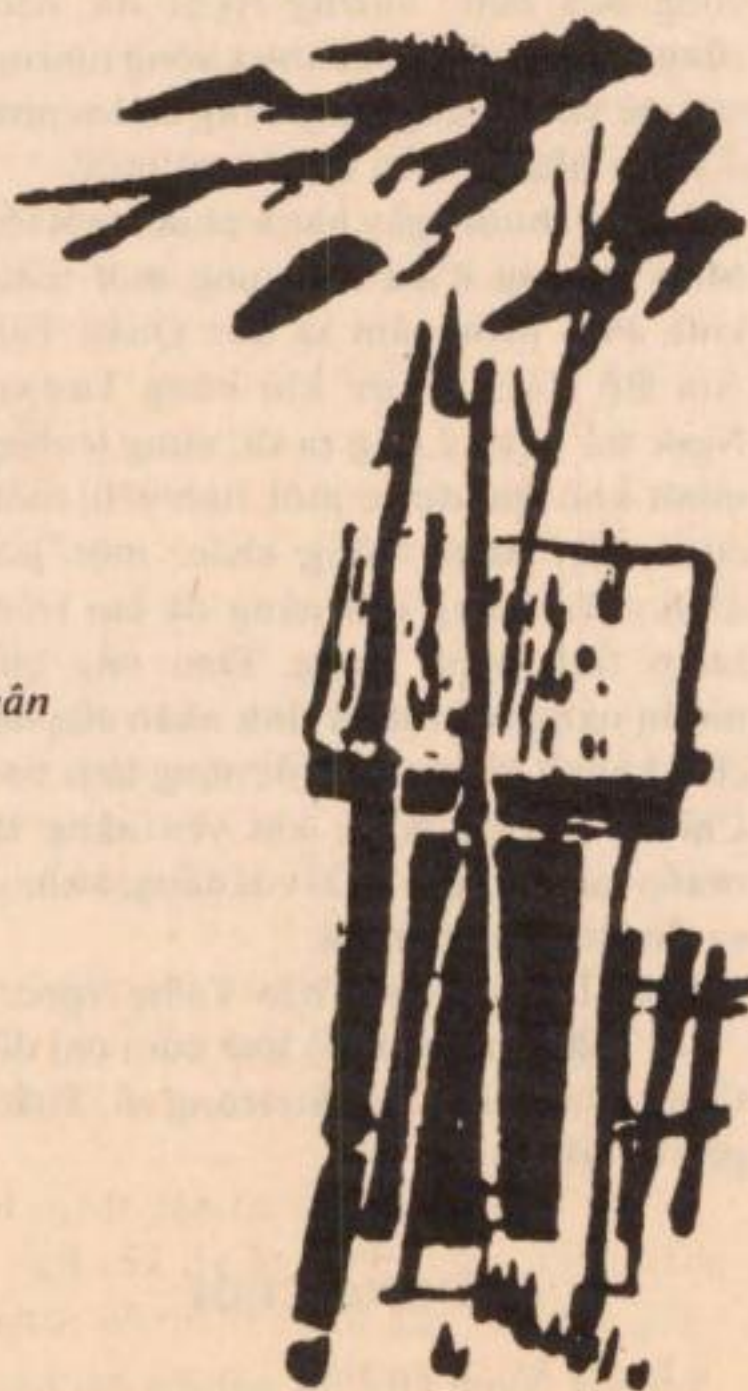
*Ai kẻ chòi hoang là khách sạn
Gió mây là hạn, rượu thay cơm
Trăng soi chiến địa trăng mưa đạn
Thơ vẫn nhịp ba nổ rất ròn*

*Ai kẻ bỗng già như cổ thụ
Nhánh buồn vong quốc, nhánh thương thân
Đời nay họ nước xưng mình chủ
Tiếm vị tranh quyền rất dã nhân*

*Ai kẻ âm thầm nuôi hận nước
Ai người chí cả vẫn bền gan
Sử đầu khép lại ngàn trang trước
Sẽ mở ngàn sau những nét vàng*

*Xin lấy tháng tư làm điểm hẹn
Đạp muôn dặm biển một quay về
Triệu người hải ngoại, cùng tây tiến
Góp triệu bàn tay giải phóng quê.*

hà huyền chi



Ngọc vui vẻ:

— Anh Lưu! Không dè gặp anh ở đây.

Lưu bắt tay hai anh em, rồi chỉ Thủy giới thiệu:

— Vợ tôi, chắc hai anh em biết rồi.

Tuấn Ngọc cười:

— Em biết chị Thủy từ lâu vì chị là bạn cùng lớp với chị Đạm, chị Hằng, nhưng giờ đây em mới biết chị còn là bà Đặng văn Lưu nữa.

Lưu sốt sắng mời hai anh em sang bàn của mình. Đạo trước Lưu nhút nhát bao nhiêu thì bây giờ có vẻ hoạt bát, chững chạc bấy nhiêu. Khi chàng ta nói chuyện, Thủy cứ nhìn chổng cườì phơ phơ. Nàng hơi nhỏ người, mảnh dẻ, xinh xắn và tinh quái.

Lưu mời Lương và Tuấn ăn cháo cá, uống rượu Caravel pha limonade. Thủy đề nghị:

— Anh Lương, em Tuấn nên lại xe đồ lấy hành lý đi. Tụi này có xe nhà, đi chung xe chuyện vãn nhiều hơn. Lại nữa, chúng tôi về Cái Sơn Bè, cùng đường với hai người.

Lưu gật đầu:

— Thủy nói phải. Nếu tiếp tục đi xe đồ tới Vĩnh Long, anh Lương và Tuấn phải cuốc bộ từ bến xe về nhà chứ một hai giờ sáng làm gì còn xe xích lô, xe lôi nữa!

*
* *

Sáng hôm đó, quen lệ thường, Bình Minh đứng trước cổng nhà đón mua thức ăn từ miệt Cái Sơn Bè gánh ra bán ở chợ gần giốc cầu Mang Cá. Mua thực phẩm vào lúc tinh sương thì có rau tươi, thịt cá tươi. Nàng mở hàng mát tay nên những bạn hàng thường bán rẻ cho nàng.

Sáng hôm nay, con chim khách bay về đậu trên cây bằng lăng hoa tím hót riu rít. Chắc hôm nay có khách quý! Đêm qua, trời hơi oi bức, nàng mở cửa sổ ở phòng ngủ. Vài con đom đóm từ mé rạch bay lọt qua chấn song, vợ vẫn mãi ở nóc mừng. Cũng chính đêm qua, Bình Minh nghĩ tới một căn buồng bên nhà Lương Ngọc. Bà kế mẫu của Lương Ngọc hôm qua chở về nhà chiếc giường đồng, đôi chiếu bông Cà Mau, chiếc mền nỉ hồng, mùng chỉ tuyn, cặp móc mùng quần sa-teng hương kết hoa, cặp gối cưới thêu đôi thiên nga quần quít trên hồ sen cánh hương. Chiếc giường cưới dành cho Lương Ngọc và nàng đó. Phòng tân hôn ở trên gác, nơi trước kia dành cho ba cậu Ngọc. Giờ

đây Tường Ngọc bỏ nhà ra đi, Tuấn Ngọc về ở bên nhà bà cụ Huế... Căn gác rộng, một ngăn dành làm phòng đọc sách, một ngăn dành làm phòng ngủ. Từ phòng ngủ có cánh cửa mở ra cầu thang xuống sân nước có hàng lu hũ, bồn ăng dưới bóng cây khế ngọt.

Hôm nay chắc sẽ nắng lớn, vì đêm qua trời đầy sao. Trưa, nàng sẽ đãi cả nhà món gỏi dưa leo trộn khô sặc, rau răm. Chiều, nàng nấu canh với đủ thứ rau như rau má, rau dệu, ớt mỏng tơi, ớt bỏ ngọt... Khi nàng mua thức ăn xong thì mặt trời chưa lên. Vạn vật còn chìm trong ánh sáng trắng đục. Cỏ ven đường còn thấm ướt sương đêm. Bình Minh quay vào nhà để sửa soạn bữa điểm tâm. Lương Ngọc đã hứa qua chơi và ăn trưa tại nhà nàng.

Bình Minh không quá háo hức đợi ngày vu quy. Nàng yêu Lương Ngọc bằng mối tình đắm thắm và tin tưởng. Rồi đây nàng sẽ về làm dâu trong gia đình bà cụ Huế mà vẫn có thể lui tới thăm nom cha mẹ mình thường xuyên. Cuộc đời nàng rồi sẽ mãi mãi trong khuôn nếp. Nhưng biết sao hơn? Từ nhỏ cho tới bây giờ, nàng không hề nhen nhúm một giấc mộng phiêu lưu, một chí hướng bay nhảy. Nhưng nàng biết, với tình yêu của chồng, dù có phải xê dịch khắp nơi, nàng cũng sẽ không cảm thấy bơ vơ, lạc lõng.

Vào tới bếp, nàng gặp Tuyết Minh đang nấu trà. Trong chiếc áo bà ba lụa mềm màu đà, quần xá xì đen, Tuyết Minh trông thật u nhã, cao quý. Cô bé có vẻ khỏe mạnh, làm việc siêng năng, chậm rãi, lúc nào cũng ung dung. Thần sắc cô toát ra một vẻ an lạc, u nhân, trinh tình. Tuyết Minh thích tâm sự với Thẩm Phương hơn với nàng. Hai cô ả lúc nào cũng dụi đầu châu mỏ thì thầm mỗi khi gặp nhau... Đôi lúc có Tuấn Ngọc và Hạo Minh góp chuyện. Cuộc giao tiếp giữa Tuấn Ngọc và Tuấn Minh vẫn giữ vẻ khảng khái, ít nhất trước mặt mọi người. Nhưng đó là tình bạn phẳng phất tình yêu nên rất tương đắc, mặn nồng mà vẫn thuần khiết.

Bình Minh hỏi em:

— Em cúng trà trên bàn Phật rồi hả?

— Thì em thường cúng trà sau tuần kinh khuya. Trà này pha cho cả nhà điểm tâm.

Chợt thấy trên bàn có bày thêm ba phần chén, đĩa, Bình Minh kêu lên:

— Sao lại bày thêm phần ăn sáng?

Tuyết Minh cười:

— Hôm nay em xin phép má mời anh

Lương Ngọc, chị Thẩm Phương, anh Tuấn Ngọc qua ăn sáng.

Bình Minh sửng sốt:

— Sao không cho chị hay trước để chị chuẩn bị?

— Chị nấu cháo thập cẩm không ngon bằng em đâu.

Bình Minh cười:

— Thôi được, chị để em toàn quyền sắp đặt.

Hạo Minh bảo chị:

— Sáng nay em nhận được thư của Horst Sukowa.

Horst Sukowa là tên đảo binh năm cũ được Hạo Minh, Thẩm Phương, Tuấn Ngọc và Tuyết Minh giúp đỡ. Sau thời gian ở tù khổ sai, hắn được trả về xứ, đem theo cô vợ Việt vốn là tình nhân cũ quê ở Long An. Hai vợ chồng đều theo đạo Phật và thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Horst đi làm ở một garage xe hơi. Cúc, vợ Horst, cải tên là Elke (Elke là tên một loại hoa cúc), đi làm ở xưởng may. Họ thường gửi quà cáp cho bốn cô cậu.

Hạo Minh nói:

— Trong thư, Horst có cho em biết là bọn lính lê dương đảo ngũ đã được trao trả cho Pháp, nhưng trên đường về xứ bằng tàu thủy, tới kinh Suez là họ nhảy qua bên kia bờ, không dám về Pháp vì sợ bị đưa ra toà án quân sự. Horst còn khoe rằng chị Cúc giờ đây là con chim lạ đối với đám bạn bè, họ hàng của anh ta ở Dortmund. Chị Cúc đẹp với lương quyền cao, răng hơi vầu, mắt hơi xếch...

Bà Sáu Đá đang dùng chiếc khăn vải hồng điều lau sạch chén đĩa bằng sứ mỏng, nghe tới đây liền cười:

— Chồng mê vợ, khen vợ quá đáng. Má thấy con Cúc chỉ dễ thương và coi được thôi...

Bình Minh cười:

— Thừa má, chị Cúc tâm thương đối với má con mình, nhưng biết đâu với người Đức lại chẳng sắc nước hương trời?

Khi Horst vào trại tù khổ sai, Cúc có tới thăm. Sau đó, Cúc lặn lội tới thăm gia đình ông Sáu Đá, gia đình bà cụ Huế nhiều lần. Chị gọi ông bà Sáu Đá bằng ba Sáu, má Sáu, sự giao hảo thật thân thiết. Chị theo chồng về Đức đã hai năm nay. Má chị ở Tân An với người em trai chị, vì nhớ con gái nên thường tới lui thăm viếng ông bà Sáu Đá.

(còn tiếp 1 kỳ)



Phiến Gương Thứ Sáu

Trần Vũ

Buổi sáng thứ hai, nắng sớm từ ngoài vườn tuôn qua rèm cửa căn phòng hiu hắt tạo thành những đường nắng vàng trong, êm dịu. Giấc ngủ muộn cuối tuần đêm qua không làm nàng mệt lắm, trái lại nàng có cảm tưởng mình tỉnh táo và tươi tắn hơn. Có thể vì ý nghĩ được sống một mình suốt tuần lễ sắp đến làm nàng sung sướng, hay chính hình ảnh tươi mát của người đàn bà trẻ đẹp trong gương đã làm nàng hài lòng.

Hằng rời khỏi giường đến bên bàn phấn, trang điểm chậm rãi và tỉ mỉ. Nàng lựa một thỏi son màu hồng thắm thanh nhã, đôi mắt chải mascara xanh và viền mắt thật đậm.... Ở tuổi nàng, lối trang điểm nhạt và nhẹ của thời con gái không còn thích hợp. Hằng đã là đàn bà, từng trải và chín mùi. Ý nghĩ ấy thoáng qua làm nàng khó chịu. Có phải nàng đã dạn dày quá không? Nhiều lúc nàng thấy mình vẫn chỉ là một thiếu nữ trong thể xác đàn bà. Nhớ ngày xưa, dạo trung học, nàng hay soi gương trộm trong giờ học. Nhỏ Thương thường phải nhắc nhở: "Hằng ơi, cất gương mau, mày lại ở trên cung trăng rồi." Nó gọi nàng là "Hằng Nga, La Réveuse" rồi cười khanh khách. Nàng mang biệt hiệu này cho đến hết trung học, rồi lấy H.... Hằng nhắm vội mắt, xóa tan những hình ảnh đang trôi về một quá khứ muốn quên. Người thiếu phụ trong gương cứ bắt nàng nhớ, nghĩ

đến chuyện cũ. H. đã không thể quay về, không thể... Nàng hất đầu cho những sợi tóc bung rộng bay bay rồi phủ xuống đôi vai mình. Không thể...

Hằng đứng dậy, bước đến bên tủ áo ướm chiếc áo đầm chọn sẵn. Chiếc áo dạ hội Mạnh tặng thật lộng lẫy, làm tăng thêm nhan sắc nàng. Hằng kiêu hãnh ngắm mình trong gương, loay hoay vuốt tóc, từng sợi nhỏ quấn vào nhau thành lọn đen tuyền buông lững lờ trên vùng lưng trần trắng mịn. Hằng khẽ thì thầm với người đàn bà đối diện rằng kiểu áo cắt may sexy lắm. Người thiếu phụ gật đầu im lặng. Hằng chợt thấy từ mấy tháng nay nàng có thói quen độc thoại trước gương. Làm như có người thứ hai trong ngôi nhà. Một nàng bên ngoài và một nàng bên trong. Cả hai cùng đẹp nhưng khác nhau về tính tình và tâm hồn. Hằng bên ngoài là thực tại vật chất, người đàn bà đa tình lãng mạn của lối cuốn phóng đảng. Hằng trong gương hiền hậu hơn, thủy chung vì là linh hồn của quá khứ. Hằng cố tìm hiểu, nhưng không làm sao giải thích được hiện tượng này. Có điều là trong những lúc gần đây, càng ngày nàng càng nghĩ nhiều đến H. Không lúc nào H. không ẩn hiện trong tư tưởng nàng, trở thành một ám ảnh kinh khủng. Như mới hôm qua, Hằng bất gặp một tia nhìn quen thuộc trong gương. Không phải ánh mắt của nàng,

cũng không phải của Nghiệp. Nghiệp không bao giờ ngồi ngắm nàng trang điểm từ sau lưng. Tia nhìn cũ kỹ, phẳng phất mỗi khi nắng nóng, nhắc nhở một khí hậu nhiệt đới ẩm áp.

Hằng quay mặt, tránh đôi mắt vờ vời sâu thẳm của người đàn bà. Nàng không thể sống mãi với suy tưởng của một đời sống đã qua. Nàng cần đi ra ngoài cho khuây khoả, như lời dặn dò ân cần của Mạnh. Có phải đó là lý do nàng quyết định nhận lời đi chơi với Mạnh hôm nay? Hằng lui lại vài bước, một tay chống lên hông, một tay giữ lại tà áo và quay chậm cho chiếc áo dạ hội ôm lấy người. Chiếc váy cắt thật khéo, ôm khít khao thân hình và xẻ cao, bày đôi chân nàng kêu gọi.

Hằng không hiểu tại sao đám đàn ông ở đây không ngừng theo đuổi nàng, mặc dầu ai cũng biết nàng đang sống với Nghiệp. Cả những người có vợ con cũng dòm ngó, săn đón. Có phải vì thân hình nàng mới mọc hay vì quá khứ bỏ chồng của nàng khiến người ngoài nghĩ nàng dễ sa ngã? Biết bao lần nàng và Nghiệp đi dùng cơm tối, mấy chủ Tàu tán tỉnh nàng trắng trợn. Những lúc ấy, nàng tự hỏi liệu Nghiệp có để ý đến không? Có thấy tia mắt thiên hạ nhìn về nàng, có nghe những lời đường mật quanh nàng không? Có bao gói quà

sáng sáng người phát thư trao tận tay nàng. Nghiệp có biết? Chắc chắn là Nghiệp biết, như chàng đã biết tấm thiệp mời đêm nay của Mạnh chỉ đề tên một mình Hằng. Nghiệp đứng dừng đến độ hờ hững. "Tùy em". Hằng nhớ cái nhún vai rất Tây của người đàn ông chung sống, khi nàng hỏi về dự định đi ăn một mình tối nay. Và Nghiệp bỏ lên Paris cho một công việc làm ăn, một chống án quan trọng liên quan đến người Việt. Nghiệp bận công việc thật tình hay chàng chỉ coi nàng là một con điểm...!

Hai năm rồi nàng ở với Nghiệp, dứt bỏ lối sống buông thả của những năm đầu tị nạn. Nhưng giữa hai người vẫn không có đám cưới. Phần vì gia đình Nghiệp không chấp nhận đưa con gái nổi tiếng hư hỏng, phần vì nàng vẫn còn hôn thú với H. Hai năm, nàng về với Nghiệp lúc tuổi 29, mong tìm một chỗ an phận. Nhưng bây giờ nàng mới biết mình lầm. Cuộc sống chung với Nghiệp không có được tình nghĩa vợ chồng. Nghiệp chỉ xem nàng là một người tình hờ, một cô gái bao. Mọi cố gắng của Hằng như bọt sóng đầu ghềnh. Hai năm rồi, lần đầu tiên Hằng nhận lời mời đi chơi đêm một mình với người đàn ông lạ. Nghiệp đang xô đẩy nàng trở lại con đường tội lỗi mà chàng không biết. Nhưng Hằng bất cần. Đến năm thứ mười của cuộc di tản thì đời sống nào cũng giống nhau, cuộc sống nào cũng gian dối, chỉ còn phóng đãng mang lại chút màu sắc lạ. Không phải lỗi ở nàng. Nàng đã chờ đợi, lo âu trong một thành phố hỗn loạn và phải ra đi tìm cuộc sống mới.... chỉ vì H. đã không trở về.

Hằng ngược lên tìm kiếm tia nhìn trách móc quen thuộc của người chồng cũ, nhưng mặt gương vẫn phẳng lặng, chỉ in đậm hình ảnh của một thiếu phụ diễm lệ, nét mặt rạng rỡ, đang chuẩn bị cuộc vui thâu đêm sắp đến.

Nàng thức giấc vào giữa trưa. Bên ngoài nắng muộn màng long lanh chiếu vào căn phòng điểm thành từng giọt sáng lung linh. Nàng cuộn mình trong tấm drap êm mát, cơ thể bồi hồi thức giấc dưới làn hơi ấm đang mơn man bao trùm. Hằng chuyển mình thật khẽ. Phiến gương trên tường phản chiếu hình ảnh một người đàn bà đang mãi miết nhìn ngắm những giọt nắng đua nhau tràn vào.

Hằng từ từ ngồi dậy, lớp drap trắng rơi xuống để lộ đôi chân dài. Nàng đặt tay lên đùi, năm đầu ngón di động trên lớp da trắng mịn. Trong gương, một bàn tay lạ cũng đặt lên chân người đàn bà. Bàn tay to, năm ngón ngắn ve vuốt, sờ soạng dọc theo chiều dài của đôi chân. Hơi thở Hằng đứt quãng, thân thể nàng hâm hấp nóng, bàn tay của Mạnh tiếp tục mơn trớn... Hằng trỗi dậy thật nhanh, vùng ra khỏi giường như một phản ứng chối bỏ sức thu hút tội lỗi. Nàng lao người về cửa sổ, nơi khối nắng cam vàng đang tràn tuôn. Đúng rồi, chính những đường nắng quen thuộc này đã ấp ủ và sưởi ấm vợ chồng nàng trong yêu thương nơi quê nhà. Vẫn là những đường nắng ấy, bao lần mênh mông trên tóc H., rực sáng trong mắt chàng. Hằng đặt tay lên khung gỗ, tin tưởng mãnh liệt rằng ngoài kia, bên ngoài khung cửa đóng kín vẫn còn là thế giới cũ. Nàng vẫn loang loáng trên đường đất đỏ, giữa trại gia binh và ngời chiếu trên nón sắt của H.... Minh đang trở về, nàng sẽ trở về. Hằng mở tung cánh cửa dẫn ra vườn.

Lớp cỏ xanh tươi dọn sóng theo làn gió thoảng. Đây đó những cành thông vung vãi... Hằng rời khỏi cơn vô thức trong đau đớn. H. không có ở đây, chàng đã mất... Nàng lê gót về phòng, nắn theo dấu chân nàng hấp hối trên cỏ. Mặt trời bị mây che khuất, tắt lịm dần trong thứ ánh sáng xanh lạnh lùng của phương tây. Hằng ngã người úp mặt xuống gối, giấc ngủ trở lại như màu đen sâu thẳm, tuyệt đối của một vực sâu không đáy.

Buổi sáng thứ tư, Hằng hoàn toàn vô tư như trẻ thơ. Nàng đi rảo trong nhà tìm chỗ cắm những đóa hồng hàm tiếu còn ướt sương do người bán hoa giao đến. Những cánh hồng nhung đỏ lịm, thơm ngát của một người đàn ông trao tặng. Trên tấm thiệp nhỏ, một dòng chữ bay bướm: "*Pour la plus belle dame de la ville*".

Hằng mỉm cười, duỗi dài người trên chiếc sofa êm ái. Nàng còn được một ngày trước khi Nghiệp trở về. Tối nay, Nghiệp sẽ về đón nàng lên Paris dự một phiên họp quan trọng. Nghiệp là phó chủ tịch hội, sự hiện diện của nàng là cần thiết. "Quan trọng!" Hằng mỉm cười băng quơ, có gì quan trọng hơn tiền bạc và đàn bà ở cái xứ vật chất Tây

phương này? Hằng phác tay bắt chước điệu bộ kiểu cách của Nghiệp rồi nhún vai hóm hỉnh. Lại một vụ lạc quyền yếm trợ kháng chiến hoặc thi hoa hậu chứ gì!

Nàng đến bên lò sưởi, khơi đốt tro tàn trong lò của mùa đông rồi, bỗng ao ước trời trở lạnh để nàng có cơ nhóm lửa và được nghe tiếng củ cháy reo vui. Tiếng động và hơi ấm sẽ giúp nàng bớt cô đơn. Nàng lặng lẽ nhìn quanh phòng khách, ngắm đám đồ vật im lặng. Chiếc dương cầm, pho tượng cổ, dây kệ sách... như không có thứ gì thuộc về nàng, không có đồ vật nào là dấu vết của đời sống cũ. Đời sống với H. Tất cả thay đổi và biến mất như H. đã mất tích. Không một tấm hình chàng, không cả một viên đạn đồng kỷ niệm. Hằng đập mạnh tay lên trán. Nàng muốn được tỉnh táo và vô tư như lúc mới ngủ dậy. Nàng đã vui lắm sáng nay. Tấm gương nhỏ trên khung lò sưởi rung rinh nhẹ, người đàn bà trong gương khẽ mấp máy đôi môi: "Bí quyết thành công chống lại tuổi già là không được suy nghĩ quá !" Hằng lập đi lập lại câu nói cho đến lúc hoàn toàn quên hẳn chuyện vừa qua. H. chết rồi...

Gần trưa, Hằng trở vào phòng ngủ. Nàng vẫn thích ngồi một mình trước gương, tìm kiếm và chiêm ngưỡng nhan sắc mình. Hằng trút bỏ áo ngủ, đứng thẳng người soi mình trong gương. Lớp da trên bụng nàng hình như căng lên trơn mát. Nàng di di đầu ngón tay quanh rốn, cảm tưởng có một sinh vật đang tượng hình trong đó. Hằng nghiêng người tưởng tượng bụng mình nhô lên, vòng hông to ra. Không phải kết tinh của tình yêu mà là hậu quả của tội lỗi. Tội của nàng và cả của Nghiệp. Đời sống lứa đôi mà Nghiệp lầm tưởng là buổi tối truyền hình đầy màu sắc. Chàng quên Hằng là một người đàn bà biết đón nhận và ban tặng, thêm khát rung động. Việc nàng sắp có con với Mạnh chỉ là hệ quả tất nhiên của bất cứ tác hợp nào không tình yêu.

Hằng ngắm mình không rời mắt. Nàng lấp lánh trong gương làm hình bóng nàng trôi dạt, lảng đãng, không thật. Đôi mắt thiếu phụ sâu, trong vắt. Đôi mắt mà thuở xưa, mỗi khi ngồi ngắm nàng chải tóc, H. thường bảo nàng giống Audrey Hepburn, nàng công chúa trốn cung điện rong chơi và

ngủ quên trong vòng tay Gregory Peck. H. đầu gối sau này nàng cũng trốn quê nhà, rong chơi và sa ngã trong nhiều vòng tay lạ. Nghiệp chỉ là một trong nhiều vòng tay ở khúc quanh chấm dứt. Hằng chưa bao giờ yêu Nghiệp, nàng chỉ yêu H., người chồng mà nàng đã bỏ lại bên kia bờ đại dương xa xôi. H. bây giờ ra sao, và nàng có còn là nàng không? Hằng tránh tia nhìn trách cứ, phán xét của thiếu phụ trước mặt. Nàng đã hư hỏng, đầu còn là Hằng của mười năm trước, Hằng không son phấn, không lụa là, tóc là tóc thề như lời thề mãi yêu H., yêu đất mẹ. Mười năm mà lời thề đã phai, đầu còn là nàng nữa, đầu còn là "người tình của viên trung úy Biệt Động" như bạn bè H. gọi đùa. H. mất tích thảng tư năm đó, chàng còn sống hay đã chết ngày tiểu đoàn bị tràn ngập tại Xuân Lộc?

Hằng đứng lặng thật lâu trong gian phòng vắng, lắng nghe không gian chơi vơi giữa hai cơn nắng. Kỷ niệm và quá

khứ thu dần thành vùng hình ảnh chợt thoáng hiện rồi mất hút, quay cuồng trong gương. Tiếng còi xe vọng từ cổng khiến nàng bừng tỉnh.

Người đàn bà thu mình trên giường trong một góc tối, vùng ánh sáng ban mai mở nhạt đậu trên mái tóc nàng. Hằng gục mặt vào lòng bàn tay run rẩy, cơn xúc động hồi đêm chưa tan. Qua kẽ tay, Hằng đọc rõ nét bàng hoàng trên nét mặt người thiếu phụ trong gương. Hai gò má như cao thêm, đôi vai so lại rung lên từng chập. Tại sao lại là H.? Người thiếu phụ vật vã lắm nhảm độc thoại...

Buổi sáng thứ năm im vắng kỷ lạ, từng cơn gió sớm vi vu thổi qua vườn. Hằng gượng gượng ngồi lên, chăm chú nhìn vào gương. Người đàn bà bên trong tiếp tục vật vã, lẩn lộn giữa vùng chân gối vương vãi. H. ơi, anh bị bắt hồi nào? Vậy ra mười năm nay anh vẫn sống? Hằng nghe tiếng kêu than rên siết

không dứt và mệt mỏi nhận ra hai quãng mắt thâm sâu tan nát của chính mình.

Cuốn phim quay chậm chiếu lại từ từ phiên xử của toà án nhân dân trong toà nhà quốc hội cũ ở Sài Gòn. Hằng đã muốn ngắt đi khi nhận ra khuôn mặt người chồng cũ. H. gầy ốm xanh xao bên cạnh đồng đội, những người quốc gia mong khôi phục đất nước. Hằng lao đao, chơi vơi, chết lịm giữa hội trường truy điệu mệnh mỏng. Buổi họp đêm qua đầu gối là buổi mặc niệm, tôn vinh và tiễn đưa lần cuối những người sắp hy sinh vì tổ quốc. Định mệnh nào bắt nàng tìm lại được H. ở giờ phút đau thương này?

Buổi sáng thoi thóp, người thiếu phụ vẫn nằm bất động trên giường. Từ ngày hôm qua, Hằng không ăn, không uống, không ngủ. Đời sống còn lại của nàng thu gọn trong tấm gương. Phiến gương ấy, lúc này trở thành một mặt phẳng lặng lơ lửng như giòng sông. Hình ảnh từ xa trôi đến, đều đặn và chảy xuôi ngược trong ba chiều. Bên ngoài hay thực tại là thân xác nàng vật chất, tội lỗi. Bên kia, qua khỏi tấm gương là quá khứ kỷ niệm cùng tình yêu đang hấp hối. Ở giữa hai bến bờ ấy, là linh hồn nàng. Một Thanh Hằng thật, không có Nghiệp, không sắp có con và cũng không có mười năm tội lỗi. Một Thanh Hằng chung thủy, nặng nghĩa vợ chồng mà nàng đã muốn giữ trọn vẹn cho H. Chỉ cần đập vỡ phiến gương này thôi là Hằng sẽ tìm lại được tất cả: Huân sẽ không chết như chàng đã không chết trong bão loạn 75. Nàng vẫn là người đàn bà Việt Nam đức hạnh. Phiến gương vỡ, sự thật vĩnh cửu sẽ phơi bày, không còn quá khứ, thực tại. Người đàn bà rướn mình, nàng biết sự thật ở bên kia sau phiến chắn, vật giam hãm linh hồn và chia cách thân xác nàng mười năm qua. Hằng cuộn tròn tóc, đặt tay lên kính. Tất cả sẽ thay đổi khi tấm gương vỡ. Nàng còn trông rõ nụ cười bao dung của thiếu phụ...

Thanh Hằng chết vào sáng thứ sáu. Bản tường trình của cảnh sát địa phương cho biết, nàng đã đập mặt vào gương cho đến vỡ nát. Nàng đau đớn khắc khoải và hấp hối thật lâu trước khi chết. Người đàn ông Á châu chung sống với nàng, một luật sư làm việc tại Paris, đã không biết lý do đưa đến vụ tự sát.

cuối năm ở panat

Ngồi lại đây và hát
Khúc ca hoài cổ hương
Cuối năm ở Panat
Chao ôi! lòng quá buồn

Giao thừa không pháo nổ
Rung rung rượu chuốc lòng
Hoàng hoa không thấy nở
Chén trà nhạt hương xuân

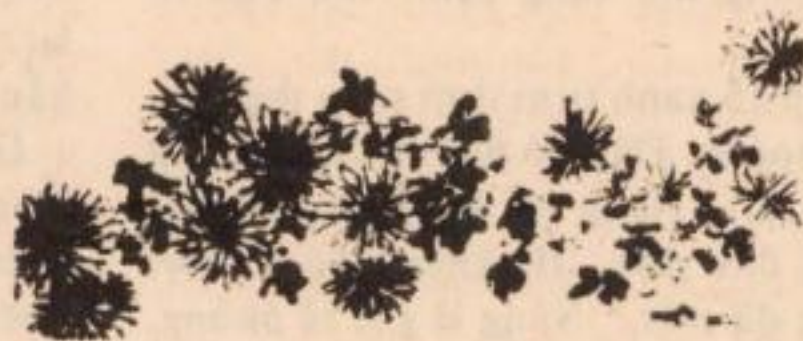
Trong lòng ai không có
Tình thương của quê nhà
Trong tim ai chẳng có
Bóng hình của mẹ cha

Cuối năm không trở lại
Ngồi yên dưới mái nhà
Nghe đàn em cười nói
Bên cạnh đào nở hoa

Ra đi là chấp nhận
Cô đơn trên xứ người
Ngắm thân mình tị nạn
Khắc gì nhánh bèo trôi

Cuối năm ngồi ngất ngưỡng
Hát khúc ca lưu đày
Làm sao mà thấy được
Mùa xuân nơi chốn này.

ngữ an



tình muộn

thả gió bay quanh đời bỏ ngõ
đưa em về một thuở thương nhau
hương xưa còn đọng nỗi sầu
một lời mời gọi ngàn câu ân tình

giấc cô miên tan trên vành mắt
cội cây già thất dạ tương tư
tình xưa ôm nỗi tạ từ
lòng ta quanh quẩn bên bờ nguyệt tan

em về đâu xoã buông giòng tóc
mảnh hoàng y nạm ngọc đơn côi
tình ta lạc giữa cõi đời
còn ai tiếng hát rã rời thâu đêm

rượu đầu tràn bên thềm xuân cũ
em lặng ngồi ủ rũ bên ta
một mai trong cõi xuân già
tình trăm năm lẻ đợi giờ lai sinh

mai viết thu



Vấn-Đề Quốc-Ca

Tiếng Gọi Công Dân làm quốc ca, không phải họ là những người “thiếu ý thức chính trị” hay “mù văn hoá”, nhưng chính các nhà lãnh đạo của chúng ta đã thấy rõ hậu ý của Việt cộng. Mãi cho đến giờ phút này, cuộc đấu tranh của người quốc gia chống lại bọn Việt cộng bán nước, vẫn là một cuộc chiến tranh ý thức hệ, dưới cái nhìn chiến lược, đó là một cuộc chiến tranh nhân dân, mang tính chất trường kỳ, vì thế biểu tượng cho cuộc đấu tranh là vấn đề sống chết, biểu tượng không còn thì cuộc đấu tranh khó tồn tại, đây là lý do tại sao bọn Việt cộng bán nước luôn luôn tìm cách đánh vào biểu tượng của chúng ta.

Chúng tôi xin nhắc lại, LHP chỉ làm ra được bài Quốc ca ngày hôm nay khi đang còn ở trong hàng ngũ quốc gia, mang tâm huyết chống thực dân Pháp và bọn Việt cộng bán nước, đến năm 1951, y chạy theo bọn này thì LHP và bài Quốc ca là hai vấn đề khác nhau, cũng như trong cuộc cách mạng Pháp 1789, Rouget de Lisle, thuộc hàng quý tộc, tác giả bài *La Marseillaise* (quốc ca Pháp hiện nay) đã bị cách mạng đưa lên đoạn đầu đài, vì thuộc vào hàng ngũ thù nghịch của cách mạng, nhưng nhạc phẩm của ông vẫn được chính phủ Pháp chính thức chọn làm bài quốc ca.

Trường hợp LHP mật sát chúng ta là đã tiếm dụng nhạc phẩm của y là Quốc ca, cũng chẳng khác nào như những thảm kịch đã diễn ra trong cuộc cải cách ruộng đất tại Bắc Việt vào năm 1953, do bọn bán nước chủ trương. Hãy nghe ông Nguyễn văn Canh, qua tác phẩm *Nông Dân Bắc Việt Những Năm 1945-1970*, kể lại một vụ đấu tố điển hình: người con gái bị bọn Việt cộng ép buộc tố cha đã hiếp dâm mình (tr. 39), thì người cha bị sỉ nhục hay người con gái mất dạy, đã nghe theo lời của bọn lưu manh. Cho nên chúng tôi đồng ý với ông Nguyễn Tăng Chương: LHP là một đứa con mất dạy, quay ngược trở lại để tố khổ cha mẹ (dân tộc Việt Nam), đáng bị đánh đòn, cha mẹ không có gì để phải sỉ nhục hoặc mất danh dự. Trong cuộc đấu tranh quốc cộng, nếu

có vấn đề sỉ nhục, chúng ta nên đặt hai chữ “sỉ nhục” vào căn điểm: để quốc gia rơi vào tay bọn tay sai, bán nước, để bọn chúng đào mồ quật mả tổ tiên, để bọn chúng đưa nhân dân đi vào con đường đói rách và ngu dốt... đó là điều đại sỉ nhục, và muốn lấy lại danh dự, muốn khỏi bị sỉ nhục, chỉ có con đường duy nhất: thật sự dẫn thân để tiến hành cuộc cách mạng giải phóng nhằm lật đổ chế độ cộng sản tại Việt Nam, và đánh phá bọn chúng trên tất cả các mặt trận tại hải ngoại.

Hủy bỏ bài quốc ca hiện nay để làm gì?

Một số vị đòi hủy bỏ bài quốc ca cho rằng những người lãnh đạo quốc gia trong quá khứ thiếu ý thức chính trị, đã quyết định lấy nhạc phẩm của một tên cộng sản làm quốc ca, và ngày hôm nay, các vị có ý thức chính trị cao hơn, cho nên đề nghị hủy bỏ bài quốc ca hiện hành, lấy bài khác làm quốc ca, đa số các vị tán đồng bài *Việt Nam, Việt Nam* của Phạm Duy, những vị khác thì lý luận rằng không thể lấy bản nhạc của Phạm Duy làm quốc ca, nên dùng để làm cộng đồng ca mà thôi... và nhiều ý khác nữa. Tuy nhiên tất cả những người đòi hủy bỏ bài quốc ca đã không cho quần chúng biết một vấn đề tối quan trọng: hủy bỏ bài quốc ca hiện nay để làm gì? Chỉ để lấy lại danh dự và hết bị sỉ nhục thôi ư? Như chúng tôi đã trình bày ở trên, LHP đã làm ra bài ca này lúc đang còn ở trong hàng ngũ quốc gia, chúng ta nên dừng lại đó; đến khi tên này chạy theo kẻ thù và mật sát chúng ta, có gì lạ đâu? Bởi vì đối với kẻ thù Việt cộng, không những mật sát, nếu có cơ hội giết chúng ta là bọn chúng sẽ giết sạch, như đã diễn ra trong quá khứ, có ai lại nói rằng mình bị đã bị mất danh dự, đã bị sỉ nhục vì kẻ thù không đội trời chung? Hay quý vị nghĩ rằng chỉ vì LHP đã chạy theo Cộng sản, không cần biết chạy theo lúc nào, cho nên không thể dùng nhạc phẩm của y làm quốc ca, nên dùng bài *Việt Nam, Việt Nam* của Phạm Duy làm quốc ca; các vị đã không hết lời ca tụng Phạm Duy, chúng tôi xin lập lại ý của cô Nguyễn thị

LTS.— Khi đặt vấn-đề Quốc-Ca, tòa-soạn *Làng Văn* nhằm mục-đích tạo cơ-hội mở rộng cuộc thảo-luận, hầu tiến tới một mối nhất-quán, hay ít nhất, soi sáng một số góc cạnh hiểm-hóc của lịch-sử cận-đại, khả-di tạo căn-bản cho các quyết-định quan-trọng của đại-chúng trong tương-lai. Để giữ tính-cách nghiêm-chỉnh và dân-chủ, xin tránh phỉ-báng cá-nhân hay chụp mũ người đối-thoại. Vì diễn-đàn có giới-hạn, các lời phát-biểu xin viết ngắn, gọn (khoảng 3 trang đánh máy, hay 6 trang viết tay), để mọi người cùng có cơ-hội bày tỏ. Trong trường hợp không cần-thiết, xin tránh lập lại ý-kiến của người khác.

Tòa-soạn xác-định, các phiếu tham-khảo ý-kiến chỉ có tính-cách thăm-dò dư-luận, không có giá-trị đại-diện cho tập-thể người Việt, dù chỉ là người Việt tại hải-ngoại mà thôi.

Ngoài ra, cuộc thảo-luận này chỉ nằm trong phạm-vi Quốc-ca, không hề có việc “đòi đổi Quốc-kỳ”.

MẶT TRÁI CỦA CHỦ-TRƯỞNG ĐÒI HỦY BỎ QUỐC-CA

Trần Nhã Nguyên

(tiếp theo và hết)

Đây cũng chính là lý do tại sao năm 1948, chính phủ Bảo Đại nhất quyết chọn bài *Tiếng Gọi Công Dân* làm quốc ca, và đến năm 1956, quốc hội của Đệ Nhất Cộng Hoà đã tiếp tục giữ bài

Yến đăng trên báo *Làng Văn* số 42 tháng 2.88: Phạm Duy cũng xuất thân từ Việt Minh, có chụp hình đội nón cối in trong cuốn *Ngàn Lời Ca*, thí dụ một ngày mai kia, chúng ta khám phá ra Phạm Duy đã theo Cộng sản, gây nhiều ác, lúc đó quý vị sẽ tính sao? Dĩ nhiên cô Yến chỉ thí dụ, nhưng ai biết được, như ông tổng thống nước Áo hiện nay, đã từng làm Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, nhưng cho đến bây giờ người ta mới hay rằng ông đã là cán bộ Đức Quốc Xã, đang làm điên đầu dân Áo; giả thử chuyện tưởng tượng của cô Yến diễn ra đúng sự thật, thì bài quốc ca lại bị hủy bỏ, và sau cùng là bế tắc!

Xin bác sĩ Bùi Duy Tâm, luật sư Phạm Kim Vinh và những vị nào đã lên tiếng đòi hủy bỏ bài quốc ca chỉ cho chúng tôi thấy một chút lợi nào trong quyết định của quý vị? Riêng chúng tôi chỉ thấy trước mắt: phân hoá ý kiến, có thể kéo theo những chia rẽ trầm trọng về sau, nếu ý kiến của quý vị được một số đoàn thể chấp nhận và áp dụng, thì ai cấm những đoàn thể khác không chấp nhận, vẫn giữ bài quốc ca hiện nay, và hiện tượng gì sẽ xảy ra? Tập thể người Việt tại hải ngoại trong tương lai sẽ có hai bài quốc ca, hoặc có thể có nhiều bài quốc ca, ai cấm ai được, như chủ trương của ông Phạm Kim Vinh: khởi cần tham khảo, hội đoàn nào muốn, cứ áp dụng; sau đó sẽ đến thân phận lá quốc kỳ, như óc tưởng tượng của cô Nguyễn thị Yến: “Rồi mai một thí dụ như có nhà kiểu mẫu nào đó chẻ lá cờ vàng ba sọc đỏ là của vua Bảo Đại, cờ phong kiến, cờ xui xẻo để cho mất nước (hay giả dụ vua Bảo Đại lại theo cộng sản chẳng hạn — em lại thí dụ điên khùng) lại đòi sửa lá cờ...” Quý vị bình tâm suy nghĩ, sẽ thấy rằng sau chủ trương đòi hủy bỏ bài quốc ca là một thảm trạng chia rẽ; chúng ta hiện giống như một đoàn người lên đèn trên một chiếc thuyền sau khi bị bọn cường đồ đuổi ra khỏi bến đậu của mình, đang gặp bao nhiêu sóng gió, thuyền chỉ có hai mái chèo, nhưng mọi người quyết tâm quay mũi thuyền lại, tiến vào bờ để đánh đuổi bọn thảo khấu, thì có người lên tiếng vì đã nhận ra rằng một mái chèo là của bọn cướp, không dùng nữa, nên trả lại cho bọn côn đồ... Chiếc thuyền đó chính là cuộc đấu tranh của chúng ta, sau 13 năm tiến hành, tia sáng phục quốc vẫn còn xa thẳm mù khơi, chưa có dấu hiệu gì để cho chúng ta một chút lạc quan, thì bây giờ chúng ta quay

mặt lại với nhau vì bài quốc ca, ít nhất đã gắn liền với chúng ta gần 50 năm, trong lịch sử dựng nước và giữ nước; ngày hôm nay, chúng ta đã mất hết cơ đồ, đáng lẽ phải vận dụng trí thông minh, tài ba của chúng ta để cứu lấy giang sơn, thì chúng ta lại quay mặt đầu võ với nhau vì một vấn đề đáng lẽ phải để tạm yên trong hoàn cảnh khốn cùng này. Thù thật với quý vị, chúng tôi không tìm ra một chút lợi nào trong chủ trương đòi hủy bỏ bài quốc ca, mà chỉ có hại cho công cuộc phục hưng đất nước.

Chúng ta nhân danh gì để hủy bỏ bài quốc ca?

Trong số những người đòi hủy bỏ bài quốc ca, ít nhất ông Nông Anh Ngọc cũng là người biết điều khi đưa ý kiến: “Còn việc thực thi không dùng bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* mà dùng bài *Việt Nam Việt Nam*, chúng tôi đề nghị các cơ quan truyền thông hãy trưng cầu ý kiến khán thính, độc giả, các hội đoàn hãy thảo luận nội bộ và đúc kết các ý kiến”. Hoặc như ông Bùi Duy Tâm, mặc dầu đã “nổi hứng”, chỉ một đêm, có thể hoàn thành bài “luận sử ca”, nhưng cũng chỉ “cầu mong đốm lửa nhỏ”, nghĩa là ít nhất hai ông cũng còn nể vì ý kiến của tập thể; trái lại ông Phạm Kim Vinh, một luật gia, lại phát biểu ý kiến và có một chủ trương không thể tưởng tượng được:

— Lãnh đạo trong quá khứ: mù văn hoá

— Quần chúng: ù lì

— Hội đoàn: thường mang tinh thần “hội đồng chuột”.

vì thế khởi cần tham khảo gì hết, cá nhân hay hội đoàn nào muốn là cứ việc hủy bỏ. Chủ trương của ông Phạm Kim Vinh lại được sự tán đồng gián tiếp của ông Phạm văn Liễu, một người đã từng là chỉ huy trưởng một cơ quan thời Việt nam Cộng hoà, và là người lãnh đạo một tổ chức đấu tranh tại hải ngoại, khi ông lên tiếng ca tụng hành động của anh em sinh viên trường Đại học Cộng đồng Sacramento (Mỹ), ngang nhiên bỏ bài quốc ca hiện hành, và đã dùng bài *Việt Nam Việt Nam* trong lễ chào quốc kỳ.

Chúng ta đồng ý rằng tập thể người Việt tại hải ngoại hiện chưa có một lãnh đạo thống nhất, nhưng trong 13 năm qua, ít nhất các hội đoàn quốc gia, một triệu rưỡi người Việt lưu vong đã cố gắng không làm điều gì có thể phung phí trăm triệu đến cuộc đấu tranh chung của toàn dân; dù khác nhau

đường lối, khác nhau chủ trương, dị biệt ý kiến, nhưng tất cả đã gặp nhau ở một điểm: cờ vàng ba sọc đỏ là quốc kỳ, *Tiếng Gọi Công Dân* là quốc ca, ngày 30.4 là ngày quốc hận, bọn Việt cộng tay sai bán nước là kẻ thù không đội trời chung của dân tộc Việt Nam... nói thế khác, mọi người đã mặc nhiên chấp nhận một thứ kỷ luật, một thứ trật tự không ai đặt ra cho mình, một thứ trật tự và kỷ luật tự giác, nhờ thế cuộc đấu tranh cứu nước mới tồn tại đến ngày hôm nay. Ngày xưa, ông Mạnh Tử còn nói được: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, ngày hôm nay, sau bao nhiêu lần bị kẻ thù đuổi chạy dài, vẫn còn một số người cố tình xem quần chúng như cỏ rác, khinh thường tập thể. Thù thật chúng tôi không hiểu quý vị muốn gì?

Những cá nhân nào, những đoàn thể nào còn mang tâm nguyện tiếp tục cuộc đấu tranh để hy vọng một ngày kia có thể lật đổ chế độ cộng sản tại Việt Nam, giải phóng dân tộc, thì họ không thể đơn phương hủy bỏ bài quốc ca hiện hành, ngay cả khi một triệu rưỡi người Việt tại hải ngoại đồng ý làm chuyện đó (dĩ nhiên đây chỉ là giả thuyết), bởi vì một triệu rưỡi người không thể có tư cách để đại diện cho mấy mươi triệu nhân dân Việt Nam

Ngoài ra chúng ta đang tiến hành cuộc cách mạng giải phóng để cho ai? Phải chăng để giải thoát một triệu rưỡi người tại hải ngoại, thừa không, mà để giải phóng nhân dân Việt Nam đang sống uất nghẹn đau khổ dưới chế độ cộng sản bạo tàn, vì thế lá cờ vàng ba sọc đỏ, bài *Tiếng Gọi Công Dân* đối với nhân dân tại nội địa Việt Nam thật quý trọng vô cùng, vừa biểu tượng cho tinh thần quốc gia (Việt cộng có thể chà đạp thể xác họ, nhưng họ vẫn hãnh diện về Quốc gia tính của mình), vừa cho họ niềm hy vọng “quân ta đã về” trong những giây phút bất chợt thấy được lá quốc kỳ và nghe được bài quốc ca. Nói thế khác, đối với nhân dân tại nội địa Việt Nam, lá quốc kỳ hay bài quốc ca là một gắn bó không thể thiếu trong cuộc sống, dù chỉ là gắn bó trong tâm tưởng, nhưng có sức mạnh tạo cho nhân dân một niềm tin để kéo dài cuộc sống và để kéo dài cuộc đấu tranh, vì thế đối với họ, nhận định của ông Phạm Kim Vinh là một nhận định không đúng với thực tế: “Đồng bào quốc nội đang chết lần lữa ở trong một nhà tù khổng lồ, không còn hơi sức và chút tự do nào để nghĩ

tới quốc ca và quốc kỳ". Trái ngược lại, sống trong cùng khổ, con người dễ đoàn kết hơn là sống trong cảnh đời sung sướng, và càng hụp lặn trong khổ cùng, áp bức, đầy đoạ... con người lại càng sống mạnh mẽ cho biểu tượng để tìm quên thực tế xót xa, đồng thời để hy vọng ngày mai trời lại sáng.

Cho nên dù đứng từ bất cứ góc cạnh nào, nếu chúng ta còn muốn tiếp tục đứng trong lòng dân tộc, còn muốn tiếp tục đấu tranh để hoàn thành sự nghiệp giải phóng quê hương, thì chúng ta không thể nhân danh bất cứ điều gì để hủy bỏ bài quốc ca hiện hành, cho đến khi có quyết định tối hậu của nhân dân Việt Nam trong một đất nước không còn bóng quân thù là bọn Việt cộng, tay sai và bán nước.

Chiến thuật chủ động và khai thác của Việt cộng:

Theo ông Nông Anh Ngọc, sau khi Việt cộng vào Sài Gòn, Lưu Hữu Phước đã viết báo đăng trên tờ *Sài Gòn Giải Phóng*, mạt sát chúng ta thậm tệ vì đã tiếm dụng bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* của hân làm quốc ca; chính đây là nguyên nhân đã làm cho ông Ngọc, ông Châu, ông Vinh và ông Tâm cảm thấy bị mất danh dự, bị sỉ nhục. Thật ra đây không phải là lần đầu tiên bọn chúng mạt sát chúng ta về bài quốc ca, nhưng trong chiến thuật đánh phá vào biểu tượng của chúng ta, bọn chúng đã bắt đầu có kế hoạch tấn công vào mùa đông năm 1945, khi đa số các đảng phái quốc gia muốn chọn bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* làm quốc ca, nhưng Việt cộng thì nhất định chọn bài *Tiến Quân Ca* của Văn Cao; bọn chúng rất cay cú về bài *Tiếng Gọi Thanh Niên*, bởi vì bài này đã có tác dụng sâu rộng trong quần chúng hơn là bài *Tiến Quân Ca*, cho nên đã tìm cách triệt hạ, tình trạng căng thẳng này đã đưa đến những vụ xô xát đổ máu tại Nam bộ, sau ngày 30.6.1946, khi đảng Dân Chủ chính thức đổi thành đảng Dân Chủ Việt Nam; đến năm 1951, LHP chạy theo Cộng sản (có một số tài liệu cho rằng 1948), Việt cộng đã bắt buộc tên này phải đứng đơn kiện chính quyền Quốc gia đã tiếm dụng nhạc phẩm của y trước một tòa án tại tỉnh Hà Đông... đến năm 1959, LHP đe dọa nhờ bạo quyền miền Bắc đưa chính phủ Việt nam Cộng hoà ra toà án quốc tế; sau ngày 30.4.75, LHP mạt sát (như ông Nông Anh Ngọc đã nói), đến cuối năm 1986, trong Đại hội kỳ 6 của đảng Cộng sản Việt nam được tổ chức tại Hà

Nội, qua nhận định về báo cáo chính trị liên quan đến vấn đề văn hoá, LHP, một lần nữa lên tiếng tấn công "bọn nguy chạy ra nước ngoài vẫn tiếp tục tiếm dụng nhạc phẩm của y", và sau cùng là lời thề của Hoàng Bích Sơn, đến năm 2000, sẽ biến bọn phản động ở nước ngoài thành những cái xác không hồn.

Qua những dữ kiện vừa trình bày trên, chúng tôi Việt cộng đã có kế hoạch đánh phá vào biểu tượng của chúng ta từ năm 1945, khởi đầu là bài quốc ca, và kéo dài cho đến ngày hôm nay, chứ không phải đợi cho đến năm 1975 mới có, và sẽ dừng lại đó; bọn chúng sẽ tiếp tục tấn công cho đến khi biểu tượng không còn gắn bó với hàng ngũ quốc gia. Từ 1945-1954, khi hai phe quốc cộng chưa phân thắng bại, Việt cộng đánh vào biểu tượng để tranh ảnh hưởng quần chúng; từ 1954-1975, đánh vào biểu tượng của Việt nam Cộng hoà để gây xáo trộn xã hội, chúng ta hãy nghe Lê văn Nuôi, một tên Cộng sản nằm vùng, đứng đầu tổ chức học sinh Sài Gòn trước năm 1973, trả lời cuộc phỏng vấn của tờ báo *Tuổi Trẻ* vào tháng 9.1987, khi được hỏi y có được chỉ thị hay không về việc tẩy chay bài *Tiếng Gọi Công Dân* vào giữa năm 1972, vì bài này là của tên Cộng sản LHP? Nuôi trả lời: "Vi tôi đứng đầu tổ chức học sinh Sài Gòn, hoạt động công khai, được báo chí biết đến... tất cả mọi công tác đều được chỉ thị mật của lãnh đạo từ căn cứ gợi ra; phải làm như vậy

để giới trẻ tin tôi là một người quốc gia yêu nước, vừa để tăng thêm xáo trộn cho xã hội Sài Gòn lúc bấy giờ". (Lê văn Nuôi vào Đoàn Thanh Niên Nhân Dân Cách Mạng vào năm 1969, và được kết nạp vào đảng Cộng sản vào năm 1970). Từ năm 1975 trở lại đây, đánh vào biểu tượng của người Việt quốc gia tại hải ngoại đã trở thành một công tác quan trọng không kèm gì các công tác kinh tài và văn hoá, bởi vì ngày hôm nay chúng ta không còn lãnh thổ, không còn chính phủ, nhưng chúng ta vẫn còn đứng với nhau từ chiến tuyến quốc gia để đối đầu với kẻ thù, là nhờ vào biểu tượng quốc kỳ cờ vàng ba sọc đỏ và quốc ca *Tiếng Gọi Công Dân*; giả thử một ngày mai kia, vì những nguyên nhân nào đó, biểu tượng của người Việt quốc gia không còn, cuộc đấu tranh của chúng ta chắc chắn sẽ bị phân hoá và tàn tạ. Như thế đối với Việt cộng, đánh vào biểu tượng của người Việt quốc gia, được xem như một chiến thuật, chủ động và khai thác; Cộng sản đã chủ động chiến thuật này từ năm 1945, và sẵn sàng nắm lấy thời cơ để khai thác hoàn cảnh vì những sơ hở của chúng ta. Kinh nghiệm 20 năm lịch sử thời VNCH đã cho chúng ta nhiều bài học; vụ báo chí xuống đường đi ăn xin là do chủ động của Vũ Hạnh, Lý Quý Chung, Ngô Bá Thành... bọn chúng lại khai thác được lòng thù nghịch của một số người cầm bút đối với chính phủ, nếu Cộng sản đã thành công trong việc tạo được phong trào Ký giả Xuống

PHIẾU TRẢ LỜI CUỘC THĂM DÒ DƯ-LUẬN VỀ VẤN-ĐỀ QUỐC CA

- ☐ Không đồng-ý bỏ bài Quốc-ca của Lưu Hữu Phước
- ☐ Đồng-ý bỏ bài hát của Lưu Hữu Phước, thay bằng "Cộng-đồng-ca"
- ☐ Không đồng ý bỏ hẳn bài Quốc-ca, nhưng đồng-ý chọn một bài Cộng-đồng-ca của người Việt tự-do.

Tên bài hát đề-nghị dùng làm Cộng-đồng-ca

Tên họ :

Địa-chỉ:

Xin lưu ý : Tòa-soạn chỉ nêu vấn-đề ra để thảo-luận nhằm đi tìm một quan-điểm chung về vấn-đề Quốc-ca. Việc tham-khảo ý-kiến đồng-bào chỉ có giá-trị thăm-dò dư-luận, như các báo Âu-Mỹ vẫn thường làm. Các phiếu này không có giá-trị đại-diện cho "toàn dân", hay "tất cả" đồng-bào hải-ngoại.

Xin điền và gửi về : Làng Văn, P.O. Box 310 Station "W", Toronto, Ont. M6M 5B9

đường Đi Ân Xin tại Sài Gòn; biến động miền Trung thời Đệ nhị Cộng hoà khởi đầu là do sự tranh chấp của các đảng phái quốc gia, rồi tôn giáo cũng nhảy vào vòng chiến, nhưng cộng sản đã khai thác được tình hình, và trở thành những kẻ chủ động bởi các tên cộng sản nằm vùng như Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân....

KẾT LUẬN

Những người như các ông Thái Chính Châu, Nông Anh Ngọc, Phạm Kim Vinh, Bùi Duy Tâm... đều là những người có lòng, tuy nhiên thẳng thắn mà nhận định rằng ý kiến của các ông đòi hỏi hủy bỏ bài quốc ca hiện hành đã đưa ra không đúng lúc; tại sao? Bởi vì toàn dân đang tiến hành cuộc đấu tranh với kẻ thù Cộng sản, vấn đề tiên quyết và tối quan trọng trước mắt là cứu nước, cứu dân đang từng ngày đau khổ dưới sự cai trị độc ác của bạo quyền; lý do của quý ông đưa ra đòi hủy bỏ bài *Tiếng Gọi Công Dân* lại không vững, bởi vì không bao giờ ai nói rằng chúng ta bị sỉ nhục vì kẻ thù dân tộc làm mất danh dự; chúng tôi xin lập lại ý ở trên, nên để hai chữ sỉ nhục và danh dự vào căn bản: để cho nước mất nhà tan, để cho nhân dân bị đầy đọa, đói khổ... đó là một điều đại sỉ nhục, và nên mang cái nhục đó vào ở trong lòng để tạo thành sức mạnh, quyết tâm cùng với toàn dân tiến hành cuộc cách mạng giải phóng. Đứng từ góc cạnh khác, ý của quý ông đưa ra trong hoàn cảnh này, không có một chút lợi nào hết, nhưng chỉ cái hại. Cái hại trước mắt là phân hoá ý kiến về căn bản "biểu tượng", đáng lẽ cần phải giữ vững trong lúc này để chống kẻ thù chung; cái hại tiếp theo, như chúng tôi đã trình bày, nếu ý kiến của quý ông được một số đồng ý, vì những lý do nào đó; trong tương lai, tập thể người Việt quốc gia tại hải ngoại sẽ có hai bài quốc ca, và sau đó sẽ có những bài quốc ca khác; với bằng cấp như quý ông, với tài ba như quý ông, quý ông thừa khả năng để hiểu rằng trong một cuộc đấu tranh cùng mục tiêu mà có nhiều biểu tượng, nghĩa là phân hoá từ bản chất, cuộc đấu tranh đó chắc chắn sẽ thất bại, và nhân dân Việt Nam sẽ mãi mãi sống trong ngục tù của bọn Việt cộng tay sai và bán nước!!! Hãy bình tâm suy nghĩ, quý vị sẽ thấy hậu quả không lường trước được về ý kiến của quý vị, đòi hủy bỏ bài Quốc ca hiện hành; và Việt cộng là kẻ thù lợi.

(Trần Nhã Nguyên)

QUỐC-CA MỚI, VẬN-HỘI MỚI

Phạm Phú Xuân

Trước năm 1975, bài ca *Nổi Vọng Tay Lớn* của Trịnh Công Sơn vẫn thường được các bạn trẻ trong các phong trào tập thể hát như một bài ca sinh hoạt. Nhưng kể từ trưa ngày 30.4.75, khi Trịnh Công Sơn leo lên đài phát thanh Sài Gòn để hát bài *Nổi Vọng Tay Lớn* thì bài này không thể coi là bài hát của người quốc gia nữa mà coi như nó đã "nhuộm màu đỏ", dĩ nhiên cũng chỉ vì tác giả của nó đã "nhuộm đỏ" bài hát bằng hành động của chính anh ta mà đồng bào cũng nhận thấy điều đó. Ra tới hải ngoại, tôi không thấy các sinh hoạt tập thể ca bài trên nữa và tôi hoàn toàn đồng ý với họ về chuyện không hát bài *Nổi Vọng Tay Lớn* kể từ ngày tác giả Trịnh Công Sơn hát bài này để cổ võ cho chuyện tiến chiếm Sài Gòn của Cộng sản.

Rõ ràng là trước 75 không ai coi bài *Nổi Vọng Tay Lớn* là của Cộng sản, nhưng kể từ sau ngày 30.4.75 người ta không coi bài hát đó là của người quốc gia nữa. Lý do tại sao thì tôi đã giải thích như trên.

Chuyện bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* của Lưu Hữu Phước (nguyên là quốc ca của chúng ta) cũng vậy. Nếu trước 1945 (lúc bài ca được sáng tác) chúng ta không coi bài hát này là của Cộng sản mà bây giờ bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* đã xuất hiện trong tập nhạc của Lưu Hữu Phước xuất bản sau 75 tại thành phố HCM thì mong rằng chúng ta đừng bao giờ coi bài hát đó là bài hát của người quốc gia nữa. (Bản thân tôi đã tận mắt thấy bài "quốc ca" của chúng ta trong tập nhạc của Lưu Hữu Phước này — hình bìa màu bạc có in hình Lưu Hữu Phước với cái mặt tròn vo như cái bánh bèo — và trong tập nhạc có những bài quen thuộc của Lưu Hữu Phước như *Tình Bác Sáng Đời Ta*, *Lên Đảng*, *Giải Phóng Miền Nam*, *Xếp Bút Nghiên*, *Hồn Tử Sĩ*... Nói như thế để thấy rằng bài quốc ca của chúng ta (bài *Tiếng Gọi Thanh Niên*) xuất hiện trong tập nhạc của Cộng sản thì chúng ta gọi nó là bài hát của quốc gia hay bài hát của Cộng sản đây? Rõ ràng những người cố tình chứng minh bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* là bài hát của người quốc gia không có lý do vững để minh chứng cái "lý lịch quốc gia" của bài hát

này. Theo tôi, bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* của Lưu Hữu Phước cũng có một giá trị tuyên truyền cho Cộng sản như bài *Tiến Quân Ca* của Văn Cao (quốc ca của Cộng sản) và bài *Nam Bộ Kháng Chiến* của Phạm Văn Sơn trong đó có những câu như:

"Mùa thu rồi ngày hăm ba, ta đi theo tiếng chân sơn hà nguy biến... Thuộc súng kém, chân đi không, mà lòng người giàu lòng vì nước. Nóp với giáo, mang ngang vai, nhưng thân trai nào kém oai hùng".

Cả ba bài hát trên đều có tác dụng kêu gọi lòng ái quốc vốn đang sôi sục của toàn dân để phục vụ cho Cộng sản trong chuyện đánh Pháp. Tiếc thay, khi kháng chiến thành công, Cộng sản lại cai trị dân bằng một chế độ tàn độc còn hơn là của thực dân nữa. Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân chống Pháp đã bị phản bội một cách đau đớn mà mỗi lần nghĩ tới, chúng ta không khỏi ngậm ngùi cho sự oan trái và thiếu may mắn của dân tộc Việt. Sau 1954, Cộng sản không bao giờ sử dụng những bài ca của Phạm Duy trong thời kháng chiến như *Bà Mẹ Gio Linh*, *Tiếng Hát Sông Lô* vì Phạm Duy là người quốc gia, thì chúng ta đừng bao giờ coi bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* của Lưu Hữu Phước (dù sáng tác trước 1945) là bài ca của người quốc gia.

Trở lại vấn đề quốc ca, ông Thái Chính Châu (người đầu tiên đề nghị thay quốc ca) trong bài viết của ông có nói đến chuyện nhà văn Hà Thúc Sinh trong tác phẩm *Đại Học Máu* đã lên án những người lãnh đạo miền Nam là đã tặc trách khi lấy hai bài hát quan trọng nhất của một nước là bài quốc ca và bài chiêu hồn tử sĩ mà tác giả là một tên cộng sản. Nhà văn Hà Thúc Sinh kể lại chuyện anh em cải tạo cảm thấy nổi nhục nhằn, cay đắng, uất hận lúc Cộng sản cho phép anh em hát bài "quốc ca cũ" (vốn dĩ là bài ca của chúng). Ở trang 296 của cuốn *Đại Học Máu*, tác giả Hà Thúc Sinh đã viết:

"Theo chương trình, cả trại phải tập trung trên hội trường trước giao thừa nửa tiếng để sửa soạn nghe Bác chúc Tết (!). Khi tất cả đã yên vị trên hội trường, một tên cán bộ từ ngoài bước lên sân khấu để sửa soạn máy vi âm. Khi máy đã điều chỉnh xong, hắn gọi Hoá lên sân khấu bắt nhịp cho mọi người hát một bài. Không hiểu vô tình hay cố ý, Hoá bắt nhịp hát bài *Tiếng Gọi Thanh Niên*, một bài hát của một tên Cộng sản đỏ au

từ trong ra ngoài là Lưu Hữu Phước nhưng lại được các ông chính quyền quốc gia tiếp nối chọn làm quốc ca! Bài hát này, dù ngày nay trong nước chẳng còn ai công nhận nó là quốc ca nữa, kể cả bạn và thù, nhưng trong cái giây phút trù tịch lắng đọng nhất của tâm hồn, bài hát được tập thể hát lên như khơi dậy trong lòng người một nỗi niềm vô hạn hận! Ấc hơn, chẳng ai chịu hát theo lời gốc của bản nhạc. Như cái máy, bọn tù-đều hát theo lời được chính quyền quốc gia sửa lại và dùng làm tiếng linh hồn cho cả miền Nam tự do!...

...Ngày công dân ơi, quốc gia đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống!...

Hát theo mọi người, lòng Vinh cũng dâng lên một niềm thương hận khó tả. Yêu ai yêu cả đường đi. Ghét ai ghét cả tông ti họ hàng! Bài hát ấy là của thành Cộng sản để ra, để cho sông phẳng oán ân dứt khoát, phải quăng nó vào thùng rác của lịch sử. Trời ơi! Miền Nam tự do có biết bao nhạc sĩ tài hoa và có ý thức phân minh quốc cộng, những Phạm Duy, Hùng Lô, những Phạm Đình Chương, Cung Tiến, những Anh Việt Thu, Nguyễn Đức Quang... Tại sao các chính quyền quốc gia coi họ như những kẻ đứng bên ngoài cuộc? Tại sao lại đi quảng cáo không công cho một thành nhạc sĩ Cộng sản, bằng cách cùng một lúc đem hai ca khúc của nó biến thành hai bài hát quan trọng nhất cho một đất nước, ấy là bài quốc ca và bài chiêu hồn tử sĩ? Vô ý thức, vô trách nhiệm và bất cố liêm sỉ như thế mà đứng vào hàng lãnh đạo quốc gia thì thua Cộng sản từ gốc thua ra rồi!"

Một điều rất quan trọng mà người tù cải tạo Hà Thúc Sinh đã nói về bài quốc ca cũ là: Bài hát này, ngày nay trong nước chẳng còn ai công nhận nó là quốc ca nữa, kể cả bạn và thù. Ai đã ở lại miền Nam sau 75 phải nhận lời nhận xét của Hà Thúc Sinh là hoàn toàn đúng.

Còn ai có đủ tư cách và thẩm quyền để lên án bài quốc ca cũ hơn người tù cải tạo Hà Thúc Sinh.

Các quân nhân VNCH ra được hải ngoại thật tình nếu muốn làm gì cho các người ở lại thì chuyện đầu tiên cần phải làm là huỷ bỏ bài quốc ca cũ của tên Cộng sản Lưu Hữu Phước và thay thế bằng bài ca chào cờ của một nhạc sĩ quốc gia chân chính. Đây là việc tối thiểu cần phải làm trước khi nói đến

chuyện quang phục quê hương. Một vài người lại có ý kiến rằng đợi đến ngày lấy lại được nước rồi tính chuyện quốc ca cũng không muộn. Nói thế thì không sai, tuy nhiên các hội đoàn quốc gia tại các nước tự do trên thế giới (trong thời gian chờ đợi ngày lấy lại nước) vẫn tiếp tục dùng bài hát của tên cộng sản Lưu Hữu Phước chào cờ mãi hay sao? Chuyện phi lý này cần phải chấm dứt càng sớm càng tốt. Chuyện thay đổi bài hát chào cờ đối với cộng đồng tị nạn là một nhu cầu khẩn thiết chứ không phải chuyện nói qua rồi bỏ. Ước mong rằng quần chúng và các hội đoàn tị nạn sẽ thành tâm bắt tay để giải quyết vấn đề này mà chuyện giải quyết cũng không đến nỗi phức tạp lắm như các tác giả bàn luận về quốc ca đã nêu lên.

Tiền đây cũng nói thêm về bài *Hồn Tử Sĩ* của LHP. Bài này được coi như bài ca chính thức dùng trong quân lực VNCH ngày xưa khi có dịp lễ để chiêu hồn anh linh chiến sĩ VNCH. Đem một bài ca của người Cộng sản để đi chiêu hồn chiến sĩ quốc gia, thử hỏi còn gì đau đớn, mỉa mai, nhục nhã, trớ trêu và oái oăm hơn không? Ra hải ngoại vào những ngày kỷ niệm quân lực (19.6) tôi vẫn còn thấy sử dụng bài *Hồn Tử Sĩ* của Lưu Hữu Phước trong phút mặc niệm. Biết bao giờ tình trạng kỳ cục này mới chấm dứt?

Bây giờ không còn quốc hội, chính phủ nữa cho nên không nên dùng chữ quốc ca mới (nếu có thay đổi quốc ca cũ) mà nên gọi là bài ca chính thức chào cờ. Tôi thì tôi thấy bài *Việt Nam Việt Nam* của Phạm Duy hay, ý nghĩa, dễ hát, dễ thuộc nhất nhưng nếu ai thấy có bài nào hay tương tự của một nhạc sĩ quốc gia thì cứ mạnh dạn viết đề nghị của mình lên báo, lên cộng đồng rồi sẽ lựa chọn sau theo nguyên tắc đa số thắng thiểu số nếu có bầu bán chọn lựa bài ca chào cờ mới. Chúng ta đang sống trong một nước dân chủ, vậy nên thực hành dân chủ ngay trong chuyện quốc ca. Ước mong báo chí hải ngoại sẽ tiếp tay trong chuyện này thì mới mong thực hiện nổi. Trên tờ *Người Việt ở Nam Cali*, ông Thái Chính Châu đề nghị ba bài là *Việt Nam Việt Nam* của Phạm Duy; *Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ* của Nguyễn Đức Quang và *Trên Đầu Súng Quê Hương* của một nhạc sĩ quốc gia (chưa biết tên?)

Đã mười ba năm xa xứ, ở một số người, sự nhớ nhung quê hương đã dần

giảm trong khi ở một số khác lòng thương nhớ quê xưa càng dạt dào, tha thiết. Ước mong rằng người Việt tị nạn trên năm châu sẽ có một bài ca chào cờ mới xứng đáng với ngọn cờ vàng quốc gia ba sọc đỏ của chúng ta. Bài hát mới sẽ đánh động tâm thức của mọi người, kêu réo, thúc giục mọi người phải làm một cái gì cho quê hương Việt Nam đang quần quai đau khổ. Tôi mơ thấy ngày quê nhà tung bừng một bình minh sáng rõ.

ĐỒNG Ý

ĐD Thích Nhật Minh

Chúng ta là những người theo chủ nghĩa quốc-gia và sống với lý-tưởng tự-do, chống bọn vô-thần và phi-nhân, không thể tiếp tục nhầm lẫn và thờ ơ như hai thời đệ I và đệ II Cộng-hòa. Ngày nay, chúng ta đã mất nước, ra đi tìm tự-do và sống khắp đó đây, cần phải ý-thức sáng-suốt, lập-trường chống Cộng phải vững-chắc, nhất là trên mặt trận văn-hóa, cần phải chọn-lọc kỹ-lưỡng, tránh cho lứa tuổi thanh thiếu-niên khỏi bị đầu độc, tiêm-nhiễm khi đọc sách báo, nghe nhạc, kịch-nghệ, không thì vô-tình chúng ta làm lợi cho Cộng-sản.

Nhấn tin chung :

Vì bài vở góp ý-kiến rất nhiều, tòa-soạn sẽ đăng dẫn, ưu-tiên cho những ý-kiến xây-dựng và đưa ra một cái nhìn mới lạ, chưa ai nói tới.

PHIẾU Ý-KIẾN NHẬN ĐƯỢC

(tính đến ngày 15.4.1988)

- Ngưng dùng bài hát của Lưu Hữu Phước làm Quốc-ca : 2.639
- Vẫn dùng như cũ : 2.026
Đề-nghị thi sáng-tác bài mới : 68
Tổng cộng : 4.733

Về bài hát đề-nghị dùng làm Cộng-đồng ca :

- *Việt-Nam Việt-Nam*..... 480
- *VN Quê-Hương Ngạo-Nghễ*... 440
- *VN Minh Châu Trời Đông* :.. 165
- *Thà Chết Trên Biển Đông*..... 9

Tham-gia góp phiếu ý-kiến, ngoài độc-giả *Làng Văn*, còn có độc-giả của các báo :

- *Văn-Nghệ Tiền-Phong* (Hoa-kỳ)
- *Ngày Nay* (Texas, Hoa-kỳ)
- *Việt Luận* (Úc)
- *Chiều Dương* (Úc)
- *Chiến-Sĩ Tự-Do* (Gia-nã-đại)



Đầu Làng Cuối Xóm

MỠ LÀNG VĂN

Chê Ông Hoài Điệp Tử

Ông Đả Cầu, báo *Ngày Nay* bên Têch-xít cho biết, Nam Cali lại có sự lạ. Mỗ Làng Văn đọc riết tới dòng chót, lòng tức bực ầm-ách, muốn bắt chước ông Tưởng Năng Tiến “tiểu hà ma” nó một phát nhẹ bầu tâm-sự, ngắt chỗ tòa-soạn đông người, không tiện phát-ngôn bừa bãi.

Nguyên ở cái vùng động đất bên Cà-lơ-phá-nhà thường xảy ra quái-sự. Người gây ra quái-sự, gọi là... quái-nhơn. *Nhơn* là người. Quái-nhơn họ Nguyễn, tên Tú A, cũng ăn cơm như người. Tú ông làm chủ tờ báo có tên lai căng, kiểu *hotdog* chấm nước mắm: *Việt Press*, chuyên nghề quảng-cáo chuyển tiền, gửi hàng, máy cày, Honda, xe đạp và cả “du-lịch” về Việt-nam. Từ khi cộng-đồng ta nổi xung-thiên, ráo-riết bài-trừ kinh-tài Việt-gian cộng-sản, nhiều báo cụ-tuyệt các quảng-cáo gửi hàng chuyển tiền, nên Việt Cộng phải gia-tăng in thêm các báo như *Đất Việt* và *Đoàn Kết* mang biểu không và gửi bưu-điện những mẫu quảng-cáo đến tận nhà đồng-bào. Tuy-nhiên, phe ta vốn dị-ứng với dung-nhan của “bác” Nguyễn Văn Linh, và nhất là hề đọc

nhằm mấy bài thơ dụ-khị của Lưu Quang Vũ, Vũ Quần Phương là xúi-quẩy mấy ngày liền, nên vừa thấy dạng mấy tờ báo đồ trong mớ thư từ hàng ngày, đồng-bào đã khẩn-trương cấp giấy di-chuyển cho nó dời hộ-khẩu vô thùng rác ngay lập tức. Thấy nhân-dân không chịu “đoàn-kết”, đảng ta phải vận-dụng tới mấy tờ báo loại *Việt Press*.

Ông Nguyễn Hùng Cường ở thư-viện quốc-hội Hoa-kỳ cho biết, hải-ngoại có hơn 300 tờ báo. Mỗ Làng Văn ngồi kiểm tới kiểm lui, thấy chỉ có báo của Tú ông là tờ duy-nhất vừa ngang-nhiên đăng quảng-cáo du-lịch Việt-nam, vừa viết bài đánh trống thổi kèn ngày này qua ngày nọ là “du-lịch Việt-nam *phân* lắm”, “hổng có bị bắt gì ráo trọi”. Khi mặt-vụ Anh tóm cổ 23 trụ “Việt-kiều” về bót để lập hồ-sơ truất quyền tị-nạn, Tú ông vội-vã liên-lạc với tòa lãnh-sự Anh tại Los Angeles, xin một cái thư “to whom” rao ầm là “chúng tôi không biết về vụ đó”, rồi báo Vem bên xứ Cờ Phong khai-thác, rửa xả *Làng Văn* loan tin vịt cổ.

Mới đây, quái nhơn Nguyễn Tú A lại công-khai biểu-diễn một màn đích-thân

du-lịch Việt-nam ba tuần-lễ, rồi trở lại Mỹ viết phóng-sự ca-tụng “quê-hương đất nước”, cổ-động đồng-bào noi gương ông, nộp tiền và giấy khai “tị-nạn kinh-tế” cho Cộng-sản để về chơi địa-ngục.

Trên tờ báo “meo” đến tặng không tận nhà, Tú ông cổ-vũ rằng “trên 500 người từ Mỹ về Việt-nam, các thương-gia có cơ-sở thương-mại trên đường Bolsa hoặc dân cư-ngụ trong vùng Orange và Los Angeles đã chiếm quá một nửa. Đã có lúc tôi tưởng một phần ba thương-gia ở Bolsa đã có mặt tại Sài-gòn...” Nhiều vậy sao ông Tú? Nếu sự thật quả như lời ông nói, 1/3 dân Bolsa đã về “du-lịch Việt-nam”, thì Mỗ Làng Văn thề độc là từ nay sẽ không thêm đặt chân lên cái đất của thủ-đô tị-nạn, kiêm “thủ-đô du-lịch” ấy nữa, hề chân trái đặt lên trước thì chặt chân trái, chân phải đặt lên trước thì chặt chân phải, còn hai chân đặt lên một lượt thì chặt cả hai.

Và để phụ-họa với nhà nước ta về vụ “không coi tị-nạn là một tội” (chỉ tổng vô tù nếu bắt được), quái-nhơn Nguyễn Tú A rao hàng rằng thành-phần ác-ôn, phản-động cũng về nhiều lắm, và đi ra đi vô thơ-thời dễ dàng: “... họ lại là thành-viên tổ-chức chống Cộng, họ là mạnh thường quân mặt trận chống Cộng, họ lại nổi tiếng và các cửa hàng của họ nằm ngay trên đường Bolsa. Họ ngoài là người mạnh thường quân của tổ-chức chống Cộng còn là người nâng-đỡ, ủng tiền cho các báo hăng-hái chửi kẻ nào bị nghi là thiên Cộng! Tôi gặp họ ở Sài-gòn. Tôi hỏi hướng-dẫn viên về họ, “tưởng ai lạ, bác đó hả? Bác đi về hoài, cả mấy năm nay rồi!”

Quái-nhơn thề rằng ông ta nói sự thực. Ai muốn nhìn thấy rõ sự thực hơn nữa, bỏ ra 90 đô Mỹ, mua trọn bộ ba cuốn băng phim video do chính tay Tú ông quay trong chuyến đi vừa rồi để làm quảng-cáo.

Gì thì gì, chứ cái khoảng 90 đô này coi bộ vô-lý. Nhà nước ta muốn quảng-cáo, ít ra cũng phải cho xem chùa mới phải. In ra vài ngàn hộ, “meo” kèm theo báo *Việt Press*, hay *Đất Việt*, *Đoàn Kết* đến tận nhà đồng-bào, cái mới gọi là biết chào hàng đúng chỉ-tiêu. Cái vụ ăn mảnh 90 đô này, coi bộ không khá nổi, cần phải được ký “giả” N.V.L. đưa lên báo *Nhân Dân*.

Đó là chuyện bên Huê-kỳ, đọc sao kể vậy người ơi. Mỗ Làng Văn nếu có dư tiền gửi giúp con tàu vớt người vượt

biển, hoặc đồng-bào còn kẹt ở các trại tạm-cư, quyết chẳng bao giờ nộp cho kẻ thù để “du-lịch” Việt-nam, hay mua băng phim của Tú ông về coi. Chê là chê cái nhà anh báo Mai Hoài Điệp Tử, chết lẳng-xẹt. Người ta đăng quảng-cáo du-lịch Việt-Nam, lại nhơn nhơn bỏ về tận ổ, quay phim quảng-cáo rồi rít mà vẫn không sao, còn anh chỉ mới đăng quảng-cáo chuyển tiền, gửi hàng thôi mà đã bị đốt chết. Luật-pháp Huê-kỳ bất-công, mà “luật-pháp” của người Việt sống trên đất Huê-kỳ lại càng bất-công hơn nữa !

Một anh vì quảng-cáo chuyển tiền gửi hàng mà ra người thiên-cổ; một anh ngon-lành hơn, vừa quảng-cáo, vừa công-khai du-lịch, còn tự viết phóng-sự rình-rang, một sợi lông chân cũng không rụng. Trước kia Tú ông viết báo khoe trong bụng lúc nào cũng lặn chó lửa, trong táp-lô xe một con, dưới sàn xe còn có một cây M-16 bắn liên-thanh nữa. Ngược lại, sau khi Hoài Điệp Tử chết, cảnh-sát lục-soát chỉ nói nhặt được tiền mặt, vàng khối, không hề nói bắt gặp súng ống chi cả. Thì ra là thế chẳng, chó lửa kị chó lửa !



Mục “Độc-Giả Thắc-Mắc” được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã hội, chính-trị, v.v.. Bút-Chì sẽ nhận và chuyển câu hỏi tới quý thực-giả, chuyên-gia và lần lượt đăng lên báo cho mọi người cùng đọc. Các câu hỏi không giải-đáp được cũng sẽ đăng lên để bạn đọc khắp nơi cùng tra cứu.

Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa 3 câu. Đa tạ. Bút-Chì phụ trách

TÁI ÔNG MẤT NGỰA

Hỏi : Nhờ bác mách cho, muốn coi truyện Tái ông mất ngựa thì đọc ở bộ nào.

Lý Thị Chiêu, Toronto

Đáp : Xin đọc *Sử-Ký Tư Mã Thiên*, bản dịch Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê.

AIDS VÀ CHÂM-CỨU

Hỏi : Bệnh AIDS có thể truyền qua bằng châm cứu không ? Bích Vân

Đáp : Có. Nên chọn lời châm cứu không dùng kim hoặc mỗi bệnh nhân tự mang kim của mình tới.

HOÀNG LY

Một bạn đọc ở Úc-đại-lợi gửi tài-liệu bổ-túc tiểu-sử Hoàng Ly như sau :

Hoàng Ly, bút-hiệu Thánh Sống và Trương Linh Tử, quê Nam-định, họ Đỗ, theo Tây-học, đi và sống nhiều ở biên-giới Việt-Hoa, Việt Lào, thượng-du, trung-du Bắc Việt, viết văn từ 1942, soạn kịch, diễn kịch, đạo-diễn, làm thơ, viết nhạc, nghiên-cứu, phê-bình. Tác-phẩm tiêu-biểu : *Giặc Cãi*.

BẢO ĐẠI

Hỏi : 1.—Tiểu-sử và thân-thể cựu hoàng Bảo Đại.

2.—Ông có tất cả bao nhiêu anh em ?

3.—Mẹ ruột ông có phải là người Huế không ? và bà có bao nhiêu anh chị em ?

Nguyễn Bảo, Hoa-kỳ

Đáp : Tòa-soạn không có tài-liệu về vua Bảo Đại, ngoài tập Nguyễn-phước tộc do Vĩnh Tăng biên chú, rất sơ-sai. Sách chỉ nói Bảo Đại tên thật Nguyễn phúc Vĩnh Thụy, lên ngôi năm 1926, thực-sự chấp-chánh từ 1932 sau khi du-học ở Pháp về, thoái-vị từ 1945, trao quyền cho Việt-minh.

Mẹ vua Bảo-đại là đức Từ Cung Đoan Duy Hoàng thái hậu, băng năm 1980, thọ 90 tuổi. Trong danh sách các con của vua Khải-định, chỉ thấy tên Vĩnh Thụy, tức vua Bảo-đại, sinh năm 1913, ngoài ra không có ai khác. Con vua Bảo-đại với Nam-phương hoàng-hậu có Bảo Long, Phương Liên, Bảo Thắng và Phương Mai.

CON KHỔNG CHA THÚC

Hỏi : Theo sách vở nhà nho, cụ tổ đạo nho là Khổng Khâu tự Trọng Ni, cha là Thúc Lương Ngột, vậy xin hỏi tại sao cha họ Thúc, con lại họ Khổng ?

Tuấn, Mississauga

Đáp : Cha của Khổng tử là Khổng Thúc Lương Ngột. (Họ Khổng, tên Thúc Lương Ngột).

TỪ VIỆT, TỪ VIỆT... CỘNG

Hỏi : VC sau khi lên nắm chính-

quyền, đưa ra một lô từ-ngữ mới, buộc cả nước phải xài, như *điều-hành*, *khẩn-trương*, *nghiêm-túc*, *bị-vong-lục* (bạch-thư), *hộ-khẩu*, *lô-gíc* (hợp-lý), *liên-hợp* ?

Tôi thấy, trong nhiều trường-hợp, họ (VC) dùng chữ rất tầm bậy như trên, nhưng nhiều khi dùng rất đúng, như : *bóng đá* (đi kèm với bóng rổ, bóng chuyền), mình nói *bóng tròn* là sai, bóng nào chả tròn, ngoài bóng bầu dục của Mỹ; giáo-viên tiểu-học, giáo-viên trung-học rất hay, dạy đại-học mới gọi là *giáo-sư*. Lỗi phiên-âm địa-danh như *Ca-na-đa*, *Pa-ri* nghe cũng ổn như *Gia-nã-đại*, *Ba-lê*. Nhưng *nhà ở tập-thể* nghe không hay bằng *chung-cư*; *nhà nước* nghe không hay bằng *quốc-gia*.

Lê Văn Thiện, Cali

Đáp : Trước hết, nên phân-biệt, có những từ-ngữ đã có trước khi đảng Cộng-sản Đông-dương được thành-lập, như vậy nó là tài-sản chung của dân-tộc, là ngôn-ngữ của dân-tộc, không phải là ngôn-ngữ của giai-cấp thống-trị trong một giai-đoạn lịch-sử nào đó.

Thứ hai, nên phân-biệt trường-hợp sai-lầm của một cá-nhân với sự sai-lầm tập-thể. Ta không thể căn-cứ vào cách dùng chữ sai của tầng-lớp bộ-đội, quân-giao ít học, kết-luận dụng-ngữ VC (cả nước) sai. Thí-dụ, bạn tiếp xúc với người dân lam-lũ sống ở đồng-áng, không thể căn-cứ vào cách nói của họ, để phê-bình cả vùng, cả miền hay cả nước.

Điều là đi hạy chạy chung quanh, là tiếng nôm, ghép với *hành* 行 tiếng Hán, thành “*điều-hành*” như một tiếng kép, không chấp-nhận được; nhưng nói *điều quân*, *điều binh* giống như *xua quân*, gọi tướng thì được (*quân*, *tướng* là tiếng Hán Việt, *xua*, gọi là tiếng Nôm, *xua quân* (không có gạch nối) không phải là tiếng kép. Muốn chuyển sang Hán-Việt, phải dùng chữ *điều binh*).

Diễn 演 là mở rộng, phô bày, luyện-tập. *Diễn-binh* đúng, *điều-binh* sai, nhưng *điều quân* chấp-nhận được.

Khẩn-trương 紧张 là căng-thẳng, găng. Bộ-đội VC thường dùng nhầm với *khẩn-cấp* là cần-kíp, gấp-rút.

Nghiêm-túc 嚴肅 là nghiêm-chỉnh và cung-kính. *Nghiêm-túc thi-hành* là thi-hành một cách nghiêm chỉnh và cung-kính (lệnh trên), không có gì sai cả.

Bị-vong-lục 備忘錄 là cuốn sách đặt ở

đồn biên-giới, ghi-chép những sự việc xảy ra trong ngày. Sau này bị vong lục được hiểu rộng hơn, là văn-thư ngoại-giao có tính-cách tường-trình, ghi-nhận, báo-cáo—nhẹ và giản-dị hơn *giác-thư*.

Bách-thư là cuốn sách đóng bìa trắng, dùng chứa các văn-kiện ngoại-giao, phổ-thông ở Hoa-kỳ Đức, Nhật-bản, Bồ-đào-nha và Anh-quốc.

Hộ khẩu 戶口 là số nhà, số người, là tiếng kép đã có từ lâu, ngay trong tự-điển của nhóm Khai Trí Tiến Đức (Phạm Quỳnh) cũng có ghi. *Hộ* là cửa. Người giàu, nhà to, nhiều cửa (bá-hộ : trăm cửa). Nhà nào cũng phải có cửa, nên *hộ* còn được dùng để chỉ nhà. *Khẩu* là mồm, mỗi người một mồm, nên *nhân khẩu* còn dùng để chỉ một đầu người. Trước 1975, miền Nam đã có sổ gia-đình (VC gọi là sổ hộ-khẩu), nhưng *chế-độ hộ-khẩu* nắm bao-tử nhân-dân để cai-trị, chỉ có các nước CS áp-dụng.

Lô-gíc không có nghĩa đơn-giản là *hợp-lý*, mà là "*hợp với luận-lý*".

Liên-hợp, hay *liên-hợp* nghĩa như nhau. Chữ 合 có thể đọc là *hợp*, hay *hiệp*.

Bóng tròn thì đã sao ? Ngôn-ngữ là sự hiểu và chấp-nhận, khi mọi người đều hiểu *bóng tròn* là túc-cầu, là dùng chân mà đá là đủ rồi. Nếu bắt-bẻ như vậy (bóng nào chả *tròn*), ta cũng có thể chỉ-trích : bóng nào chả *chuyền* (bóng chuyền, bóng rổ đều *chuyền* tay, còn bóng tròn thì *chuyền*... chân). Vả chăng, *bóng đá* vẫn có thể bị hiểu nhầm là bóng bằng đá cơ mà.

Ngoài Bắc phân-biệt : *giáo viên cấp I* (tiểu-học), *giáo-viên cấp II và III* (trung-học), *giáo-sư* (đại-học). Miền Nam phân-biệt : *giáo-viên* (tiểu-học), *giáo-sư trung-học* và *giáo-sư đại-học*... chỉ là cách phân-biệt để chỉ-định danh-xung và ngạch trật, không thể bảo ai sai ai đúng cả. Nếu phân-tích kỹ, *sư* là thầy, thì dạy cấp nào cũng gọi là *sư* được : *giáo-sư tiểu-học*, *giáo-sư trung-học*, *giáo-sư đại-học*. Còn nếu quan-niệm dạy học là một nghề, như bao nhiêu nghề khác, thì nên gọi : *giáo-viên Tiểu-học*, *giáo-viên trung-học*, *giáo-viên đại-học*. Không lẽ thầy dạy ở đại-học mới đáng gọi là thầy (*sư*), còn thầy ở các cấp khác không đáng để được gọi như vậy ?

Nhà ở tập-thể (Bắc) là *chung-cư* (Nam), không phải *chung-cư*. *Chung* là tiếng Nôm, *cư* là tiếng Hán, không thể ghép lại thành một chữ kép được. Nói

là "*nhà ở chung*", chấp-nhận được, nhưng khi chuyển ra Hán Việt, phải nói là *chung-cư* (có dấu sắc).

Nhà nước không thể mang dịch ra Hán Việt, rồi hiểu theo nghĩa "quốc-gia" được. Tiếng kép *nhà nước* đã có trong tự-điển của Phạm Quỳnh, không phải do VC nghĩ ra. *Nhà nước* là chính phủ (*government*), cơ quan chính-trị của một nước; không đồng-nghĩa với quốc-gia (*state, nation, country*), và lại càng khác xa với "quốc-gia", hiểu là chủ-nghĩa quốc-gia (*nationalism*).

Chấp-nhận phiên-âm trực-tiếp : Ca-na-đa, Pa-ri hay chấp-nhận âm Hán Việt, qua trung-gian phiên-âm Trung-hoa : Gia-nã-đại, Ba-lê, Cựu-kim-sơn, Hoa-thịnh-đốn, hoặc giữ nguyên : Canada, Paris, San Francisco, Washington cũng không sao, có điều, nếu thống-nhất được cách dùng vẫn tiện hơn. *Làng Văn* chủ-trương chấp-nhận âm Hán-Việt, qua trung-gian phiên-âm Trung-hoa, vì những lý-do sau:

- theo lối dùng chữ của truyền-thanh, truyền-hình, công-báo VNCH trước 30.4.1975.

- tránh phiên-âm ngọng-nghe : Lút-vích Phoi-ơ-bắc, Bơ-ru-nô, Ma-xơ-cơ-va (hay Mốt-cu), Oa-sinh-tơn, Ních-xơn, v.v.

- tránh một số nhân-danh, địa-danh có nhiều cách viết, có thể gây khó-khăn cho độc-giả không cư-trú cùng quốc-gia với tác-giả : København (Copenhagen), Holland (Hollande, Nederland, Netherland, Dutchland : một nước Hòa-lan, 5 cách viết; *Dutch* còn có nghĩa là... người Đức), Suisse (Switzerland).

Dĩ-nhiên cách dùng qua phiên-âm Trung-hoa cũng có những điểm bất-lợi của nó, nhất là về nhân danh (tên người). Khi nói về tên người, chúng tôi giữ nguyên (theo phiên-âm Anh hoặc Pháp, chọn cái nào thông-dụng nhất). Mạnh-đức-tư-cư, Lã-phụng-tiên, Luthoa, thật cách-biệt với Montesquieu, La Fontaine, (Jean Jacques) Rousseau, Vả lẽ dĩ-nhiên chúng tôi cũng không máy-mò đi tìm chữ phiên-âm cho những địa-danh nhỏ : Toronto (người Trung-hoa phiên-âm là *Tổ-luân-tổ*), Montréal (*Mộng-lê-an*), trừ vài nơi đã thông-dụng tại VN trước kia : Hoa-thịnh-đốn, Ba-lê, Cựu-kim-sơn, Mã-nhật-tân, Nhã-điển, La-mã-, Luân-đôn, Bá-linh, Nữu-ước,...

Nhân dịp kỷ-niệm đệ tứ chu-niên

làng văn

**tặng quà văn-nghệ
cho độc-giả mới
hoặc tái hạn sớm :**

**MUA HOẶC TÁI HẠN SỚM
MỘT NĂM (12 SỐ)**

ĐƯỢC TẶNG :

(Xin chọn 1 trong số tựa sau đây):

DANH-SÁCH I

- *Mục Kiền Liên*
truyện thiếu-nhi, Vi Vi, Cung Vũ
- *Ấn Khế Trả Vàng*
truyện thiếu-nhi, Vi Vi, Cung Vũ
- *Tiên Dược*
truyện thiếu-nhi, Vi Vi và Nguyễn Hữu Bào)
- *Quê-Hương Lưu-Đày*
Đào Trường Phúc
- *Hung Ca*
tuyển-tập ca-khúc đấu-tranh
- *Những Bài Ca Khai-Phá*
nhạc sinh-hoạt của Nguyễn Đức Quang
- *Một Ngày tắt Đèn*
tập nhạc Khúc Lan
- *Em Hát Em Vui*
nhạc thiếu-nhi, Nguyễn Hữu Nghĩa và Phan Ni Tấn
- *Tình Nào Như Ca-Dao*
băng nhạc Trọng Nghĩa

**MUA HOẶC TÁI HẠN 2 NĂM,
(xin chọn 1 trong các tựa sau đây)**

DANH-SÁCH II

- *Truyện Ngán Nguyễn Ngọc Ngạn*
- *Văn Bút*
tuyển-tập thơ văn nhiều tác-giả
- *Kẻ Đưa Đường*
tập truyện Võ Kỳ Điền
- *Mưa Đất Lạ*
tập truyện Trần Diệu Hằng
- *Phấn Bướm*
truyện dài Hồ Trường An
- *Ngọn Hải-Đăng Mù*
truyện dài của Mai Thảo
- *Đời Bổng Dung Thừa*
thơ Hà Huyền Chi
- *Cây Lá Phận Người*
thơ Trần Thiện Hiệp.
- hoặc chọn 2 tựa ở danh-sách I ở trên.

MUA HOẶC TÁI HẠN 3 NĂM
(xin chọn 1 trong các tựa sau đây)
DANH-SÁCH III

- **Sau Làn Cửa Khép**
truyện dài Nguyễn Ngọc Ngạn
- **Trăng Đất Khách**
tuyển tập thơ văn 18 cây bút
nữ-giới tại hải-ngoại.
- **Nước Đục**
truyện dài Nguyễn Ngọc Ngạn
- hoặc chọn 1 tựa ở danh-sách I và
1 tựa ở danh-sách II. Cũng có thể chọn
3 tựa ở danh-sách I ở trên.

GHI-CHÚ THÊM :

- Sách tặng sẽ được gửi bằng đường
bộ, hoặc đường thủy.
- Nếu bạn mua báo để tặng người
khác, xin cho biết sách tặng sẽ gửi cho
bạn, hay gửi luôn cho người được tặng
báo.
- Cùng lúc đặt mua báo, bạn có thể
mua thêm các tựa khác, ngoài sách và
băng nhạc được tặng, vẫn được giảm
10 % dành cho độc-giả dài hạn.
- Xin vui lòng điền phiếu mua báo dài
hạn bên cạnh, và ghi rõ tên tựa sách hay
băng bạn chọn. Thư hoặc phiếu mua
báo không ghi tựa sách chọn lựa, tòa-
soạn xem như bạn khước-từ quyền-lợi,
sẽ xếp hồ-sơ, và không bổ-túc sau này.
- Thời-hạn chót để được tặng sách,
băng trong đợt này, dành cho độc-giả
mua hoặc tái hạn sớm trước ngày
30.10.1988; quý độc-giả mua hoặc tái-
hạn sớm sau ngày ghi trên (căn-cứ theo
nhật-ấn bu-rơ-điện) sẽ không được
hưởng quyền-lợi vừa kể.
- Số sách tặng có hạn, xin nhanh tay
cho. Trong trường-hợp chẳng may có
tựa nào trong danh-sách trên đây đã
tặng hết, bạn đọc được quyền tự chọn
lấy tựa khác.

THU-TỪ, CHI-PHIẾU XIN ĐỀ :
Nguyễn Hương
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9
Canada

Độc-giả tại Hoa-kỳ có thể trả bằng chi-
phiếu (check) bằng mỹ-kim—Độc-giả
ngoài Gia-nã-đại và Hoa-kỳ xin gửi
ngân-phiếu (money order) hoặc bu-rơ-
phiếu (postal money-order) bằng gia-
kim hoặc mỹ-kim.

MUA BÁO DÀI HẠN
nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

- Được bớt 10% khi mua sách do Làng
Văn phát-hành (xem thư-mục ở các trang
bìa trong, ấn-bản quốc-tế—hoặc phần
quảng-cáo, ấn-bản Toronto).
- Có thể giữ được đủ bộ, không sợ thiếu
vì mua không kịp.
- Báo gửi đến tận nhà, không phải tốn
công đi mua.
- Thỉnh-thoảng được tặng quà văn-
nghệ.

QUÍ VỊ MUỐN MUA BÁO CŨ

- Báo cũ, từ số 1 tới số hiện-hành, giá
lẻ 3MK một số, kể cả cước-phí.
- Mua một loạt, giá một năm (12 số)
báo cũ bằng giá một năm báo mới.
- Độc-giả muốn mua từ số 1 và mua
tiếp từ đây về sau: xin gửi tiền cho 4 hay
5 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi ngay từ số 1
cho tới số hiện hành. Các số còn lại sẽ
được gửi tiếp hàng tháng.

GIÁ BÁO
(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi đi	bằng đường bộ hay đường thủy	bằng máy bay
Gia-nã-đại	35 gia-kim	50 gia-kim
Hoa-kỳ	35 mỹ-kim	40 mỹ-kim
các nước khác	50 gia-kim (hoặc 45 mỹ-kim) <i>không bán báo đường thủy đi Úc và Á-châu)</i>	75 gia-kim (hoặc 65 mỹ-kim)

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:

Địa-chỉ:

.....

Mua.....năm (.....số), từ số.....kèm chi-phiếu

Tựa sách chọn nhận :

(dành cho độc-giả mua trước ngày 30.10.1988)

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:

để tặng cho :

Địa-chỉ:

.....

Xin ghi : "Do.....tặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu :

Sách chọn nhận :

(Xin gửi cho : tôi cho người được tặng báo)

Thư Đi Tin Lại

NGUYỄN HƯƠNG phụ-trách

Canada 1



QUÁCH NGHĨA, Montreal.—*Một Lần Rời Thôi* của Nguyễn Ngọc Ngạn, đặt mua tại tòa-soạn giá 12 gia-kim, nếu ông là độc giả dài hạn, được bớt 10%. Nếu ông thường mua sách, nên mua báo dài hạn để được hưởng quyền-lợi này, còn chỉ mua *một lần rời thôi* thì không kể. Kính.

Thi-sĩ CAO TIÊU, Orange.—Đa tạ về bài thơ. Cảm ơn đã cho tin về lão thi-hữu Đ.Q. Tiếc là không biết Phùng lão tiên-sinh ngoại bệnh, nếu biết, dù bận mấy cũng phải tới thăm. Kính.

Ông BUI CHU TẤN, Paris.—700 trang đánh máy, cỡ chữ 12/10pt, như máy của ông, xếp lại chữ Times, 10pt/12 sẽ được khoảng 350 trang sách. Sẽ kính chuyển tới ông bản chiết-tính và lệ làng. Kính.

NGUYỄN NGUYỄN BÌNH, Santa Clara
Mảnh Trời Nhỏ đã đăng. Được lắm, nên tiếp-tục viết đều. Mến.

Bác H., Troyes.—Đã nhận được một đoạn KCN. Gửi tiếp năm bảy đoạn nữa, xem bà già trâu và cô-nương hiệp chưởng ra làm sao đã. Phần đầu ngọt lắm. Thân.

Em LUU VĂN LÂN, Sydney.—Khi gửi tiền bằng telex về làng, nên viết thư kèm ngay gửi, số tiền cho biết ngay. Tiền gửi bằng telex về tòa-soạn thì nhiều, nhà băng chỉ báo cho biết credit memo là bao nhiêu tiền, thế thôi, nên không biết là ai gửi, từ đâu, về tiền gì. Chịu khó lục lại—hoặc ít nhất, nhớ ngày tháng và số tiền, cho biết sớm để kịp điều chỉnh. Thạch Kiêm còn một chương rưỡi nữa thì hết cuốn một. Sẽ in thành sách, mỗi chương một cuốn khoảng 250 trang. Sách viết dưới hình-thức chuỗi truyện ngắn, giữa phân cảnh này và phân cảnh kia không có đoạn chuyển, nhưng đọc liên-tiếp sẽ thấy nó nối nhau như một chùm nhiều sợi xích buộc song song nhau một cách liên-tục và chặt-chẽ. Thạch Đạt Lang là nhân-vật có thực, tên là Miyamoto Musashi.

Musashi sinh năm 1584 trong một gia-đình võ-sĩ đạo, học kiếm từ nhỏ, hạ

kiếm-khách đầu-tiên năm 13 tuổi, cả đời đấu thắng hơn 300 kiếm-khách khác, tham-gia nội-chiến sứ-quân sáu lần. Về già, trú trong hang đá soạn cuốn *Go Rin No Sho* (Ngũ Đại Kỳ Thư). Cuốn sách là cẩm-nang kiếm-đạo, áp-dụng trong quán-niệm và tinh-thần võ-sĩ đạo, phương-lược hành-quân.

PHƯƠNG ANH, Paris.—Đã chuyển thư cháu cho ông Dương Thượng Ngã. Ông là cái “kho” dân-ca đấy, gõ như vậy là đúng cửa, chỉ ngại chủ nhà thường đi vắng, chẳng mấy khi ở nhà tiếp khách! Thời buổi này, kiếm ra một người chịu ngồi xuống nghe hát dân-ca đã khó, cháu bảo Paris có mấy chục bạn như vậy, chắc ông Dương sẽ vác đàn sang trình-diễn ngay! Cho cô thăm Khoa, Diễm và các bạn khác. Mến.

Cô NGUYỄN THỊ THANH-BÌNH
Đã đăng bài thơ thật thanh-bình. Truyện đang đọc. Tiếp-tục viết và gửi. Mong có dịp gặp nhau tại DC tháng 7 này (ra mắt *Trong Quan-Tài Buồn* của Nguyễn Ngọc Ngạn). Thân.

DOÃN THỊ NGỌC-THANH, Úc.—Cái đoạn nhân “Võ hiền huynh” ấy, chỉ có hai câu đầu dính-dáng tới *Con Cá*. Hai câu sau không phải. Nói như vậy để thanh-minh rằng không phải NH chờ quý bạn cảm ơn đâu. Người cảm ơn, là *Làng Văn*, cảm ơn cô em gái đã cho phép mang *Con Cá* ra chợ... sách. Năm nay chắc không có dịp gặp nhau. Đầu năm đã lỡ xuất-hành hướng đông rồi, cả năm cứ đi đông, chẳng chịu về tây. Sang năm vậy. Thân quý.

VŨ HẠNH, Dronten.—Thơ được, nhưng cái tên tác-giả... thấy ghê quá. Tên thật (Nguyễn Vũ) của bạn hay hơn nhiều, sao không dùng, lại chọn cái tên máu me đó? Lấy trùng bút-hiệu với một người đã nổi tiếng là điều không nên, nếu người nổi tiếng đó là cộng-sản, lại càng phải tránh. Mến.

GS PHẠM HOÀNG HỘ, Paris.—Xin liên-lạc văn-phòng *Làng Văn* Âu-châu nhận thư nhờ chuyển.

NGUYỄN THANH HÙNG, Houten

Gửi truyện và một số tranh (đen trắng, nhỏ) về làng, dán báo cho vui, đừng để tới... ăn Tết Đoan-ngọ mới gửi. Mong gặp tại Amsterdam, tháng 5 này. Thân mến.

CHIM HẢI, Sydney.—Cảm ơn về tập thơ, in đẹp, trình-bày đẹp, chúc bán được nhiều để in tiếp cuốn nữa. Mến.

Cháu PHẠM NGỌC TRINH, Vancouver.—Có bạn trẻ muốn liên-lạc với anh em cháu về nhạc dân-tộc, liên-lạc tòa-soạn để biết tin. Mến.

QUỐC THỚI, A.C.T.—Về sách, xin liên-lạc đại-diện *Làng Văn* tại Úc, địa-chỉ ở trang 1. Kính.

ĐẶNG THỊ QUẾ PHUƠNG, Bỉ.—Có người nhân hỏi nàng thơ: *Người đẹp rời Ban-mê có mang theo được gửi hoa khô nào chăng?*

CAO XUÂN LÝ, Sydney.—Đã đăng hai truyện. Truyện thứ ba đã tới, sẽ đăng. Gắng lên. Mến.

Anh ĐỨC QUANG, Toronto.—Cảm ơn anh đã thông-báo cho biết, thơ nhạc “xanh” của Hà-nội lọt cả vào báo của các bạn sinh-viên Toronto. *Làng Văn* đã liên-lạc với ban chủ-trương tờ báo, và anh em công-nhận ngay sự sơ-xuất. NH xin chuyển tới anh bản sao bức thư của anh Chủ-tịch sinh-viên. Ai chẳng có lúc lầm lẫn, điều quan trọng là biết thẳng-thắn nhận lỗi và sửa chữa. Thái-độ đồng-dặc của các bạn ở Đại-học Toronto đáng làm gương cho nhiều người có tuổi, nhưng không hề biết phục-thiện. Kính.

BS NGUYỄN KIM TÍNH, Montreal.—Ông mua một năm báo, gửi tới 50 gia-kim, sẽ nhận thêm được 5 số nữa thay vì 12 số. Kính.

Quý anh TRƯƠNG TẤN QUỐC, ĐẶNG VĂN HÒA, PHẠM HỮU TUẤN, LÂM HÒA THUẬN, NGUYỄN KHÁNH ANH, VŨ HIỀN QUAN, PHẠM VĂN LIÊU, Mississauga.—Cảm ơn tất cả các anh về lá thư lên tiếng về việc báo *Lửa Việt* vô cớ đánh-phá Cộng-đồng Người Việt Tự-do Mississauga, một tổ-chức chống Cộng, vừa làm công-tác xã-hội phục-vụ đồng-bào rất đắc-lực. Vì vấn-đề liên-quan trực-tiếp tới *Lửa Việt*, chúng tôi xin để *Lửa Việt* bày tỏ thiện-chí trước. Nếu họ khăng khăng tiếp-tục đập-phá những gì đồng-bào đã gia-công xây-dựng, chúng tôi sẵn lòng cho mượn diễn-đàn để quý anh làm sáng-tỏ vấn-đề. Kính.

THỪA-TỰ
Khái Hưng..... 5MK—7GK

TIÊU-SƠN TRẮNG-SÌ
Khái Hưng..... 7MK—10GK

GÁNH HÀNG HOA
Khái Hưng và Nhất Linh
Xuân Thu..... 5.5MK—7.5GK

BƯỚM TRẮNG
Nhất Linh..... 5.5MK—7.5GK

ĐOẠN TUYỆT
Nhất Linh..... 5.5MK—7.5GK

BÀ CHÚA CHÈ
Nguyễn Triệu Luật.... 5MK—7GK

KHO VÀNG SẦM SƠN
Tchya..... 5MK—7GK

KÝ-ỨC CỦA CON VỆ
Trần Tiêu..... 4.5MK—6.5GK

LÂM LỄ
Mạnh Phú Tử..... 5MK—7GK

NHỮNG NGÀY THƠ ẤU
Nguyễn Hồng..... 5MK—7GK

NỖ NĂN
Nguyễn Công Hoan... 5MK—7GK

QUÊ NGƯỜI
Tô Hoài..... 6MK—8.5GK

TẤM LÒNG VÀNG
Ng. Công Hoan... 4.5MK—6.5GK

BẢY NGÀY TRONG ĐỒNG THÁP MUỐI
Nguyễn Hiến Lê... 4.5MK—6.5GK

*** BIẾN-KHẢO:**

VÕ TÂY SƠN
Hồ Bửu..... 11MK—15GK

HÀNH-TRÌNH VỀ PHƯƠNG ĐÔNG
Spalding—Nguyễn Phong dịch
10MK—14GK—15UK

TRĂM HOA ĐUA NỞ TRÊN ĐẤT BẮC
(Vụ "Nhân-Vân" và "Giai-Phẩm")
15MK—20MK

THI KINH QUỐC PHONG
Bản dịch Kinh Thi Trung-Hoa,
trọn bộ 3 cuốn của Kim Y
24MK—32GK—35UK—190Q

GÁI TRAI TRƯỚC NGƯỠNG CỦA HÔN NHÂN
BS Ng. Ngọc Bảy..... 9MK—13GK

NGHỀ VIẾT VĂN
Nguyễn Hiến Lê... 5.5MK—7.5HK

LỊCH-SỬ KHẮN-HOANG MIỀN NAM
Sơn Nam..... 6MK—8.5GK

HƯƠNG SẮC TRONG VƯỜN VĂN
Nguyễn Hiến Lê... 8.5MK—12GK

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
(Vân-Minh Miệt Vườn)
Sơn Nam..... 5.5MK—7.5GK

CÁ-TÍNH CỦA MIỀN NAM
Sơn Nam..... 4.5MK—6.5GK

CUNG-OÁN NGÂM-KHÚC Zieles..... 5—7GK

*** LOẠI KHÁC :**

CUỜI X.H.C.N.
Hàn Lệ Nhân, *Việt Pub.*
6.50MK—9GK—10UK—50Q

CUỜI CHANH ỚT
Nam Á..... 6MK—8GK

QUÊ-HƯƠNG LƯU-ĐÀY
Đào Trường Phúc, *Làng Văn*
6MK—8GK—9UK—50FF

MƯỜI NGÀY DU KỶ
Phạm Quốc Bảo..... 7MK—10GK

BÓNG THỜI-GIAN
Lê Văn Phúc..... 8MK—11GK

TÙY-BÚT
Nguyễn Tuấn..... 6MK—8GK

TÙY-BÚT II
Võ Phiến..... 15MK—20GK

TRẠI ĐÀM-ĐỪ
(hồi-ký từ cải-tạo miền Bắc)
Trần Văn Thái..... 10MK—15GK

TRƯỚC ĐÈN
Lăng Nhân..... 7MK—10GK

CHUYỆN CÀ-KÊ
Lăng Nhân..... 7MK—10GK

THẦN-THOẠI VIỆT-NAM
Nguyễn Tử Năng..... 6MK—8GK

TẬP LUẬN
Võ Phiến..... 14MK—18GK

CHÂN DUNG 15 NHÀ VĂN NHÀ THƠ VIỆT-NAM
Mai Thảo..... 10MK—14GK

*** TỰ-ĐIỂN :**

TỰ-ĐIỂN ANH-VIỆT
Nguyễn Văn Tạo, *Tân-Vân*
1400 trang, bìa da, chữ mạ vàng.
18 MK—25 GK

TỰ-ĐIỂN VIỆT-ANH
Nguyễn Văn Tạo, *Tân-Vân*
2400 trang, bìa da, chữ mạ vàng.
22 MK—30 GK

*** SÁCH HỌC CHỮ VIỆT :**

VĂN VIỆT-NGŨ
trọn bộ 2 tập..... 9MK—12GK

*** ANH-VIỆT ĐỐI-CHIẾU :**

NƯỚC ĐƯƠNG CÙNG
6MK—8.5GK

MỐI THÙ THIÊN THU
6.5MK—9GK

KHÁT SỐNG..... 6.5MK—9GK

CÂY ĐÈN THẦN..... 5MK—7GK

*** TẬP NHẠC :**

HUNG-CA VIỆT-NAM
Tuyển-tập thơ nhạc đấu-tranh của
Việt Dzũng, Nguyệt Ánh, Hà Thúc
Sinh, Huỳnh Công Ánh, Phan Ni
Tấn, Nguyễn Hữu Nghĩa, Trọng
Nghĩa, Nguyễn Phước Nguyên,
Khúc Lan, Phạm Quang Ngọc
Cung Dân, Lý Đông Sơn, Nguyễn
Quyết Thắng, Trương Sĩ Lương....
6MK—8GK—9UK—50Q

40 CA-KHÚC SÁNG-TÁC SAU 1975
Lam Phương..... 8.50MK—11GK

HÔN EM KỶ-NIỆM
Duyên Anh..... 8.50MK—11GK

MỘT NGÀY TẮT ĐẾN
Khúc Lan, *PT Hưng-Ca VN*
5MK—7GK—8UK—40Q

NHỮNG BÀI CA KHAI-PHÁ
Nhạc sinh-hoạt, Ng.Đ.Quang
4MK—4.50GK—5UK—30Q

EM HÁT EM VUI
Nhạc thiếu-nhi, Nguyễn Hữu Nghĩa
và Phan Ni Tấn, *Việt Pub.*
5MK—6GK—7UK—40Q

TÌNH NÀO NHƯ CA-ĐAO
Ca-khúc và tiếng hát
Trọng Nghĩa
6MK—8GK—9UK—50Q

TÌNH KHÚC DÂN-CA
Phương Oanh..... 6MK—8GK

*** BĂNG NHẠC :**

ANH YÊU EM
Nguyệt Ánh..... 7MK—10GK

ĐƠN CA HUẾ
Phương Oanh..... 6MK—8GK

Giá trên đây bao gồm cả cước-phí đường bộ và đường thủy. Muốn nhận sách và băng gửi bằng máy bay, xin thêm 1/3 trên tổng giá.

Độc-giả dài hạn của Làng Văn (có mã-số in trên nhãn địa-chỉ) được bớt 10 % nếu mua trực-tiếp tại tòa-soạn trung-ương.

Độc-giả có trương-mục mua sách báo tại tòa-soạn cũng được bớt 10 % nếu đặt mua tại tòa-soạn.

CHI PHIẾU ĐỀ VÀ GỬI :
LANG VAN
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9
Canada

ÂU-CHÂU :
LANG VAN
7 B-1 Rue de Rethondes
95100 Argenteuil,
France.

ÚC-CHÂU :
NGQC-HÁN
P.O. Box 231
Villawood, NSW. 2163
Australia.

Lưu-ý :

NHIỀU TỰA SÁCH TẠM HẾT TRƯỚC ĐÂY ĐÃ VỀ TỚI, XIN XEM LẠI THU-MỤC.

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI
Tập thơ đẹp nhất trong năm

TRÌNH GIA MỸ
Yêu Em, Mùa Xuân
THƠ



VIET PUBLICATIONS

giá 8 mỹ-kim
(10 gia-kim—12 úc-kim—65 quan Pháp)

Thư-từ, chi-phiếu xin đề :

LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9 Canada
Tel. (416) 534-4857